

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH
KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT**

**Th.S NGUYỄN THẾ MẠNH - TS. NGUYỄN VĂN HÙNG
TS. PHẠM NGỌC UYÊN**

**GIÁO TRÌNH
THỰC TẬP SƯ PHẠM**
(Giáo trình lưu hành nội bộ)

NAM ĐỊNH - 2010

MỤC LỤC

Lời nói đầu	Error! Bookmark not defined.
Học phần: Thực tập sư phạm I	5
Chương 1: Những vấn đề chung về thực tập sư phạm	6
1. Khái niệm chung về thực tập sư phạm	6
1.1. Định nghĩa	6
1.2. Đặc điểm TTSP của giáo sinh SPKT	8
1.3. Vai trò của TTSP	10
2. Mục đích, yêu cầu của TTSP	18
2.1. Mục đích của TTSP	18
2.2. Yêu cầu của TTSP	21
3. Những nguyên tắc của TTSP	22
3.1. TTSP cần thực hiện được yêu cầu của quá trình dạy học	22
3.2. Đảm bảo tính nghề nghiệp trong đào tạo	22
3.3. Đảm bảo học lý luận gắn liền với thực tập sư phạm	23
3.4. Đảm bảo tính hệ thống, liên tục, hợp lý, toàn diện	23
3.5. Đảm bảo được tính thống nhất trong đánh giá tự đánh giá thực tập sư phạm	23
4. Nội dung TTSP	25
4.1. Thực tập dạy học các môn học kỹ thuật nghề nghiệp	25
4.2. Thực tập công tác chủ nhiệm lớp	26
4.3. Thực tập tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện	27
5. Hình thức thực tập sư phạm	29
5.1. Khái niệm về hình thức TTSP	29
5.2. Các hình thức TTSP	29
5.3. Phương thức thực hiện	35
6. Đánh giá quá trình và kết quả của TTSP	36
6.1. Mục tiêu của sự đánh giá quá trình và kết quả của TTSP	36
6.2. Các nguyên tắc đánh giá	36
6.3. Căn cứ để đánh giá	36
6.4. Phương pháp đánh giá	37
7. Tổ chức thực hiện TTSP	37
7.1. Lập kế hoạch TTSP	37

7.2. Triển khai thực hiện.....	39
7.3. Theo dõi, điều chỉnh kế hoạch TTSP	40
8. Quản lý thực tập sư phạm.....	40
8.1. Khái niệm về quản lý thực tập sư phạm	40
8.2. Nội dung của công tác quản lý hoạt động thực tập sư phạm.....	54
8.3. Nguyên tắc quản lý thực tập sư phạm	58
8.4. Phương pháp quản lý thực tập sư phạm	59
8.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý thực tập sư phạm	60
Chương 2: Những biểu mẫu sử dụng trong thực tập sư phạm	62
2.1. Một số mẫu sử dụng trong dạy học	62
2.2. Hướng dẫn đánh giá kết quả công tác chủ nhiệm lớp (10 điểm).....	68
2.3. bản thu hoạch thực tập sư phạm	69
2.4. Sổ ghi nhật ký thực tập sư phạm	70
2.5. Tổng kết thực tập sư phạm Đoàn.....	71
2.6. Hướng dẫn các bước thực hiện nội dung thực tập sư phạm.....	71
Chương 3: Các bài thực tập sư phạm	74
Bài 1: Tìm hiểu hoạt động dạy học, các mặt giáo dục toàn diện trong các trường THCN và dạy nghề.....	74
1.1. Mục tiêu.....	74
1.2. Nội dung tìm hiểu	74
1.3. Viết thu hoạch về những nội dung trên	111
1.4. Đánh giá kết quả thực hiện.....	112
Bài 2: Dự giờ rút kinh nghiệm, trao đổi, học tập kinh nghiệm giảng dạy của GV	112
2.1. Mục tiêu.....	112
2.2. Nội dung thực hiện	113
2.3. Báo cáo kết quả thực hiện.....	118
2.4. Đánh giá kết quả thực hiện	118
Bài 3: Giảng tập bài học lý thuyết nghề	118
3.1. Mục tiêu.....	118
3.2. Nội dung thực hiện	118
3.3. Rút kinh nghiệm	119
Bài 4: Giảng tập bài học thực hành nghề, mô đun	120

4.1. Mục tiêu.....	120
4.2. Nội dung thực hiện	120
4.3. Rút kinh nghiệm	120
Bài 5: Nghiên cứu và xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm	121
5.1. Nghiên cứu tình hình hoạt động của một lớp học sinh	121
5.2. Xây dựng kế hoạch cho công tác chủ nhiệm lớp	128
Học phần: Thực tập sư phạm II.....	131
Bài 6: Thực tập dạy học lý thuyết nghề	131
6.1. Mục tiêu.....	131
6.2. Nội dung thực hiện	134
6.3. Báo cáo kết quả thực hiện	156
6.4. Đánh giá kết quả thực hiện.....	156
Bài 7: Thực tập dạy học thực hành nghề, môđun.....	156
7.1. Mục tiêu.....	156
7.2. Nội dung thực hiện	157
7.3. Báo cáo kết quả thực hiện	162
7.4. Đánh giá kết quả thực hiện.....	162
Bài 8: Công tác giáo viên chủ nhiệm	163
8.1 Mục tiêu.....	163
8.2. Nội dung thực hiện	163
8.3. Báo cáo kết quả thực hiện	171
8.4. Đánh giá kết quả thực hiện.....	171
Bài 9: Tham gia các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường	171
9.1. Mục tiêu.....	171
9.2. Nội dung thực hiện	171
9.3. Báo cáo kết quả thực hiện	177
9.4. Đánh giá kết quả thực hiện.....	177
Tài liệu tham khảo.....	179

LỜI NÓI ĐẦU

Nhà giáo là chủ thể thực hiện các nhiệm vụ dạy học và giáo dục trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác. Sau này để có thể thực hiện được toàn bộ các nhiệm vụ giáo dục - đào tạo như đã quy định trong nội dung của văn bản Luật Giáo dục - 2005 và Luật Dạy nghề - 2007 khi đã trở thành giáo viên dạy nghề, sinh viên SPKT phải được đào tạo không chỉ những tri thức chuyên môn về khoa học công nghệ mà còn cả về nghiệp vụ sư phạm dạy nghề nữa. Hoạt động đào tạo về nghiệp vụ sư phạm trong nhà trường SPKT được thực hiện thông qua dạy học các môn Tâm lý học nghề nghiệp, Giáo dục học nghề nghiệp, Kỹ năng sư phạm, Phương pháp dạy học bộ môn, Giao tiếp sư phạm, Phương tiện dạy học và Thực tập sư phạm nhằm làm hình thành cho sinh viên một hệ thống tri thức, kỹ năng, thái độ sư phạm, phát triển năng lực SPKT, bồi dưỡng lý tưởng cũng như đạo đức, nhân cách nhà giáo.

Thực tập sư phạm với tư cách là hoạt động thực hành về nghiệp vụ sư phạm của giáo viên SPKT được tổ chức nhằm làm hình thành năng lực thực hiện nhiệm vụ dạy nghề và phát triển những phẩm chất tâm lý cần thiết của kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục, kỹ năng quản lý giáo dục, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng chế tác - sử dụng phương tiện dạy học, kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp, kỹ năng tự làm hoàn thiện để giữ vững nhân cách sư phạm cho giáo viên dạy nghề (GVĐN).

Giáo trình này được biên soạn trên cơ sở chương trình khung đào tạo hệ Đại học Sư phạm Kỹ thuật mà nội dung của nó là những đơn vị tri thức cơ bản, hiện đại và có hệ thống về thực tập sư phạm. Những vấn đề cốt lõi của tri thức về TTSP được trình bày trong hai phần gồm ba chương: Chương 1: Những vấn đề chung về TTSP. Chương 2: Những mẫu biểu được sử dụng trong TTSP. Chương 3: Các bài TTSP. Nội dung của giáo trình là những đơn vị tri thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống về TTSP mà việc nắm vững chúng sẽ đảm bảo cho sinh viên có được những tiền đề tâm lý thuận lợi để phát triển năng lực thực hiện nhiệm vụ dạy nghề cho mình.

Giáo trình TTSP được biên soạn một cách cẩn trọng, nhiệt tâm và dày công của tập thể các tác giả. Có thể trong giáo trình này vẫn còn những khiếm khuyết, hạn chế nào đó. Rất mong nhận được những đóng góp của bạn đọc.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

Tập thể các tác giả

Học phần: Thực tập sư phạm I

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỰC TẬP SƯ PHẠM

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ THỰC TẬP SƯ PHẠM

Thực tập sư phạm là hoạt động giáo dục đặc thù của các trường sư phạm nhằm làm hình thành, phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhân cách nhà giáo cho giáo sinh tương lai theo mục tiêu đào tạo đã đề ra.

1.1. Định nghĩa

Thực tập sư phạm kỹ thuật là quá trình thực hành về nghiệp vụ sư phạm trong thực tiễn tập giải quyết nhiệm vụ GD - ĐT giáo sinh ở trường sư phạm kỹ thuật hay các cơ sở dạy nghề nhằm làm hình thành kỹ năng, năng lực, kiến thức, thái độ SPKT và những phẩm chất nhân cách cần thiết của người giáo viên dạy nghề. Nhà giáo là chủ thể thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục trong nhà trường hoặc các cơ sở giáo dục khác. Về sau này để thực hiện tốt các nhiệm vụ sư phạm kỹ thuật như đã quy định trong Luật giáo dục - 2005, Luật dạy nghề - 2007, hiện tại sinh viên trong các trường sư phạm được đào tạo không chỉ về các đơn vị kiến thức chuyên môn thuộc các lĩnh vực khoa học - công nghệ mà còn cả về nghiệp vụ sư phạm dạy nghề nữa. Lĩnh vực đào tạo về nghiệp vụ trong các trường sư phạm có nhiệm vụ làm hình thành những kiến thức về dạy học cũng như giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức, phát triển năng lực sư phạm và rèn luyện kỹ năng, nghệ thuật sư phạm cho giáo sinh. Lĩnh vực đào tạo sư phạm học được bao gồm việc tổ chức dạy học các bộ môn giáo dục học nghề nghiệp, tâm lý học sư phạm kỹ thuật nghề nghiệp, lý luận dạy học, phương pháp dạy học bộ môn, kỹ năng sư phạm, giao tiếp sư phạm, phương tiện dạy học và thực tập sư phạm.

Vấn đề lý luận và thực tiễn của thực tập sư phạm được các nhà nghiên cứu xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Có nhà nghiên cứu cho rằng thực tập sư phạm là hoạt động thực tiễn của giáo sinh tại các trường phổ thông sau phần học lý thuyết về nghề sư phạm nhằm mục đích củng cố, nâng cao nhận thức và hình thành lòng yêu nghề dạy học, kỹ năng áp dụng các kiến thức vào thực tiễn, biết rèn luyện kỹ năng dạy học, biết thực hiện công tác chủ nhiệm. Nội dung của thực tập sư phạm đòi hỏi chủ thể phải biết vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ SPKT - DN đã được trang bị vào thực hiện một hoạt động cụ thể theo từng loại hình của công tác giáo dục

và giảng dạy. Theo quan niệm trên, thực tập sư phạm là một loại hoạt động thực hành của giáo sinh các trường sư phạm và được tiến hành ở các cơ sở thực tập sư phạm.

Thực tập sư phạm với tư cách là một công đoạn quan trọng trong quá trình đào tạo người giáo viên với thời gian mà giáo sinh được tiếp xúc trực tiếp với thế giới sinh động của hoạt động nghề nghiệp nhằm giúp cho các em có điều kiện cần thiết để có thể củng cố, nâng cao, mở rộng các kiến thức, rèn luyện kỹ năng ở trường sư phạm. Thực tập sư phạm được coi là giai đoạn kiểm tra sự chuẩn bị về mặt lý luận cũng như thực hành của giáo sinh đối với việc độc lập thực hiện công tác của người GVĐN của họ và hình thành những khả năng rộng lớn trong khi sáng tạo giải quyết những nhiệm vụ giáo dục - giáo dưỡng của người giáo viên tương lai. Như vậy, thực tập sư phạm đã thực sự trở thành một loại hoạt động thực hành nhằm tìm kiếm phương thức vận dụng kiến thức, kỹ năng, hình thành năng lực độc lập giải quyết các nhiệm vụ giáo dục - đào tạo của giáo sinh. Ở góc độ quản lý, thông qua thực tập sư phạm, lãnh đạo nhà trường và giảng viên có thể xác định rõ được mức độ chuẩn bị về lý luận và năng lực thực hành của giáo sinh cho công việc tương lai của họ sau này như thế nào?

Thực tập sư phạm được coi là khâu hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo năng lực thực hiện hoạt động sư phạm - dạy nghề cho người giáo viên trong tương lai. Các nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng tất cả sinh viên các trường đại học sư phạm trong quá trình học tập đều phải tham gia thực tập sư phạm từ năm thứ nhất - từ đầu học kỳ II. Đó là điều kiện cần thiết để có thể làm hình thành nên khuynh hướng nghề nghiệp - sư phạm, hình thành nhân cách của người giáo viên. Theo quan niệm trên, thực tập sư phạm được tiến hành trong suốt quá trình đào tạo giáo viên ở trường sư phạm cũng như ở các cơ sở giáo dục - đào tạo, các trường thực hành của trường SPKT.

Thực tập sư phạm đã trở thành một khâu quan trọng trong chương trình đào tạo người giáo viên tương lai khi xem xét nó như một quá trình dạy học để thực hiện những nhiệm vụ dạy học cơ bản như rèn luyện kỹ năng, kiểm tra và đánh giá kết quả tổng hợp của cả khoá học của giáo sinh sư phạm vì vậy, toàn bộ nội dung của thực tập sư phạm được thực hiện theo đúng như những nguyên tắc và phương pháp dạy học. Thực tập sư phạm được coi là một bước quan trọng trong quy trình hình thành năng lực sư phạm dạy nghề mà giáo sinh có thể tiến hành rèn luyện kỹ năng sư phạm cho mình bằng việc thực hiện một cách tương đối độc lập nhiệm vụ dạy học và giáo dục. Như vậy, việc rèn luyện kỹ năng sư phạm được tiến hành trong suốt quá trình đào tạo

giáo viên và thực tập sư phạm lại là một giai đoạn luyện tập đặc biệt nhằm nâng cao trình độ của kỹ năng sư phạm đó ở trên đối tượng thực.

Thực tập sư phạm được coi là hoạt động thực hành của giáo sinh trong mối quan hệ tương tác với các yếu tố khác của quá trình sư phạm. Khi giáo sinh tiến hành thực hiện nhiệm vụ thực tập sư phạm là lúc họ đang tham gia trực tiếp vào các mối quan hệ giáo dục - đào tạo mới như môi trường mới, thầy mới, trò mới, công việc mới và vị thế mới. Trong các mối quan hệ mới đó để có thể thích nghi, họ phải biết suy nghĩ đúng khi huy động tất cả những gì đã được chuẩn bị và vận dụng chúng một cách linh hoạt, sáng tạo vào giải quyết các tình huống sư phạm không quen thuộc. Quan niệm trên đã nhấn mạnh rằng, dạy học và giáo dục luôn là hoạt động đa dạng vừa có tính khoa học vừa có tính nghệ thuật, tính phát triển nhân cách. Dạy học không phải được thực hiện bằng cách bắt hoạt động học thích ứng với hoạt động dạy mà làm cho chủ thể dạy phải biết tiến hành thao tác sư phạm sao cho thích ứng với tính chất của hoạt động học. Thực tập sư phạm được coi là quá trình thích ứng của giáo sinh với các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của người giáo viên. Sự thích ứng này chỉ có được khi giáo sinh biết cách tiến hành chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho thực tập sư phạm, có điều kiện tinh thần, ý chí cần thiết để rèn luyện kỹ năng sư phạm.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu thực tập sư phạm kỹ thuật là hoạt động thực hành về nghiệp vụ sư phạm kỹ thuật - dạy nghề của giáo sinh sư phạm kỹ thuật nhằm làm hình thành và phát triển phẩm chất tâm lý cần thiết của năng lực sư phạm kỹ thuật, những kỹ năng cơ bản để tổ chức tốt hoạt động dạy học cũng như giáo dục và những phẩm chất nhân cách cơ bản của người giáo viên dạy nghề.

1.2. Đặc điểm TTSP của giáo sinh SPKT

Thực tập sư phạm được coi là một nội dung thuộc chương trình đào tạo về mặt sư phạm kỹ thuật cho giáo sinh ở các trường Cao đẳng và Đại học Sư phạm Kỹ thuật. Việc tiến hành thực hiện hệ thống các nhiệm vụ TTSP của giáo sinh cũng có những nét đặc trưng nhất định của nó. Mục tiêu TTSP của giáo sinh SPKT là góp phần làm hình thành, rèn luyện và phát triển năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực quản lý hoạt động giáo dục - đào tạo, năng lực giao tiếp sư phạm, năng lực sử dụng phương tiện dạy học kỹ thuật - nghề nghiệp, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ở các trường kỹ thuật - Dạy nghề.

1.2.1. TTSP là hoạt động thực hành

TTSP của giáo sinh SPKT là hoạt động thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm một cách đặc biệt. Bản chất của TTSP là hoạt động thực hành vận dụng toàn bộ hệ thống những tri thức về sư phạm kỹ thuật của giáo sinh vào giải quyết những nhiệm vụ thực tập dạy học, tập giáo dục toàn diện, tổ chức - quản lý, nghiên cứu khoa học nhằm làm hình thành và phát triển những phẩm chất cũng như năng lực của người giáo viên dạy nghề dưới sự tổ chức, chỉ đạo của giảng viên khoa sư phạm kỹ thuật và các giảng viên chuyên môn của các khoa công nghệ chuyên ngành của trường SPKT. Hoạt động thực tập này có thể được thực hiện trên đối tượng học sinh các trường sơ cấp nghề - Trung cấp nghề - Cao đẳng nghề hay học sinh các lớp công nhân - Trung cấp - Cao đẳng trong trường SPKT và các trường TCCN. Chủ thể của hoạt động TTSP là các giáo sinh SPKT. Họ phải có thái độ tích cực, độc lập, sáng tạo, hăng say và thiết thân đối với việc giải quyết toàn bộ các nhiệm vụ thực tập giảng dạy cũng như giáo dục toàn diện, tổ chức - quản lý, giao tiếp sư phạm, nghiên cứu tâm lý học sinh và làm công tác chủ nhiệm lớp. Giảng viên của khoa sư phạm kỹ thuật, các giảng viên của các khoa công nghệ thông tin - cơ khí - điện - kinh tế, v.v.. Của trường SPKT là người thiết kế, tổ chức, chỉ đạo quá trình thi công thực hiện các nhiệm vụ TTSP của giáo sinh một cách khoa học, hiện thực, có hiệu quả và được điều khiển bằng tư duy quản lý TTSP trên cơ sở các phương tiện - điều kiện xác định.

1.2.2. TTSP là một hoạt động đa dạng

Hoạt động của người giáo viên các trường TCCN - DN và hoạt động TTSP của giáo sinh có cùng một cấu trúc, tuân thủ cấu trúc vĩ mô của hoạt động - giao tiếp. Điều đó có nghĩa là hoạt động SPKTDN, giao tiếp SPKTDN có quan hệ với nhau, tuân thủ cấu trúc chung của hoạt động sư phạm. Người giáo viên ở các trường TCCN - DN phải làm những việc gì và phải thực hiện những mối quan hệ nào thì người giáo sinh cũng phải tập giải quyết toàn bộ các nhiệm vụ của các hoạt động và giao tiếp sư phạm đó trong quá trình TTSP của mình một cách cụ thể, hiện thực, trực tiếp dưới sự chỉ đạo của giảng viên nhằm làm phát triển hệ thống các phẩm chất, năng lực sư phạm cho nhân cách của mình. Chỉ khi nào người giáo sinh đã thực hiện một cách có chất lượng toàn bộ nhiệm vụ thực tập giảng dạy, giáo dục toàn diện, tổ chức - quản lý, giao tiếp sư phạm, chế tác - sử dụng đồ dùng - trang thiết bị - kỹ thuật dạy học, nghiên cứu tâm

lý học sinh, tạo lập môi trường sư phạm thì năng lực sư phạm của họ mới được hình thành.

1.2.3. TTSP có đối tượng xác định

Đối tượng của hoạt động thực tập sư phạm là quá trình giải quyết hệ thống các nhiệm vụ thực tập giảng dạy, giáo dục, quản lý, giao tiếp sư phạm, nghiên cứu khoa học và chế tác - sử dụng phương tiện dạy học của giáo sinh. Học sinh học nghề ngắn hạn cũng như dài hạn có sự đa dạng về trình độ nhận thức, đặc điểm tâm - sinh lý nhưng đều được định hướng vào thực hiện mục tiêu chung là học nghề để sau này tham gia vào cuộc sống lao động nghề nghiệp. Vì vậy, học sinh rất tích cực và linh hoạt trong quá trình học các bài học lý thuyết cũng như thực hành nghề. Tuy nhiên, mọi học sinh học nghề đến trường nghề đều đi từ nhiều vùng quê khác nhau nên có những điểm khác biệt trong phong cách học tập cũng như cách ứng xử. Về cơ bản, học sinh phải giải quyết nhiệm vụ một cách tự lập, sống xa gia đình. Do lưu lượng học sinh học nghề phát triển nhanh trong những năm vừa qua nên ký túc xá của trường dạy nghề không đủ đáp ứng nhu cầu về nhà ở, họ phải đi tự tìm kiếm chỗ trọ làm cho công tác quản lý, giáo dục học sinh gặp nhiều khó khăn khi tiến hành giải quyết các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo.

Theo số liệu thống kê của các nhà nghiên cứu thì số lượng GVĐN có tăng hàng năm nhưng phần lớn họ đều là người học từ các trường kỹ thuật đã được bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ sư phạm bậc I và II. Số lượng giáo viên dạy nghề từ năm học 1998 - 1999 đến 2003 - 2004 trong toàn quốc được thể hiện ở các số liệu của bảng sau:

<i>1998 - 1999</i>	<i>2000 - 2001</i>	<i>2003 - 2004</i>
<i>5.849</i>	<i>5.500</i>	<i>7.056</i>

Số lượng giáo viên dạy nghề

Trong thực tế, ở một số GVĐN vẫn còn có quan niệm chưa đúng về TTSP đồng thời phương pháp sư phạm của một số giáo viên thực hành còn mang tính chất truyền nghề nên trong dạy học, sự định hướng hoạt động tư duy cho giáo sinh vào giải quyết nhiệm vụ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của họ cũng có những hạn chế nhất định.

1.3. Vai trò của TTSP

Giáo viên dạy nghề là người làm công tác dạy học và giáo dục trong các cơ sở dạy nghề. Trong nhân cách của người giáo viên dạy nghề phải có được phẩm chất

năng lực xác định, có đạo đức, tư tưởng tốt, đạt trình độ chuẩn về chuyên môn kỹ thuật và nghiệp vụ sư phạm. Ở GVĐN có những nét khác biệt so với giáo viên của các bộ phận khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

GVĐN không chỉ có thiên chức dạy chữ, dạy người mà còn dạy nghề. Đặc điểm trên đòi hỏi GVĐN không chỉ có kiến thức vững vàng về chuyên môn, kỹ năng sư phạm, kỹ năng giao tiếp sư phạm mà còn phải có kỹ năng hành nghề dạy kỹ thuật thành thạo. Giáo viên dạy nghề phải đảm đương nhiệm vụ dạy các bài học lý thuyết và thực hành. Họ tiến hành dạy học ở nhiều môi trường khác nhau như ở trong lớp, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất, v.v.. Chúng được bao gồm hàng loạt các công việc có liên quan chặt chẽ với nhau. Việc đào tạo nghề hiện có nhiều cấp độ khác nhau, nhiều nghề khác nhau với các ngành nghề luôn có sự biến động theo sự thay đổi của khoa học, kỹ thuật, công nghệ, sản xuất và yêu cầu của thị trường lao động. Vì vậy, GVĐN cần có khả năng thích ứng một cách nhanh nhạy với sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Đội ngũ GVĐN được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau và có nhiều trình độ khác nhau. Có 50% GVĐN là người tốt nghiệp các trường ĐH, CĐ, THCN, 30% tốt nghiệp các trường SPKT, số còn lại là thợ bậc cao và kỹ thuật viên trung học đã qua sản xuất. Trình độ năng lực nghề nghiệp của GVĐN được coi là điều kiện cần thiết để hoạt động dạy nghề đạt hiệu quả. Trong cấu trúc của năng lực nghề nghiệp của giáo viên dạy nghề có các thành tố như tri thức và kỹ năng chuyên môn khoa học - công nghệ, năng lực sư phạm kỹ thuật. Năng lực nghề nghiệp của họ được hình thành thông qua đào tạo, bồi dưỡng và hoạt động thực tiễn nghề nghiệp mà trong đó, thông qua đào tạo là rất quan trọng.

1.3.1. TTSP tạo ra được môi trường thực hành cần thiết để phát huy năng lực sư phạm cho giáo sinh

Bất cứ một hoạt động nào cũng phải được diễn ra trong một môi trường nhất định. Hoạt động sư phạm cũng vậy không có ngoại lệ. Môi trường có tác dụng tạo ra hai mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau là gây ảnh hưởng và làm cho thích nghi. Nhà sư phạm phải tích cực suy nghĩ mà tiến hành khai thác hết những ảnh hưởng tốt, biết làm hạn chế những ảnh hưởng xấu cũng như biết tìm kiếm phương thức thích nghi ở mức cao nhất để hoạt động thực hành sư phạm của giáo sinh đạt kết quả. Một người giáo sinh tiến hành giải quyết các nhiệm vụ thực tập sư phạm thì họ đang tham gia trực tiếp

vào các mối quan hệ mới với môi trường mới, thầy mới, trò mới, công việc mới và vị thế mới mà những cái này họ chưa được làm quen hoặc làm quen dưới dạng giả định trong khi học ở trường sư phạm. Trong các mối quan hệ mới đó để thích nghi, họ phải biết huy động tất cả những tri thức, kỹ năng, vốn kinh nghiệm đã được trường sư phạm chuẩn bị trước và dịch chuyển chúng một cách độc lập, linh hoạt, sáng tạo vào tình huống không quen thuộc. Qua đó, họ sẽ có được những hiểu biết mới - có thể là những kiến thức khoa học, có thể chưa đạt, thậm chí không đạt đến tri thức khoa học. Điều đó không quan trọng bởi giá trị của những hiểu biết mà giáo sinh có được khi họ tiến hành thực hành thao tác sư phạm một cách độc lập trong môi trường mới là sự nuôi dưỡng lòng khát khao tìm kiếm, khám phá, niềm say mê với hoạt động thực tiễn sư phạm và ý thức trách nhiệm, thói quen làm việc độc lập, sáng tạo ở họ. Với ý nghĩa trên, chúng ta cần lưu tâm chuẩn bị được môi trường thực tập sư phạm sao cho hợp lý về các điều kiện, phương tiện và thái độ.

Sự chuẩn bị về thái độ có tác dụng quan trọng, giúp cho giáo sinh biết nhận thức rõ vị trí, vai trò và ý nghĩa của thực tập sư phạm trong quy trình đào tạo người giáo viên cũng như việc chuẩn bị hành trang để bước vào nghề dạy học. Việc làm này được tiến hành khi giới thiệu chương trình đào tạo của trường sư phạm qua đó, làm rõ vị trí của các môn học, các hoạt động giáo dục nhất là khi dạy những môn học và thực hiện các hoạt động mang tính nghiệp vụ như học tập các môn tâm lý học, giáo dục học, kỹ năng sư phạm, giao tiếp sư phạm, phương tiện dạy học, phương pháp dạy học bộ môn, kiến tập và thực tập Sư phạm, v.v...

Để biểu hiện được sự hứng thú và niềm say mê đối với hoạt động thực tập sư phạm không chỉ cần giáo sinh có nhận thức rõ về ý nghĩa của hoạt động thực tập sư phạm với dự án học đường, dự án nghề nghiệp mà họ còn phải có những điều kiện nhất định để thực hiện có kết quả toàn bộ nhiệm vụ của các hoạt động đó. Những điều kiện đó là tâm - sinh lý cá nhân, tâm lý - xã hội và nền kinh tế - văn hoá - xã hội. Chuẩn bị điều kiện trí tuệ cho giáo sinh tham gia thực tập sư phạm là tiến hành vũ trang cả một hệ thống những đơn vị kiến thức khoa học chuyên ngành, những kiến thức khoa học cơ sở - cơ bản có liên quan và sư phạm học. Nội dung của chúng phải được mọi giáo sinh lĩnh hội một cách tích cực, độc lập, sáng tạo, biết chuyển nội dung của chúng thành vốn sống của mỗi người để họ biết nghĩ đúng mà tiến hành vận dụng vào việc thiết kế cũng như thi công bài giảng lý thuyết - thực hành trong đợt thực tập sư phạm. Chúng

có thể gồm có hệ thống các kỹ năng dạy học và giáo dục như tri thức, kỹ năng thực hiện thao tác sư phạm để cho giáo sinh biết cách tổ chức hoạt động dạy học - giáo dục mang tính khoa học, nghệ thuật trong khi giải quyết các nhiệm vụ thực tập sư phạm. Biết tiến hành lựa chọn địa điểm thực tập, bàn bạc thống nhất về nội dung, phương pháp và xác định rõ những yêu cầu trong đánh giá từng hoạt động thực tập của giáo sinh sư phạm với lãnh đạo, giáo viên của địa phương nơi mà giáo sinh đến TTSP cũng là việc làm quan trọng, góp phần không nhỏ vào sự thành công của đợt thực tập sư phạm.

Nhìn chung, những thành công nhỏ mà mỗi giáo sinh đạt được trong từng công việc của đợt thực tập sư phạm không chỉ có ý nghĩa đào tạo đối với mỗi người mà còn có tác dụng nuôi dưỡng, phát triển tình yêu đối với nghề dạy học nói chung và công tác thực tập sư phạm nói riêng. Việc tổ chức cho giáo sinh được tham gia thực tập sư phạm tại địa phương một cách thuận lợi, tạo đầy đủ điều kiện cho họ biết cách phát huy hết tính tích cực, độc lập, sáng tạo trong công tác thực hành là một vấn đề rất quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực tập sư phạm của mọi sinh viên. Việc tiến hành tổng kết một cách khoa học, đánh giá được đúng kết quả thực tập sư phạm một cách khách quan, công bằng và công khai của từng người bằng những thang đánh giá rõ ràng, phù hợp với tính chất của từng hoạt động, với yêu cầu thực hành bộ môn, thực hành nghề có tác dụng quan trọng, góp phần tạo ra niềm tin, sự phấn khởi ở giáo sinh về công tác thực tập sư phạm. Chúng ta cần loại bỏ những biểu hiện tiêu cực như sự chuẩn bị thiếu chu đáo, tổ chức thực hành không mang tính khoa học, thiếu sự phối hợp ăn ý giữa trường sư phạm với các “trường địa phương” tiến hành tổng kết, đánh giá không tương xứng với yêu cầu của TTSP. Toàn bộ những cái đó sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả rèn luyện kỹ năng sư phạm nói riêng, kết quả đào tạo và thái độ đối với nghề của giáo sinh sư phạm nói chung.

1.3.2. TTSP được coi là một phương pháp đào tạo đặc biệt dùng để rèn luyện năng lực sư phạm cho giáo sinh

Thực tập sư phạm được thực hiện nhằm làm hình thành và phát triển năng lực sư phạm kỹ thuật cho người giáo viên dạy nghề. Trường Sư phạm Kỹ thuật được coi là một trường đào tạo nghề dạy học. Nó thể hiện rõ tính chuyên nghiệp trong toàn bộ hoạt động đào tạo thông qua việc hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, gắn bó với thực tiễn sinh động của các trường dạy nghề. Năng lực sư phạm có cấu trúc phù hợp với hoạt động sư phạm cũng như giao tiếp sư phạm được hình thành và phát

triển trong quá trình rèn luyện của người giáo viên tương lai, tạo nên sự trưởng thành của họ trong nghề nghiệp. Quá trình đào tạo phải có tác dụng làm hình thành được các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, cần thiết và khả dụng. Những phẩm chất tâm lý của năng lực sư phạm luôn luôn được tiếp tục hình thành và phát triển trong quá trình thực tập sư phạm. Trong nhân cách của giáo sinh, toàn bộ những thuộc tính tâm lý của năng lực giảng dạy các bài học lý thuyết và thực hành nghề phải được phát triển trong đợt TTSP. Năng lực này luôn luôn được biểu hiện và vận hành qua các kỹ năng sư phạm. Chúng ta cần quan tâm một cách đặc biệt đến việc rèn luyện các kỹ năng giảng dạy sau:

a) Kỹ năng phân tích chương trình đào tạo

Tạo cho giáo sinh có kỹ năng phân tích nội dung của chương trình đào tạo ngành, nghề mà mình sẽ tiến hành dạy học, chương trình môn học. Từ việc tổ chức phân tích chương trình các môn học, các em học được cách xác định nội dung dạy học cho một bài học.

b) Kỹ năng nghiên cứu tài liệu giảng dạy các môn học

Tổ chức cho giáo sinh biết cách nghiên cứu, phân tích nội dung của giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo để tiến hành xác định chính xác các nội dung dạy học cơ bản dùng cho mỗi chương, mỗi phần, mục... và được cụ thể hoá ở mỗi bài học, tiết học.

c) Kỹ năng soạn bài và chuẩn bị cho lên lớp

Tổ chức cho giáo sinh thực hiện quy trình soạn giáo án lý thuyết cũng như thực hành nghề. Với sự hướng dẫn nhất định của giảng viên, giáo sinh tiến hành soạn giáo án theo mẫu, viết đề cương bài giảng và chuẩn bị phương tiện, thiết bị cùng các điều kiện khác cho quá trình lên lớp. Trong quá trình thực tập sư phạm, giáo sinh sẽ nhận thấy rằng bài soạn không phải là giáo trình, sách giáo khoa mà bài soạn phải xác định được từng loại hoạt động, thao tác mà người dạy cũng như người học cần phải thực hiện để giúp học sinh tự khám phá, lĩnh hội khái niệm. Tất cả mọi bài soạn đều có những nội dung khoa học về chuyên môn đã được xử lý về mặt sư phạm, dựa theo đó mà giáo viên tiến hành tổ chức quá trình dạy học.

d) Kỹ năng viết, vẽ trên bảng

Đây là kỹ năng mà giáo sinh phải dành nhiều thời gian luyện tập để làm cho giáo án bảng được trình bày một cách khoa học và thể hiện rõ nội dung cơ bản của bài dạy.

Những hạn chế của giáo sinh sư phạm kỹ thuật là viết chữ xấu mà trong đó, có hiện tượng viết bảng rất khó đọc nhất là với việc viết các công thức, ký hiệu. Trong quá trình thực tập sư phạm, kỹ năng này phải được các em chú tâm luyện tập và làm cho khả năng viết bảng của mình ngày càng tiến triển tốt hơn.

e) Kỹ năng thể hiện thao tác đi - đứng, ra vào lớp, đi lại hợp lý trong lớp học

Giáo viên có kỹ năng thể hiện thao tác đi - đứng, ra vào lớp, đi lại trong lớp học cho phù hợp, tránh những động tác thừa trong giờ dạy. Trong dạy học thực hành, giáo sinh có điều kiện thực tế để vận dụng những hiểu biết về cách thực hiện thao tác tay - chân - cơ thể vào việc tổ chức dạy một bài thực hành cơ bản cũng như nâng cao, đảm bảo an toàn cho học sinh khi thao tác trên các thiết bị dạy học hiện đại.

g) Kỹ năng chuẩn bị, sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học

Rèn cho giáo sinh kỹ năng biết sử dụng được các phương tiện dạy học phổ biến như dùng các vật thật - vật thay thế, mô hình, bản vẽ, phim với máy chiếu Overhead, phương tiện nghe nhìn, phần mềm dạy học, máy chiếu đa năng, máy tính và các thiết bị kết nối máy tính. Giáo sinh phải biết cách rèn luyện những cách thức khác nhau để sử dụng được phương tiện dạy học hiện đại sao cho chúng trở nên thiết thực, đảm bảo tính sáng tạo. Đối với các bài dạy thực hành, giáo sinh có cơ hội thử nghiệm kỹ năng nghề với vị thế là người dạy nghề cho người khác. Qua theo dõi thực tập sư phạm, chúng tôi nhận thấy có một số giáo sinh lúc ban đầu dạy thực hành nghề tỏ ra thái độ rất lúng túng trong khi thực hành thao tác mẫu cũng như chưa biết cách quan sát, uốn nắn học sinh thực hiện thao tác nhưng cùng với thời gian luyện tập, kỹ năng của họ đã ngày càng trở nên vững vàng hơn.

h) Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói và viết

Dù phương tiện - thiết bị dạy học có hiện đại và hợp lý đến đâu thì giáo viên vẫn phải sử dụng ngôn ngữ của mình để tổ chức, thiết kế - thi công bài học, thực hiện nhiệm vụ của giao tiếp sư phạm. Trong thực tập sư phạm, giáo sinh phải chủ động rèn luyện để biết biểu đạt rõ ràng, mạch lạc mọi ý nghĩ, tình cảm của mình bằng ngôn ngữ chính xác, trong sáng, giàu hình ảnh và dễ hiểu, biết trình bày một nội dung bài học một cách sâu sắc bằng những hình thức diễn đạt giản dị, rõ ràng nhất.

i) Kỹ năng dự giờ, rút kinh nghiệm

Trong khi giải quyết nhiệm vụ kiến - thực tập, giáo sinh phải biết tiến hành nêu nhận xét, đánh giá bài dạy để tự hoàn thiện bản thân đồng thời, thực hiện nhiệm vụ

trao đổi, học tập kinh nghiệm với đồng nghiệp. Qua dự giờ, giáo sinh cũng biết cách rèn luyện khả năng quan sát học sinh, biết cách tiến hành theo dõi mọi diễn biến trong nhận thức, tình cảm, ý chí, cá tính của chúng qua mọi biểu hiện của hành vi và quan hệ.

k) Biết phối hợp thực hiện toàn bộ các kỹ năng dạy học để thể hiện trọn vẹn nội dung của một bài dạy

Để rèn luyện kỹ năng thể hiện trọn vẹn các bài dạy được giao, giáo sinh phải biết phối hợp các kỹ năng viết, nói, thể hiện điệu bộ, khả năng bao quát học sinh khi giảng bài, làm chủ mọi tình huống phát sinh trong quá trình lên lớp, vận dụng các phương pháp dạy học. Giáo sinh phải biết tổ chức được từng việc của các bước lên lớp, tiến tới thực hiện thao tác sư phạm thành thục và chủ động trong quá trình thực hiện các bước lên lớp.

Qua soạn các bài kiểm tra, tổ chức và đánh giá kết quả kiểm tra mà giáo sinh rèn luyện được kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Cũng thông qua công việc này, giáo sinh biết tự nhìn nhận lại chính bản thân mình để có cố gắng nhiều hơn trong việc rèn luyện kỹ năng sư phạm. Những thuộc tính tâm lý của năng lực giáo dục của giáo sinh cũng được hình thành và phát triển trong quá trình TTSP. Thực tập sư phạm không chỉ là điều kiện cho việc rèn luyện các kỹ năng dạy học mà còn là môi trường thuận lợi để giáo sinh tiến hành vận dụng những hiểu biết về tâm lý học, giáo dục học vào việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của hoạt động giáo dục. Qua đó mà giáo sinh rèn luyện được các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các hoạt động giáo dục toàn diện. Trong quá trình thực tập sư phạm, giáo sinh được trực tiếp làm công tác chủ nhiệm cũng như đứng ra tổ chức, chỉ đạo các hoạt động giáo dục khác vì vậy, họ sẽ có cơ hội và điều kiện tâm lý cần thiết để tiến hành rèn luyện các kỹ năng sư phạm cần thiết. Thông qua thực tập sư phạm, giáo sinh được rèn luyện để làm phát triển các phẩm chất trí tuệ của năm loại kỹ năng sau:

1) Kỹ năng hiểu học sinh

Trong quá trình giáo dục giáo viên phải có kỹ năng hiểu được đặc điểm của nhận thức, tình cảm, ý chí, cá tính cũng như các đặc điểm tâm lý khác biểu hiện qua hành động và quan hệ của học sinh.

2) Kỹ năng xây dựng kế hoạch cho các hoạt động sư phạm

Biết tổ chức phối hợp hệ thống các tác động của toàn bộ các lực lượng giáo dục, đưa ra chiến lược thực hiện kế hoạch để đảm bảo sự thống nhất của tất cả các tác động giáo dục tới học sinh.

3) Kỹ năng biết hình dung chính xác được hiệu quả của các tác động giáo dục

Giáo sinh phải có kỹ năng hình dung được một cách rõ ràng, chính xác toàn bộ hiệu quả của các tác động giáo dục để từ đó, tiến hành tổ chức và cải biến tập thể, xây dựng tập thể học sinh vững mạnh thực sự là môi trường và phương tiện quan trọng để giáo dục học sinh.

4) Các kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp

Qua thực tập, giáo sinh biết cách phối hợp thao tác quản lý của mình với hoạt động của giáo viên bộ môn để tiến hành các hoạt động giảng dạy. Biết cách theo dõi thường xuyên quá trình học tập của tập thể và của từng cá nhân để uốn nắn các sai lệch của các em trong quá trình học tập. Bằng thực tiễn công tác chủ nhiệm cũng như tổ chức các hoạt động, giáo sinh học được cách lựa chọn phương thức vận dụng lý luận giáo dục như chọn nội dung, các hình thức, phương pháp và nguyên tắc giáo dục để không những hoàn thành công việc được giao mà còn có tác dụng làm củng cố, bổ sung những tri thức đã lĩnh hội ở giảng đường trường sư phạm.

5) Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện

Trong quá trình TTSP, chúng ta phải quan tâm rèn luyện cho giáo sinh kỹ năng tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng cho tập thể học sinh bằng các cuộc thi đua học tập và tu dưỡng, các buổi sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, tham quan du lịch nhằm đưa các em vào guồng máy tích cực. Qua TTSP, giáo sinh học được các phương thức thực hiện hành động để làm phát triển kỹ năng thông tin, kế hoạch hoá, tổ chức, lãnh đạo - chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá - hiệu chỉnh các tác động dạy học, giáo dục toàn diện, giao tiếp sư phạm. Trong quá trình giải quyết các nhiệm vụ thực tập sư phạm, chúng ta sẽ làm phát triển được năng lực quản lý quá trình đào tạo nghề nghiệp cho giáo sinh như biết lấy thông tin, kế hoạch hoá, tổ chức, lãnh đạo - chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá như nội dung của các vấn đề dưới đây.

- Năng lực lập kế hoạch

Tạo cho giáo sinh có kỹ năng biết lập các kế hoạch cho hoạt động dạy học cũng như giáo dục, biết cách xây dựng được lịch trình dạy học cũng như các loại kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp và kế hoạch chủ nhiệm lớp.

- Năng lực tổ chức

Hình thành cho giáo sinh có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo như biết phân phối và tổ chức các nguồn lực về tiền, của, con người để thực hiện các nhiệm vụ của hoạt động sư phạm, biết hình thành nên những cơ cấu chức năng dạy học, giáo dục để thực hiện nhiệm vụ quản lý.

- Năng lực chỉ đạo, điều hành

Trong quá trình TTSP, phải làm cho giáo sinh tập làm quen với công việc điều hành công việc hoạt động của nhóm thực tập cũng như trong hoạt động của tập thể học sinh. Phải tổ chức cho giáo sinh thực hiện những tác động chỉ đạo một cách cụ thể, hiện thực toàn bộ những hoạt động và những mối quan hệ sư phạm trong trường dạy nghề.

- Năng lực kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện

Qua giải quyết hệ thống nhiệm vụ TTSP, chúng ta từng bước một phải làm hình thành vững chắc những phẩm chất tâm lý của năng lực kiểm tra, đánh giá quá trình cũng như kết quả của hoạt động đào tạo kỹ thuật nghề nghiệp qua thực hiện những tác động xây dựng nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra, xác định thước đo, cách tiến hành thực hiện thao tác đánh giá - hiệu chỉnh.

1.3.3. TTSP là điều kiện tâm lý để giáo dục lòng yêu nghề cho giáo sinh

Thực tập sư phạm không chỉ có tác dụng làm củng cố, bổ sung và hoàn thiện hệ thống kiến thức sư phạm học đã học được ở trường sư phạm bằng chính sự trải nghiệm của bản thân trong công việc thực hành sư phạm mà làm hình thành hàng loạt những kỹ năng dạy học và giáo dục trong các hoạt động sư phạm cụ thể. Thực tập sư phạm được coi như là giai đoạn tổ chức hình thành, kiểm tra, đánh giá và chuẩn bị tâm thế sẵn sàng đi vào hoạt động sư phạm cho người giáo viên dạy nghề trong tương lai. Đó thực sự là một quá trình giáo dục, tác động và hình thành lý tưởng - lương tâm - đạo đức - hứng thú - ý thức nghề nghiệp sư phạm một cách hiện thực, cảm tính, tuyến tính nhau và được điều khiển bằng tư duy sư phạm kỹ thuật - dạy nghề.

2. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA TTSP

2.1. Mục đích của TTSP

Thực tập sư phạm được thực hiện nhằm góp phần làm hình thành và phát triển một cách vững chắc những thuộc tính tâm lý của năng lực sư phạm kỹ thuật, những phẩm chất của nhân cách người giáo viên dạy nghề. Nó có tác dụng quyết định đối với sự

khơi dậy lòng yêu nghề và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục cho giáo sinh. Vì vậy, trong việc thực hiện nhiệm vụ của thực tập sư phạm, chúng ta cần biết cách phát huy cao độ tinh thần chủ động, óc độc lập, sáng tạo của chính giáo sinh.

2.1.1. Đối với trường Sư phạm kỹ thuật

a) Chuẩn bị kiến thức, kỹ năng cho giáo sinh

Trường SPKT có nhiệm vụ chuẩn bị được đầy đủ cả một hệ thống kiến thức khoa học kỹ thuật chuyên ngành và những tri thức có liên quan nhằm tạo ra sự linh hoạt tích cực và chuyển nó thành vốn sống sau này của giáo sinh. Qua đợt TTSP, những kỹ năng, kỹ xảo được giáo sinh vận dụng và rèn luyện có tác dụng làm cơ sở để Ban chỉ đạo TTSP có thể tiến hành đánh giá đúng đắn trình độ của từng em.

b) Kiểm tra, đánh giá kịp thời được hiệu quả của các mặt đào tạo trong trường sư phạm

Thông qua thực tập sư phạm, chúng ta có thể kiểm tra, đánh giá kịp thời hiệu quả của các mặt đào tạo trong từng công đoạn của các tác động sư phạm của nhà trường, làm cho quá trình đào tạo người giáo viên kỹ thuật đáp ứng được những yêu cầu đổi mới của sự nghiệp giáo dục đào tạo nói chung, đào tạo kỹ thuật - nghề nghiệp nói riêng.

c) Thực hiện được mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa trường SPKT với cơ sở dạy nghề

Việc tổ chức thực tập sư phạm tại các trường dạy nghề được coi là hình thức cơ bản, quan trọng để hình thành và rèn luyện năng lực sư phạm cho người giáo viên dạy nghề tương lai. Việc tổ chức thực tập sư phạm tại các trường dạy nghề không chỉ có tác dụng rèn luyện kỹ năng nghề sư phạm cho giáo sinh sư phạm mà còn có tác dụng làm hình thành, rèn luyện được cho họ ý thức, thói quen và phương pháp học tập - học trong thực tế giáo dục, thực tiễn nghề nghiệp.

2.1.2. Đối với giáo sinh sư phạm kỹ thuật

Thông qua TTSP, giáo sinh phải biết biên soạn được giáo án đúng quy định, rõ ý đồ sư phạm, phù hợp với chương trình môn học và chương trình đào tạo. Chúng ta phải tạo điều kiện thuận lợi để cho mọi giáo sinh biết cách tiến hành vận dụng những kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm - Dạy nghề vào thực tiễn giảng dạy. Vì vậy, chúng ta cần phải để một thời gian tương đối cho các em có thể tiến hành nghiên cứu Nội dung chương trình, đọc các tài liệu tham khảo, viết đề cương bài giảng và

chuẩn bị các phương tiện, đồ dùng dạy học phục vụ cho bài giảng. Thực tập sư phạm được coi là một dịp tốt, một cơ hội thuận tiện góp phần làm hình thành và phát triển hứng thú với công tác sư phạm cũng như lòng yêu nghề - mến học sinh học nghề cho giáo sinh. Để đạt mục đích này, trường đoàn thực tập cần phải nỗ lực suy nghĩ, biết tạo điều kiện thuận lợi cho giáo sinh có dịp, có điều kiện tham gia sinh hoạt nhiều hơn đối với lớp mà họ có giờ dạy thực. Vì vậy, trong chỉ đạo cần phải có sự phối hợp chặt chẽ các thao tác thực hiện nhiệm vụ TTSP giữa giảng viên khoa sư phạm kỹ thuật với giảng viên các khoa chuyên môn và các giáo sinh để hoạt động này diễn ra có hiệu quả cao nhất. Thực tập sư phạm có khả năng giúp cho giáo sinh có dịp làm quen với thực tế sư phạm khi đứng trên bục giảng với nhiệm vụ của người giáo viên mà thể hiện được trình độ của những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, biết tích cực rèn luyện về tác phong, ngôn ngữ giao tiếp và biết cách xử lý những tình huống sư phạm có thể xảy ra.

Thông qua TTSP, ở giáo sinh hình thành được những thuộc tính tâm lý của nhân cách sư phạm, những phẩm chất tâm lý - giáo dục cần có của người giáo viên như có tri thức, năng lực thực hành, khả năng thực hiện hành động - quan hệ tự chủ, tính năng động và sáng tạo, lòng yêu nghề - yêu mến học sinh học nghề, yêu sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, có phẩm chất đạo đức cách mạng. Qua đợt thực tập sư phạm, giáo sinh có điều kiện tâm lý - xã hội thuận lợi để học tập được toàn bộ những kinh nghiệm tốt trong khi thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo kỹ thuật của các thầy cô hướng dẫn cũng như của các giáo sinh khác, những kinh nghiệm chỉ đạo việc thực hiện thao - động tác - cử động lao động trên các máy móc chuyên dụng. Đối với giáo sinh các lớp kỹ thuật công nghiệp thì TTSP có tác dụng tạo điều kiện cho các em có dịp thâm nhập thực tế ở các trường THCS - một cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân mà qua đó, có thể tiến hành bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học giáo dục phục vụ cho công tác đào tạo của nhà trường cho phù hợp với yêu cầu giáo dục ở địa phương.

Như vậy, mục đích của thực tập sư phạm là tạo ra các điều kiện tâm lý - sư phạm thuận lợi để cho giáo sinh có thể thực hiện được các công việc giáo dục - đào tạo qua đó mà làm phát triển nhân cách sư phạm cho chính mình. Các công việc đó có thể được xác định theo nội dung của những vấn đề như sau:

- Giáo sinh biết tiến hành biên soạn được giáo án, lịch trình dạy học, đề cương bài giảng đúng quy định, rõ ý đồ sư phạm, phù hợp với chương trình môn học và chương trình đào tạo;

- Biết tổ chức thực hiện nhiệm vụ thiết kế và thi công một cách vững vàng được các bài học lý thuyết và thực hành kỹ thuật - nghề nghiệp;

- Biết thực hiện được tốt các bước lên lớp của từng loại bài;

- Biết chế tạo, vận dụng được phương tiện, kỹ thuật, đồ dùng dạy học;

- Giao tiếp đúng yêu cầu sư phạm với học sinh và biết cách giáo dục được con người.

2.2. Yêu cầu của TTSP

2.2.1. Thực tập sư phạm cần đảm bảo được yêu cầu học tập

Thực tập sư phạm cần đảm bảo yêu cầu về mặt học tập. Nó góp phần làm phong phú thêm về mặt lý luận và giúp giáo sinh có được cơ sở thực tiễn mà tiến hành vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết những nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, góp phần làm hình thành những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp cơ bản cho giáo sinh. Hiệu quả của đợt thực tập sư phạm ở nhiều mức độ hoàn toàn bị sự chi phối bởi mối quan hệ qua lại giữa nhà trường sư phạm với cơ sở TTSP cũng như sự cộng tác giữa nhà khoa học giáo dục, các nhà nghiên cứu phương pháp dạy học chuyên ngành và tập thể giáo viên của cơ sở TTSP.

2.2.2. Thực tập sư phạm cần đảm bảo yêu cầu giáo dục

Thực tập sư phạm cần đảm bảo yêu cầu về chức năng giáo dục. Chúng ta có thể khẳng định rằng, qua đợt thực tập sư phạm, trình độ nhân cách cũng như các phẩm chất tâm lý của nghề sư phạm của giáo sinh được hình thành một cách tích cực và mạnh mẽ hơn. Thực tập sư phạm cần đảm bảo yêu cầu giáo dục. Qua đợt thực tập sư phạm, người giáo sinh có dịp vận động, làm việc một cách tương đối độc lập, tự chủ với tất cả những biện pháp, phương pháp, thủ thuật của mình để giải quyết những công việc thực tập rất sinh động được giao. Qua đó mà phát huy được tính tích cực nhận thức, sự sáng tạo và đặc biệt là các phẩm chất tâm lý cần thiết của hoạt động tư duy sư phạm. Đây là cơ sở ban đầu trọng yếu và quý báu giúp người giáo sinh sau này có thể làm phát triển và hoàn thiện được trình độ nghề nghiệp của mình khi là giáo viên.

2.2.3. Thực tập sư phạm cần đảm bảo được yêu cầu thăm dò, chẩn đoán, thích ứng với hoạt động sư phạm

Thực tập sư phạm cần đảm bảo được yêu cầu thăm dò, chẩn đoán nhân cách. Qua đợt thực tập sư phạm, một mặt, giáo sinh có thể tự thể hiện được toàn bộ năng lực tổ chức, kỹ năng sư phạm, lòng yêu nghề - mến trẻ... của mình, mặt khác nhà trường cũng có cơ sở thực tiễn để đánh giá đúng được sự thể hiện những năng lực đó của giáo sinh qua thực hiện nhiệm vụ của những hoạt động dạy học và giáo dục. Đồng thời, đây cũng là dịp tốt để lãnh đạo, giảng viên của các trường SPKT có được điều kiện tâm lý - sư phạm cần thiết để tiến hành kiểm tra xem trình độ chuẩn bị tâm thế cho hoạt động nghề nghiệp và sự thích ứng nghề của những giáo viên tương lai đối với hoạt động của nghề sư phạm kỹ thuật - dạy nghề như thế nào? Đối với các cấp quản lý giáo dục, đây còn là dịp tốt để họ có thể đánh giá chính xác được chất lượng của những giáo sinh mà trường SPKT đã đào tạo và năng lực của giáo viên hướng dẫn. Từ đó, có biện pháp chỉ đạo một cách sát sao công tác đào tạo của các trường SPKT nhằm góp phần thiết thực vào việc phát triển sự nghiệp giáo dục trung cấp chuyên nghiệp - Dạy nghề của địa phương.

3. NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA TTSP

3.1. TTSP cần thực hiện được yêu cầu của quá trình dạy học

TTSP được coi là một khâu của quá trình đào tạo. Nó được thực hiện trong mối quan hệ biện chứng với việc thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cũng như kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học của trường CĐSPKT - ĐHSPKT.

3.2. Đảm bảo tính nghề nghiệp trong đào tạo

Trường SPKT có chức năng "*dạy chữ, dạy nghề, dạy người*". Như vậy, việc đào tạo sư phạm học là một trong ba chức năng không thể thiếu nhằm khẳng định sự tồn tại của trường SPKT. Trường SPKT muốn đào tạo được những giáo sinh có tay nghề sư phạm cao thì trong quá trình đào tạo, thực tập sư phạm phải giữ một vị trí quan trọng. Trường SPKT cần xây dựng được một mô hình công tác thực hành, thực tập sư phạm thật chi tiết, cụ thể cho những giáo sinh thực tập, trong đó, cần chỉ ra một cách rõ ràng cấu trúc và nội dung tối ưu của hoạt động giáo dục. Nghĩa là chúng ta cần xác định được rõ một mô hình nghề nghiệp trên cơ sở đó, chỉ ra những yêu cầu về năng lực, phẩm chất, kỹ năng cần thiết của giáo sinh đối với nghề mà đề ra những biện pháp

và những con đường tổ chức lao động sư phạm cho phù hợp, thiết thực, theo những nguyên tắc nhất định.

3.3. Đảm bảo học lý luận gắn liền với thực tập sư phạm

TTSP được coi là một khâu quan trọng - cầu nối giữa lý luận đào tạo nghề làm thầy với thực tiễn giáo dục đào tạo KT-NN ở các trường dạy nghề. Qua việc tổ chức, chỉ đạo và triển khai hệ thống các nhiệm vụ TTSP mà chúng ta tiến hành tập hợp được một cách đồng đảo đội ngũ các cán bộ, giảng viên có nhiều kinh nghiệm, có tâm huyết trực tiếp tham gia vào việc đào tạo tay nghề cho giáo sinh. Thông qua hoạt động thực tập sư phạm, chúng ta có thể bồi dưỡng được hứng thú, nhu cầu, thói quen tự trau dồi nghiệp vụ sư phạm cho giáo sinh.

3.4. Đảm bảo tính hệ thống, liên tục, hợp lý, toàn diện

Với tư cách là một nội dung quan trọng của quá trình đào tạo GVDN, nhiệm vụ của thực tập sư phạm phải được tiến hành liên tục trong suốt quá trình đào tạo sư phạm học cho giáo sinh. TTSP được biểu hiện ở quá trình giáo sinh trực tiếp tham gia một cách toàn diện vào việc thực hiện nhiệm vụ của các hoạt động dạy học, giáo dục toàn diện ở các cơ sở dạy nghề. TTSP biểu thị rõ nét hoạt động phối hợp thao tác sư phạm của trường SPKT với các cơ sở dạy nghề qua các hoạt động chỉ đạo của giảng viên, giáo viên và hoạt động thực hiện của giáo sinh. TTSP được tổ chức nhằm làm hình thành và phát triển các thuộc tính của năng lực sư phạm cho người giáo viên tương lai nên nhiệm vụ của nó cần phải thực hiện theo một trình tự hợp lý về nội dung, yêu cầu cũng như phương pháp luyện tập của giáo sinh.

3.5. Đảm bảo được tính thống nhất trong đánh giá và tự đánh giá thực tập sư phạm

Chúng ta phải biết đánh giá quá trình này cũng như kết quả TTSP để xác định rõ mức độ thành đạt, những cái còn tồn tại chưa đạt được của giáo sinh đồng thời phải chỉ cho họ biết rõ cách khắc phục những hạn chế. Điều này chỉ có thể đạt được nếu có sự tự đánh giá của giáo sinh.

- Phải gắn kết được đào tạo với tự đào tạo trong TTSP

Trong quá trình thực tập sư phạm, giờ lên lớp của giáo sinh phải được chúng ta xem xét như là trung tâm chú ý của người nghiên cứu mô hình người giáo viên dạy nghề. Chúng ta phải coi TTSP là mốc cuối cùng để đánh giá quy trình sư phạm, chất lượng của những kỹ năng, kỹ xảo sư phạm, biết xem đây như là tiêu chuẩn thống nhất

cho các thành viên - Cả sự đánh giá của giảng viên, giáo viên chỉ đạo và tự đánh giá kết quả của giáo sinh. Do vậy, thực tập sư phạm cần được tổ chức và tiến hành trong môi trường sư phạm nhất đối với các điều kiện hiện có của lao động nghề thầy giáo kỹ thuật nghề nghiệp. TTSP được coi là một con đường học tập tích cực nhằm củng cố tri thức thông qua những hoạt động thực hành, kiến tập, thực tập nhằm làm cụ thể hoá và mở rộng thêm các thành phần lý luận đã học để phát triển những năng lực vốn có của người giáo sinh.

- Đảm bảo được sự làm việc, nghiên cứu trực tiếp với đối tượng

Trước khi thực hiện nhiệm vụ TTSP tại cơ sở thực tập sư phạm, giảng viên phải biết chuẩn bị cho giáo sinh của mình một số hành trang bằng cách tạo điều kiện cho họ đọc kỹ sách giáo khoa, đặc biệt về những bài mà mình sẽ giảng, tập cho các em có kỹ năng soạn giáo án và tập giảng ngay ở trường sư phạm. Nghĩa là chúng ta phải yêu cầu người giáo sinh phải nắm vững phương pháp làm việc với tư liệu khoa học, nắm vững kỹ năng, kỹ xảo thực hành, thực tập đúng với đặc trưng của bộ môn. Phải làm cho giáo sinh nắm được nội dung của bản “Điều lệ nhà trường dạy nghề”, nội quy thực tập sư phạm nhằm giúp cho các em biết chủ động trong việc thực hiện những nhiệm vụ của thực tập sư phạm của mình. Thực tế của các đợt thực tập sư phạm ngày càng chứng minh rõ một nhận định cho rằng, chỉ khi nào người giáo sinh biết cách thiết kế được một cách khoa học toàn bộ quy trình giáo dục cụ thể thì công việc TTSP của họ mới đạt hiệu quả. Khi thiết kế, họ thường không xuất phát từ những khó khăn của học sinh mà thường xuất phát từ những khó khăn của bản thân mình; không biết xuất phát từ đặc điểm và sự phát triển logic của học sinh, của quá trình giáo dục mà chỉ xuất phát từ lý luận về mặt giáo học pháp bộ môn. Kết quả là giáo sinh dễ dàng thay thế nhiệm vụ tổ chức hoạt động giáo dục học sinh bằng lập kế hoạch cho hành động thuyết trình khô cứng, áp đặt của mình, tìm cách thuyết giáo những điều đã nắm được trong các giáo trình giáo dục học. Điều đó xảy ra đúng với tâm trạng chỉ biết nghĩ đến thành công và sự thất bại bước đầu của mình trong những ngày đầu - chập chững mới bước chân vào nghề. Do vậy, đa số giáo sinh trong đợt thực tập chỉ biết kiên trì bám vào các mô hình và phương pháp dạy học cổ truyền, chứ ít khi có được một giáo sinh nào lại biết mạnh dạn thực hiện ý đồ đổi mới phương pháp giảng dạy của mình.

4. NỘI DUNG TTSP

Thực tập sư phạm được coi là giai đoạn quan trọng của quá trình giáo dục nghề nghiệp trong một khoá đào tạo ở trường SPKT. Do vậy về mặt nội dung, nó phải thể hiện được tính toàn diện trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo người giáo viên dạy nghề.

4.1. Thực tập dạy học các môn học kỹ thuật nghề nghiệp

4.1.1. Yêu cầu

Giáo sinh hiểu các nhiệm vụ cơ bản trong hoạt động chuyên môn và biết làm một số công việc cụ thể trong công tác giảng dạy bộ môn kỹ thuật - nghề nghiệp.

a) Tìm hiểu biểu đồ kế hoạch giảng dạy của nhà trường, kế hoạch giảng dạy của khoa, nghiên cứu chương trình, lên kế hoạch tìm kiếm trang - thiết bị phục vụ giảng dạy, lên lớp, chấm bài, làm hồ sơ giảng dạy, nắm được các đặc điểm của các phương pháp dạy học các môn kỹ thuật nghề nghiệp.

b) Đặc biệt trong quá trình TTSP, giáo sinh phải soạn được giáo án lý thuyết và thực hành. Nội dung của giáo án phải có đủ các bước lên lớp, dự kiến thời gian, lựa chọn đúng phương tiện và phương pháp cho từng phần. Biết xác định đúng yêu cầu của bài học - tiết học. Nội dung bài giảng phải bao gồm các đơn vị kiến thức chuẩn xác, kết cấu bài giảng phải logic - khoa học, khối lượng kiến thức đem ra giảng dạy phải vừa đủ, yêu cầu cao về sự cố gắng của học sinh, nội dung bài giảng phải gắn liền với thực tiễn, biết cách đặt vấn đề, dùng lời giảng để chuyển tiếp ý phải sinh động, từ ngữ được dùng phải chuẩn xác, có tác phong, thái độ đúng đắn, biết sử dụng và trình bày bảng một cách logic, khoa học.

c) Tập vận dụng kiến thức kỹ thuật và sư phạm học vào tổ chức thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, qua đó phải tự đúc rút kinh nghiệm, biết nhận xét được một cách khách quan, trung thực về nội dung bài giảng của mình cũng như của các đồng nghiệp.

4.1.2. Nội dung

a) Công tác dự giờ

Giáo sinh phải đi dự đủ các giờ mẫu của các giáo viên hướng dẫn có tổ chức rút kinh nghiệm sau đó, biết vận dụng kinh nghiệm thành công trong việc xây dựng nội dung, phương pháp sư phạm của họ để tiến hành soạn đề cương, giáo án, chuẩn bị phương tiện đồng thời phải biết tranh thủ xin ý kiến đóng góp của họ cho công việc chuẩn bị của mình.

b) Thực tập giảng dạy

Yêu cầu giáo sinh phải có đủ hồ sơ lên lớp, chuẩn bị đầy đủ phương tiện, đảm bảo nội dung bài học và thao tác sư phạm diễn ra đúng thời gian quy định, thực hiện tốt các bước lý luận dạy học của bài học. Biết phối hợp các phương pháp và sử dụng các phương tiện dạy học, liên hệ với thực tiễn để đạt được mục tiêu đề ra.

4.2. Thực tập công tác chủ nhiệm lớp

4.2.1. Yêu cầu

Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ thực tập công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp cho giáo sinh phải đạt được các yêu cầu sau: a) Hiểu được đặc điểm tâm lý học sinh học nghề để từ đó, phải biết đề ra những biện pháp giáo dục có hiệu quả; b) Giáo sinh phải hiểu được nhiệm vụ, vai trò nội dung công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp để gương mẫu, khiêm tốn học hỏi những kinh nghiệm của giáo viên lâu năm mà thực hiện thao tác quản lý lớp cho đạt hiệu quả; c) Biết phối hợp các chủ thể thể giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Có phương pháp quản lý và điều hành tốt đối với tập thể học sinh trong các hoạt động như học tập, lao động, văn thể. Biết phối hợp thực hiện công tác giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội, biết cách làm hồ sơ sổ sách, ghi nhận xét, chỉ đạo các cuộc họp lớp, v.v..

4.2.2. Nội dung của công tác chủ nhiệm lớp

a) Biết lập kế hoạch của công tác giáo viên chủ nhiệm. Tiến hành chia giáo sinh theo nhóm chủ nhiệm mà mỗi nhóm từ 3 - 5 người do một giáo viên hướng dẫn và mỗi em phải có trách nhiệm phụ trách một mảng công việc dưới sự chỉ dẫn của giáo viên đó.

b) Nhận bàn giao công tác chủ nhiệm nhằm triển khai kế hoạch, tìm mọi cách tác động để thúc đẩy phong trào chung của lớp phát triển, làm tăng tinh thần đoàn kết nội bộ của tập thể lớp, làm cho mọi học sinh có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

c) Dự các buổi sinh hoạt lớp, tham gia hội nghị phụ huynh học sinh, tiến hành những tác động để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

d) Giúp đỡ học sinh yếu kém, giáo dục học sinh cá biệt.

e) Tổ chức lao động dọn vệ sinh môi trường, tham gia các hoạt động nội - ngoại khoá và công tác Đoàn - Hội HS.

Toàn bộ nội dung của công tác chủ nhiệm lớp mà giáo sinh thực hiện trong đợt TTSP được thể hiện tập trung trong văn bản kế hoạch chủ nhiệm.

4.2.3. Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của công tác chủ nhiệm lớp

- a) Tìm hiểu học sinh, xây dựng kế hoạch chủ nhiệm.
- b) Dự các buổi sinh hoạt lớp.
- d) Giúp đỡ học sinh yếu kém và có hoàn cảnh đặc biệt.
- e) Phối hợp thao tác giáo dục với gia đình, các tổ chức đoàn thể xã hội.
- g) Đánh giá kết quả giáo dục học sinh.

4.3. Thực tập tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện

4.3.1. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

a) Tổ chức sinh hoạt chi đoàn

Để phong trào chi đoàn của lớp mình làm chủ nhiệm được sôi nổi, phát triển cả về bề nổi lẫn bề sâu thì giáo viên cần phải có kế hoạch hoạt động, biết cách động viên sự thống nhất ý chí và hành động của các đoàn viên thanh niên trong chi đoàn. Kế hoạch này thường được xây dựng từ đầu năm học hoặc đầu mỗi học kỳ trong năm học. Nội dung của kế hoạch này phải được xây dựng khi dựa vào kế hoạch hoạt động chung của Đoàn trường sau đó, nỗ lực tư duy để tiến hành xây dựng các chỉ tiêu cụ thể cho từng tháng của chi đoàn nên những nội dung chính của công việc trong từng tháng phải có sự thảo luận thống nhất ý kiến của tất cả các đoàn viên thanh niên.

Buổi sinh hoạt chi đoàn cần được tiến hành theo một quy trình với nội dung sát thực sau: 1) Công tác chuẩn bị. Xác định rõ thời gian tổ chức sinh hoạt, địa điểm họp, thành phần tham dự, nội dung công việc cần giải quyết; 2) Nội dung công việc của buổi sinh hoạt Đoàn cần được xác định theo trật tự tuyến tính các thao tác chỉ đạo. Bí thư chi đoàn nhận nhiệm vụ của Đoàn trường, tập hợp tình hình của các phân đoàn, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để xin ý kiến chỉ đạo về các nội dung cần trao đổi trước khi họp. Vào cuộc họp, Bí thư chi đoàn báo cáo tóm tắt tình hình chung của chi đoàn, nêu rõ những ưu điểm và tồn tại, phổ biến những nhiệm vụ mới cần thực hiện, tổ chức cho các thành viên thảo luận, đóng góp ý kiến, biểu quyết thông qua. Trong các cuộc họp, buổi sinh hoạt cần tránh rập khuôn, chống hình thức, khô khan. Biết kết hợp nội dung sinh hoạt với hoạt động văn thể để tăng tính hấp dẫn. Giáo viên chủ nhiệm là người đóng vai trò làm tư vấn cho hoạt động của chi đoàn.

b) Tổ chức lao động

- 1) Mục đích

Lao động được coi là điều kiện cần thiết cho sự tồn tại, phát triển của xã hội cũng như là con đường cơ bản để hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân. Để giáo dục con người chúng ta cần phải thực hiện các tác động rèn luyện họ thông qua lao động. Qua lao động sẽ rèn luyện cho các em có ý thức, tư tưởng, thái độ đúng đối với lao động như lòng yêu quý người lao động, niềm vui sướng với thành tích của mình đạt được. Cũng chính thông qua lao động, chúng ta sẽ làm cho lý luận được gắn liền với thực tiễn, rèn luyện kỹ năng, làm hình thành tác phong công nghiệp của con người.

2) Nội dung

Trước khi tiến hành lao động, nhà sư phạm phải tiến hành điếm danh, kiểm tra dụng cụ, nhắc lại nội dung các công việc đã phân công, nhấn mạnh các yêu cầu về kỹ thuật, quy trình rèn luyện kỹ năng, phân công vị trí, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra. Sau cùng, tiến hành nêu nhận xét, đánh giá buổi lao động, biểu dương người tốt, nhắc nhở những vấn đề còn tồn tại.

c) Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT

Trong khi thực hiện nhiệm vụ TTSP, chúng ta phải quan tâm đến việc chỉ đạo cho giáo sinh biết xây dựng nên kế hoạch hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT của lớp, trường. Việc tổ chức cho học sinh tham gia trực tiếp vào hoạt động công ích - xã hội không chỉ có khả năng tạo cho các em có cơ hội để khẳng định bản thân mà còn có tác dụng giáo dục các phẩm chất nhân cách. Cũng qua việc tổ chức các hoạt động đó mà năng lực sư phạm của người giáo viên tương lai sẽ được hình thành và phát triển.

4.3.2. Các bước thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Đặt tên cho các chủ đề hoạt động và xác định rõ những yêu cầu giáo dục cần đạt được

Việc tiến hành đặt tên các chủ đề cho hoạt động cụ thể theo từng thời kỳ là rất quan trọng và cần thiết. Có các yêu cầu giáo dục cần đạt về mặt nhận thức, kỹ năng và thái độ cho các hoạt động đó mà giáo sinh cần chăm chú tìm hiểu. Khi thực hiện các hoạt động tìm hiểu các mặt giáo dục toàn diện thì giáo sinh phải nhận thức xem hoạt động được thực hiện nhằm giúp cho học sinh có những hiểu biết và thông tin gì? Về kỹ năng sẽ bồi dưỡng cho học sinh biết làm những việc gì? Về thái độ sẽ giáo dục học sinh có những xúc cảm - tình cảm cần thiết nào?

b) Chuẩn bị cho hoạt động

Nhà sư phạm phải biết vạch kế hoạch và dự kiến trước trật tự thực hiện các công việc và tình huống có thể xảy ra cho các hoạt động. Họ phải nỗ lực tư duy để biết tiến hành thiết kế nội dung và hình thức hoạt động cho cụ thể, sát thực trong không gian và thời gian xác định. Biết cách đôn đốc, kiểm tra sự chuẩn bị về vật chất - tinh thần cho việc thực hiện nhiệm vụ của mọi người.

d) Tiến hành chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục và kết thúc hoạt động

e) Tổ chức đúc rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả hoạt động

5. HÌNH THỨC THỰC TẬP SƯ PHẠM

5.1. Khái niệm về hình thức TTSP

Thực tập sư phạm được xem như là hoạt động thực hành của giáo sinh tại nhà trường cũng như tại các trường dạy nghề và các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường dạy nghề liên kết. Hình thức thực tập sư phạm được hiểu là cách thức tổ chức các loại hình hoạt động tập thực hiện nhiệm vụ giáo dục - giáo dưỡng cho giáo sinh để họ tiến hành thực hiện nội dung thực tập mà qua đó mà đạt mục tiêu đề ra. TTSP được coi là bộ phận quan trọng của quá trình đào tạo. Vì vậy, hình thức TTSP được coi là yếu tố cấu thành của hình thức tổ chức quá trình đào tạo nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo người giáo viên tương lai.

5.2. Các hình thức TTSP

5.2.1. Thực tập sư phạm tại các trường TCCN- DN

Thực tập sư phạm được tiến hành tại các cơ sở thực tập sư phạm như các trường dạy nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp có dạy nghề phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Thực tập sư phạm tại các trường dạy nghề là hình thức cơ bản, quan trọng được thực hiện nhằm làm hình thành, rèn luyện năng lực sư phạm cho người giáo viên dạy nghề tương lai. Thực tập sư phạm tại các trường dạy nghề không chỉ có tác dụng rèn luyện kỹ năng nghề sư phạm cho giáo sinh sư phạm mà còn có thể làm hình thành và rèn luyện cho họ có được ý thức, thói quen, phương pháp học tập - Học trong thực tế giáo dục, trong thực tiễn nghề nghiệp.

Giáo sinh được phân thành các đoàn về thực hiện nhiệm vụ TTSP tại các cơ sở thực tập. Mỗi đoàn bao gồm một hoặc nhiều nhóm giáo sinh của các lớp thuộc các chuyên ngành khác nhau.

5.2.2. Thực tập sư phạm tại các lớp công nhân kỹ thuật trong trường sư phạm

Phương thức này đã được các trường SPKT thực hiện và vận dụng trong nhiều năm qua. Cách tổ chức TTSP thường được thực hiện theo một quy trình hợp lý.

Giảng viên khoa sư phạm kỹ thuật có trách nhiệm trực tiếp hướng dẫn giáo sinh thực tập trong toàn bộ đợt thực tập. Theo chương trình khung của trình độ đào tạo CĐSPKT thì thời gian thực tập được tiến hành trong 6 tuần. Giảng viên khoa sư phạm chịu trách nhiệm hướng dẫn cho giáo sinh giải quyết các nhiệm vụ thực tập sư phạm trong bốn tuần đầu. Mục tiêu phải đạt trong bốn tuần là rèn luyện được hệ thống các phẩm chất trí tuệ của các kỹ năng sư phạm cơ bản như soạn giáo án lý thuyết cũng như thực hành, chế tạo và chuẩn bị các phương tiện dạy học, rèn luyện các kỹ năng đi đứng, ra vào lớp, kỹ năng đứng lớp, v.v.. Hai tuần kế tiếp, giáo sinh phải thực hiện các nhiệm vụ TTSP ở các khoa chuyên môn. Tuỳ theo thực tế đào tạo từng năm, giáo sinh có thể tiến hành thực tập dạy học ở các lớp công nhân. Nhưng một số năm gần đây do sự quy định của thực tế, giáo sinh vẫn chỉ thực tập trên đối tượng giả định là chủ yếu.

Giảng viên của khoa sư phạm kỹ thuật phối hợp với giảng viên các khoa chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn giáo sinh thực tập sư phạm trong thời gian 6 tuần. Phương thức này có nhiều ưu điểm nhưng cũng có những tồn tại khó khăn là sự phối hợp chỉ đạo giữa khoa sư phạm kỹ thuật với khoa chuyên môn chưa rõ ràng hoặc chưa có văn bản quy định rõ phương thức tính giờ hướng dẫn TTSP cho cả hai loại giảng viên cùng tiến hành hướng dẫn một nhóm giáo sinh như thế nào?

5.2.3. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (RLNVSPTX)

a) Sự cần thiết của chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên trong quá trình đào tạo giáo viên dạy nghề

Chúng ta đều quán triệt quan điểm cho rằng việc đào tạo giáo viên sẽ là một quá trình tác động liên tục từ khi giáo sinh nhập trường tới lúc các em tốt nghiệp. Ngay từ khi mới vào trường, người giáo sinh đã bắt đầu thực sự được sống trong môi trường sư phạm, chú ý tự giáo dục về ý thức nghề nghiệp, tích cực tiếp thu tri thức chuyên môn cũng như hình thành các kỹ năng sư phạm. Vì thế, việc rèn luyện các kỹ năng sư phạm phải được tiến hành suốt trong quá trình học tập tại trường. Theo Quy chế về thực tập sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì quá trình thực tập sư phạm sẽ được sinh viên tiến hành suốt từ năm thứ nhất tới khi tốt nghiệp. Qua điều tra, quan sát thực tế, chúng tôi nhận thấy giáo sinh thường gặp những khó khăn khi bước vào thực tập sư phạm

nhất là ở những tuần đầu. Trong thời gian học tại trường do giáo sinh có rất ít điều kiện để giải các bài luyện tập tay nghề sư phạm nên khi tiến hành thực hiện nhiệm vụ thực tập sư phạm thì kỹ năng dạy học và giáo dục ở các em gần như chưa có. Với thời gian thực tập ngắn mà giáo sinh phải làm quen với nhiều hoạt động mới nên nó đã có ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả của việc rèn luyện những kỹ năng dạy học và giáo dục của các em.

Chương trình đào tạo giáo viên THCS của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2002 đã đưa trở lại môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên tại trường sư phạm và đã có kết cấu hợp lý. Bởi vậy, về nhận thức, chúng ta cần quan tâm xây dựng và thực hiện tốt nội dung chương trình rèn luyện NVSP thường xuyên trong quá trình đào tạo giáo viên dạy nghề.

Trong suốt thời gian đào tạo tại trường SPKT, giáo sinh phải thực tập nhiều hoạt động khác nhau. Những hoạt động đó có vị trí, vai trò nhất định trong quá trình đào tạo giáo viên. Trong đó, hoạt động RLNVSPTX có một vị trí, vai trò rất quan trọng và cần phải được xây dựng thành một nội dung đặc biệt trong chương trình đào tạo sư phạm kỹ thuật. Sự cần thiết phải xây dựng chương trình RLNVSPTX cho giáo sinh SPKT đã được khẳng định.

1) RLNVSPTX thực sự đã trở thành cầu nối giữa lý luận đào tạo nghề làm thầy với thực tiễn giáo dục KT-NN. Điều 35 của *Luật Giáo dục* nói về mục tiêu giáo dục đại học đã khẳng định rằng việc *đào tạo trình độ cao đẳng giúp cho sinh viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản về ngành nghề, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo* [Điều 35 - Luật Giáo dục 1998] Để thực hiện được mục tiêu đó các “*phương pháp giáo dục đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng*”. Tổ chức, quản lý tốt việc thực hiện hệ thống nhiệm vụ thực hành sư phạm thường xuyên sẽ góp phần quan trọng vào việc biến mục tiêu đào tạo sư phạm học thành hiện thực. Thực ra, sự hình thành và phát triển tay nghề của giáo sinh không phải chỉ bị giới hạn trong thời gian đào tạo ở trường SPKT mà nó đã có tiền đề ngay từ khi giáo sinh còn học ở trường PTTH. Hơn nữa, sau khi tốt nghiệp SPKT, tay nghề của giáo sinh sẽ tiếp tục được phát triển mạnh mẽ trong hoạt động sư phạm vì khi đó, họ đã thực sự đứng vào vị trí của người thầy. Như vậy, xét về mặt lý luận, sự hình

thành và phát triển nhân cách sư phạm của giáo sinh có thể được chia làm ba giai đoạn là trước khi vào trường SPKT, trong thời gian đào tạo ở trường SPKT và sau khi tốt nghiệp ra trường. Trong đó, giai đoạn thứ nhất có ý nghĩa tiền đề, giai đoạn thứ hai giữ vị trí quyết định còn giai đoạn thứ ba có tính chất củng cố, phát triển, hoàn thiện nhân cách sư phạm kỹ thuật cho mọi giáo sinh.

2) Cùng với các môn học sư phạm khác, RLNVSPTX đã có tác dụng quan trọng làm cho hệ thống chương trình đào tạo giáo viên dạy nghề trở nên hoàn chỉnh, toàn diện hơn so với chương trình trước đây. Trong những năm qua, chương trình đào tạo của các trường SPKT còn nặng về lý luận, chưa có sự coi trọng đúng mức phần thực hành. Nói một cách khác là trong đào tạo sư phạm học, chúng ta chưa đảm bảo được tính cân đối giữa chức năng “*dạy chữ*” và “*dạy nghề*”. Kết quả là ở giáo sinh khi ra trường vẫn chưa có được một cách đầy đủ vững chắc những thuộc tính trí tuệ cần thiết của các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản vì thế đã có sự tồn tại một sự thực là chưa có sự khác biệt nổi trội giữa sinh viên sư phạm với sinh viên các trường khác về năng lực sư phạm. Chính vì thế, chương trình RLNVSPTX cần được đưa vào khung chương trình đào tạo giáo viên dạy nghề ở các trường SPKT.

3) Việc thực hiện được nội dung chương trình RLNVSPTX sẽ có tác dụng thiết thực, làm cho quy trình kỹ thuật đào tạo người giáo viên dạy nghề của trường SPKT trở nên tường minh, rõ ràng và có khả năng thực thi. Bởi vì, nội dung chương trình, giáo trình RLNVSPTX phải được sắp xếp một cách khoa học cho phù hợp với logic của chương trình đào tạo sư phạm học khi đi từ cái chung đến cái riêng, từ cái đơn giản đến cái phức tạp, từ cái dễ đến cái khó, từ năm thứ nhất đến năm cuối cùng của khoá học.

4) RLNVSPTX phải có tác dụng góp phần quan trọng vào sự hình thành và làm phát triển năng lực sư phạm cho giáo sinh - một yếu tố không thể thiếu để tạo ra sự thành công trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ của người thầy giáo tương lai. Bởi vì, năng lực sư phạm không thể hình thành trong một sớm một chiều, không tự loé sáng mà là kết quả của sự rèn luyện có hệ thống thường xuyên, liên tục, kiên trì, có sự hướng dẫn, được tổ chức một cách thống nhất, khoa học. Việc tổ chức hợp lý việc thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên sẽ được coi là những con đường rèn luyện nghiệp vụ sư phạm một cách có hiệu quả tối ưu cho giáo sinh. Thực hiện đủ nội dung của chúng một cách có hiệu quả sẽ tạo ra được những tiền đề tâm lý thuận lợi,

làm nảy sinh ra hứng thú cùng khuynh hướng và lý tưởng nghề nghiệp, năng lực sư phạm, kỹ năng sư phạm, động cơ - đạo đức đúng đắn trong nhân cách của người giáo viên sư phạm kỹ thuật.

5) RLNVSPTX được coi là môi trường thuận lợi để giáo viên thể hiện năng lực thực tiễn của mình. Năng lực này được hình thành trên cơ sở tổng hợp toàn bộ thuộc tính trí tuệ của các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp mà giáo viên đã rèn luyện trong suốt quá trình đào tạo tại trường SPKT. RLNVSPTX là một hoạt động được lãnh đạo của các trường sư phạm quan tâm, tạo điều kiện về thời gian, có sự hướng dẫn của giảng viên và sự đóng góp ý kiến của tập thể giáo viên với những nội dung, yêu cầu cụ thể, sát hợp. Chính vì vậy, nếu biết tận dụng tốt những cơ hội rèn luyện này, ở nhân cách của mọi giáo viên sẽ có bước trưởng thành rõ rệt về tay nghề.

b) Những nội dung cơ bản của chương trình rèn luyện NVSP thường xuyên

Để hình thành cho giáo viên những phẩm chất tâm lý của các kỹ năng sư phạm, năng lực hoạt động nghề nghiệp trên cơ sở kiến thức cơ bản đã được học tập, nghiên cứu, nhất là thông qua những môn nghiệp vụ như tâm lý học, giáo dục học, giáo pháp bộ môn, v.v.. chương trình rèn luyện NVSPTX cần bao hàm những sáu nội dung xác định như trình bày dưới đây.

1) Bài thực hành rèn luyện về các kỹ năng nhận biết, phân tích đặc điểm tâm lý, nhân cách của học sinh học nghề. Học sinh học nghề có những đặc điểm nhận thức, tình cảm, ý chí, cá tính cũng như hành vi, thói quen khác với học sinh phổ thông. Việc tích lũy toàn bộ những hiểu biết cơ bản về các yếu tố tâm lý đó sẽ tạo cho giáo viên có khả năng biết hình dung ra được hiệu quả của các tác động hình thành trong giáo dục - đào tạo.

2) Các bài tập thực hành về rèn luyện các kỹ năng sư phạm cơ bản có tác dụng tích cực đối với việc làm hình thành kỹ năng đi đứng, ra vào lớp, trình bày bảng, diễn đạt, v.v.. Quá trình hình thành các kỹ năng sư phạm này đòi hỏi giáo viên phải có nhiều thời gian để rèn luyện vì vậy, nội dung của chúng cần được đưa vào quá trình học tập nghiệp vụ sư phạm.

3) Có các bài thực hành dùng để rèn luyện phong cách cư xử có văn hoá - sư phạm trong giao tiếp để xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học và giáo dục.

4) Bài thực hành dùng để rèn luyện các kỹ năng tổ chức và quản lý hoạt động giáo dục - giáo dưỡng trong lớp học, giờ học.

5) Bài thực hành dùng cho việc tập phân tích các yếu tố tâm lý - tư phạm của các loại bài học lý thuyết cũng như thực hành nghề

6) Bài thực hành dùng để rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động Đoàn - Hội, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, TDTT, tham quan - du lịch.

Toàn bộ hệ thống các bài tập thực hành rèn luyện nghiệp vụ được xây dựng phải có tính hệ thống, theo nguyên tắc phát triển khi đi từ đơn giản đến phức tạp đúng theo một trật tự logic xác định của hoạt động và giao tiếp tư phạm kỹ thuật - nghề nghiệp. Trong đó, mức độ khó, tính phức tạp của kỹ năng giảng dạy cũng như kỹ năng giáo dục và kỹ năng giao tiếp tư phạm phải được tăng dần lên sao cho, sau khi đã giải quyết hệ thống các nhiệm vụ này, giáo sinh hoàn toàn có khả năng biết độc lập suy nghĩ đúng để tìm ra được phương thức hợp lý để giải quyết các nhiệm vụ giáo dục - đào tạo kỹ thuật mới, khó hơn, cao hơn mà họ chưa từng biết. Cấu trúc logic của các bài tập này phải hoàn toàn phù hợp với quy trình rèn luyện năng lực tư phạm kỹ thuật - Dạy nghề trong thực tiễn đào tạo tư phạm học.

5.2.4. Tham quan tư phạm

Một trong những công việc quan trọng của sự chuẩn bị những điều kiện cần thiết trước khi đi thực tập tư phạm là tạo ra những cơ hội thuận lợi cho giáo sinh biết rõ được thực tế quá trình đào tạo ở các cơ sở dạy nghề. Một trong những cơ hội đó là tiến hành tổ chức cho giáo sinh đi tham quan tư phạm ở các cơ sở dạy nghề. Tổ chức tốt hình thức này có tác dụng giúp cho giáo sinh có đủ điều kiện tâm lý - tư phạm để tiếp cận với thực tế giáo dục, qua đó mà làm phát triển lòng yêu nghề, biết cách rèn luyện phẩm chất và năng lực của nhân cách của mình sao cho đáp ứng được yêu cầu của hoạt động tư phạm kỹ thuật - nghề nghiệp.

Trong điều kiện cơ sở vật chất của trường SPKT hiện nay, có thể có đủ được các phương tiện - điều kiện cần thiết để cho phép tiến hành việc đưa giáo sinh thuộc các chuyên ngành đi tham quan tư phạm tại các cơ sở dạy nghề trong và ngoài tỉnh.

Để cho các cuộc thăm quan tư phạm đạt được mục tiêu đề ra chúng ta cần phải quan tâm đến việc xây dựng chương trình, tiến hành chuẩn bị tốt về nội dung, kinh phí thực hiện và nhất là biết lựa chọn địa điểm cho phù hợp. Ở các trường mà giáo sinh đến thăm quan cần có được sự đa dạng về ngành nghề đào tạo, có cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và có đội ngũ giáo viên đủ chuẩn. Việc tổ chức tham quan

ở các cơ sở dạy nghề như vậy mới có tác động tốt tới nhận thức và tình cảm của giáo sinh.

5.3. Phương thức thực hiện

5.3.1. Phân chia giáo sinh thành các nhóm TTSP tại trường

Chúng ta tổ chức cho giáo sinh thành các nhóm TTSP theo chuyên ngành đào tạo để tiến hành giải quyết nhiệm vụ của TTSP ở các lớp công nhân kỹ thuật đang được đào tạo trong nhà trường SPKT.

Dù phải tiến hành chỉ đạo các giáo sinh tiến hành giải quyết các nhiệm vụ thực tập ở nhà trường, chúng ta cũng cần chú trọng thực hiện đầy đủ nội dung đã được xác định trong chương trình. Chúng ta có nhận thức và thực hiện được đầy đủ toàn bộ nội dung của TTSP như vậy, ở giáo sinh mới có động lực thực sự trong quá trình thực tập.

5.3.2. Tổ chức giáo sinh thành các đoàn TTSP tại các trường TCCN - Dạy nghề có giáo viên hướng dẫn đi cùng

Nguyên tắc thành lập các đoàn thực tập sư phạm cần được xác định. Giáo sinh được bố trí thành từng đoàn mà mỗi đoàn có từ 30 - 40 em thuộc các ngành khác nhau, mỗi ngành không ít hơn 3 và có đủ loại trình độ học khá, trung bình. Trưởng đoàn là giảng viên của khoa sư phạm kỹ thuật với thực tập đợt I còn giảng viên của các khoa chuyên môn hoặc khoa sư phạm kỹ thuật làm trưởng đoàn thực tập đợt II. Các phó đoàn là giáo sinh được lựa chọn trong đội ngũ cán bộ lớp có năng lực trong học tập cũng như biết cách tổ chức, quản lý các hoạt động để thực hiện những nhiệm vụ chỉ đạo giúp việc cho trưởng đoàn. Các đoàn được chia thành các nhóm thực tập theo các chuyên ngành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo sinh thực hiện nhiệm vụ trao đổi, thảo luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn một cách dễ dàng.

5.3.3. Gửi thẳng giáo sinh xuống các trường TCCN - dạy nghề để giải quyết nhiệm vụ của TTSP

Có thể thực hiện việc gửi thẳng giáo sinh xuống TTSP ở các cơ sở dạy nghề. Tuy nhiên, chúng ta cần phải biết chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện nhiệm vụ TTSP tại trường TCCN - dạy nghề như các trường sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

6. ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH VÀ KẾT QUẢ CỦA TTSP

6.1. Mục tiêu của sự đánh giá quá trình và kết quả của TTSP

Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại giáo sinh khi thực hiện nhiệm vụ thực tập sư phạm phải được thực hiện theo những yêu cầu tâm lý - giáo dục học xác định như tiến hành giao việc vừa sức, chú trọng đến chất lượng công việc đã hoàn thành, không đòi hỏi phải có mức độ thuần thực của thao tác sư phạm ngay mà nên đặt vấn đề là biết cách thực hiện thao tác đúng, chính xác, có phương pháp, có ý thức cải tiến và có lòng nhiệt tình. Khi đánh giá, chúng ta phải biết lưu ý đến sự tiến bộ là chủ yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo sinh thực hiện được đầy đủ và ngày một cao tính độc lập, sáng tạo trong mọi hoạt động. Kết quả thực hiện hệ thống thao tác sư phạm qua những giờ mà các em đăng ký “Giờ dạy tốt”, “Những hoạt động tốt” sẽ giữ vị trí trọng điểm trong đánh giá kết quả của TTSP.

6.2. Các nguyên tắc đánh giá

6.2.1. *Đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng*

Tính khách quan của đánh giá phản ánh đúng được thực chất trình độ của năng lực sư phạm cũng như những tiến bộ và những thiếu sót cơ bản cùng những nguyên nhân của chúng, xác định đúng hướng sự tiến bộ của từng giáo sinh trong quá trình thực tập để đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng.

6.2.2. *Đảm bảo tính toàn diện nhưng có trọng điểm*

Chúng ta cần đánh giá chất lượng TTSP trên cơ sở có được những thông tin đầy đủ về các nội dung cũng như hoạt động TTSP của giáo sinh nhưng phải chú trọng tới việc phân tích kết quả của hoạt động dạy học và công tác chủ nhiệm lớp là chủ yếu.

6.2.3. *Đảm bảo nguyên tắc phát triển*

Những thuộc tính tâm lý của năng lực sư phạm kỹ thuật của giáo sinh luôn luôn được hình thành và phát triển trong quá trình TTSP nên chúng ta cần biết chú ý tới việc tiến hành phân tích tính chất của sự tiến bộ của giáo sinh trong quá trình đó.

6.3. Căn cứ để đánh giá

Căn cứ vào đặc tính của quá trình và kết quả hoạt động dạy học và giáo dục của giáo sinh mà chúng ta đánh giá kết quả TTSP.

Các tiêu chí đánh giá thực tập giảng dạy được thực hiện qua phân tích trình độ am hiểu nội dung dạy học, kỹ năng vận dụng những nguyên tắc, phương pháp dạy học mà giáo sinh thể hiện trong cách tổ chức giờ dạy, nền nếp dạy học, kết quả tiếp thu bài

của học sinh, thể hiện qua các khâu kiểm tra, qua các hoạt động thực hành, tinh thần làm việc, thái độ đối xử, tác phong sư phạm khi lên lớp cũng như trong chỉ đạo học tập của học sinh, kết quả giờ đăng ký “Giờ dạy tốt”, chất lượng của hồ sơ giảng dạy v.v..

Việc đánh giá quá trình và kết quả thực tập hoạt động giáo dục phải căn cứ vào khả năng xây dựng nền nếp học tập, tu dưỡng của lớp, xây dựng tập thể lớp vững mạnh, phương thức xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực cho học tập, tâm trạng lớp, v.v..

Cách tính điểm cho giáo sinh được đánh giá theo quy chế 25 của Bộ Giáo dục - Đào tạo và được xếp thành bốn loại như giỏi, khá, trung bình, không đạt yêu cầu.

6.4. Phương pháp đánh giá

Đánh giá theo kết quả quan sát, dự giờ. Trong đánh giá TTSP, giáo viên còn phải biết vận dụng phương pháp quan sát thường xuyên và có hệ thống quá trình cũng như kết quả thực hiện thao tác sư phạm để kiểm tra mức độ luyện tập kỹ năng của giáo sinh. Để chuẩn bị tốt cho sự đánh giá nhằm chỉ ra những tiến bộ cũng như những sai sót mà giáo sinh cần khắc phục, giáo viên cần tiến hành ghi chép một cách cẩn thận toàn bộ nội dung thông tin trên cơ sở quan sát toàn diện quá trình luyện tập của giáo sinh. Qua đó, tiến hành xếp loại, cho điểm kết quả TTSP của giáo sinh theo Quy chế.

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN TTSP

7.1. Lập kế hoạch TTSP

Thực tập sư phạm là bộ phận của quá trình đào tạo giáo viên dạy nghề. Vì thế, kế hoạch TTSP phải được thể hiện trong kế hoạch đào tạo của nhà trường. Trong nội dung của văn bản kế hoạch TTSP phải nêu rõ nội dung các công việc phải thực hiện, chỉ tiêu phải đạt và biện pháp thực hiện kế hoạch TTSP được bao gồm những nội dung xác định.

7.1.1. Thể chế hoá các văn bản hướng dẫn

Ban chỉ đạo TTSP của nhà trường tiến hành xây dựng nên hệ thống các văn bản về TTSP dưới dạng quy chế và hướng dẫn chỉ đạo thực tập sư phạm mang tính pháp lý chuyên môn là những việc làm hết sức cần thiết. Những văn bản này được bao gồm những nội dung cơ bản về Quy chế thực tập, các quyết định, các hướng dẫn thực hiện nội dung TTSP. Những văn bản này được xác định là do một phần dựa vào nội dung của quy chế TTSP của Bộ GD-ĐT ban hành, một phần là dựa vào thực tế của các điều kiện thực tập sư phạm của trường mà cụ thể hoá thêm. Các văn bản này được lưu giữ ở

văn phòng của phòng đào tạo, khoa sư phạm kỹ thuật cũng như khoa chuyên môn để làm tài liệu theo dõi quá trình đào tạo nói chung. Nhờ có nội dung của các văn bản này, chúng ta có được các điều kiện pháp lý cần thiết dùng để đánh giá kết quả thực tập sư phạm cho chính xác hơn và điều quan trọng hơn là nó có tác dụng giúp cho sinh viên chuẩn bị tâm thế để dễ dàng thực hiện kế hoạch thực tập sư phạm.

7.1.2. Thống nhất và hoàn chỉnh các biểu mẫu cho thực tập sư phạm

Việc thống nhất nội dung và hoàn chỉnh các biểu mẫu về thực tập sư phạm được coi là các tiền đề pháp lý cần thiết đảm bảo cho sự quản lý thống nhất giáo sinh ở tất cả các đoàn thực tập. Trong các biểu mẫu cần có sự thống nhất về nội dung các phiếu đánh giá, mẫu giáo án, mẫu các phiếu ghi chép độc lập của giáo sinh. Cần quy định rõ hình thức và nội dung của các mẫu giáo án lý thuyết và thực hành nghề. Mặc dù đã có sự chỉ đạo của Tổng cục Dạy nghề về mẫu giáo án nhưng trong thực tế mỗi trường lại có những sự khác nhau nhất định trong biểu mẫu nên nó đã gây ra không những khó khăn cho sinh viên khi giải quyết nhiệm vụ thực tập sư phạm mà còn cho cả giáo viên hướng dẫn cũng như sự đánh giá kết quả thực tập. Ví như mẫu giáo án có trường xác định mục đích, yêu cầu của bài, có trường yêu cầu phải xác định mục tiêu dạy học. Cần thống nhất về mẫu phiếu đánh giá giờ dạy, phiếu đánh giá kết quả công tác giáo viên chủ nhiệm lớp tránh tình trạng một số giáo viên hướng dẫn lại sử dụng nội dung của mẫu phiếu đánh giá giáo viên dạy giỏi dùng để đánh giá kết quả thực tập sư phạm của sinh viên. Nếu trong khi đánh giá giáo sinh mà chúng ta sử dụng mẫu phiếu đánh giá giáo viên dạy giỏi thì bỗng dưng chúng ta vừa đặt ra yêu cầu quá cao vừa không khuyến khích được sự cố gắng của giáo sinh trong suốt quá trình giải quyết hệ thống các nhiệm vụ thực tập sư phạm.

7.1.3. Thời điểm TTSP

Thời điểm tiến hành TTSP phải thể hiện quy trình rèn luyện kỹ năng sư phạm được tổ chức. Thời điểm tiến hành TTSP cần có sự phù hợp với kế hoạch đào tạo của các cơ sở TTSP cũng như của trường sư phạm và đạt được mục tiêu đào tạo.

7.1.4. Địa điểm TTSP

Việc lựa chọn địa điểm thực tập sư phạm cũng góp phần không nhỏ vào sự thành công của thực tập sư phạm. Có thể xác định một số tiêu chí khi lựa chọn địa điểm thực tập sư phạm như: 1) Trường có đầy đủ các nghề mà sinh viên đến thực tập; 2) Trường có cơ sở vật chất, thiết bị và vật tư phù hợp với nghề đào tạo và với quá trình dạy lý

thuyết và thực hành nghề; 3) Trường có đội ngũ giáo viên đủ chuẩn và có kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục.

7.1.5. Kinh phí TTSP

Kinh phí thực tập cần được bao gồm cả chi phí cho sinh viên dùng để chế tạo phương tiện dạy học như phim trong, photo phiếu học tập, tài liệu phát tay và vật tư mà sinh viên sử dụng trong dạy thực hành. Thực ra các giáo sinh có gặp khó khăn rất nhiều trong việc thực hiện bài dạy thực hành không chỉ yếu kém về kỹ năng nghề, kỹ năng sư phạm mà về kinh phí dùng cho việc mua sắm vật tư, thiết bị sử dụng trong bài.

7.2. Triển khai thực hiện

7.2.1. Chuẩn bị cho giáo sinh TTSP

Chuẩn bị về tâm thế và thái độ là thực hiện những tác động giúp cho giáo sinh nhận thức rõ vị trí, vai trò và ý nghĩa của thực tập sư phạm trong quá trình đào tạo giáo viên dạy nghề, trong việc chuẩn bị hành trang để bước vào nghề dạy học. Việc làm này được tiến hành khi giới thiệu chương trình đào tạo của trường sư phạm, qua đó làm rõ vị trí chương trình và các hoạt động giáo dục mà nhất là cho các môn học mang tính nghiệp vụ. Tiến hành chuẩn bị những điều kiện và phương tiện cần thiết cho TTSP.

7.2.2. Thành lập các đoàn sư phạm hoặc phân chia nhóm TTSP (Với TTSP trong trường sư phạm)

Nguyên tắc thành lập các đoàn thực tập sư phạm được xác định là sinh viên được bố trí thành từng đoàn, mỗi đoàn từ 30 - 40 em thuộc các ngành khác nhau, mỗi ngành không ít hơn 3 và có đủ loại trình độ học khá, trung bình. Trưởng đoàn là giảng viên của khoa sư phạm kỹ thuật hay của khoa chuyên môn. Các phó đoàn nếu là sinh viên được lựa chọn phải là cán bộ lớp có năng lực trong học tập cũng như biết tổ chức các hoạt động để giúp việc cho trưởng đoàn. Các đoàn được chia thành các nhóm thực tập theo các chuyên ngành nhằm tạo điều kiện cho giáo sinh thực hiện việc trao đổi, thảo luận về các vấn đề có liên quan một cách dễ dàng.

7.2.3. Thành lập Ban chỉ đạo TTSP

Ban chỉ đạo thực tập sư phạm của nhà trường bao gồm Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng làm trưởng ban, các thành viên khác còn lại là lãnh đạo của phòng đào tạo, phòng công tác HSSV, các khoa chuyên môn và khoa sư phạm kỹ thuật. Ban chỉ đạo TTSP trường có nhiệm vụ tiến hành xây dựng kế hoạch thực tập và theo dõi, giám sát cũng như động viên, khuyến khích các đoàn thực tập sư phạm hoàn thành công việc.

Ban chỉ đạo không chỉ thu nhận thông tin từ các báo cáo mà còn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc kiểm tra tại cơ sở thực tập sư phạm để có được thông tin chính xác, đầy đủ làm cơ sở cho việc điều chỉnh các đoàn thực hiện nhiệm vụ thực tập theo quy chế và đánh giá khách quan quá trình thực tập.

7.3. Theo dõi, điều chỉnh kế hoạch TTSP

Ban chỉ đạo thực tập sư phạm trường sư phạm theo định kỳ sẽ tiến hành tổ chức việc kiểm tra hoạt động của các đoàn thực tập. Kiểm tra được thực hiện nhằm duy trì hoạt động đồng thời có tiến hành những tác động điều chỉnh nếu thấy cần thiết. Giảng viên đại diện cho các khoa chuyên môn khi tới các cơ sở thực tập sẽ thực hiện những tác động hỗ trợ nhất định về chuyên môn nhằm giúp cho các giáo sinh có được những điều kiện cần thiết để soạn, giảng dạy các bài học kỹ thuật chuyên ngành đạt hiệu quả.

8. QUẢN LÝ THỰC TẬP SƯ PHẠM

8.1. Khái niệm về quản lý thực tập sư phạm

8.1.1. Khái niệm chung về quản lý thực tập sư phạm

Lý luận quản lý được xây dựng trên cơ sở của những công trình nghiên cứu thực nghiệm, phân tích lý luận - thực tiễn và tổng kết kinh nghiệm. Theo D.Wren, khoa học quản lý cũng xưa cũ như con người. Khi phân tích nội dung của hình thái ý thức xã hội, ngoài các quan hệ sở hữu và phân phối ra, người ta cũng đã chú ý đến quan hệ quản lý. Trong "Luận ngữ", Khổng Tử đã cho rằng, nhà quản lý phải có đạo đức mà mọi thành viên cũng phải có ý thức về chức phận của mình khi khẳng định "quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử" và "Kỳ thân chính bất lệnh nhi hành, kỳ thân bất chính tuy lệnh bất tòng". Từ thế kỷ XV, Mikiavely đã cho rằng, một tổ chức tốt phải có được cả một thức bậc các mối quan hệ và tôn ty chặt chẽ, người thủ lĩnh của nó phải biết chăm lo đến đời sống của các thành viên và mọi nhân viên đều phải biết tuân thủ kỷ luật chung. A.Smith lại cho rằng, khi người thủ lĩnh biết cách quan tâm đến sự phân công lao động và tổ chức sản xuất một cách hợp lý cho mọi người của cơ sở sản xuất sẽ làm thành chìa khoá cho sự thịnh vượng.

Trong tác phẩm "The Scientific Principles of Management", F.Taylor (1856 - 1915) đã đề ra các nguyên tắc quản lý hoạt động một cách khoa học như sau: 1) Phải nghiên cứu một cách khoa học trật tự thao tác cho sự thực hiện của mỗi một yếu tố cấu thành của công việc và xác định được phương pháp tốt nhất để hoàn thành nó; 2) Phải tuyển chọn công nhân một cách cẩn trọng và huấn luyện cho họ biết rõ thể thức hoàn

thành nhiệm vụ bằng cách sử dụng các phương pháp mang tính khoa học đã được định hình; 3) Người quản lý phải biết hợp tác đầy đủ và toàn diện với công nhân để có thể đảm bảo chắc chắn rằng, họ sẽ làm việc y như quy trình hành động của những phương pháp đúng đắn; 4) Biết phân chia công việc và trách nhiệm sao cho người quản lý có bổn phận phải tiến hành lập kế hoạch cho công việc khi sử dụng những nguyên lý khoa học, còn người công nhân phải có bổn phận phải thực thi công việc theo đúng như tinh thần của kế hoạch đó; 5) Phải tiến hành trả lương theo chất lượng sản phẩm và có chế độ thưởng cho những sản phẩm vượt định mức lao động ở những người tiên tiến.

Trong công trình "Administration Industrielle et Générale", H.Fayol (1841-1925) đã đề ra các nguyên tắc sau: 1) Tiến hành phân công lao động nhằm nâng cao hiệu quả khi phân chia công việc thành những phần nhỏ để bố trí người làm cho hợp lý; 2) Phải phân bổ quyền hạn và trách nhiệm song song và phù hợp với nhau; 3) Phải có hệ thống kỷ luật để buộc mọi thành viên phải biết cách tôn trọng và tuân thủ nó; 4) Đảm bảo sự thống nhất trong chỉ huy sao cho mỗi cấp dưới chỉ được nhận mệnh lệnh của một cấp trên; 5) Mỗi tổ chức đều có mục tiêu riêng của mình để tiến hành hoạt động theo một kế hoạch và sự chỉ huy của một người lãnh đạo duy nhất nhằm đảm bảo sự thống nhất của định hướng; 6) Lợi ích của mọi cá nhân phải luôn phục tùng lợi ích chung; 7) Phải trả lương cho xứng với công sức của mỗi người; 8) Đảm bảo có được sự tập trung khi người quản lý ra quyết định và phi tập trung khi mọi người đều tham gia trao đổi trực tiếp nhằm tìm ra phương thức thực hiện quyết định; 9) Đảm bảo sợi dây quyền lực sao cho người quản lý và bị quản lý đều là một bộ phận của hệ thống được chỉ huy từ trên xuống dưới; 10) Đảm bảo có được sự sắp xếp có trật tự cho đúng chỗ của mọi người cũng như công việc, vật liệu, tư liệu, v.v... 11) Đảm bảo có được sự đối xử bình đẳng và công bằng trong tổ chức của đơn vị; 12) Đảm bảo có sự ổn định về nhân sự để tạo điều kiện thuận lợi cho bộ máy của cơ quan được hoạt động đều và có hiệu quả; 13) Mọi sáng kiến của các thành viên đều được khuyến khích và tôn trọng; 14) Đảm bảo có được tinh thần đồng đội, sự gắn bó và bù trừ chức năng cho nhau trong ban lãnh đạo; 15) Quản lý có chức năng kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra trên cơ sở thông tin.

M.Weber (1864-1920) đưa ra luận điểm Bureaucratic Management như sau: 1) Đảm bảo cho sự phân công lao động cũng như quyền hạn, trách nhiệm đều được xác định một cách rõ ràng và thể chế hoá; 2) Phải hình thành được một tôn ty thứ bậc các

quyền lực dựa trên một dây chuyền chỉ huy; 3) Mọi nhân viên đều phải được tuyển chọn dựa trên cơ sở của trình độ nghề nghiệp, văn hoá và nghiệp vụ đã qua đào tạo, sát hạch; 4) Phải chỉ định người quản lý; 5) Phải trả lương xứng đáng cho nhà quản lý; 6) Không được để người sở hữu đơn vị đó làm nhà quản lý để điều hành nó; 7) Hoạt động của người quản lý phải tuân thủ nghiêm lệnh theo những nguyên tắc, chuẩn mực, quy phạm đã định và phải chịu sự kiểm tra - giám sát, phải đảm bảo khâu tổ chức.

Mary Parker Follett (1868-1933) đã nêu ra nguyên tắc cho sự phối hợp giữa các tác động quản lý và bị quản lý như sau: 1) Sự phối hợp thao tác giữa chủ thể - đối tượng sẽ đạt đến tốt nhất nếu những người có trách nhiệm ra quyết định biết tiến hành tiếp xúc trực tiếp với nhau; 2) Sự phối hợp thao tác quản lý được diễn ra ở chính trong giai đoạn kế hoạch hoá và việc triển khai thực hiện nội dung của kế hoạch đó là có ý nghĩa quyết định; 3) Sự phối hợp thao tác giữa tác động quản lý với bị quản lý phải được thực hiện liên tục và phải tính đến tất cả những yếu tố đã tạo nên tình huống quản lý.

Chester Barnard (1886 -1961) đã chỉ ra nguyên lý chấp thuận khi cho rằng, cấp dưới sẽ sẵn sàng chấp thuận được mệnh lệnh của người quản lý chỉ khi nào họ hiểu ra yêu cầu cũng như có niềm tin vào sự phù hợp của nó với mục tiêu của đơn vị và thấy rõ lợi ích của mình khi thực thi nó. Các nghiên cứu thực nghiệm được diễn ra ở xưởng Hawthorne thuộc Công ty Điện lực miền Tây USA trong thời gian 1924-1927 đã khẳng định rằng nếu người công nhân đã có sự tập trung ý thức, tư tưởng vào công việc thì năng suất lao động sẽ tăng trong khi những điều kiện sản xuất không có gì thay đổi.

Theo quan điểm hệ thống - cấu trúc, hệ quản lý bao giờ cũng là một tập hợp các phần tử có mối quan hệ qua lại và liên thuộc với nhau thành một thực thể khác hẳn về chất so với những phần tử riêng biệt đã tạo nên mình. Nó không thể bị tồn tại cô lập mà luôn là một phần tử của hệ thống khác lớn hơn và có mối liên hệ logic với các hệ thống khác cũng như với môi trường. Có hệ thống đóng - mở, hệ thống lớn - con. Theo lý thuyết thông tin, hệ thống quản lý được phân tích theo các yếu tố sau: 1) Đầu vào bao gồm nội dung của các nguồn lực vật chất, con người, tiền bạc, thông tin toàn diện về đối tượng để đưa vào quá trình biến đổi để thành đầu ra; 2) Quá trình biến đổi là công nghệ chuyển hoá đầu vào để thành đầu ra; 3) Đầu ra là kết quả của các quá trình biến đổi khi hệ thống đã tiếp nhận đầu vào; 4) Liên hệ ngược là thông tin loan báo về thực trạng vận động của hệ thống và kết quả hoạt động của nó.

Quản lý là hoạt động có mục đích làm cho các quá trình trao đổi những sức mạnh bản chất người được diễn ra một cách hiệu quả, tối ưu khi chủ thể tiến hành giải quyết các nhiệm vụ quản lý. Thực chất của quản lý là biến thông tin thành hành động.

Hoạt động quản lý rất đa dạng và phức tạp. Trong thực tế, có bao nhiêu lĩnh vực hoạt động của con người cũng sẽ có bấy nhiêu hình thức quản lý. Vì vậy, khi tiếp cận đối tượng này, chúng ta phải xác định rõ được đối tượng, thành phần của nó như hoạt động quản lý cụ thể, hành động, thao tác cũng như nội dung đối tượng của nó như động cơ, mục đích và phương tiện - điều kiện xác định dùng cho việc giải quyết nhiệm vụ quản lý. Để có thể giải quyết tốt các nhiệm vụ quản lý, ở nhà lãnh đạo phải có được những khái niệm, phạm trù, luận đề, cách tiếp cận theo hệ thống những quan điểm và tầm nhìn chiến lược. Thông qua đó, họ phải biết tiến hành phân tích hiện trạng, hoàn cảnh, không gian - thời gian vận động của đối tượng mà khám phá ra mâu thuẫn cũng như xác định rõ được nội dung của các bài toán, vấn đề, nhiệm vụ quản lý cần phải giải quyết. Trên cơ sở đó, họ sẽ nỗ lực tiến hành thực hiện các hoạt động tư duy và tưởng tượng sáng tạo, gắng sức để xác định rõ chiến lược quản lý cũng như kế hoạch chỉ đạo, mục tiêu hành động, tìm kiếm các phương tiện - điều kiện cần thiết cho việc thực thi các giải pháp, tổ chức thực hiện, kiểm tra - thanh tra, đánh giá, hiệu chỉnh mọi hành vi, quan hệ quản lý.

Quản lý là một quá trình tác động có ý thức của chủ thể vào đối tượng nhằm đảm bảo cho nó được vận động ổn định, đúng quy luật và hướng tới đạt những mục tiêu đã hướng đích. Mục tiêu này biểu hiện được những đặc trưng cho trạng thái vận động mới của hệ thống mà nhà quản lý mong muốn. Mục tiêu quản lý trường dạy nghề được xác định theo nội dung của các vấn đề sau: 1) Thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo chỉ tiêu mà nhà trường được giao hàng năm; 2) Đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện đúng như tinh thần, nội dung của kế hoạch và chương trình mà nhà nước đã quy định; 3) Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về cơ cấu, số lượng, mạnh về chuyên môn, nghiệp vụ và có đạo đức tốt; 4) Xây dựng Đảng bộ, các tổ chức quần chúng như Đoàn TNCS, Công đoàn, Phụ nữ, Hội học sinh - sinh viên vững mạnh, trong sạch làm nòng cốt cho việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý; 5) Xây dựng, bảo quản và phát huy được hiệu lực sử dụng trường sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, nhà xưởng vào đào tạo từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hoá, khoa học và kỹ thuật ở địa phương; 6) Thực hiện tốt chức trách quản lý hành chính nhà nước đối với công tác văn

thu - lưu trữ tài liệu, kế toán, tài chính; 7) Thường xuyên đổi mới phương thức quản lý, chăm lo nghiên cứu, đúc kết kinh nghiệm quản lý đào tạo để hoàn thiện không ngừng quá trình giáo dục - đào tạo của trường; 8) Đảm bảo được sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng cũng như sự chỉ đạo của chính quyền địa phương đối với hoạt động quản lý của nhà trường, giữ vững mối quan hệ với các cơ quan bạn, các tổ chức sản xuất - kinh doanh - các xí nghiệp quanh trường để tạo tiềm lực cho quản lý, làm tốt công tác tuyên truyền về đường lối dạy nghề của Đảng - Nhà nước ta ở địa phương; 9) Thực hiện tiết kiệm về tiền - của - sức người cho đào tạo, giữ gìn môi trường sư phạm kỹ thuật thuần khiết trong trường và bảo vệ tài sản cũng như phương tiện cho đào tạo; 10) Không ngừng nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới cũng như kinh nghiệm quản lý để tiến hành đổi mới phương thức tư duy quản lý nhằm xác định được phương hướng chiến lược cho sự phát triển của nhà trường mình và chính nhân cách quản lý của mình sao cho tương hợp với yêu cầu của hoạt động - giao tiếp quản lý.

Quản lý thực tập sư phạm được hiểu là chủ thể tiến hành thực hiện các tác động xây dựng kế hoạch, tổ chức đội ngũ, lãnh đạo – chỉ đạo thực hiện, kiểm tra và đánh giá toàn bộ quá trình cũng như kết quả hoạt động thực tập sư phạm nhằm đạt mục tiêu đã quy định trên cơ sở thông tin. Tác động quản lý TTSP được thực hiện nhằm đảm bảo cho các hoạt động thực tập giảng dạy, giáo dục toàn diện và quản lý diễn ra tương thích, đạt hiệu quả, đúng mục tiêu. Mục tiêu của quản lý thực tập sư phạm là bảo đảm cho việc thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nội dung và kế hoạch thực tập sư phạm theo đúng các quy định nhằm làm cho hoạt động thực tập sư phạm đạt tới chất lượng và hiệu quả cao nhất. Quản lý thực tập sư phạm được thực hiện nhằm đảm bảo cho quá trình đào tạo giáo viên dạy nghề ở các trường sư phạm kỹ thuật đáp ứng mọi đòi hỏi ngày càng cao về trình độ chuyên môn cũng như năng lực sư phạm kỹ thuật của giáo viên dạy nghề.

8.1.2 Chức năng quản lý của thực tập sư phạm

Nói chung, hiện nay, việc xác định nội dung của các chức năng quản lý còn có sự khác biệt theo từng loại quan điểm lý luận. Nhưng đa số quan điểm đều cho rằng quản lý có bốn chức năng cơ bản sau.

Kế hoạch hoá (E.Planning) có nghĩa là chủ thể phải tiến hành các hoạt động tư duy để xác định rõ mục tiêu, mục đích phải đạt trong tương lai của tổ chức cùng các con đường, biện pháp, cách thức để đạt được nó. Kế hoạch hoá được bao gồm các

công việc cơ bản như thu thập, xử lý thông tin toàn diện về đối tượng - quá trình quản lý để tìm ra những căn cứ khoa học, tiến hành xác định, phân loại thứ tự các ưu tiên, tìm tòi - lựa chọn các biện pháp, phương tiện, phương án thực hiện mục tiêu, soạn thảo, thông qua, truyền đạt nội dung của văn bản kế hoạch đến người thực hiện. Ba nội dung chủ yếu của hành động kế hoạch hoá là: 1) Xác định, hình thành mục tiêu, phương hướng cơ bản của tổ chức; 2) Xác định để đảm bảo một cách chắc chắn những cơ sở khoa học cho toàn bộ những cam kết về các nguồn lực bên trong cũng như bên ngoài của cơ cấu tổ chức được dùng để đạt mục tiêu đã định; 3) Tiến hành xác định xem thứ bậc các công việc nào là cần thiết phải thực hiện để có thể đạt được những chỉ tiêu nào và bằng các phương thức cụ thể ra sao.

Tổ chức (E.Organizing) được bao gồm các việc làm cụ thể như xây dựng nên các cơ cấu bộ máy nhân sự, quy định rõ chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ, quan hệ của từng hệ thống, lựa chọn, phân công cán bộ sao cho phù hợp với năng lực, phẩm chất của họ và tạo ra ở họ tâm thế thích ứng hoàn toàn với công vụ, chuẩn bị để cung ứng kịp thời các phương tiện - điều kiện về vật chất - tài chính - tinh thần cho việc thực hiện nhiệm vụ, tiến hành khai thác mọi tiềm năng, nội lực, ngoại lực cần thiết đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch. Khi kế hoạch đã được soạn thảo, cần tổ chức trao đổi, thảo luận, trình duyệt và triển khai thực hiện nội dung của nó. Người quản lý một khi đã có kế hoạch sẽ phải tiến hành chuyển hoá những ý tưởng chung - trừu tượng của nó thành hiện thực bằng việc làm của mọi nhân viên. Việc chủ thể biết cách tiến hành tạo ra một hệ thống cấu trúc những người sẽ đảm đương công việc sao cho tương thích với những yêu cầu của kế hoạch là một việc làm quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với sự chuyển hoá này. Trong quá trình tổ chức đội ngũ, nhà quản lý cũng còn phải thực hiện những tác động nhằm làm hình thành nên cả một cấu trúc của các mối quan hệ qua lại giữa các thành viên cũng như ở nội bộ của các bộ phận với nhau, đảm bảo cho họ có được những điều kiện tâm lý - xã hội cần thiết mà thực hiện nhiệm vụ, tiến tới hoàn thành thắng lợi các tiêu chí của kế hoạch. Nhờ có công tác tổ chức mà nhà quản lý có thể kết hợp, điều phối tốt hơn tất cả các nguồn lực về người, tiền, của đã được huy động từ nội lực - ngoại lực làm phương tiện - điều kiện thiết yếu cho hoạt động, đảm bảo sự thành công của các nhiệm vụ quản lý. Kết quả của công tác tổ chức là làm hình thành và xây dựng nên được một hệ thống - cấu trúc các đơn vị, bộ phận chức năng -

ng nghiệp vụ, các Phòng - Ban gồm các nhà lãnh đạo, người giúp việc - cộng sự, nhân viên cùng hệ thống các công việc tương ứng của chúng.

Lãnh đạo - chỉ đạo thực hiện (E.Leading) bao gồm việc ra lệnh cho các tổ chức và cá nhân tiến hành giải quyết các nhiệm vụ quản lý, hướng dẫn cho họ biết rõ hướng đi, cách làm để dẫn đến kết quả, điều phối nguồn nhân lực cũng như công vụ giữa các bộ phận, cá nhân, kích thích mọi người trong đơn vị thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ và bồi dưỡng năng lực quản lý cho mọi người. Sau khi kế hoạch đã được lập, cơ cấu tổ chức đã hình thành, nhân viên đã tuyển chọn thì chủ thể quản lý phải thực hiện các tác động lãnh đạo, dẫn dắt, chỉ đạo (E.Directing) hay tác động (E.Influencing) cho mọi nhân viên biết cách tiến hành thực hiện các nhiệm vụ quản lý. Thực chất của việc làm này là tiến hành thực thi các mối quan hệ - liên hệ quản lý nhằm động viên tích cực hoạt động của mọi nhân viên trong việc thực hiện nội dung của kế hoạch. Phẩm chất và năng lực trong nhân cách của nhà lãnh đạo luôn được thấm vào và có ảnh hưởng quyết định đối với chất lượng của việc thực hiện các chức năng kế hoạch hoá, tổ chức và kiểm tra. Khi thực hiện toàn bộ các thao tác chỉ đạo - lãnh đạo, nhà quản lý phải đảm bảo được tính cụ thể, sát thực, khái quát, năng động, đổi mới, đúng luật pháp, có trí tuệ cao, tuyển tính hoặc phi tuyển tính và được điều khiển bằng tư duy lý luận.

Kiểm tra (E.Controlling) quá trình và kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhằm đảm bảo được những mối liên hệ ngược. Kiểm tra được bao gồm những công việc thu thập, phân tích, đánh giá thông tin về tình trạng diễn biến cùng các kết quả của công việc để từ đó, phát hiện ra những sai lệch, tiến hành hiệu chỉnh và sửa chữa kịp thời chúng nhằm đảm bảo cho mọi mục tiêu đều phải thực hiện đầy đủ, chính xác và có chất lượng. Nhờ có kiểm tra mà từng thành viên hay tổ chức đều biết rõ cách thức tiến hành theo dõi, giám sát được tiến trình hoạt động cũng như kết quả của nó để trên cơ sở đó, thực hiện việc đánh giá, so khớp chúng với mục tiêu đã định xem chất lượng, hiệu quả của nó ra sao mà hiệu chỉnh cho phù hợp. Mục tiêu của kiểm tra là xác định rõ sự phù hợp của kết quả hoạt động với những chi phí đã bỏ ra từ đó nếu biết rằng chúng không có sự tương ứng thì phải tiến hành ngay những tác động hiệu chỉnh, uốn nắn, sửa chữa. Kiểm tra luôn luôn được thực hiện trong mối quan hệ với sự tự kiểm tra của các chủ thể quản lý. Công việc này diễn ra có tính chất chu kỳ từ việc đặt ra những chuẩn mực mà chủ thể phải thực hiện đến việc đối chiếu, đo lường kết quả

của sự thành đạt so với các chuẩn mực, tiến hành điều chỉnh những sai lệch, hiệu chỉnh, sửa lại chúng theo các chuẩn mực nếu cần.

Trong chu trình quản lý, ngoài bốn chức năng trên, người lãnh đạo còn phải thực hiện các nhiệm vụ thu nhận, phân tích, xử lý thông tin một cách kịp thời, khoa học, hiện thực khi xây dựng kế hoạch cũng như tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Thông tin (E.Information) được coi là nền tảng của quản lý. Có những thông tin hai chiều từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên. Thông tin là cần thiết, quan trọng và được xen vào tất cả các chức năng kế hoạch hoá, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Thông tin có tác dụng đem lại cơ sở tâm lý cho chủ thể biết rõ những số liệu, cứ liệu về đối tượng cũng như trạng thái, quá trình quản lý để từ đó, họ biết cách tiến hành chọn lọc, xử lý chúng nhằm tìm kiếm được những phương thức mới để vươn tới đạt mục tiêu quản lý. Trong quá trình quản lý, chủ thể phải biết tổ chức tốt việc thu thập, xử lý, truyền đạt và lưu trữ thông tin quản lý. Người quản lý phải biết cách tổ chức hệ thống thông tin sao cho mình có thể nắm vững được một cách thường xuyên, kịp thời, chính xác và đầy đủ toàn bộ các cứ liệu về quá trình cũng như kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ quản lý của mỗi cá nhân, tập thể - nhóm của đơn vị mà mình phụ trách.

Quản lý hành chính Nhà nước về giáo dục - đào tạo được hiểu là sự tác động có tổ chức và điều hành bằng quyền lực của các cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục thông qua việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ giáo dục do Nhà nước uỷ quyền nhằm làm phát triển giáo dục, duy trì kỷ cương trong giáo dục - đào tạo và thoả mãn nhu cầu về học tập của nhân dân. Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước về giáo dục. Các Sở Giáo dục - Đào tạo các tỉnh, thành, các Phòng Giáo dục - Đào tạo của huyện, quận và các cơ quan chuyên môn của UBND các cấp sẽ giúp cho UBND thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương mình. Các cơ quan quản lý giáo dục từ Bộ đến Sở và Phòng Giáo dục - Đào tạo tiến hành thực hiện quyền hành pháp theo ba nội dung cơ bản là thực thi các văn bản pháp luật, lập quy cho các hoạt động giáo dục - đào tạo, thanh tra, kiểm tra, giám sát sự thi hành pháp luật đối với UBND các cấp cũng như việc thi hành nội dung các luật, nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị, v.v... đối với các cơ quan, trường học, tổ chức và cá nhân trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường dạy nghề được coi là đơn vị cơ sở trong nền giáo dục TCCN - DN của hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nội dung các văn bản luật

cũng như dưới luật về giáo dục, chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có liên quan và các tổ chức xã hội được Nhà nước quy định theo chức năng. Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, trường dạy nghề có thể xây dựng nên những nội quy, điều lệ riêng, phù hợp với trình độ phát triển cũng như điều kiện của mình. Tham gia quản lý trường dạy nghề có những tác động quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục - đào tạo và quản lý chuyên môn của cấp trên nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện pháp lý cho việc thực hiện các hoạt động dạy - học, giáo dục toàn diện của trường. Tham gia vào việc quản lý trường dạy nghề còn có những chỉ dẫn, quyết định của các thực thể bên ngoài nhưng có liên quan trực tiếp đến việc quản lý như Ban Văn hoá - Giáo dục của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp nhằm định hướng cho sự phát triển cũng như hỗ trợ, tạo điều kiện về mặt pháp lý cho việc thực hiện các nhiệm vụ dạy nghề. Quản lý trực tiếp trường dạy nghề là những chủ thể tồn tại ở bên trong nó mà người đại diện duy nhất là hiệu trưởng. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ những tác động quản lý giáo viên, học sinh, công chức của trường, tổ chức - quản lý quá trình dạy học, giáo dục, cơ sở vật chất - trường sở - lớp học cũng như quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng. Hiệu trưởng phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ làm tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương về các vấn đề có liên quan đến giáo dục - đào tạo kỹ thuật nghề nghiệp cũng như tiến hành tuyên truyền, vận động các tổ chức, đoàn thể xã hội, cha mẹ học sinh và nhân dân để họ tích cực tham gia sự nghiệp dạy nghề.

Bộ máy quản lý của các trường TCCN- dạy nghề gồm có hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, lãnh đạo cơ sở Đảng - Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Công đoàn - Phụ nữ - Hội học sinh, trưởng các Phòng - Ban, Khoa - Tổ chuyên môn, Hội đồng đào tạo, v.v... Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà trường được bao gồm hai loại tác động của các chủ thể quản lý ở bên trên - bên ngoài nhà trường và bên trong nhà trường. Những tác động chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên đến nhà trường được thực hiện là nhằm mục đích hướng dẫn và tạo điều kiện cho mọi hoạt động giáo dục - đào tạo trong trường được diễn biến thuận lợi, tương thích đúng mục tiêu đã hướng đích. Những tác động quản lý do chủ thể quản lý ở bên trong nhà trường tiến hành bao gồm việc làm của ban giám hiệu, trưởng các phòng, ban, khoa, bộ môn khi điều hành các hoạt động quản lý giáo viên, quản lý học sinh - lớp học, quản lý quá trình dạy học - giáo dục toàn diện, quản lý cơ sở vật chất - trang thiết bị kỹ thuật - đồ dùng dạy học,

quản lý hành chính - tài chính và môi trường. Trong quá trình quản lý nhà trường dạy nghề, hiệu trưởng phải đảm bảo được tính pháp lý, tính đạo đức và tính hiệu quả của các tác động chỉ đạo, sao cho hiệu số giữa đầu ra và đầu vào của đào tạo là cực đại. Kết quả của hoạt động giáo dục kỹ năng nghề nghiệp phải được hiệu trưởng quan tâm và họ phải biết coi việc đạt mục tiêu đào tạo là chủ yếu, còn đạt mục tiêu kinh tế chỉ là thứ yếu. Toàn bộ những việc làm của mọi tổ chức cũng như cá nhân trong trường đều nhằm mục tiêu đào tạo thế hệ nhân cách những con người lao động mới, phát triển toàn diện, đáp ứng được mọi đòi hỏi của nền kinh tế - văn hoá - xã hội trong điều kiện của nền kinh tế tri thức, kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập WTO, công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong sự phát triển nhân cách của người học phải biểu hiện có được sự phù hợp với bản sắc văn hoá của dân tộc Việt cũng như những tinh hoa của loài người, từng bước góp phần quan trọng vào việc xây dựng nhân cách nghề người Việt Nam.

Hiệu trưởng được coi là thủ trưởng của trường dạy nghề - người đại diện cho nhà trường về mặt pháp lý, có trách nhiệm và thẩm quyền cao nhất về hành chính cũng như chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý toàn bộ các hoạt động của trường trước Nhà nước. Hiệu trưởng có nhiệm vụ sau: 1) Lập kế hoạch năm học - khoá học và tổ chức, chỉ đạo cho tập thể cán bộ, viên chức, giáo viên cũng như học sinh thực hiện. Nội dung của bản kế hoạch này phải nêu lên được đầy đủ toàn bộ nhiệm vụ của nhà trường dạy nghề như đã quy định cùng chỉ tiêu phải đạt và giải quyết thực hiện; 2) Trực tiếp quản lý công tác của mọi công chức, giáo viên theo nội dung của các nhiệm vụ được giao như chức danh đã định. Hiệu trưởng phải thường xuyên biết cách tiến hành kiểm tra tính chất, nội dung cũng như kết quả của công tác giảng dạy, hoạt động giáo dục toàn diện, nghiên cứu khoa học, ứng dụng tin học - ngoại ngữ vào dạy học và quan hệ sư phạm của giáo viên nhà trường; 3) Chỉ đạo tốt việc thực hiện công tác hành chính, tài vụ, y tế, thư viện, quản trị nhằm đảm bảo được các điều kiện vật chất, tài chính thiết yếu cho hoạt động giáo dục - đào tạo cũng như tổ chức công việc văn thư - lưu trữ toàn bộ những hồ sơ sổ sách, chứng từ theo quy định của Nhà nước, quản lý tài chính đúng theo chế độ - nguyên tắc kiểm toán các loại kinh phí của nhà trường với trách nhiệm là chủ tài khoản, quản lý cũng như bổ sung và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trường sở, trang - thiết bị, kỹ thuật, đồ dùng dạy học, làm thoả mãn mọi yêu cầu của việc giải quyết nhiệm vụ nhằm tạo cho hoạt động quản

lý giáo dục - đào tạo kỹ thuật - nghề nghiệp được diễn biến một cách đồng bộ, đạt hiệu quả tối ưu.

8.1.3. Cấu trúc của năng lực quản lý

Nhân cách của hiệu trưởng được coi là phương tiện chủ yếu của hoạt động quản lý trường học khi đã có đường lối, chính sách và quyết định hợp lý về những vấn đề của giáo dục - đào tạo kỹ thuật, dạy nghề. Hiệu trưởng phải biết tạo ra cho mình một êkíp lãnh đạo đủ mạnh, dám chịu trách nhiệm, có tinh thần đồng đội, biết bổ sung, hỗ trợ, bù trừ chức năng cho nhau, tương trợ, hiểu biết, cảm thông lẫn cho nhau cũng như biết chỉ đạo mọi cách năng động, luôn biết phục tùng và tuân thủ luật pháp. Nội dung của hệ thống cấu trúc này được phản ánh khái quát ở những vấn đề sau: 1) Tiểu cấu trúc những thuộc tính tâm lý đóng vai trò chủ đạo bao gồm các phẩm chất sau: a) Năng lực tư duy tổ chức sâu sắc, linh hoạt, cơ động để có thể thấu hiểu được những đặc trưng cơ bản của nhân cách nhân viên và tính chất công việc mà họ thực hiện; b) Có trí tưởng tượng sáng tạo, sinh động, sát hợp về đối tượng cũng như quá trình vận động của nó để vạch ra được chiến lược tổ chức nhằm thực hiện thao tác cấu trúc hoá hệ thống các con người và công việc tương ứng; c) Có phẩm chất ý chí, tính dũng cảm, sự kiên định, ngoan cường trong khi thiết kế, hình thành và duy trì các cơ cấu tổ chức; 2) Tiểu cấu trúc những thuộc tính tâm lý đóng vai trò hỗ trợ bao gồm các phẩm chất sau: a) Có năng lực quan sát đặc thù về con người và công việc để từ đó, có khả năng hiểu biết sâu sắc về họ mà xếp việc cho đúng với năng lực từng người cũng như tìm ra được những con người có phẩm chất - năng lực phù hợp với từng loại hình công việc; b) Có năng lực nhận cảm tinh tế để nhận thức một cách sâu sắc, thấu đáo về đối tượng qua biểu hiện của hành vi, ngôn ngữ, thái độ và phong thái của nó, làm tiền đề tâm lý cho các quá trình đánh giá đúng người, đúng việc; c) Năng lực thực hiện hoạt động trí tuệ một cách bền bỉ để tìm kiếm cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng nên các cơ cấu tổ chức; 3) Tiểu cấu trúc những thuộc tính tâm lý đóng vai trò điểm tựa được bao gồm các thành tố sau: a) Có năng lực biểu hiện thái độ cảm xúc một cách tích cực với đối tượng; b) Có được khả năng biết chăm chú và có hứng thú thực sự đối với việc tìm tòi, xây dựng, thiết kế - thi công các hệ thống con người, công việc của đơn vị trong suốt thời gian, không gian quản lý; c) Có năng lực ghi nhớ đầy đủ, chính xác và đúng đắn toàn bộ nội dung của các dữ liệu - dữ kiện về sự vận động, biểu hiện hành vi - quan hệ của mọi người ở các bộ phận trong đơn vị mình suốt theo chiều dài quản lý.

Tất cả các phẩm chất này đều cần thiết, liên hệ biện chứng với nhau như một chỉnh thể. Để có được năng lực tổ chức, chủ thể phải không ngừng thực hiện nhiệm vụ học tập lý luận, nắm vững đường lối tổ chức cán bộ, rèn luyện, tự rèn luyện thường xuyên nhân cách bản thân và nghiên cứu khoa học về tổ chức - quản lý quá trình đào tạo trong trường dạy nghề. Để có thể thực hiện được đường lối tổ chức, ở hiệu trưởng phải có uy tín. Uy tín được hiểu là quyền uy và sự tín nhiệm của hiệu trưởng đã được nhân viên thừa nhận. Uy tín được coi là sự phức hợp của quyền uy với sự tín nhiệm. Cái uy được tạo ra bởi bản tính tâm - sinh lý - cơ thể và nhân cách của hiệu trưởng. Cái tín biểu hiện ở sự tin tưởng, tín nhiệm của nhân viên đối với hiệu trưởng cũng như toàn bộ êkíp lãnh đạo nhà trường. Quyền là cái được cấp trên và tập thể giao cho mình ở một mức độ giới hạn xác định nào đó của chức trách theo như quyết định bổ nhiệm. Uy tín của hiệu trưởng phụ thuộc vào trình độ học vấn, kỹ năng quản lý đã được đào tạo cũng như vào các thuộc tính tâm - sinh lý - thần kinh, cơ thể và trình độ nhân cách khi thực thi các hoạt động, giao tiếp quản lý. Để có được uy tín, ở hiệu trưởng phải có được nhân cách phát triển sao cho ngang tầm với yêu cầu của hoạt động quản lý trường dạy nghề, có được một êkíp lãnh đạo đủ mạnh, tương xứng với yêu cầu của hoạt động quản lý các quá trình đào tạo, biết cư xử đúng đắn trong mọi quan hệ quản lý, biết dựa vào cốt cán, có thái độ trung thực, mẫu mực về lối sống, có phong cách chỉ đạo năng động, đúng luật pháp, đạt hiệu quả, sáng tạo và không tham nhũng.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ quản lý, hiệu trưởng và êkíp lãnh đạo phải dựa vào nội dung bản nhận xét công chức mà tiến hành phân tích, đánh giá để tìm ra cơ sở tâm lý - giáo dục của công tác tổ chức nhằm xác định được những nhân cách phù hợp nhất với công việc cũng như tìm ra nội dung những công việc phù hợp nhất với khả năng của từng người. Nội dung của phiếu nhận xét công chức mà hiệu trưởng phải xử lý được bao gồm những vấn đề sau: 1) Về trình độ văn hoá, kỹ thuật - nghề nghiệp và sự phạm đã được đào tạo, kỹ năng nghề, kinh nghiệm đào tạo; 2) Về đạo đức cá nhân thể hiện ở niềm tin, ý thức nghĩa vụ, tính nguyên tắc, lòng yêu lao động, sự quan tâm, tính chu đáo trong công việc; 3) Về tính cách của họ có biểu hiện ra sự cởi mở, thái độ khiêm tốn, có sự cân bằng về thần kinh, có tính quyết đoán, sự kiên định, khả năng đổi mới, sự năng động, chín chắn không; 4) Về phẩm chất tâm lý của nhân cách được đánh giá qua các chỉ số như trình độ của năng lực tổ chức, có nguyện vọng - xu hướng nâng cao tay nghề, có yêu cầu cao với mình cũng như người

khác, tinh thần lao động tích cực - sáng tạo - khoa học, tính kỷ luật trong hoạt động - quan hệ của nhân viên; 5) Về hiệu quả hoạt động - quan hệ, sự đoàn kết, tính chất của uy tín, năng suất lao động, sự tôn trọng, tiến hành nêu dự kiến chuyên viên thế công tác cho nhân viên ở trạng thái phù hợp trong tương lai như thế nào?

8.1.4. Các yếu tố tâm lý xã hội của thực tập sư phạm

Bầu không khí tâm lý trong êkíp lãnh đạo được hiểu là tính chất của các mối quan hệ qua lại, trạng thái tình cảm tích cực và thái độ ứng xử tế nhị giữa hiệu trưởng với các cộng sự. Nó được coi là một loại trạng thái tâm lý - xã hội do những diễn biến thực của hoạt động cũng như giao tiếp quản lý của hiệu trưởng và mọi người trong nhóm lãnh đạo mà sinh ra, có tác dụng quy định hiệu quả, chất lượng của việc giải quyết nhiệm vụ quản lý của êkíp. Nó có thể được xem xét, đánh giá qua ba chỉ số sau: 1) Giữa hiệu trưởng và các cộng sự luôn có được sự tin nhiệm và đòi hỏi cao về tất cả các phẩm chất của nhân cách quản lý với nhau; 2) Trong êkíp lãnh đạo có được sự phê bình nhau một cách thiết thực và có thiện chí nhằm đảm bảo tính hiệu lực của quản lý cũng như sự tự hoàn thiện dần kỹ năng, phong cách chỉ đạo, khả năng đưa ra định hướng chiến lược quản lý giữa mọi người; 3) Giữa hiệu trưởng và mọi người trong ban lãnh đạo nhà trường có được bầu không khí tâm lý thấu lý - đạt tình, dân chủ, cởi mở, thân thiện, vui vẻ, đồng cảm, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm mọi người có thể để tự do phát biểu ra tất cả những vấn đề về quản lý trường dạy nghề của mình mà không hề có sự áp đặt, chỉ đạo trước một cách khiên cưỡng.

Tâm trạng quản lý được coi là trạng thái tình cảm, phản ánh thái độ chung của hiệu trưởng cũng như mọi người trong êkíp lãnh đạo của nhà trường đối với các biến cố có quan hệ mật thiết và mạnh mẽ đến sự thoả mãn hay không thoả mãn nhu cầu quản lý. Tâm trạng quản lý tích cực có tác dụng tạo ra được những điều kiện tâm lý - xã hội cần thiết, giúp cho hiệu trưởng và mọi người trong êkíp lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ của các hoạt động cũng như giao tiếp quản lý. Ngược lại, tâm trạng quản lý tiêu cực có thể gây ra những trở ngại, gây ức chế, kìm hãm việc thực thi những nhiệm vụ của hoạt động và giao tiếp quản lý. Tâm trạng quản lý có đặc điểm sau: 1) Nó có tính bền vững tương đối và do những biến động cảm xúc của đời sống tâm lý xã hội trong êkíp lãnh đạo nhà trường gây ra; 2) Nội dung của tâm trạng quản lý này lại chịu sự quy định và tác động của cả các yếu tố vật chất, tinh thần lẫn các điều kiện bên ngoài, bên trong của bộ máy tổ chức quản lý mà có; 3) Nó luôn đi kèm theo

tiến trình giải quyết các nhiệm vụ của cuộc sống cũng như hoạt động, giao tiếp quản lý của hiệu trưởng và mọi thành viên của êkíp lãnh đạo nhà trường để quy định tính hiệu quả, chất lượng quản lý của họ. Tâm trạng quản lý được hình thành một cách tự phát và tự giác mà sự tác động hình thành của hiệu trưởng sẽ là nhân tố có ý nghĩa quyết định.

Truyền thống quản lý được coi là những di sản tinh thần có giá trị, những vàng son, tinh hoa của quản lý trong quá khứ mà hiện nay hiệu trưởng và mọi người trong ban lãnh đạo nhà trường dạy nghề đang kế tục cũng như biết cách phát huy tác dụng của những cái tinh túy đó ở tương lai. Truyền thống quản lý có tính quần chúng, tính vững chắc, tính kế tục, tính sáng tạo, tính tiến bộ, tính dễ gây xúc cảm để được coi như là một thứ “keo dán đặc biệt”, có tác dụng liên kết mọi người trong ban lãnh đạo nhà trường lại với nhau khi thực thi các nhiệm vụ quản lý theo sự chỉ đạo của hiệu trưởng. Vì vậy, thông qua công tác tổ chức cán bộ, bằng giáo dục - tự đào tạo thường xuyên, liên tục, có hệ thống với yêu cầu ngày càng cao của mọi người trong êkíp lãnh đạo nhà trường dạy nghề cũng như bằng chính tiến trình thực hiện hệ thống các nhiệm vụ của hoạt động và giao tiếp quản lý, hiệu trưởng phải từng bước biết tiến hành xây dựng nên truyền thống quản lý cho mình.

Dư luận quản lý được coi là những thái độ đánh giá, phán xét chung về những vấn đề theo những chuẩn mực của quan điểm, cảm xúc, ý chí, thái độ quản lý chung của mọi người trong ban lãnh đạo nhà trường đối với sự chỉ đạo của hiệu trưởng. Nó có những đặc điểm cơ bản như sau: 1) Nó có tính quần chúng, liên hệ chặt chẽ với quyền lợi của tập thể; 2) Nó có tính không ổn định, dễ thay đổi và được tồn tại ngắn; 3) Nó có tính hai mặt. Một mặt nó có thể có tác dụng khuyến khích, cổ vũ, động viên những việc làm và quan hệ quản lý tốt của những nhà quản lý tài ba, năng động, đổi mới, sáng tạo - dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhưng mặt khác nó cũng có tác dụng kích động, xúi giục những việc làm sai của những người không chân chính khi nhằm vào công kích cái mới, cái tốt của người lãnh đạo chân chính. Vì vậy, khi xuất hiện các sự kiện trong quản lý, hiệu trưởng cần biết cách tổ chức cho mọi người trong êkíp lãnh đạo nhà trường tiến hành đánh giá chúng theo các chuẩn mực chung để biến nó thành dư luận lành mạnh trong trường theo đúng sự định hướng của tư duy lý luận. Tâm thế quản lý được hiểu là những thế năng tâm lý tồn tại ở chủ thể trong trạng thái trước khi tiến hành thực hiện nhiệm vụ quản lý, có tác dụng quy định hiệu

quả và chất lượng của toàn bộ tiến trình hoạt động cũng như giao tiếp quản lý của họ. Nó được bao gồm sự sẵn sàng trí tuệ, sẵn sàng động cơ, sẵn sàng ý chí và sẵn sàng đạo đức đối với hoạt động quản lý của chủ thể. Nó được hình thành thông qua quá trình học tập, rèn luyện, tự chuẩn bị tâm thế cho quản lý một cách tích cực và chu đáo của chủ thể.

8.2. Nội dung của công tác quản lý hoạt động thực tập sư phạm

Quản lý thực tập sư phạm được hiểu là quá trình thực hiện những tác động quản lý việc xây dựng kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo - chỉ đạo thực hiện mục tiêu, nội dung, hình thức cũng như kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả giải quyết hệ thống nhiệm vụ thực tập sư phạm trên cơ sở các thông tin quản lý.

8.2.1. Quản lý việc thực hiện mục tiêu thực tập sư phạm

Việc tiến hành thực hiện những tác động của quản lý, việc xây dựng mục tiêu của thực tập sư phạm là một vấn đề rất quan trọng và cần thiết. Đảm bảo việc xây dựng được mục tiêu cho các loại hoạt động thực hành nghiệp vụ SPKT - DN là để làm cơ sở pháp lý cho việc lựa chọn đúng nội dung và hình thức thực tập sư phạm cho thích hợp cũng như làm tiêu chí cho việc kiểm tra, đánh giá. Việc xây dựng mục tiêu TTSP phải hướng vào thực hiện nhiệm vụ hình thành và phát triển hệ thống các kỹ năng sư phạm cho giáo sinh đồng thời phải chỉ rõ các điều kiện và mức độ phải đạt được của các kỹ năng sư phạm đó. Trong tiến trình xây dựng mục tiêu cho TTSP, chúng ta cần căn cứ vào các cơ sở lý luận và thực tiễn nhất định. Phải biết căn cứ vào mô hình hoạt động, mô hình nhân cách, mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật - dạy nghề mà tiến hành xác định tính khoa học của mục tiêu. Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn của việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp đối với giáo viên dạy nghề cũng như kết quả rèn luyện của giáo sinh các năm trước mà xác định mục tiêu cho việc rèn luyện kỹ năng sư phạm. Dựa vào điều kiện thực tế của các cơ sở thực tập, trình độ đội ngũ giáo viên hướng dẫn, tính chất của cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính dùng cho thực tập sư phạm để xác định tính thực tiễn, tính khả thi của mục tiêu. Quản lý việc tổ chức thực hiện mục tiêu của thực tập sư phạm là thực hiện thao tác chỉ đạo việc quán triệt mục tiêu đó vào xây dựng nội dung và hình thức thực tập thích hợp cũng như dùng nó làm tiêu chí để kiểm tra, đánh giá kết quả của hoạt động thực tập sư phạm. Việc tổ chức thực hiện mục tiêu của TTSP cũng diễn ra đồng thời với việc chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá thường xuyên để xác định được mức độ đạt mục tiêu thực tập sư phạm. Trong trường hợp cần thiết,

chúng ta có thể điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với thực tiễn giáo dục - đào tạo tại các cơ sở dạy nghề.

8.2.2. Quản lý chương trình, nội dung của thực tập sư phạm

Chúng ta phải quán triệt quan điểm phát triển chương trình trong việc tổ chức xây dựng chương trình và nội dung của thực tập sư phạm. Trong thời gian hơn một thập niên lại đây, quan niệm về phát triển chương trình được xem xét, vận dụng trong việc xây dựng mục tiêu, nội dung đào tạo ở nước ta. Việc phát triển chương trình bao gồm hai giai đoạn chủ yếu: 1) Tiến hành khảo sát, mô tả, phân tích ngành nghề sẽ được đào tạo; 2) Thực thi nhiệm vụ thiết kế, soạn thảo chương trình đào tạo, xác định các đồ dùng và học liệu cần thiết. Với quan niệm đó, thao tác nghề dạy học được phân tích ra qua hệ thống các nhiệm vụ mà mỗi một nhiệm vụ lại gồm các công việc, công việc được chia thành các bước và ở mỗi bước lại cần hình thành, rèn luyện các kỹ năng tương ứng để thực hiện các công việc đó. Nội dung của thực tập sư phạm được thực hiện có tác dụng làm củng cố, hình thành và phát triển hệ thống các kỹ năng đó. Trên cơ sở mục tiêu thực tập sư phạm, chúng ta tiến hành phân định những kỹ năng sư phạm cần được hình thành trong quá trình học tập các môn học sư phạm cũng như chuyên môn và xác định rõ những kỹ năng nào sẽ phải hình thành trong quá trình thực tập sư phạm. Có như vậy, nhiệm vụ thực tập sư phạm mới đạt hiệu quả. Nên tránh tình trạng như hiện nay là đến khi đi thực tập sư phạm giáo sinh mới tập diễn đạt, tập đi - đứng, ra - vào lớp, tập viết bảng, tập soạn giáo án và chuẩn bị phương tiện dạy học làm cho công việc thực tập bị trở nên căng thẳng mà hiệu quả không cao. Để giải quyết được những tồn tại này, chúng ta cần lưu tâm đến việc tổ chức biên soạn các tài liệu, sách hướng dẫn cho cả giáo viên và giáo sinh trong tiến trình thực hiện những nhiệm vụ của thực tập sư phạm. Trên cơ sở đó, chúng ta cần lưu ý chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nội dung của thực tập sư phạm và điều chỉnh chúng nếu thấy cần thiết để đảm bảo cho quá trình rèn luyện kỹ năng sư phạm của giáo sinh được trở nên vững chắc.

Những tác động quản lý việc tổ chức thực hiện nội dung của thực tập sư phạm được tiến hành trong suốt quá trình đào tạo giáo viên dạy nghề mà trong đó, chủ yếu nhất là những thời gian tiến hành giải quyết nhiệm vụ của thực tập sư phạm. Công cụ cho quản lý nội dung thực tập sư phạm là chương trình khung, chương trình chi tiết về thực tập sư phạm cũng như các tài liệu hướng dẫn, các văn bản pháp quy về quy chế

thực tập sư phạm. Việc quản lý nội dung thực tập sư phạm bao giờ cũng được thực hiện song song với quản lý hình thức thực tập sư phạm.

8.2.3. Quản lý hình thức thực tập sư phạm

Hoạt động thực tập sư phạm luôn luôn được diễn ra trong những không gian, thời gian và điều kiện cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu và nội dung đã đề ra. Hình thức thực tập sư phạm được coi là cách thức tổ chức cho giáo sinh luyện tập những kỹ năng sư phạm trong các hoạt động sư phạm cụ thể ở môi trường sư phạm kỹ thuật. Những hình thức này được xây dựng và tổ chức thực hiện suốt trong quá trình quản lý thực tập sư phạm. Những hoạt động quản lý việc xây dựng và thực hiện hình thức thực tập sư phạm bao gồm nhiều loại tác động. Phải căn cứ vào mục tiêu, nội dung của thực tập sư phạm mà chúng ta tiến hành xác định cách thức tổ chức thực tập sư phạm cho thích hợp. Hoạt động thực tập sư phạm phải được diễn ra một cách thường xuyên, liên tục, có hệ thống trong quá trình đào tạo giáo viên dưới hình thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tại trường, tổ chức xen kẽ giữa các hình thức đó là tham quan sư phạm. Chúng ta phải dựa vào điều kiện thực tiễn của trường sư phạm và các cơ sở dạy nghề mà tiến hành lựa chọn hình thức hợp lý nhất, tạo điều kiện cho giáo sinh được tham gia một cách chủ động, tích cực vào công việc dạy học và giáo dục. Công cụ của hoạt động quản lý các hình thức của thực tập sư phạm hữu hiệu nhất là quy chế thực tập sư phạm cho các trường SPKT mà trong đó, thể hiện rõ trách nhiệm của các cơ sở dạy nghề trong việc tiếp nhận giáo sinh sư phạm kỹ thuật đến thực tập và coi đó như một nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

8.2.4. Quản lý việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của thực tập sư phạm

Thực tập sư phạm được vận hành như là quá trình thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường. Bởi vậy, nó cần được tổ chức một cách có kế hoạch và khoa học. Để thực hiện được điều đó, chúng ta phải tiến hành chuẩn bị cho sinh viên tham gia thực tập sư phạm một cách chu đáo cả về kiến thức và kỹ năng sư phạm. Việc tiến hành lựa chọn địa điểm thực tập sư phạm sao cho nó tạo điều kiện thuận lợi để giáo sinh phát huy được tính tích cực, độc lập, sáng tạo trong công việc thực tập dạy học và giáo dục cũng sẽ góp phần không nhỏ vào thành công của thực tập sư phạm. Cần xây dựng mối quan hệ tốt và bền vững với các trường mà giáo sinh đến thực tập. Chúng ta phải biết chọn thời điểm thực tập sư phạm sao cho phù hợp mà nhất là việc tổ chức thực tập sư phạm vừa phải đạt được mục tiêu đặt ra đồng thời, không có khả năng gây ra những tác động

làm xáo trộn kế hoạch đào tạo của cơ sở thực tập sư phạm. Chúng ta cần tiến hành huy động các nguồn lực tài chính, tiền của cần thiết dùng để tiến hành thực hiện các nhiệm vụ của thực tập sư phạm. Để thực tập sư phạm diễn ra có chất lượng thì ngoài định mức tiền chi cho thực tập sư phạm/giáo sinh, tiền dành cho việc bồi dưỡng giáo viên và các hoạt động khác thì cần có định mức vật tư cho việc dạy thực hành của giáo sinh.

Cần tiến hành xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động giữa trường sư phạm với cơ sở thực tập sư phạm cũng như cơ chế phối hợp giữa các thao tác chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ của TTSP cho các phòng, khoa trong nhà trường bằng các văn bản có tính pháp quy. Trong quá trình chỉ đạo TTSP chúng ta cần phải tổ chức thanh - kiểm tra quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ TTSP của các đoàn thực tập sư phạm để có cứ liệu thực tiễn mà kịp thời nêu ra những kết luận cũng như thực hiện những tác động điều chỉnh cần thiết.

8.2.5. Quản lý việc kiểm tra, đánh giá thực tập sư phạm

Chúng ta phải tiến hành quản lý được việc xây dựng các tiêu chí, phương pháp đánh giá thực tập sư phạm. Cần quán triệt mục tiêu của thực tập sư phạm vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng các căn cứ và tiêu chí cho sự đánh giá quá trình cũng như kết quả của TTSP. Chúng ta phải xây dựng được các tiêu chí đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của hoạt động dạy học, giáo dục toàn diện, tổ chức - quản lý, công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp v.v... một cách khoa học, biết vận dụng và điều chỉnh các tiêu chí để đánh giá cho phù hợp với năng lực của sinh viên và thực tiễn giáo dục hàng năm. Ban TTSP trường phải quản lý được quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá thực tập sư phạm.

Chúng ta phải đảm bảo được sự thống nhất ý kiến chỉ đạo giữa trường sư phạm và các cơ sở thực tập sư phạm trong quá trình đánh giá kết quả TTSP theo mục tiêu đã đề ra đồng thời cũng cần có sự khuyến khích, động viên sự cố gắng của giáo sinh vào thực hiện nhiệm vụ của TTSP ở giai đoạn cuối của thực tập. Mặt khác, chúng ta cần tiến hành phổ biến một cách rõ ràng cho giáo sinh biết rõ nội dung của những tiêu chí và phương pháp đánh giá nhằm giúp cho các em biết tự đánh giá hoạt động của bản thân. Chỉ đạo việc in ấn và phổ biến các mẫu phiếu đánh giá hoạt động dạy học và giáo dục tới giáo sinh, giáo viên hướng dẫn cũng như các trường có giáo sinh đến thực tập.

8.3. Nguyên tắc quản lý thực tập sư phạm

Thực tập sư phạm là hoạt động được tổ chức một cách hợp lý, khoa học với những nguyên tắc quản lý xác định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thực tập sư phạm.

8.3.1. Quản lý toàn diện

Thực tập sư phạm là khâu quan trọng của quá trình đào tạo người giáo viên kỹ thuật - dạy nghề trong các trường sư phạm kỹ thuật. Thực tập sư phạm thực sự là một hoạt động đa dạng được tiến hành ở trường sư phạm kỹ thuật cũng như ở nhiều cơ sở dạy nghề. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch, tổ chức đội ngũ, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra và đánh giá kết quả cần được chúng ta quan tâm một cách thoả đáng tới tất cả các yếu tố từ xây dựng mục tiêu đến quản lý, kiểm tra, đánh giá kết quả và hiệu quả của thực tập sư phạm. Thực tập phải đảm bảo được tính toàn diện về nội dung và tính hệ thống của những tác động hình thành kỹ năng sư phạm mà giáo sinh cần luyện tập. Tuy nhiên, chúng ta cần tập trung chú ý vào quản lý chặt chẽ hoạt động chính của giáo sinh là thực tập giảng dạy trong thời gian thực tập sư phạm để từ đó, có biện pháp tổ chức, chỉ đạo sao cho thực tập sư phạm thực sự trở thành một bộ phận cấu thành hữu cơ của quá trình đào tạo nghề sư phạm.

8.3.2. Đảm bảo tính kế hoạch trong quản lý

Thực tập sư phạm là hoạt động thực hành đặc biệt được tổ chức nhằm thực hiện mục tiêu sư phạm trong nhà trường. Lãnh đạo của trường sư phạm cần tiến hành xây dựng kế hoạch thực tập sư phạm mà trong đó, xác định rõ trình tự các công việc phải thực hiện, quy định rõ trách nhiệm của những người thực hiện, xác định thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành, cung cấp các điều kiện và nguồn lực cần có để thực hiện. Trong khi chỉ đạo thực tập, giáo viên và cán bộ quản lý đều phải xuất phát từ những mục tiêu, nội dung, biện pháp đã được xây dựng trong kế hoạch mà tiến hành thực hiện các nhiệm vụ của mình. Trong tiến trình thực hiện nhiệm vụ của hoạt động thực hành sư phạm, giáo sinh vừa là khách thể vừa là chủ thể trong khi thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoạt động thực tập sư phạm. Do vậy, chúng ta cần tạo cho các em có được kỹ năng tự xây dựng kế hoạch thực tập trên cơ sở kế hoạch chung của đoàn và thực hiện nội dung đó một cách tốt nhất.

8.3.3. Đảm bảo tính thống nhất trong quản lý

Cần tạo ra sự thống nhất trong nhận thức của lãnh đạo các trường sư phạm với các cơ sở thực tập sư phạm về ý thức trách nhiệm đối với quá trình đào tạo người giáo viên

Kỹ thuật - Dạy nghề của nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo sinh tích cực và chủ động trong khi giải quyết hệ thống nhiệm vụ của thực tập sư phạm. Để đảm bảo cho hoạt động thực tập sư phạm diễn ra theo đúng kế hoạch, lãnh đạo nhà trường sư phạm với lãnh đạo của các cơ sở thực tập cần có sự thống nhất với nhau về kế hoạch, thời gian và chương trình thực tập sư phạm. Muốn vậy, lãnh đạo cũng như giáo viên của trường sư phạm và trường mà giáo sinh đến thực tập cần đảm bảo có được sự cùng cộng đồng trách nhiệm trong quản lý thực tập sư phạm. Trong quản lý TTSP, chúng ta cần biết tạo ra sự thống nhất trong đánh giá và tự đánh giá của giáo sinh sao cho thực tập sư phạm thực sự trở thành quá trình tự đào tạo của giáo sinh.

8.3.4. Quản lý phải thiết thực, cụ thể và có hiệu quả

Nguyên tắc này đòi hỏi trong khi giải quyết các nhiệm vụ quản lý thực tập sư phạm, người quản lý phải nắm thông tin chính xác, cụ thể, nhanh chóng để biết suy nghĩ đúng mà đề ra các biện pháp xử lý, giải quyết đúng đắn, phù hợp, thiết thực và kịp thời. Mọi biện pháp tổ chức thực hiện đảm bảo sao cho công tác thực hành nghề sư phạm của giáo sinh được thực hiện từ thấp tới cao, từ đơn giản đến phức tạp và trải đều trong suốt tiến trình đào tạo mà không làm gián đoạn quá trình đào tạo của cơ sở thực tập sư phạm, không gây quá tải đối với kế hoạch học của sinh viên và có sự phù hợp hoàn toàn với quy trình rèn luyện kỹ năng sư phạm.

8.3.5. Nguyên tắc trách nhiệm và phân công trách nhiệm

Cần có sự xác định rõ ràng trách nhiệm và phân công trách nhiệm giữa lãnh đạo cũng như giáo viên của trường sư phạm với cơ sở thực tập sư phạm. Điều này cần được tiến hành một cách thận trọng, khoa học và có thiện chí. Phải luôn đảm bảo được sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thao tác chỉ đạo của lãnh đạo của các phòng, khoa trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ thực tập sư phạm cũng như giữa trường đoàn thực tập sư phạm với giáo viên hướng dẫn.

8.4. Phương pháp quản lý thực tập sư phạm

Với tư cách là một khâu của quản lý quá trình đào tạo người giáo viên Kỹ thuật - Dạy nghề, phương pháp quản lý thực tập sư phạm phải bao gồm được các phương pháp hành chính - tổ chức, tâm lý - xã hội và kích thích về mặt vật chất - tinh thần đến tính tích cực thực hiện nhiệm vụ TTSP của giáo viên cũng như giáo sinh. Phương pháp hành chính - tổ chức được hiểu là trong quản lý, chủ thể quản lý phải biết dùng quyền lực trực tiếp để đưa ra các mục tiêu, nhiệm vụ, các yêu cầu cho đối tượng quản lý thực

hiện. Phương pháp này được thực hiện thông qua việc sử dụng các phương tiện như các văn bản, lời nói trực tiếp, chỉ thị, các quy chế, nội quy, quy định để tác động trực tiếp tới giáo sinh, giáo viên và tập thể sư phạm của nhà trường. Phương pháp tâm lý - xã hội thường được sử dụng trong quản lý thực tập sư phạm. Nhà trường và các giáo viên hướng dẫn thực hiện những tác động đến thái độ, nhận thức và hành vi của các giáo sinh nhằm tạo ra tính tự giác, tích cực cũng như các nền nếp, kỷ cương trong việc thực hiện chương trình thực tập. Phương pháp kích thích về mặt vật chất - tinh thần đến tính tích cực thực hiện nhiệm vụ TTSP của nhân viên như dùng kinh tế sẽ tạo ra được động lực cho hoạt động thực tập của giáo sinh cũng như sự hướng dẫn của giáo viên. Việc thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn giáo sinh thực tập sư phạm được coi là trách nhiệm, nghĩa vụ và cũng là lương tâm của người giáo viên nhưng đồng thời nó còn mang lợi ích kinh tế là làm cho chất lượng và hiệu quả đào tạo được nâng lên. Việc tiến hành khen thưởng cho giáo sinh có thái độ năng động, sáng tạo trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ thực tập sư phạm là biện pháp hữu ích cần thực hiện.

8.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý thực tập sư phạm

Như chúng ta đã phân tích trong các nội dung trên, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả của thực tập sư phạm cũng như việc quản lý hoạt động này. Trước hết phải nói tới sự hiểu biết về mục tiêu, nội dung, hình thức, yêu cầu của TTSP của giáo sinh và giáo viên trường sư phạm cũng như mạng lưới các trường liên kết mà giáo sinh đến thực tập sư phạm. Kế hoạch và phương pháp tổ chức thực tập sư phạm cũng gây ảnh hưởng không ít tới việc chỉ đạo thực hiện công tác thực tập. Sự hướng dẫn của giáo viên tại cơ sở đào tạo cho giáo sinh là một việc làm rất quan trọng và cần thiết. Việc người giáo viên có sự hiểu biết đúng và tiến hành hướng dẫn giáo sinh với tất cả lương tâm và trách nhiệm của mình được coi là nhân tố cho quản lý thực tập sư phạm đạt tới mục tiêu đặt ra. Trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm của giáo viên hướng dẫn được coi là nhân tố có ý nghĩa quyết định có tác động tới kết quả thực tập sư phạm. Thời gian thực tập sư phạm cũng phải được xem xét. Mọi hoạt động muốn đạt được mục đích đặt ra cần phải có thời gian nhất định để thực hiện. Nếu thời gian thực tập sư phạm không có đủ với yêu cầu thực tế rèn luyện kỹ năng sẽ làm cho việc quản lý thực tập sư phạm không đạt so với yêu cầu đề ra. Phương pháp kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả của TTSP đã tác động tới nhận thức cũng như các yếu tố của quản lý. Phải tiến hành kiểm tra, đánh giá toàn diện cả về hoạt động dạy học và

giáo dục cũng như kết quả của các hoạt động khác làm cho việc quản lý trở nên toàn diện, thống nhất và hiệu quả. Ngược lại việc kiểm tra và đánh giá chỉ dựa vào kết quả của hoạt động dạy học không thôi mà không có tiêu chí rõ ràng hoặc áp dụng máy móc tiêu chí đánh giá bài giảng ở các kỳ hội giảng sẽ làm cho việc quản lý TTSP trở nên khó khăn hơn.

Quản lý bất cứ một quá trình nào cũng cần phải có công cụ để thực hiện. Thực tập sư phạm cần phải có quy chế và các văn bản hướng dẫn rõ ràng. Các trường sư phạm kỹ thuật trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình thực tập sư phạm hiện nay đều dựa vào một số nội dung chủ yếu của quy chế thực tập sư phạm của các trường cao đẳng sư phạm. Vì vậy, việc tổ chức cho giáo sinh SPKT tiến hành thực hiện những nhiệm vụ của thực tập sư phạm tại các cơ sở dạy nghề sẽ trở nên rất khó khăn. Các nguồn lực về tài chính cần thiết phải có để phục vụ cho TTSP cũng là một vấn đề. Các định mức tài chính chi cho hoạt động thực tập sư phạm bao gồm chi phí cho trường thực tập, cho giáo viên hướng dẫn, cho đi lại của giảng viên trường sư phạm, chi cho vật tư thực hành sư phạm của giáo sinh là nhân tố vật chất có ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả của thực tập sư phạm. Tính chất của mối quan hệ qua lại của nhà trường SPKT với các cơ sở TTSP cũng cần được đề cập đến khi giải quyết nhiệm vụ của TTSP. Sự cộng đồng trách nhiệm và coi thực tập sư phạm là nhiệm vụ chính trị của các cơ sở thực tập sư phạm được coi là điều kiện tâm lý - xã hội quyết định việc tổ chức tiến hành thực tập sư phạm. Thực hiện việc duy trì các mối quan hệ tốt đẹp giữa trường SPKT với các cơ sở là nhằm làm cho hoạt động thực tập sư phạm được tiến hành một cách có hệ thống liên tục từ năm này sang năm khác, từ thực tập đợt I đến thực tập đợt II. Một khi giáo sinh đã được tìm hiểu, có hiểu biết rõ ràng về hoạt động dạy học và giáo dục ở các cơ sở dạy nghề, họ sẽ có sự chuẩn bị tốt nhất về tâm thế cho hoạt động thực tập sư phạm của mình.

**Chương 2: NHỮNG BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG
THỰC TẬP SƯ PHẠM**

2.1. Một số mẫu sử dụng trong dạy học

2.1.1. Mẫu giáo án lý thuyết nghề

GIÁO ÁN SỐ:..... Thời gian thực hiện:.....
 Tên chương:.....
 Thực hiện ngày.....tháng.....năm.....

TÊN BÀI:

MỤC TIÊU CỦA BÀI:

Sau khi học xong bài này người học có khả năng:

ĐỒ DÙNG VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

I. ỔN ĐỊNH LỚP HỌC:

Thời gian:.....

II. THỰC HIỆN BÀI HỌC

TT	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC		THỜI GIAN
		HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH	
1	<u>Dẫn nhập</u> (Gợi mở, trao đổi phương pháp học, tạo tâm thế tích cực của người học...)			
2	<u>Giảng bài mới</u> (Đề cương bài giảng)			
3	<u>Củng cố kiến thức và kết thúc bài</u>			
4	<u>Hướng dẫn tự học</u>		

<u>Nguồn tài liệu tham khảo</u>
--	-------

**TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG TỔ
MÔN**

Ngày.....thángnăm.....
GIÁO VIÊN

2.1.2. Mẫu giáo án thực hành nghề

GIÁO ÁN SỐ:..... Thời gian thực hiện:.....
 Bài học trước:.....
 Thực hiện từ ngày.....đến ngày.....

TÊN BÀI:

MỤC TIÊU CỦA BÀI:

Sau khi học xong bài này người học có khả năng:

ĐỒ DÙNG VÀ TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC

HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY

HỌC:.....

I. ỔN ĐỊNH LỚP HỌC: Thời gian:.....

II. THỰC HIỆN BÀI HỌC

TT	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC		THỜI GIAN
		HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH	
1	<u>Dẫn nhập</u> (Gợi mở, trao đổi phương pháp học, tạo tâm thế tích cực của người học....)			
2	<u>Hướng dẫn ban đầu</u> (Hướng dẫn thực hiện công nghệ; Phân công vị trí luyện tập)			
3	<u>Hướng dẫn thường xuyên</u> (Hướng dẫn học sinh rèn luyện để hình thành và phát triển kỹ năng)			
4	<u>Hướng dẫn kết thúc</u> (Nhận xét kết quả rèn			

	<i>luyện, lưu ý các sai sót và cách khắc phục, kế hoạch hoạt động tiếp theo)</i>		
5	<u>Hướng dẫn tự rèn luyện</u>		

IV. RÚT KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

.....

TRƯỞNG KHOA/ TRƯỞNG TỔ MÔN

Ngày.....thángnăm.....

GIÁO VIÊN

2.1.3. Mẫu giáo án tích hợp

GIÁO ÁN SỐ:..... Thời gian thực hiện:.....
 Tên bài học trước:.....

 Thực hiện từ ngày..... đến ngày

TÊN BÀI:

.....

MỤC TIÊU CỦA BÀI:

Sau khi học xong bài này người học có khả năng:

.....

ĐỒ DÙNG VÀ TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC

.....

HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:

.....

I. ỔN ĐỊNH LỚP HỌC:

Thời gian:.....

.....

II. THỰC HIỆN BÀI HỌC.

TT	NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC		THỜI GIAN
		HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH	
1	<u>Dẫn nhập</u> <i>(Gợi mở, trao đổi phương pháp học, tạo tâm thế tích cực của người học....)</i>			

2	<u>Giới thiệu chủ đề</u> <i>(Giới thiệu nội dung chủ đề cần giải quyết: yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn kiến thức kỹ năng)</i>		
3	<u>Giải quyết vấn đề</u> <i>(Hướng dẫn học sinh rèn luyện để hình thành phát triển năng lực trong sự phối hợp của thầy)</i>		
4	<u>Kết thúc vấn đề</u> - Cùng cố kiến thức - Cùng cố kỹ năng rèn luyện <i>(Nhận xét kết quả rèn luyện, lưu ý các sai sót và cách khắc phục, kế hoạch hoạt động tiếp theo)</i>		
5	<u>Hướng dẫn tự học</u>		

VI. RÚT KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

.....
.....

TRƯỞNG KHOA/ TRƯỞNG TỔ MÔN

Ngày.....thángnăm.....
GIÁO VIÊN

2.1.4. Mẫu phiếu đánh giá bài dạy thực hành nghề

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI GIẢNG THỰC HÀNH

Họ và tên giáo sinh:Khoa (Bộ môn)

Tên bài giảng:

Thời gian: Bắt đầuKết thúc.....

Nội dung đánh giá	Điểm m chuẩn	Điểm m đánh giá
<p><u>I. Chuẩn bị bài dạy:</u></p> <p>1. Xác định đúng mục tiêu của bài</p> <p>2. Lựa chọn được các phương pháp hướng dẫn phù hợp với nội dung và đối tượng;</p> <p>3. Phân bổ thời gian cho các bước, các giai đoạn hướng dẫn hợp lý;</p> <p>4. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ bài giảng, phương tiện và các điều kiện dạy học.</p>	<p>2.</p> <p>0</p> <p>0,</p> <p>5</p> <p>0,</p> <p>5</p> <p>0,</p> <p>5</p> <p>0,</p> <p>5</p>	
<p><u>II. Nội dung bài dạy:</u></p> <p>1. Kiến thức, kỹ năng phù hợp với mục tiêu đào tạo và đối tượng;</p> <p>2. Trình tự (quy trình) hợp lý; sát với thực tế;</p> <p>3. Thao tác mẫu thuần thục, chuẩn xác; sản phẩm có tính thuyết phục; phân tích được sai, hỏng thường gặp, biện pháp phòng tránh, khắc phục;</p> <p>4. Đảm bảo an toàn, vệ sinh.</p>	<p>6.</p> <p>0</p> <p>1</p> <p>1,</p> <p>5</p> <p>2,</p> <p>5</p> <p>1</p>	
<p><u>III. Sự phạm:</u></p> <p>1. Phong thái tự tin, diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu; đặt và chuyển tiếp vấn đề sinh động; phong cách dạy và ứng xử mô phạm</p> <p>2. Kết hợp hài hoà các phương pháp hướng dẫn đã lựa chọn; lựa chọn đúng các bước, thao tác cần làm mẫu;</p> <p>3. Khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả thiết bị, đồ dùng, phương tiện dạy học.</p> <p>4. Tổ chức tốt quá trình hướng dẫn; phát huy tính tích cực của người học;</p> <p>5. Kết hợp được hướng dẫn kỹ năng với giáo dục phẩm chất, tác phong nghề nghiệp cho người học; thao tác dạy liên lục, khái quát từ đầu đến cuối</p> <p>6. Thực hiện đúng các bước hướng dẫn theo giáo án.</p>	<p>11</p> <p>.0</p> <p>1,</p> <p>5</p> <p>3,</p> <p>0</p> <p>2,</p> <p>5</p> <p>2,</p> <p>5</p> <p>1</p> <p>0,</p> <p>5</p>	
<p><u>IV. Thời gian:</u></p> <p>- Sớm, muộn ≤ 1 phút</p> <p>- Sớm, muộn ≤ 3 phút</p> <p>- Sớm, muộn từ > 3 đến ≤ 5 phút</p> <p>- Sớm, muộn > 5 phút bài giảng không xếp loại</p>	<p>1.</p> <p>0</p> <p>1</p> <p>0,</p> <p>5</p> <p>0</p>	
<p>Tổng số điểm chuẩn</p>	<p>20</p> <p>.0</p>	
<p>Tổng số điểm đánh giá (Bằng chữ, số)</p>		

Ngày ... tháng năm 20..

Chữ ký giáo viên

2.1.5. Mẫu phiếu đánh giá giờ dạy lý thuyết

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI GIẢNG LÝ THUYẾT

Họ và tên giáo sinh Khoa (Bộ môn)

Tên bài giảng:

Thời gian: Bắt đầuKết thúc.....

Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đánh giá
<u>I. Chuẩn bị bài dạy:</u>	2,0	
1. Xác định đúng mục tiêu của bài	0,5	
2. Xây dựng giáo án tốt, chọn được các phương pháp giảng dạy phù hợp;	0,5	
3. Chuẩn bị phương tiện đồ dùng dạy học đạt hiệu quả cao	0,5	
4. Có nội dung kiểm tra đánh giá học sinh tốt	0,5	
<u>II. Nội dung bài dạy</u>	6,0	
1. Kiến thức được cung cấp đầy đủ, chuẩn xác phù hợp với đối tượng đào tạo;	2,0	
	1,5	
2. Kết cấu bài hợp lý, khoa học, cân đối giữa các nội dung;	1,5	
3. Nội dung bài giảng phù hợp với thực tế;	1	
4. Cân đối giữa lý thuyết và bài tập vận dụng.		
<u>III. Sự phạm:</u>	11.0	

1. Tác phong tự tin, đĩnh đạc, trình bày rõ ràng, ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, chữ viết đẹp, trình bày bảng khoa học, phong cách dạy và ứng xử sư phạm hợp lý.	2.0	
2. Kết hợp khéo léo các bước lên lớp, chuyên tiếp các vấn đề sinh động.	1,5	
3. Sử dụng phương pháp dạy học nhuần nhuyễn hợp, thao tác dạy khái quát, liên tục từ phút đầu đến cuối	2,5	
4. Khai thác, sử dụng các phương tiện, đồ dùng dạy học đạt hiệu quả cao.	1,5	
5. Phát huy được tính tích cực tham gia xây dựng bài của học sinh, giờ học sôi động.	2,5	
6. Kết hợp được việc giáo dục, giáo dưỡng trong bài giảng	0,5	
7. Thực hiện đầy đủ các bước theo giáo án đã xây dựng	0,5	
IV. Thời gian:	1.0	
- Sớm, muộn ≤ 1 phút	1.0	
- Sớm, muộn ≤ 3 phút	0,5	
- Sớm, muộn từ > 3 đến ≤ 5 phút;	0	
- Sớm, muộn > 5 phút, bài giảng không xếp loại		
Cộng	20	
Tổng điểm (bằng số, chữ)		

Ngày ... tháng năm 20...

Chữ ký giáo viên

2.2. Hướng dẫn đánh giá kết quả công tác chủ nhiệm lớp (10 điểm)

1) Đề ra kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp, tìm hiểu được đặc điểm tâm lý học sinh (3 điểm)

Thực hiện các biện pháp giáo dục có hiệu quả (2 điểm).

2) Nhiệt tình, gương mẫu, khiêm tốn học tập kinh nghiệm của giáo viên lâu năm (3 điểm)

3) Tổ chức hướng dẫn HS thực hiện một hoạt động giáo dục (2 điểm)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP

I. HỌ VÀ TÊN GIÁO SINH

1. Chủ nhiệm lớp : ở trường :.....

2. Các mặt công tác phụ trách:

II. GIÁO SINH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Về tinh thần thái độ đối với công tác thực tập
2. Về việc xây dựng kế hoạch chủ nhiệm:
3. Về việc thực hiện kế hoạch chủ nhiệm
4. Tự nhận xét

III. Nhận xét và đánh giá của giáo viên chỉ đạo:

GIÁO VIÊN CHỈ ĐẠO

(Ký tên)

Ngày tháng năm 20

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

2.3. Bản thu hoạch thực tập sư phạm

Họ tên giáo sinh : lớp Khoa:

Thực tập tại:

Họ và tên giáo viên chỉ đạo công tác giảng dạy :

Họ và tên giáo viên chỉ đạo công tác chủ nhiệm:

I. CÁC NỘI DUNG ĐÃ THỰC TẬP VÀ KẾT QUẢ:

1. Về giảng dạy: Soạn giáo án và dạy học

Stt	Tên bài soạn hoặc dạy	Lớp dạy	Giáo viên chỉ đạo đánh giá cho điểm	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				

Điểm trung bình cộng bài =.....điểm.

2. Công tác chủ nhiệm lớp:

- Giáo sinh tự đánh giá:

- Điểm do giáo viên chỉ đạo đánh giá:điểm.

II. GIÁO SINH TỰ ĐÁNH GIÁ:

1. Những suy nghĩ, nhận thức về nghề nghiệp sau thực tập

2. Tự đánh giá về năng lực sư phạm qua thực tập

III. NHỮNG Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ :

Người viết thu hoạch
(ký tên)

2.4. Sổ ghi nhật ký thực tập sư phạm

NĂM 200.. - 200 ...

Họ và tên giáo sinh:

Giáo sinh khoa: Lớp:

Thực tập tại

Thời gian từ: Đến:

Phần I

(Dành cho khoảng 3-4 trang)

1. Họ tên Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng :

- Giáo viên hướng dẫn chủ nhiệm :
- Giáo viên hướng dẫn giảng dạy:
- Các giáo viên giảng dạy tại lớp chủ nhiệm :

2. Danh sách học sinh trong lớp KT chủ nhiệm (theo sổ điểm và theo sơ đồ chỗ ngồi của học sinh trong lớp).

- Danh sách cán bộ lớp, các thành viên tích cực của lớp.
- Danh sách học sinh giỏi, học sinh cá biệt, tổ chức Đoàn thanh niên ở trường Thời

khoá biểu của lớp TT chủ nhiệm và TT giảng dạy

Phần II

(Dành khoảng 6-8 trang)

Trình bày theo hình thức sau:

Ngày, tháng	Tên từng mặt hoạt động công tác	Thời gian	Ghi chú
Ví dụ: 29/10	Ví dụ: nghe báo cáo, dự giờ giảng tập, lên lớp...		

Phần III

(Tất cả những trang còn lại 6-8 trang)

Trong phần này ghi tỉ mỉ tất cả những điều quan sát và nhận biết được thông qua tìm hiểu, trao đổi, trò chuyện với giáo viên và học sinh, dự giờ...với những nhận xét sơ bộ.

Phần IV

Bản thu hoạch kiến tập sư phạm (Theo mẫu)

(Sổ kiến tập sư phạm đóng thành quyển và nộp lại cho Ban chỉ đạo TTSP trường sư phạm)

Mẫu số: Cỡ giấy A4- Đóng bìa, bìa trình bày theo mẫu

2.5. Tổng kết thực tập sư phạm Đoàn.....

(Mẫu để viết báo cáo - yêu cầu đánh máy)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG KẾT

Đoàn thực tập SP tại

I. Tổng số giáo sinh thực tập sư phạm:.....

II. Thời gian thực tập sư phạm

III. Nhận xét về công tác chuẩn bị

1. Tổ chức thực tập sư phạm: Hình thức, thời gian, số lượng giáo sinh.....
2. Nội dung thực tập sư phạm
3. Về các văn bản hướng dẫn

IV. Đánh giá về công tác chỉ đạo

V. Nhận xét về chất lượng thực tập sư phạm của giáo sinh

1. Về đạo đức, tác phong, khả năng giao tiếp và ý thức nghề nghiệp
2. Trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm với các số liệu cụ thể theo bảng thống kê các nội dung thực tập sư phạm.
3. Kết luận chung

VI. Những kiến nghị với nhà trường

....., Ngày tháng..... năm 200

Trưởng đoàn

2.6. Hướng dẫn các bước thực hiện nội dung thực tập sư phạm

Để thực tập sư phạm đạt chất lượng và hiệu quả, giáo sinh cần thực hiện theo những chỉ dẫn sau:

a) Dự giờ

Bước 1: Liên hệ với giáo viên giảng dạy để thống nhất kế hoạch dự giờ; Chỉ dự giờ khi được giáo viên đồng ý với kế hoạch

Bước 2: Nghiên cứu bài dạy trước khi dự giờ

- Nội dung bài dạy
- Dự kiến các bước lên lớp
- Dự kiến các phương pháp và phương tiện dạy học
- Dự kiến các tình huống sư phạm

Bước 3: Tiến hành dự giờ

- Quan sát và ghi chép mọi diễn biến trong giờ dạy
- Ghi chép giờ dạy theo mẫu tương tự như mẫu giáo án

Bước 4: Tiến hành rút kinh nghiệm theo nhóm dự giờ

- Những bước lên lớp
- Những phương pháp dạy học, PTDH mà GV (GS) đã vận dụng
- Khả năng nhận thức của học sinh trong và sau bài dạy
- Những bài học kinh nghiệm đối với bản thân

Bước 5: Thực hiện cho điểm, xếp loại giờ dạy

Chú ý: $B1 \rightarrow B2 \rightarrow B3 \rightarrow B4$: Thực hiện khi dự giờ GV

$B1 \rightarrow B2 \rightarrow B3 \rightarrow B4 \rightarrow B5$: Thực hiện khi dự giờ của giáo viên trong đoàn

b) Hướng dẫn các bước soạn giáo án và chấm giáo án

Bước 1: Nhận hoặc dự kiến bài soạn từ giáo viên hướng dẫn

Bước 2: Soạn giáo án theo mẫu

Bước 3: Nộp giáo án cho giáo viên hướng dẫn, trình duyệt, chỉnh sửa nếu cần thiết

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn nhận xét và cho điểm theo biểu mẫu

c) Các bước tiến hành cần thiết để dạy học ở cơ sở TTSP

Bước 1+2: Như phần soạn giáo án

Bước 3: Nộp giáo án & đề cương bài giảng cho giáo viên hướng dẫn trước 2-3 ngày

Bước 4: Ghi nhận - sửa chữa những hạn chế, viết lại giáo án nếu cần

Bước 5: Chuẩn bị đồ dùng, PTDH cần thiết

Bước 6: Giảng tập - có giáo viên hướng dẫn - rút kinh nghiệm

Bước 7: Tiến hành giảng dạy nếu được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn

d) Công tác chủ nhiệm

Bước 1: Gặp gỡ giáo viên chủ nhiệm

Bước 2: Gặp gỡ và tìm hiểu đặc điểm sơ bộ của lớp

Bước 3: Lên kế hoạch chủ nhiệm trong toàn đợt cho cá nhân và nhóm

Bước 4: Nộp kế hoạch để giáo viên hướng dẫn chủ nhiệm phê duyệt, xin ý kiến, chỉnh sửa nếu cần thiết

Bước 5: Thực hiện theo kế hoạch

Bước 6: Viết tổng kết

Chương 3: CÁC BÀI THỰC TẬP SƯ PHẠM

Bài 1: TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, CÁC MẶT GIÁO DỤC TOÀN DIỆN TRONG CÁC TRƯỜNG THCS VÀ DẠY NGHỀ

1.1. Mục tiêu

Việc giải quyết nhiệm vụ tìm hiểu hoạt động dạy học và giáo dục toàn diện ở trường TCCN - DN mà giáo sinh đến thực tập sư phạm là nhằm đạt được mục tiêu sau: 1) Làm cho giáo sinh nhận thức được những nội dung cơ bản, nét khái quát về hoạt động dạy học, giáo dục toàn diện trong nhà trường dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp dùng làm cơ sở TTSP; 2) Thông qua đó làm hình thành ở các em khả năng phân tích một cách chính xác, đầy đủ các yếu tố cấu thành hoạt động giáo dục - đào tạo của các cơ sở thực tập; làm hình thành nên thái độ đúng đắn đối với việc thực hiện hệ thống nhiệm vụ giáo dục - đào tạo kỹ thuật - nghề nghiệp của nhà trường cho giáo sinh. Việc tìm hiểu hoạt động dạy học và giáo dục toàn diện ở trường dạy nghề hay trung cấp chuyên nghiệp có thể được thực hiện thông qua quan sát, phân tích hồ sơ sư phạm, dự các giờ học lý thuyết - thực hành kỹ thuật, trao đổi, thảo luận, nghe báo cáo, tham dự các hoạt động văn thể, phân tích nội dung của các mặt giáo dục toàn diện, sinh hoạt tập thể, phân tích tính chất của truyền thống, tâm trạng, dư luận, bầu không khí tâm lý xã hội và kết quả của dạy học cũng như giáo dục của trường. Căn cứ vào kế hoạch thực tập, trưởng đoàn sẽ tiến hành thực hiện việc bố trí thời gian, chỉ rõ hướng đi, cách làm và tạo lập được các phương tiện, điều kiện cần thiết cho mọi giáo sinh có thể tiến hành thực hiện tốt nhiệm vụ tìm hiểu khái quát về hoạt động dạy học cũng như giáo dục toàn diện ở cơ sở thực tập; 3) Hình thành kỹ năng phân tích nội dung chương trình dạy nghề ở bậc sơ cấp, trung cấp và cao đẳng nghề.

1.2. Nội dung tìm hiểu

1.2.1. Tìm hiểu đặc trưng cơ bản của hoạt động dạy học ở trường TCCN và dạy nghề.

a) *Tìm hiểu mục tiêu đào tạo của nhà trường*

Mục tiêu chung của nhà trường là làm phát triển một cách toàn vẹn và hài hoà những phẩm chất nhân cách cho học sinh. Mục tiêu được coi là một thành tố quan trọng của các quá trình sư phạm kỹ thuật. Nó thể hiện tính xã hội, tính giai cấp, tính khoa học, tính nghệ thuật và tính nhân văn của giáo dục nghề nghiệp. Mục tiêu khái quát của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo thế hệ nhân cách người lao động mới phát

triển toàn diện đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong điều kiện nền kinh tế tri thức; kinh tế thị trường, hội nhập WTO.

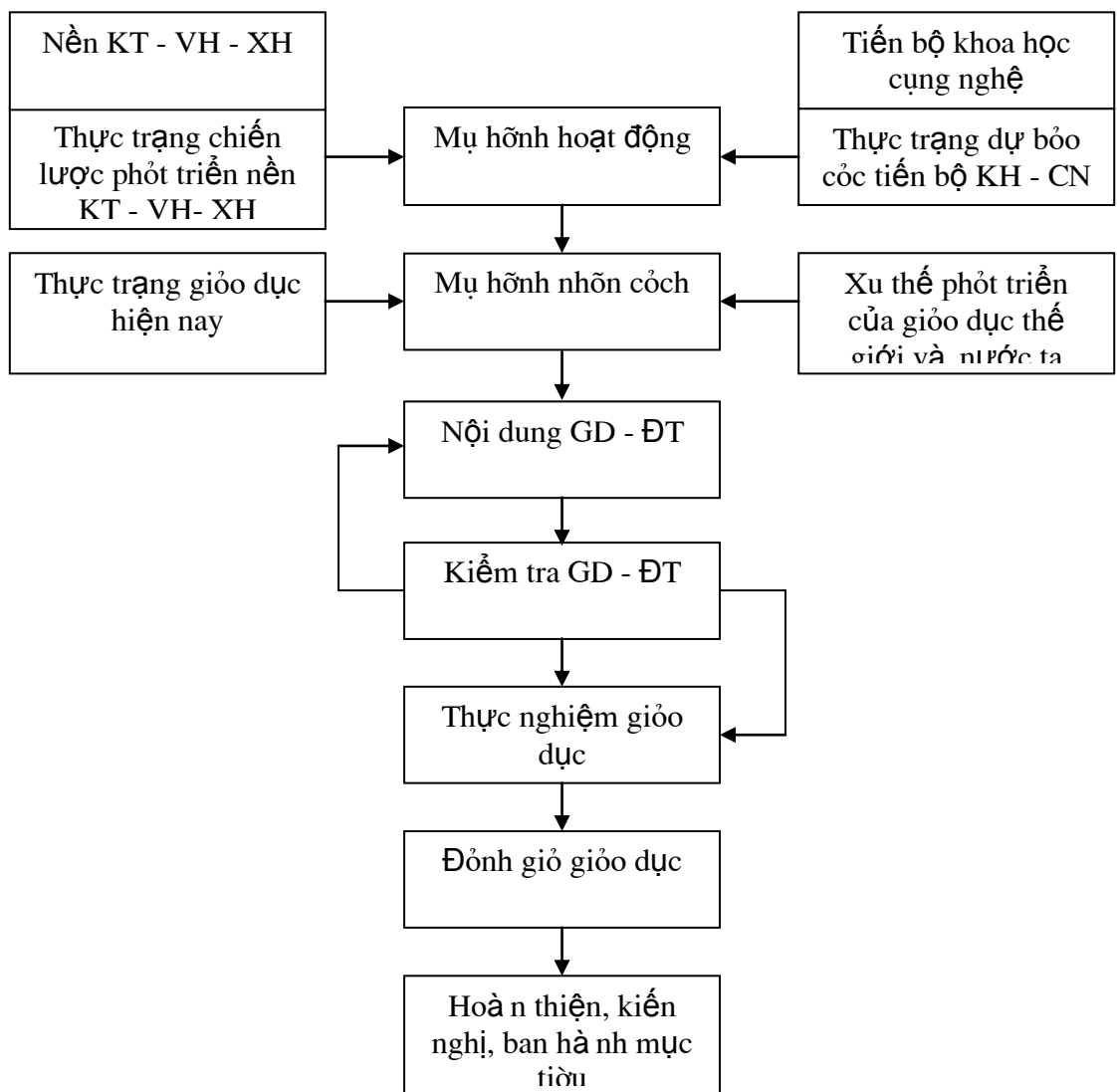
Mục tiêu đào tạo có thể được coi như là một tập hợp các kỹ năng mà học sinh phải đạt sau một quá trình đào tạo. Trong thực tế quản lý, chúng ta phải biết xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể dùng để đánh giá các phẩm chất cũng như các điều kiện cho việc hình thành chúng. Nhìn chung, đặc tính của nền kinh tế, văn hóa, xã hội được coi là những nhân tố khách quan quy định nội dung của mục tiêu đào tạo. Hệ thống tổng thể các yêu cầu tương ứng với trình độ đào tạo phải được diễn đạt bằng ngôn ngữ là kỹ năng cần đạt. Do vậy, khi xây dựng mục tiêu đào tạo bao giờ chúng ta cũng phải biết diễn đạt yêu cầu phải đạt theo chức năng của người học chứ không phải của người dạy. Phải chú ý đến nội dung của ba vấn đề này nếu không, chúng ta sẽ bị nhầm lẫn nội dung của nó với ý đồ hay mục đích : 1) Ý mở đầu về mục tiêu bao giờ cũng được chúng ta diễn đạt bằng ngôn từ người học có khả năng... bởi vì chính họ mới là chủ thể thực sự trong việc thực hiện mục tiêu khi đã chiếm lĩnh được một khả năng mới ; 2) Mục tiêu đào tạo phải có tính đặc thù. Tức là khả năng nói trên phải được biểu đạt bằng một từ đơn nghĩa, không cho phép lý giải một nội dung của nó bằng nhiều cách khác nhau. Mục tiêu đào tạo phải được diễn đạt bằng thuật ngữ chính xác đến mức làm cho mọi giáo viên và học sinh phải biết nhìn nhận, mong đợi nó dưới cùng một dạng của các từ hiểu, biết, bình phẩm, thi công v.v... Những từ này có thể được sử dụng để diễn đạt một cách chính xác nội dung của mục tiêu cần phải tìm hiểu; 3) Kết quả mong muốn mà học sinh phải đạt cần được diễn đạt dưới dạng hành vi có thể quan sát thấy một cách hiện thực, cảm tính, tuyên tính hoặc phi tuyên. Kết quả mong đợi của việc nắm vững một vấn đề đã định là hiểu. Khi nào học sinh tự mình đã biết diễn đạt điều mà mình hiểu tức là em đó đã biết rằng mình đạt được mục tiêu rồi. Việc xác định rõ hoàn cảnh của hành vi này phải được diễn ra trong khung cảnh thời gian vật chất cụ thể. Khi đã xác định rõ trình độ thành công của các tác động giáo dục đào tạo, chúng ta mới có đủ điều kiện tâm lý - giáo dục và cơ sở thực tiễn để thừa nhận xem học sinh đã đạt mục tiêu đào tạo chưa từ đó mới xác định được các tiêu chí dùng để thừa nhận sự thành công của các em như thế nào. Đứng về mặt lý luận mà xét thì mục tiêu đào tạo phải được chúng ta quan tâm xây dựng khi dựa trên các thông số của cả hiện tại lẫn tương lai. Nếu chỉ biết căn cứ vào các thông số hiện tại hoặc một ước muốn đơn giản không thôi thì mục tiêu đào tạo không được xác định một cách đúng đắn và nó trở nên

lỗi thời một khi đã được thực hiện. Do đó, điều quan trọng là người giáo dục phải nắm bắt được các thông số của tương lai. Phải xem chúng như là một yếu tố quan trọng dùng để tham khảo bắt buộc cho tiến trình xây dựng mục tiêu đào tạo. Nếu không, mục tiêu đó không đủ sức để tác động đến thực tiễn giáo dục và không thể làm cho nó được chuyển biến, vận động đúng hướng.

Trong thực tế, mục tiêu đào tạo phải thể hiện rõ tính quy luật của hoạt động sư phạm và được biểu hiện qua các thông số cơ bản như : 1) Ý nghĩa xã hội và khả năng hiện thực của mục tiêu; 2) Tính thời gian, tính hệ thống, tính có kế hoạch một cách cụ thể, rõ ràng của mục tiêu; 3) Nội dung của nó phải thể hiện được tính cơ bản, hiện đại, Việt Nam theo các xu hướng dân chủ hoá, nhân văn hoá, tính hợp tác, xã hội hoá, nghề nghiệp hoá cùng phương thức tổ chức đào tạo của mục tiêu. Do vậy, khi xây dựng mục tiêu đào tạo, chúng ta cần tập trung nghiên cứu để giải quyết được những vấn đề của cấu trúc chất lượng ở bên trong của nó thể hiện qua mô hình của hoạt động sư phạm, mô hình cấu trúc nhân cách con người mới phát triển hài hoà theo định hướng giá trị như tính hiệu quả trước mắt và lâu dài, tính lợi ích về mặt vật chất - tinh thần, tính thừa nhận - tôn trọng cá nhân - cá tính nhằm giải phóng mọi năng lượng sáng tạo cho con người, liên kết - hợp tác nhằm huy động - quy tụ sức mạnh, thích ứng nhanh - nhạy cảm với những thay đổi của xã hội, biết cách thu thập - xử lý thông tin, biết được điểm xuất phát của mình để lựa chọn giải pháp tối ưu, biết hợp tác - thuyết phục người khác, có sức mạnh tinh thần - sức khoẻ. Việc tiến hành xác định mục tiêu đào tạo về thực chất là xác định kết quả chờ đợi chứ không phải là tiến hành mô tả, tóm tắt hay chương trình hoá hành động sư phạm. Trong nội dung của nó, phải có sự chứa đựng cả những ý biểu đạt mục tiêu tổng quát, mục tiêu trung gian và mục tiêu chuyên biệt. Khi xây dựng mục tiêu đào tạo cần tiến hành hệ thống thao tác dự báo bởi vì giáo dục - đào tạo về thực chất là việc làm vì và cho ngày mai theo công nghệ A -> a. Vì vậy, khi tiến hành những tác động giáo dục - đào tạo, người giáo viên Kỹ thuật - Dạy nghề phải nhận thức được yếu tố thời gian và năng lực sư phạm của mình. Việc tiến hành kiểm tra, đánh giá tiến trình thực hiện mục tiêu đào tạo đã trở thành một khâu quan trọng của quá trình dạy học. Qua từng giai đoạn, mục tiêu đào tạo đều có những đổi thay cho phù hợp với yêu cầu mới của xã hội cũng như thế giới nghề.

Nhân cách của người học sinh được đào tạo với tư cách một sản phẩm cuối cùng là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố tác động. Hoạt động và giao tiếp sư phạm sẽ góp

phần quyết định đối với sự phát triển nhân cách của học sinh. Một khi đã được hình thành, chính phẩm chất của nhân cách các em lại là chủ thể đích thực của các quá trình hoạt động và giao tiếp. Trong quá trình xây dựng mục tiêu đào tạo, chúng ta cần xác định rõ mô hình hoạt động giáo dục - đào tạo - kỹ thuật - nghề nghiệp và mô hình nhân cách của học sinh với tư cách là sản phẩm cuối cùng của quá trình sư phạm. Do vậy, khi xây dựng mục tiêu đào tạo, chúng ta phải tìm ra được một cách đầy đủ các thông số của mô hình này qua phân tích lý luận cũng như quan hệ, tổ chức thực nghiệm, tổng kết kinh nghiệm và các phương pháp khác. Logic của quá trình xây dựng mục tiêu đào tạo được khách quan hoá bằng nội dung của sơ đồ sau:



Sơ đồ xây dựng mục tiêu đào tạo

Các yêu cầu về phẩm chất nhân cách mà học sinh phải đạt được khi tốt nghiệp trường TCCN và Dạy nghề là nắm vững hệ thống tri thức kỹ thuật chung, kỹ năng nghề nghiệp khái quát và thái độ nghề nghiệp đúng đắn. Từ năm 2005 đến 2020, mục tiêu chung của các trường TCCN, dạy nghề là tiến hành xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo, có trình độ đào tạo tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc được phát triển theo xu thế hội nhập quốc tế. Mục tiêu phát triển nhân cách là hình thành những cơ sở thiết yếu cho nhân cách người lao động mới phát triển toàn diện trong thời kỳ kinh tế tri thức, kinh tế thị trường, hội nhập WTO, công nghiệp hoá, hiện đại hoá khi đất nước được phát triển theo định hướng XHCN với dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Những cơ sở thiết yếu đó được bao gồm những thuộc tính tình cảm, đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và thể chất trong cấu trúc nhân cách của học sinh. Với những cơ sở đó, sau khi tốt nghiệp các trường TCCN và dạy nghề, các em có thể thực hành được phong cách sống tự tin, tự trọng, tự hào trong mọi hành vi và quan hệ của mình. Nội dung của vấn đề này lại được cụ thể hoá thành những yêu cầu chung của từng môn học kỹ thuật học đại cương, công nghệ chuyên ngành và tổ chức sản xuất mà học sinh phải nắm vững qua những đơn vị tri thức kỹ thuật cơ sở, cơ bản, cốt lõi và chuyên ngành.

Hiện nay việc xây dựng ngành dạy nghề và trường TCCN đạt chuẩn quốc gia sẽ được triển khai một cách đồng bộ theo hệ thống các giải pháp cụ thể sau: 1) Thiết kế mục tiêu và kế hoạch dạy nghề cho các giai đoạn 2005 - 2010 và đến 2020. Trên cơ sở đó, tiến hành cụ thể hoá mục tiêu và kế hoạch đào tạo thành nội dung chương trình, sách giáo khoa kỹ thuật nghề nghiệp, tài liệu tham khảo về kỹ thuật học, công nghệ học, tổ chức sản xuất, thiết bị dạy học cũng như xây dựng các tiêu chí để đánh giá kết quả đào tạo và xác định những quy định cụ thể cho việc tổ chức, quản lý quá trình đào tạo; 2) Xây dựng đội ngũ giáo viên dạy nghề đủ mạnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Để làm được việc đó, cần đổi mới nội dung và phương thức đào tạo sư phạm kỹ thuật cũng như tổ chức bồi dưỡng thường xuyên - theo định kỳ về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ sư phạm Kỹ thuật - Dạy nghề cho đội ngũ giáo viên dạy nghề. Bên cạnh đó, từng bước một, chúng ta phải tích cực bồi dưỡng để làm phát triển năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp cũng như kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và thành tựu của công nghệ thông tin vào việc tự hoàn thiện thường xuyên năng lực

chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm Kỹ thuật - Dạy nghề cho đội ngũ giáo viên dạy nghề;
3) Thực hiện tốt Điều lệ nhà trường dạy nghề, huy động được tiềm năng về trí lực, nhân lực, vật lực, tài lực cho việc thực hiện mục tiêu đào tạo, trao đổi và cập nhật mọi thông tin quản lý quá trình đào tạo kỹ thuật nghề nghiệp theo hướng tích hợp cũng như biết phát huy tính tích cực, độc lập, tự giác, sáng tạo hăng say trong học tập của học sinh trường nghề, từng bước một xác định chính xác mô hình của giáo dục nghề nghiệp trong thế kỷ XXI và công tác xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp.

b) Tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá, quản lý hoạt động dạy học.

1) Tìm hiểu nội dung dạy học

Nội dung dạy học luôn được hiện thực hoá trong toàn bộ hệ thống các nhiệm vụ dạy học. Nội dung này quy định hàm lượng các đơn vị tri thức, kỹ năng mà học sinh phải nắm vững nhằm tạo ra được những tiền đề tâm lý cần thiết cho việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất và năng lực trong nhân cách nghề cho các em. Toàn bộ những tri thức kỹ thuật, công nghệ học, tổ chức sản xuất cũng như phương thức tư duy kỹ thuật, kinh nghiệm cùng kỹ năng, thái độ thực hiện các nhiệm vụ của các hoạt động và giao tiếp kỹ thuật nghề nghiệp đã được nhà sư phạm kỹ thuật xây dựng thành nội dung dạy học. Việc xây dựng nội dung dạy học phải tuân thủ được những nguyên tắc sư phạm học cơ bản như: 1) Nội dung dạy học phải hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của mục tiêu là phải đào tạo ra thế hệ những nhân cách con người gì? Ở họ phải có những phẩm chất nhân cách như thế nào để sẵn sàng làm được những việc gì trong cuộc sống thực cũng như biết thực thi đúng đắn những mối quan hệ xã hội nào? 2) Phải đảm bảo được tính thống nhất, toàn vẹn và cân đối của quá trình dạy học nhưng phải coi trọng công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức trong hoạt động đào tạo. Nội dung dạy học phải đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc nhưng vẫn phải đảm bảo sao cho những nội dung đã được xác định đó hoàn toàn phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý lứa tuổi, giới tính, điều kiện, trang thiết bị, kỹ thuật, cơ sở vật chất hiện có của nhà trường; 3) Phải đảm bảo hình thành vững chắc được ở học sinh hệ thống những tri thức kỹ thuật chung, cơ bản, khái quát, thiết thực, hiện đại, năng lực tư duy kỹ thuật sáng tạo, kỹ xảo, kỹ năng kỹ thuật khái quát tương ứng với mỗi một đơn vị tri thức đó, phương thức xử thế kiểu người, những thái độ tích cực đối với các đối tượng kỹ thuật nghề nghiệp cũng như với quan hệ người - người - máy - môi trường.

Phải đảm bảo sự thống nhất của những khối tri thức cơ sở, cơ bản và chuyên ngành cũng như phải kết hợp chặt chẽ giữa tính khái quát, kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp - dạy nghề khi xác định nội dung cho mỗi một đơn vị tri thức. Khi tiến hành nội dung dạy học, phải đảm bảo được nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất và giáo dục của nhà trường gắn chặt với giáo dục của xã hội cũng như của cơ sở sản xuất. Cần đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa việc thực hiện nhiệm vụ dạy học của thầy - trò với hoạt động chính trị - xã hội cũng như thực nghiệm khoa học, nội khoá và ngoại khoá với nhau. Phải đảm bảo được sự liên thông tri thức giữa các môn học và việc thường xuyên cập nhật hoá thông tin để tiến hành hiện đại hoá nội dung của chúng trong khi dạy mỗi một đơn vị tri thức kỹ thuật - nghề nghiệp. Nội dung dạy học bao gồm:

- **Khối kiến thức chung**

Những môn chung bắt buộc: Chính trị, Pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng. Những môn tự chọn: tin học, ngoại ngữ, môi trường.

Ngoài ra, đối với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) cần có các kiến thức văn hoá bổ trợ. Tùy theo tính chất, đặc điểm của từng nghề các môn văn hoá bổ trợ phải được lựa chọn tối thiểu là ba môn trong chương trình phổ thông trung học.

- **Khối kiến thức kỹ thuật cơ sở**

Kiến thức kỹ thuật cơ sở có tác dụng cung cấp kiến thức và kỹ năng nền tảng của nghề nhóm nghề để học các môn chuyên môn. Nội dung các môn kỹ thuật cơ sở được xây dựng theo nhóm nghề, nghề. Thời gian trong kế hoạch đào tạo kiến thức cơ sở nghề từ 15-25% thời gian học của khoá học.

- **Khối kiến thức chuyên nghề và kỹ năng thực hành nghề**

Kiến thức chuyên môn cung cấp lý thuyết nghề, thực hành kỹ năng cơ bản thực hành chuyên sâu, thực tập tốt nghiệp. Thời gian dành cho khối kiến thức chuyên môn của nghề từ 45-65% thời gian của khoá học. Tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thực hành được quy định trong khoảng: Học lý thuyết 30-50%; Học thực hành từ 50-70%.

Trưởng đoàn thực tập cần có kế hoạch tổ chức cho giáo sinh tiến hành tìm hiểu nội dung dạy học qua phân tích chương trình - kế hoạch dạy học, dự giờ, thăm lớp, trao đổi với giáo viên - học sinh trường nghề, nghiên cứu sách giáo khoa - tài liệu tham khảo - giáo trình - giáo án - hồ sơ chuyên môn của giáo viên, nghiên cứu thực tiễn, phân tích hoạt động và giao tiếp sư phạm trong trường dạy nghề. Khi phân tích nội

dung dạy học, trường đoàn thực tập cần lưu ý giáo sinh phải tập trung chú ý để phân tích xem khối lượng các đơn vị tri thức chung, tri thức kỹ thuật cơ sở, tri thức chuyên ngành và kỹ năng thực hành nghề đã được cấu trúc hoá như thế nào. Ở các trường dạy nghề đào tạo người công nhân diện rộng, người ta thường quan tâm đến việc cấu trúc hoá nội dung đào tạo theo vấn đề trên một cách khái quát cao. Nhưng để đào tạo người công nhân đáp ứng được nhu cầu lao động tức thì của thực tiễn nghề nghiệp, người ta cần thiết phải tiến hành đào tạo theo năng lực thực tiễn và kỹ năng hành nghề. Vì vậy, đã xuất hiện xu hướng cấu trúc hóa nội dung đào tạo theo môđun và kết hợp môđun với môn học khi dạy nghề. Khi tiến hành tìm hiểu nội dung dạy học, trường đoàn thực tập phải làm cho giáo sinh có kỹ năng xác định xem nó có phù hợp với mục tiêu đào tạo chưa? Nó đã đảm bảo được tính toàn diện và cân đối giữa các mặt giáo dục chưa? Nội dung đào tạo này đã gắn với thực tế sản xuất chưa? Nó đảm bảo được tính cơ bản, tính khoa học, tính hiện đại và tính vừa sức chung - riêng trong quá trình tiếp thu của học sinh chưa? Nó đã đảm bảo được tính thống nhất chung trong toàn quốc trong khi vẫn phù hợp với những đặc điểm riêng của từng vùng - từng địa phương cũng như với điều kiện dạy học của từng trường chưa? Nội dung đào tạo đã đảm bảo được tính liên thông và tính thống nhất giữa tất cả các môn học của toàn bộ quy trình đào tạo chưa. Khi phân tích phương hướng hoàn thiện nội dung đào tạo của nhà trường dạy nghề và TCCN, trường đoàn thực tập cần yêu cầu giáo sinh phải tập trung chú ý để tìm hiểu xem nội dung đó đã có tác dụng làm tăng cường được công tác giáo dục tư tưởng - chính trị - đạo đức cho học sinh chưa? Nó có tác dụng làm tăng cường được mối liên hệ giữa hoạt động đào tạo với lao động sản xuất và kỹ thuật nghề nghiệp cho học sinh chưa? Nó đã từng bước làm hiện đại hoá nội dung dạy học và cập nhật được thường xuyên thông tin mới về kỹ thuật, công nghệ học, tổ chức sản xuất cho việc dạy học mỗi một đơn vị tri thức kỹ thuật cơ sở, cơ bản, chuyên ngành chưa? Nội dung dạy học được coi là nhân tố khách quan quy định mọi thao tác hành vi và quan hệ mà người học sinh phải thực hiện, do đó nó cũng quy định cả nội dung nhân cách của các em.

2) Tìm hiểu phương pháp dạy học được vận dụng trong dạy học kỹ thuật - nghề nghiệp

Phương pháp được coi như sự vận động của nội dung. Đó là tổ hợp những con đường, cách thức thực hiện hoạt động của giáo viên, học sinh cũng như sự phối hợp thao tác giữa thầy trò - tập thể lớp và quan hệ sư phạm khi giải quyết hệ thống nhiệm vụ

vụ dạy học theo những nội dung xác định nhằm hướng tới những mục tiêu đã hướng đích. Các phương pháp dạy học được sử dụng để mang đến cho học sinh những sản phẩm không có sẵn mà các em phải tự mình tạo ra nó bằng chính hành động của mình. Mọi phương pháp dạy học đều mang đặc điểm của cả hai chủ thể người dạy - người học. Nó mang đậm dấu ấn chủ quan. Nó luôn được gắn chặt với mục đích cũng như nội dung và phương tiện - trang thiết bị - đồ dùng - kỹ thuật dạy học. Nó được coi như là một hệ thống thao tác hợp lý của mọi hành động dạy của giáo viên, hành động học của học sinh và sự kết hợp hành động dạy - học chung nhau của giáo viên - học sinh - tập thể lớp.

Trong dạy học kỹ thuật - nghề nghiệp, thường người ta sử dụng phức hợp các hệ phương pháp như: 1) Phương pháp dùng lời khi thuyết trình được sử dụng thông qua giảng thuật, giảng giải, giảng diễn, phương pháp vấn đáp và phương pháp sử dụng giáo trình môn học cùng các tài liệu tham khảo; 2) Hệ các phương pháp dạy học trực quan thông qua biểu diễn các thao tác mẫu, hướng dẫn học sinh tham quan sản xuất; 3) Hệ các phương pháp dạy học thực tiễn được thực hiện qua các quá trình tổ chức cho học sinh quan sát, độc lập làm thí nghiệm, luyện tập thông qua các dạng luyện tập trong dạy thực hành nghề, hệ thống hoá, ôn tập, luyện tập, phương pháp hướng dẫn của giáo viên, các bài luyện tập, phương pháp ôn tập; 4) Hệ các phương pháp dạy học chuyên biệt như dạy học algorit, dạy học chương trình hoá, dạy học theo giai đoạn, dạy học nêu vấn đề, dạy học theo phương pháp 4D, dạy học theo MES.

Thuyết trình được coi là phương pháp mà giáo viên dùng lời nói, chữ viết để trình bày, thông qua việc truyền đạt tri thức hoặc mô tả sự vật, hiện tượng, quá trình diễn biến của đối tượng - hiện tượng kỹ thuật - nghề nghiệp nhằm giúp cho học sinh thu nhận được nội dung thông tin trong những tài liệu cần thiết. Trong thuyết trình, các phương pháp giảng thuật, giảng giải, giảng diễn được thực hiện bằng phương tiện lời nói sinh động của giáo viên để trình bày một cách có hệ thống tài liệu mới với một khoảng thời gian xác định hoặc nêu thêm những vấn đề phức tạp, khó khăn ở mức độ cần thiết mà học sinh không thể tự học. Những phương pháp này được dùng để trình bày những vấn đề của thực tế kỹ thuật - nghề nghiệp qua mô tả, kể chuyện và hệ thống hoá tri thức đã thu lượm được. Các phương pháp này dùng ở tất cả các lớp. Khi dùng Nó, ngôn ngữ của giáo viên phải rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn, xúc tích, có thiện cảm với những dẫn chứng minh hoạ một cách cụ thể. Chúng là những phương pháp dạy học rất

thông dụng, tiện lợi nhưng không được lạm dụng. Để nâng cao hiệu quả dạy học và làm giảm mức độ thụ động, tiêu cực và phát triển hứng thú cho học sinh, giáo viên cần sử dụng kết hợp phương pháp vấn đáp và trình bày trực quan với dùng lời. Nội dung của thuyết trình phải bao gồm những đơn vị tri thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống, chính xác theo một logic chặt chẽ bằng thứ ngôn ngữ sinh động, rõ ràng, hấp dẫn và theo một dàn ý nhất định. Vì vậy, khi tìm hiểu về nội dung tâm lý của bài giảng, trưởng đoàn thực tập cần yêu cầu giáo sinh tập trung ý thức vào phân tích để xác định được tính chất của khả năng sử dụng kết hợp các phương pháp khác với dùng lời cũng như kỹ năng phân tích trình độ tác động ngôn ngữ khi giải quyết nhiệm vụ dạy học của giáo viên. Đối với mọi giáo viên thì khả năng diễn đạt một ý tưởng về giáo dục - đào tạo cũng quan trọng như bản thân nó. Vì vậy, khi tập làm giáo viên, mọi giáo sinh cần phải chú ý học tập khả năng tác động ngôn ngữ của giáo viên, đặc biệt là các giáo viên giỏi khi đứng lớp. Kỹ năng sư phạm được coi là nhân tố tâm lý quan trọng, quy định chất lượng và hiệu quả của bài giảng. Vì vậy, khi dự bất cứ bài giảng nào, mọi giáo sinh cũng phải chú ý tìm hiểu xem nội dung tâm lý của kỹ năng đứng lớp của giáo viên được biểu hiện ra như thế nào qua các chỉ số sau: 1) Khả năng gây ra sự thiện cảm và tạo lòng tin của giáo viên đối với nội dung truyền đạt ở học sinh; 2) Khả năng của giáo viên biết khắc phục sự hồi hộp và cản trở tâm lý khi trình bày nội dung bài giảng; 3) Khả năng tạo ra sự nhất quán của quá trình ngôn ngữ với chất lượng từ ngữ, sắc thái sư phạm của âm điệu - ngữ điệu, âm điệu, độ vang của giọng điệu, khả năng truyền cảm gây ấn tượng qua dáng vẻ, nét mặt, cử chỉ của giáo viên.

Khi phân tích kỹ năng của hoạt động ngôn ngữ của giáo viên, chúng ta phải chú ý đến giọng nói, cử chỉ và khả năng kiềm chế sự hồi hộp. Giọng nói của giáo viên khi trình bày nội dung bài học phải có những đặc điểm sau: 1) Về âm lượng của bài giảng của giáo viên phải rõ ràng, dễ nghe thậm chí cả ở cuối phòng học. Về âm vực khi giảng bài giáo viên phải thể hiện được kỹ năng dùng âm điệu lúc lên cao, lúc trầm để tạo ra hứng thú cho học sinh, tránh dùng giọng nói đều đều; 2) Về tốc độ âm, giáo viên sẽ nói chỉ có khoảng 125 từ trong một phút nhưng điều quan trọng, cốt yếu, trọng tâm, trọng điểm của bài phải biết thể hiện cách nói chậm để gây nên những ấn tượng và tác động mạnh. Khi nói giáo viên phải có khả năng tạo ra chỗ tạm ngừng để làm tăng thêm trọng lượng cho những lời nói trước đó khoảng 1-2 giây. Điều đó có nghĩa là trong ngôn ngữ, giáo viên phải có khả năng giảng xoáy vào trọng tâm, lướt qua những

ý có thể và dừng lại khi muốn nhấn mạnh vào một ý tưởng nào; 3) Giáo viên phải có kỹ năng phát âm chuẩn, đúng ngữ điệu khi trình bày, biết cách dùng hạn chế những từ đệm và kiên quyết loại bỏ hư từ, phong cách không mô phạm khi tác động ngôn ngữ.

Trong dạy học, điều quan trọng không chỉ ở những điều đã nói ra mà còn ở cách mà giáo viên diễn đạt điều đó như thế nào. Nội dung bài giảng phải sinh động, thú vị, có sức cuốn hút - gây hứng thú học tập cho học sinh và mọi cử chỉ, dáng điệu của giáo viên phải có sự nhất quán trong giọng nói. Vì vậy, khi dự giờ thăm lớp, giáo sinh cần tập trung chú ý xem trang phục, cử chỉ, dáng điệu của giáo viên có thích hợp không? Thái độ, phong cách dạy có tự nhiên không? Tư thế đứng lớp có thẳng và thoải mái không? Động tác giảng dạy có nhẹ nhàng, tự nhiên không? Ở giáo viên không được biểu hiện ra các thao tác hốt hoảng, hấp tấp. Cử chỉ của giáo viên phải tự nhiên, không bị gò bó, cứng nhắc, nét mặt thể hiện được sự nhiệt tình - tự nhiên - mô phạm và sự tiếp xúc bằng ánh mắt có thiện cảm, uy lực, đầy tính trí tuệ - ý chí, đạo đức và đều khắp trên tất cả các nhóm học sinh. Phong cách dạy của giáo viên có thể hiện sự thoải mái, gây ấn tượng mạnh, tài tổ chức và biết sử dụng đồ dùng trực quan đến mức độ nào?

Đàm thoại là phương pháp mà giáo viên và học sinh dùng lời để đối thoại, trao đổi với nhau nhằm làm sáng tỏ vấn đề hoặc tìm ra tri thức mới hoặc rút ra kết luận, tổng kết, ôn tập, củng cố, mở rộng, khơi sâu tri thức và biết rõ kết quả học tập. Thường giáo viên có sử dụng các hình thức vấn đáp gợi mở, củng cố, tổng kết và kiểm tra. Nếu được vận dụng đúng, vấn đáp sẽ có tác dụng làm phát triển năng lực tư duy, tính tích cực, độc lập suy nghĩ, khả năng diễn đạt vấn đề và không khí học tập sôi động cho tập thể lớp. Thông qua vấn đáp mà giáo viên có được cứ liệu, thông tin cần thiết về trình độ cũng như đặc điểm cá biệt của học sinh mà có biện pháp tác động cho phù hợp. Nếu không biết sử dụng hợp lý, phương pháp vấn đáp dễ gây tốn nhiều thời gian, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch dạy học. Giáo viên phải biết gia công một cách hợp lý vấn đề khi xây dựng nội dung câu hỏi cũng như trả lời và nâng cao không ngừng nghệ thuật vấn đáp trong khi dạy mỗi đơn vị tri thức kỹ thuật - nghề nghiệp thông qua sử dụng kỹ thuật động não.

Động não là hoạt động nhằm hình thành những ý tưởng nên chúng ta không được phép nêu ra những đánh giá - phê phán thiếu tính sư phạm khi người ta tham gia thảo luận. Số lượng và chất lượng người tham gia thảo luận đều cần thiết thậm chí, trong

khi trao đổi một ý tưởng không đúng lại là khởi nguồn của nhiều ý tưởng đúng. Những ý tưởng lạ của học sinh cần được giáo viên đặc biệt hoan nghênh. Chúng ta trong khi chỉ đạo cho học sinh trao đổi, cần phải ghi chép lại đầy đủ những ý kiến có vẻ lạc lõng hoặc không thể chấp nhận được, kiên quyết loại trừ những cử chỉ làm ức chế và thui chột tính tự giác, tích cực, độc lập, tự nêu ra ý tưởng của các em, phải tích cực suy nghĩ để móc nối ý kiến của mọi người lại theo một tư tưởng sư phạm đã định vì động não là sự nỗ lực chung của cả nhóm học sinh. Sau khi đã tập hợp được toàn bộ các ý kiến trao đổi của mọi người, giáo viên mới tiến hành đánh giá. Quy trình thực hiện hoạt động động não được diễn ra theo một trật tự hợp lý theo chương trình chung như tiến hành chọn nhóm trưởng và thư ký, chọn và xác định chủ đề, vấn đề cho thảo luận. Tất cả mọi thành viên đều phải hiểu rõ vấn đề, phải có đủ kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu chủ đề. Chủ đề càng cụ thể càng tốt, được nêu ra dưới dạng câu hỏi, để mở, có tính thách đố và có trọng tâm, hướng các hoạt động tư duy của mọi người vào giải quyết vấn đề theo kỹ năng động não. Đề nghị mọi người trao đổi, nêu và ghi chép lại toàn bộ câu trả lời của họ. Nhóm trưởng hướng dẫn sự trao đổi của mọi người nhưng phải tế nhị nếu thấy ý kiến giảm dần thì cố gắng cổ vũ cho họ thảo luận tiếp, không để cho ý kiến thiếu tế nhị xen vào, không để tình trạng chỉ có người lảm lòi tham gia tranh luận. Kết thúc trao đổi, thư ký báo cáo kết quả bằng viết lại toàn bộ nội dung đã thảo luận. Trong vấn đáp, có câu hỏi đóng được sử dụng để mở đầu cho cuộc trao đổi, câu hỏi mở để thách đố và kích thích hoạt động tư duy của học sinh bằng các từ hỏi. Trong dạy học, giáo viên có thể nêu ra các câu hỏi để làm hoàn chỉnh ý, nêu định nghĩa, liệt kê, quan sát, kể lại, lựa chọn, phân tích so sánh, giải thích, tổ chức, xếp thứ tự, áp dụng, nêu ví dụ, dự báo, khái quát hoá và phán xét.

Khi điều tra về sự chuẩn bị ra câu hỏi và kỹ năng nêu vấn đề, giáo viên cần tìm hiểu xem giáo viên đã xác định được rõ mục tiêu của việc đặt câu hỏi chưa? Họ đã viết toàn bộ nội dung các câu hỏi ra giấy chưa? Giáo viên có kiểm tra lại xem liệu ở học sinh đã có đủ được những kinh nghiệm và kiến thức cần thiết để trả lời câu hỏi không? Giáo viên có biết dùng từ ngữ đơn giản để nêu những câu hỏi không? Người giáo viên lão luyện thường mỗi lần chỉ hỏi một câu, chủ yếu là câu gợi mở dùng 3 giây cho học sinh suy nghĩ rồi mới yêu cầu các em trả lời. Khi học sinh đã nói, giáo viên phải biết chăm chú lắng nghe với nét mặt và thái độ tích cực để có phản ứng trước các câu trả lời đúng hoặc đặt tiếp câu hỏi yêu cầu làm rõ khi cần, biết cách nêu những gợi ý để

khuyến khích sự tiếp tục trao đổi, có thái độ phản ứng với câu trả lời đúng một phần cũng như câu trả lời không đúng và không trả lời được. Thường những giáo viên có kinh nghiệm đã biết cách khen ngợi, công nhận những ý trả lời đúng, đối với câu trả lời đúng một phần thì đánh giá phần trả lời đúng rồi đề nghị các em khác tiếp tục suy nghĩ, nêu ý kiến bổ sung nhằm làm hoàn thiện vấn đề, đối với câu trả lời sai thì phải biết cách nêu câu hỏi cho một em khác với những từ ngữ mới, sử dụng giáo cụ trực quan để làm rõ vấn đề hoặc giảng giải lại khái niệm và yêu cầu các em tiến hành xem lại tài liệu giáo khoa. Khi vấn đáp, giáo viên phải biết cách bắt đầu bằng cách nêu ra câu hỏi đúng và để trả lời, sau đó tiếp tục nêu ra câu trả lời mở và trù tượng cho cả lớp, chờ đợi ít nhất là ba giây, đảm bảo cho mọi học sinh đều thấu hiểu câu hỏi đó rồi cho một em cụ thể khác trả lời, tìm sự ủng hộ cho câu trả lời đúng và xử lý các tình huống khi mạn đàm qua thăm dò, gợi ý cho các thao tác nghĩ của tất cả mọi thành viên của lớp.

Phương pháp dạy học trực quan gồm có quan sát và trình bày trực quan. Quan sát được sử dụng nhằm giúp cho học sinh tự rút ra được những kết luận khái quát về đối tượng. Học sinh có thể tiến hành quan sát khía cạnh - toàn diện, quan sát theo giai đoạn - lâu dài, quan sát có bố trí - quan sát tự nhiên, quan sát bước đầu - quan sát kiểm nghiệm, quan sát chất lượng - số lượng, quan sát khi giáo viên trình bày tài liệu mới cũng như quan sát trong quá trình làm thí nghiệm, thực nghiệm, lao động, biểu diễn mẫu hành động - quan hệ, ôn tập và củng cố tri thức. Trước khi cho học sinh tiến hành quan sát, giáo viên phải biết cách xác định rõ mục đích, yêu cầu, mức độ, nhiệm vụ, kế hoạch, phương pháp, cách thức và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ quan sát. Phải bằng mọi cách, làm phát triển bằng được các phẩm chất của năng lực quan sát đối tượng, quy trình kỹ thuật, tổ chức sản xuất cho học sinh khi dạy bất kỳ bài học lý thuyết hay thực hành kỹ thuật nào. Trong tiến trình dạy học, dần từng bước, giáo viên phải làm hình thành được ở học sinh kỹ năng tự quan sát, khả năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin về đối tượng học tập để từ đó, tự rút ra kết quả. Trình bày trực quan được coi là phương pháp sử dụng các phương tiện trực quan trước và trong khi dạy học tài liệu mới cũng như khi ôn tập, củng cố, kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, có thể tiến hành sử dụng các vật thật, vật tượng trưng, vật tạo hình - mô hình máy hay đồ dùng trực quan có hình, trực quan in, trực quan có màn ảnh và phát ra thành tiếng - phương tiện nghe nhìn làm đồ dùng dạy học. Đồ dùng trực quan được coi như là cái

giáo mang cụ thể cho việc tiếp thu các tri thức trừu tượng. Nó được sử dụng cả khi giáo viên tiến hành chuẩn bị bài, trình bày tài liệu mới, hướng dẫn ôn tập, củng cố, kiểm tra - đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh. Phương tiện trực quan nếu được sử dụng khéo léo khi được chuẩn bị chu đáo sẽ có tác dụng phát huy sự làm việc của nhiều giác quan vào tri giác đối tượng cũng như sự kết hợp hoạt động của hệ thống tín hiệu thứ nhất với hệ thống tín hiệu thứ hai, làm cho học sinh có được những tiền đề tâm lý cần thiết để dễ hiểu bài, nhớ lâu, có hứng thú và làm phát triển năng lực chú ý, óc quan sát, sự say mê, óc tò mò, sự ham tìm tòi - ham hiểu biết, khả năng khám phá phát hiện cái mới. Giáo viên cũng phải biết cách tránh lạm dụng trực quan trong dạy học. Giáo viên phải biết cách tạo lập, bảo quản, sử dụng hợp lý đồ dùng trực quan. Đồ dùng trực quan phải đảm bảo tính sư phạm, tính thẩm mỹ và tính kinh tế. Trong các quá trình sư phạm, giáo viên phải có kỹ năng sử dụng hợp lý tranh ảnh, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị, makét, máy dạy học, các phương tiện nghe nhìn như tivi, máy chiếu đa năng và các phương tiện trình chiếu khác, phần mềm dạy học, phiếu học tập, tài liệu phát tay, Multimedia v.v... Trong quá trình phân tích kỹ năng sử dụng các phương pháp dạy học trực quan của giáo viên, trường đoàn thực tập cần tập trung ý thức của giáo sinh vào tìm hiểu sâu về khả năng chế tác đồ dùng dạy học và nghệ thuật sử dụng chúng để giải quyết nhiệm vụ dạy học của họ. Đặc biệt, giáo sinh cần tập trung phân tích kỹ thuật sử dụng các loại vật thật, mô hình, máy chiếu Overheard, máy chiếu qua đầu, máy Dia, máy quay camera, cách thức chuẩn bị phim trong - phim chiếu, cánh thức chế tạo mô hình, biên soạn tài liệu phát tay, tạo ngân hàng ảnh trong chương trình Photoshop và các Slide trong chương trình Powerpoint để soạn giáo án điện tử của giáo viên. Thông qua đó, từng giáo sinh phải học được những kinh nghiệm bổ ích về việc chế tạo các phương tiện dạy học đơn giản và kỹ thuật sử dụng phương tiện trực quan khi dạy từng đơn vị kiến thức kỹ thuật - nghề nghiệp.

Phương pháp dạy học thực tiễn được bao gồm phương pháp độc lập làm thí nghiệm và luyện tập. Độc lập làm thí nghiệm được dùng trong dạy học các môn khoa học thực nghiệm. Nó có tác dụng tạo ra hứng thú, sự say mê, óc tò mò khoa học và giúp cho việc hiểu biết của học sinh về đối tượng có cơ sở khoa học vững chắc. Luyện tập được coi là một hoạt động mà chủ thể tiến hành lặp đi, lặp lại nhiều lần những động tác đối tượng cảm tính cũng như thao tác trí tuệ và cử động lao động nhằm hình thành, củng cố những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho học sinh. Luyện tập có mục đích là

làm củng cố, mở rộng, khơi sâu tri thức lý luận nhằm làm phát triển các thành phần thực hành trong quan hệ biện chứng với thành phần khái niệm và biểu tượng trong hoạt động tư duy kỹ thuật cho học sinh. Luyện tập có nhiều hình thức đa dạng tùy thuộc vào hoạt động, điều kiện học tập cũng như trình độ nhận thức của học sinh và đặc điểm của môn học, bài học cũng như của từng đơn vị kiến thức kỹ thuật - nghề nghiệp cụ thể. Trước khi luyện tập, giáo viên phải biết xác định rõ cho học sinh biết được động cơ, nhu cầu, tâm thế, ý thức, nội dung, phương pháp, mục đích, cách thức và quy trình của việc luyện tập. Trên cơ sở đó, tiến hành tổ chức và chỉ đạo một cách khoa học việc luyện tập của học sinh. Giáo viên phải nêu rõ được những yêu cầu rèn luyện thường xuyên, sự kiên trì khắc phục khó khăn, sự tập trung chú ý và đổi mới phương thức luyện tập thực hành nhằm đưa lại kết quả cao hơn. Chính vì vậy, khi phân tích tính chất của kỹ năng sử dụng các phương pháp dạy học thực tiễn của giáo viên, trưởng đoàn thực tập phải yêu cầu giáo sinh tập trung chú ý vào tìm hiểu đầy đủ những kinh nghiệm thành công khi thực hiện các thao tác hướng dẫn mở đầu, hướng dẫn thường xuyên, hướng dẫn kết thúc cũng như phương thức tổ chức luyện kỹ xảo lao động cho học sinh. Để từ đó, giáo sinh có được những cơ sở tâm lý cần thiết mà hiểu rõ quy luật hình thành của kỹ năng, kỹ xảo, thao - động tác và cử động lao động kỹ thuật - nghề nghiệp cũng như biết cách thực hiện các thao tác sư phạm đảm bảo phát triển vững chắc các phẩm chất của chúng cho học sinh. Phân tích thao tác luyện tập của học sinh, trưởng đoàn thực tập phải biết yêu cầu giáo sinh chú ý đầy đủ cả đến cả ba thông số cơ bản như mức độ khái quát của động tác - cử động lao động, tính liên tục và thời gian thực hiện thao tác, trạng thái tâm lý của chủ thể khi tiến hành thực hiện nhiệm vụ thực tập. Ôn tập là phương pháp giúp cho học sinh có được những điều kiện tâm lý cần thiết để tiến hành củng cố, mở rộng, khơi sâu, khái quát hoá, hệ thống hoá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và phát triển tư duy. Ôn tập phải được chủ thể tiến hành thường xuyên, liên tục, có kế hoạch và có hệ thống. Chủ thể phải xác định được tâm thế ghi nhớ lâu đối với tài liệu học tập để từ đó, tiến hành ôn luyện bằng việc thực hiện thao tác của tất cả mọi giác quan, có kết hợp hành động ứng dụng với hoạt động tư duy sáng tạo khi ghi nhớ, thực hiện việc ôn tập có đề cương, ôn tích cực, ôn phân tán chứ không ôn tập trung, kiên quyết chống lại sự mệt mỏi và quên. Khi dự giờ, giáo sinh phải chú ý tìm hiểu kinh nghiệm sử dụng phương pháp ôn tập của giáo viên và cách thức tiến hành việc ôn tập của học sinh. Qua đó, hãy chỉ ra xem phương pháp ôn tập đó có

phù hợp với quy luật tâm lý không? Bài học thành công trong sự chỉ đạo của giáo viên là gì và bản thân sẽ phải làm gì, làm như thế nào khi rèn luyện để làm phát triển trí nhớ kỹ thuật cho học sinh.

Trong quá trình thực tập, giáo sinh phải nắm vững những thông tin về các phương pháp dạy học được giáo viên vận dụng và thực hiện như thế nào. Trên cơ sở đó, phải tìm hiểu được những kinh nghiệm thành công trong việc sử dụng kết hợp hệ các phương pháp dạy học, những thuận lợi và khó khăn trong việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên ở cơ sở thực tập. Trường đoàn thực tập phải chỉ đạo cho giáo sinh biết lập kế hoạch, tiến hành tìm hiểu, chỉ đạo quá trình điều tra và kiểm tra, đánh giá kết quả tìm hiểu của từng em cũng như từng nhóm. Thường, giáo viên tiến hành sử dụng hệ phương pháp dạy học nêu vấn đề, chương trình hoá, dạy học theo giai đoạn, phương pháp 4D, phương pháp dạy học theo mô đun kỹ năng hành nghề. Vậy việc đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên ở cơ sở thực tập đã được diễn ra theo quan điểm nào? Việc cải tiến phương pháp dạy học ở cơ sở thực tập được diễn ra theo phương thức đào tạo người công nhân diện rộng hay diện hẹp? Việc vận dụng những thành tựu của khoa học giáo dục nghề nghiệp vào cải tiến phương pháp dạy học đã mang lại những thành tựu nào cho thực tiễn đào tạo của cơ sở thực tập? Sự đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức dạy học phải được diễn ra theo phương hướng nào là tối ưu, bài học kinh nghiệm về việc đổi mới đó cần được đặt ra, giải quyết một cách tích cực đối với tất cả mọi giáo sinh. Có làm như vậy, chúng ta mới có được cơ sở tâm lý cần thiết để làm phát triển năng lực tư duy sự phạm cho giáo sinh khi tiếp cận những vấn đề của phương pháp dạy học kỹ thuật nghề nghiệp ở các cơ sở thực tập. Việc tổ chức học tập kinh nghiệm sử dụng phương pháp dạy học để truyền đạt những đơn vị tri thức kỹ thuật - nghề nghiệp của giáo viên ở cơ sở thực tập cho giáo sinh là một vấn đề rất quan trọng và cần thiết trong việc phát triển kỹ năng sự phạm cho người giáo viên tương lai. Vì vậy, trường đoàn thực tập cần phải có biện pháp chỉ đạo thích hợp nhằm làm hình thành kỹ năng nhận biết những thành công, những mặt mạnh và khó khăn khi tiến hành đổi mới phương pháp dạy học kỹ thuật nghề nghiệp của giáo viên cho giáo sinh của mình một cách khoa học.

3) Tìm hiểu hình thức tổ chức

Việc nghiên cứu và tổng kết được những bài học thành công khi tổ chức thực hiện các hình thức dạy học kỹ thuật - nghề nghiệp là rất cần thiết đối với giáo sinh. Các

nhiệm vụ dạy học kỹ thuật nghề nghiệp có thể được tổ chức theo các hình thức học toàn lớp hoặc theo nhóm và cá nhân.

Hình thức lên lớp có những đặc điểm cơ bản sau: 1) Hoạt động học tập được tiến hành chung cho mọi em cùng lứa tuổi và trình độ, phù hợp với khả năng bao quát của giáo viên ở một địa điểm phòng học xác định. Vì vậy, tính chất của mối quan hệ qua lại lẫn nhau giữa mọi thành viên trong lớp và bầu không khí tâm lý chung của tập thể được coi là những nhân tố tâm lý - xã hội quan trọng, quy định chất lượng cũng như hiệu quả học tập của cả lớp, của từng học sinh; 2) Các nhiệm vụ dạy học được thực hiện theo thời khoá. Thời gian dạy học luôn được phân ra thành tiết học để tiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ truyền đạt, lĩnh hội các đơn vị tri thức khi dựa trên những đặc điểm về nhận thức, khả năng tập trung chú ý của học sinh và yêu cầu của vệ sinh học đường; 3) Giáo viên trực tiếp tổ chức, thiết kế, điều khiển hoạt động thi công của học sinh và các quan hệ của lớp khi đã có sự chú ý đến đặc điểm khác biệt của từng em.

Dạy học theo hình thức lên lớp có những ưu điểm sau: 1) Tạo ra được những điều kiện tâm lý - giáo dục thuận lợi để đào tạo hàng loạt học sinh, đáp ứng yêu cầu đào tạo cả một lớp công nhân kỹ thuật với quy mô lớn; 2) Đảm bảo cho học sinh có thể lĩnh hội được tri thức, rèn luyện hệ thống các kỹ năng, kỹ xảo, thao - động tác nghề, cử động lao động và hình thành thái độ kỹ thuật có kế hoạch, có hệ thống phù hợp với yêu cầu tâm lý - giáo dục cũng như vệ sinh học đường; 3) Đảm bảo được sự thống nhất trong phạm vi quốc gia về việc thực hiện kế hoạch và nội dung dạy học cũng như tạo ra các điều kiện tâm lý - xã hội thuận lợi cho việc bồi dưỡng tinh thần tập thể, phẩm chất đạo đức cho mọi học sinh.

Việc thực hiện nhiệm vụ dạy học theo hình thức lên lớp có những nhược điểm sau: 1) Không có đủ thời gian cho học sinh để có thể nắm vững được toàn bộ tri thức, kỹ năng và kỹ xảo; 2) Không có điều kiện để giáo viên có thể chú ý đến những đặc điểm riêng trong nhận thức cũng như hành động, quan hệ của từng em; 3) Không có điều kiện để thoả mãn được nhu cầu nhận thức rộng rãi và sâu sắc về những tri thức vượt ra ngoài phạm vi quy định ở chương trình cho mọi học sinh. Vì vậy, giáo viên phải biết sử dụng nhiều hình thức dạy học khi thực thi các nhiệm vụ dạy học. Hình thức lên lớp sẽ có loại bài lĩnh hội tri thức mới, luyện tập kỹ năng - kỹ xảo - khái quát hoá - hệ thống hoá những vấn đề đã học, kiểm tra tri thức kỹ năng - kỹ xảo và bài hỗn hợp.

Hình thức tự học ở nhà, đọc ở thư viện có tác dụng giúp cho các em có điều kiện tâm lý để mở rộng, khơi sâu, hệ thống hoá, khái quát hoá những tri thức đã học. Hình thức tự học có tác dụng rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo và phương cách vận dụng những điều đã học vào giải quyết những tình huống thực tế của học sinh. Bằng cách đọc trước tài liệu tham khảo, sách giáo khoa, làm thực nghiệm, tự quan sát đối tượng kỹ thuật theo hướng dẫn của giáo viên, việc tự học của học sinh sẽ có tác dụng chuẩn bị trước cho sự lĩnh hội tri thức mới. Bằng tự học bài, làm bài tập, làm thí nghiệm - thực nghiệm, tự quan sát, đọc tài liệu tham khảo và chuẩn bị những điều kiện cho việc học bài mới mà tự học có tác dụng bồi dưỡng ý thức trách nhiệm, tính tự giác, khả năng độc lập, tính kỷ luật, tính tổ chức và tính kế hoạch trong khi giải quyết nhiệm vụ học tập kỹ thuật - nghề nghiệp của học sinh. Việc tự học của học sinh cần đảm bảo được điều kiện tâm lý học sư phạm sau: 1) Làm cho các em ý thức được tầm quan trọng của việc học ở nhà. Dần từng bước, làm hình thành cho các em có ý thức, nhu cầu, hứng thú đối với việc tự học và nhà trường, đoàn TNCSHCM, Hội học sinh cần chăm chú chỉ đạo cho học sinh biết cách thực hiện các nhiệm vụ tự học; 2) Cá biệt hoá các loại bài tập, làm cho nó đa dạng hoá từ mức lặp lại, thiết kế theo mẫu, phát hiện cái sai, cái thừa - cái thiếu - cái không hợp lý trong thiết kế, thiết kế tiếp đến các bài tập sáng tạo. Giáo viên cần bồi dưỡng cho học sinh biết rõ cách dùng phương pháp đọc sách, giải bài tập, ôn tập và làm đề cương; 3) Tạo lập được cơ sở vật chất cần thiết cho việc giải quyết các nhiệm vụ tự học. Trong quá trình giải quyết các nhiệm vụ thực tập sư phạm, bên cạnh việc học kỹ năng đứng lớp, tất cả các giáo sinh phải biết được rõ thực trạng tự học và khả năng tự học của học sinh ra sao, trên cơ sở đó, tiến hành lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá quá trình cũng như kết quả sự học của học sinh. Bên cạnh việc chỉ đạo cho giáo sinh rèn luyện kỹ năng đứng lớp, trường đoàn thực tập cần đặc biệt chú ý tổ chức cho các em tiến hành giải quyết các nhiệm vụ tổ chức - quản lý các hoạt động tự học của học sinh.

Tham quan sản xuất và thực tế lao động nghề nghiệp là một hình thức dạy học giúp cho học sinh có được điều kiện thực tế để tiến hành quan sát và nghiên cứu đối tượng. Nhờ đó mà các em sẽ mở rộng tầm nhìn, có được điều kiện tâm lý thuận lợi để đào sâu tri thức và có hứng thú thực sự với đối tượng. Có thể tiến hành tham quan sản xuất trước, trong và sau khi đã học những nội dung tri thức kỹ thuật - nghề nghiệp nào đó.

Tham quan được thực hiện theo ba bước chuẩn bị, tiến hành tham quan thực tế và tổng kết.

Các hình thức lên lớp, tự nghiên cứu thường được sử dụng kết hợp với thảo luận nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ dạy học kỹ thuật - nghề nghiệp. Thảo luận và xêmina đều giống nhau ở chỗ, học sinh tự chuẩn bị trước nội dung trao đổi rồi mọi người cùng tiến hành nghe báo cáo, tranh luận, thảo luận về nội dung kỹ thuật - nghề nghiệp xác định.

Song, phạm vi và mức độ vấn đề được nêu ra trong xêmina thì rộng, sâu sắc hơn, bắt buộc phải có sự điều khiển của tác động sư phạm của giáo viên. Thường chúng được thực hiện qua các bước chuẩn bị, tiến hành trao đổi và tổng kết. Khi dự các buổi thảo luận nhóm và trao đổi qua xêmina, giáo sinh phải nắm vững kỹ năng chuẩn bị đề cương, lãnh đạo, chỉ đạo quá trình trao đổi và tổng kết, đánh giá nội dung cũng như các bài học kinh nghiệm cho việc thực hiện các nhiệm vụ thảo luận sau đó.

Bên cạnh hình thức lên lớp, tự học và trao đổi, khi dạy kỹ thuật nghề nghiệp, người ta còn dùng phương pháp phụ đạo và ngoại khoá. Ngoại khoá kỹ thuật nghề nghiệp có tác dụng làm mở rộng, khơi sâu nhận thức, phát triển hứng thú và năng lực cho học sinh. Ngoài ra, ngoại khoá còn có tác dụng hướng học và hướng nghiệp cho các em. Ngoại khoá được thực hiện bằng cách tổ chức sinh hoạt tổ ngoại khoá, câu lạc bộ khoa học kỹ thuật - nghề nghiệp, hội thảo của các nhà khoa học trẻ tuổi, sinh hoạt các hoạt động kỹ thuật - nghề nghiệp như thi Robotcon, trình bày thành tựu mới của công nghệ điện tử, cơ khí, kỹ thuật thông tin, nói chuyện ngoại khoá về sáng tạo kỹ thuật v.v... Thực tế đào tạo nghề sẽ phân hoá học sinh thành loại khá - giỏi, trung bình và yếu - kém. Mỗi em đều cần đến sự giúp đỡ riêng từ phía giáo viên nhưng cần đặc biệt quan tâm giúp đỡ riêng nhằm thanh toán loại yếu - kém và bồi dưỡng tri thức, kỹ năng cho loại khá - giỏi. Để làm được việc này, trong trường nghề, giáo viên cần quan tâm giáo dục ý thức tự giác học tập, đi sâu kèm cặp cá biệt, thường xuyên kiểm tra, đánh giá và phân loại trình độ nắm tri thức, mức độ của các kỹ năng và đặc trưng của thái độ kỹ thuật - nghề nghiệp của giáo viên, qua đó, chỉ ra xem hiệu quả và mức độ phù hợp của các hình thức dạy học với nội dung dạy học như thế nào?

4) Tìm hiểu việc kiểm tra, đánh giá quá trình dạy học

Việc tiến hành kiểm tra để có thông tin ngược về chất lượng, hiệu quả của quá trình dạy học là nhằm tìm kiếm những tác động sư phạm cho phù hợp. Kiểm tra, đánh

giá trị thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ trong dạy học kỹ thuật còn có tác dụng làm củng cố tri thức, phát triển trí tuệ và hình thành được những nét tính cách tốt cho học sinh. Giáo viên thường dùng các hình thức kiểm tra thường xuyên hoặc theo định kỳ khi học hết các học trình. Có thể tiến hành kiểm tra bằng viết, tự luận hoặc test, kiểm tra nói cũng như hành động thực hành và quan hệ. Trong quá trình đào tạo - giáo viên phải tiến hành kiểm tra có mục đích, có kế hoạch để từ đó cứ liệu mà đánh giá chất lượng dạy học thông qua các thông số, chỉ số khách quan. Giáo viên phải biết cách kiểm tra cả quá trình lẫn kết quả học tập để có được điều kiện tâm lý cần thiết mà đánh giá toàn diện về chất lượng nắm vững tri thức, đặc điểm của kỹ năng cũng như tính chất của thái độ kỹ thuật - nghề nghiệp của học sinh. Giáo viên phải biết cách sử dụng nhiều hình thức kiểm tra và đảm bảo tính giáo dục của nó. Giáo viên phải tiến hành kiểm tra một cách khách quan, khoa học, nghiêm túc, nhẹ nhàng. Ở mọi giáo viên, phải có được kỹ năng ra đề thi, coi thi, chấm thi, trả bài. Kiểm tra, đánh giá thực hiện chức năng định hướng, điều chỉnh và xếp loại trình độ học tập của học sinh. Quá trình đánh giá được tiến hành qua năm giai đoạn: 1) Cấp có thẩm quyền ra quyết định và quy định các tiêu chí đánh giá; 2) Nêu rõ các tiêu chí biến thiên, định tính - định lượng, các tiêu chí tối thiểu - độc lập hoặc gắn với phương pháp sư phạm dùng để đánh giá; 3) Tập hợp được các thông tin thích hợp làm cơ sở cho đánh giá; 4) Đối chiếu các thông tin đã thu nhận với hệ thống các tiêu chí thích hợp; 5) Phát biểu các kết luận dưới dạng đánh giá tổng hợp.

Quá trình kiểm tra, đánh giá chính xác kết quả học tập của học sinh là thể hiện rõ trình độ của năng lực sư phạm của giáo viên. Qua kiểm tra, đánh giá mà học sinh có thể nâng cao được tinh thần trách nhiệm và ý chí khắc phục khó khăn trong học tập. Việc tuân theo một hệ thống kiểm tra sẽ tạo điều kiện tâm lý thuận lợi cho học sinh có thể nắm vững được kiến thức môn học, phát triển thói quen học tập, lòng tự tin, năng lực tự học và nhu cầu tự kiểm tra - đánh giá. Việc tự đánh giá kiến thức sẽ giúp cho các em phát triển được tinh thần tập thể, hình thành dư luận lành mạnh để chống lại cái sai - động viên cái đúng, giáo dục lòng tự trọng, tính chân thật và làm tăng mối quan hệ tích cực giữa giáo viên với học sinh. Đánh giá là tiến hành xem xét mức độ phù hợp giữa tập hợp thông tin có giá trị, thích hợp và đáng tin cậy với tập hợp các tiêu chí có giá trị, phù hợp với mục tiêu qua so sánh, đánh giá để đưa ra quyết định. Đánh giá giáo dục được coi là quá trình tiến hành các tác động có hệ thống để xác định rõ mức độ đạt

của học sinh về mục tiêu đào tạo. Nó bao gồm những mô tả định tính hay định lượng những hành vi của học sinh cũng như nhận xét, đánh giá chung có sự đối chiếu với những mong muốn phải đạt được. Quy trình đánh giá phải được biểu hiện ở nội dung các công việc như nắm vững mục tiêu đánh giá -> Xác định các tiêu chuẩn khi đánh giá -> Xác định các phương pháp dùng cho việc đánh giá -> Xác định các thước đo (Barem) để dùng cho sự đánh giá -> Tiến hành đánh giá việc đánh giá chính xác kết quả học tập của học sinh phải dựa trên những tiền đề thông tin mà quy trình thu thập nó phải được diễn ra từ xác định các nguồn thông tin cần thiết -> Chấp nhận các bước chọn mẫu -> Áp dụng mô hình và công cụ đánh giá cần thiết cho việc thu thập tin -> Tiến hành phân tích, xử lý và giải thích nó, sắp xếp – phân loại thông tin để đi đến quyết định đánh giá sao cho khái quát và mang tính thiết thực.

Đánh giá được coi là một quá trình tác động có hệ thống để xác định phạm vi đã đạt được của mục tiêu dạy học, vì vậy, cần xác định rõ mục tiêu cho sự đánh giá. Thế thức tiến hành đánh giá phải được lựa chọn cho phù hợp với mục tiêu đánh giá và phải thực hiện bằng nhiều cách khác nhau để có thông tin khái quát. Trong quá trình đó, giáo viên phải có sự hiểu biết thấu đáo về những hạn chế của từng công cụ đánh giá để sử dụng cho đúng và có hiệu quả. Khi đánh giá, giáo viên phải coi nó như là phương tiện để đi đến mục đích của đánh giá là để có được những quyết định đúng đắn về quá trình dạy học. Việc đánh giá bao giờ cũng gắn với việc tự đánh giá quá trình học tập của học sinh. Nghĩa là, trước tiên chúng ta phải chú ý đến việc học tập của học sinh, sau đó mới tiến hành kích thích sự nỗ lực học tập của các em, cuối cùng mới đánh giá bằng điểm số. Sự đánh giá bao giờ cũng kèm theo việc nêu những nhận xét để học sinh biết được sai sót của mình về kiến thức, kỹ năng, phương pháp mà giúp các em biết cách tiến hành bổ cứu, trau dồi thêm kiến thức. Với những lỗi, sai sót trong thao tác và cử động của học sinh, giáo viên cần rút kinh nghiệm để tìm ra thiếu sót trong dạy lý thuyết, dạy mẫu hành động của mình nhằm thay đổi cách dạy. Trong khi đánh giá, giáo viên luôn biết sử dụng nhiều phương pháp và hình thức khác nhau nhằm đảm bảo được độ tin cậy, tính chính xác cho các quyết định, phải giáo dục ý thức tự đánh của học sinh để lôi cuốn các em tích cực tham gia vào việc giải quyết nhiệm vụ đánh giá quá trình dạy học. Giáo viên phải biết cách thông báo một cách rõ ràng nội dung của hệ thống câu hỏi để giúp cho các em có điều kiện tâm lý cần thiết mà suy nghĩ nhằm định hướng đúng trước khi trả lời.

Phải dựa trên yêu cầu của nội dung, phương pháp dạy học mà giáo viên tiến hành xem xét kết quả bài làm của học sinh để đưa ra các chẩn đoán và kết luận sư phạm. Giáo viên phải thận trọng khi xây dựng loại câu hỏi chủ quan có nhiều lựa chọn, trong một đơn vị thời gian hỏi nên dùng kết hợp nhiều dạng câu hỏi. Trong câu hỏi về mặt định lượng, giáo viên nên căn cứ vào ngôn ngữ trả lời của học sinh mà xác định trình độ nhận thức của các em khi căn cứ vào giá trị, độ tin cậy của việc kiểm tra những khía cạnh chính yếu, quan trọng. Trước và trong khi kiểm tra, giáo viên phải làm cho học sinh yên tâm, không phải lo lắng vì kiểm tra - đánh giá. Giáo viên cần đặt câu hỏi hợp lý, tránh đưa ra những câu hỏi mà mình chưa thể sẵn sàng trả lời được. Phải viết trước nội dung câu trả lời cho từng câu hỏi, làm chuẩn hoá, định hướng rõ ràng cho mọi nội dung kiểm tra và thực hiện theo các mức độ – Measurement, định giá - Assessment, đánh giá - Evaluation và quyết định – Decision Making. Phải xác định rõ nội dung, quy định rõ cái thước dùng để đánh giá và đảm bảo tính toàn diện, thường xuyên, khách quan khi kiểm tra, đánh giá hiệu quả cũng như chất lượng của quá trình dạy học kỹ thuật nghề nghiệp trong nhà trường dạy nghề.

Trong quá trình hướng dẫn giáo sinh tìm hiểu về thực trạng kiểm tra, đánh giá quá trình dạy học ở trường dạy nghề, trưởng đoàn thực tập cần lưu tâm chỉ đạo cho các em thực hiện tốt các công việc sau: 1) Tìm hiểu nội dung, phương pháp, cách thức, phương tiện mà giáo viên đã dùng để kiểm tra và đánh giá trình độ nắm vững tri thức, kỹ năng kỹ thuật của học sinh trường thực tập; 2) Tìm hiểu những bài học kinh nghiệm thành công khi tổ chức, chỉ đạo việc kiểm tra, đánh giá quá trình dạy học của giáo viên và êkíp lãnh đạo nhà trường; 3) Tìm hiểu kỹ năng kiểm tra, đánh giá cũng như khả năng chuẩn bị các điều kiện cho tiến trình thực thi các nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá hiệu quả, chất lượng dạy học kỹ thuật của đội ngũ giáo viên nhà trường. Qua đó, rút ra bài học kinh nghiệm xem sau này, khi ra trường dạy các phân môn kỹ thuật, bản thân sẽ phải làm gì và làm như thế nào để có thể kiểm tra, đánh giá được đúng trình độ học tập của học sinh.

5) Tìm hiểu công tác quản lý hoạt động dạy học

Quản lý hoạt động dạy học được hiểu là quá trình tác động có mục đích của chủ thể vào đối tượng nhằm đảm bảo cho hoạt động dạy học vận động ổn định, đúng quy luật và đạt tới mục tiêu đã hướng đích.

Trong quản lý hoạt động dạy học bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Quản lý nội dung, chương trình;
- Quản lý việc chấp hành nội quy, quy chế giảng dạy;
- Quản lý kết quả học tập;
- Quản lý cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy;
- Quản lý công tác phương pháp;
- Quản lý kế hoạch giảng dạy, thăm lớp dự giờ, sinh hoạt chuyên môn...

Trong khi tìm hiểu về hoạt động quản lý dạy học, trường đoàn thực tập cần tập trung chú ý để chỉ đạo cho giáo sinh làm tốt các việc sau: 1) Tiến hành phân tích nội dung của kế hoạch quản lý chuyên môn để rút ra bài học kinh nghiệm về quản lý từng mặt như hoạt động dạy, hoạt động học theo chương trình, thời khoá biểu, sử dụng cơ sở vật chất – trang thiết bị – kỹ thuật - đồ dùng dạy học, thực hiện nội dung cùng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, quản lý nền nếp và chất lượng dạy học; 2) Tiến hành nghiên cứu tìm hiểu chu trình quản lý dạy học từ kế hoạch hoá đến tổ chức đội ngũ, lãnh đạo – chỉ đạo và kiểm tra – thanh tra dạy học trên cơ sở thông tin để tìm ra những bài học kinh nghiệm thành công khi xây dựng kế hoạch quản lý dạy học, hình thành cơ cấu dạy học, chỉ đạo dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học; 3) Tiến hành tìm hiểu các điều kiện cho hoạt động quản lý chuyên môn như năng lực, phẩm chất nhân cách, phong cách, kỹ năng quản lý của Ban giám hiệu và Tổ trưởng chuyên môn, các quyết định về quản lý dạy học, trình độ nhân cách của tập thể Hội đồng đào tạo cùng các tập thể lớp học sinh, bầu không khí tâm lý cùng tâm trạng, dư luận, truyền thống, biện pháp quản lý dạy học của nhà trường, chiến lược quản lý chuyên môn của hiệu trưởng. Trên cơ sở đó, tiến hành rút ra bài học kinh nghiệm thành công về quản lý chuyên môn của hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn ở trường mà giáo sinh đến thực tập. Đồng thời giáo sinh cũng phải chỉ ra xem phương hướng quản lý hoạt động học tập của học sinh sau này của mình sẽ được diễn ra theo xu hướng quản lý tích cực như thế nào.

c) Tìm hiểu cơ sở vật chất, thiết bị và các điều kiện đảm bảo cho dạy học

Với tư cách là một thành tố của quá trình dạy học, yếu tố cơ sở vật chất, thiết bị và các điều kiện đảm bảo cho dạy học có ý nghĩa rất quan trọng. Chúng được tôn tạo, bảo quản và sử dụng hợp lý góp phần đảm bảo hiệu quả và chất lượng dạy học. Khi tìm hiểu về mặt này, giáo sinh phải chú ý đến đặc điểm của trường sở, thiết bị và các điều

kiện đảm bảo cho dạy học về số lượng, chất lượng và khả năng thực hiện nội dung dạy học của nó.

Một tập hợp những toà nhà, sân bãi, mặt bằng khuôn viên mà trên đó diễn ra các hoạt động giáo dục - đào tạo kỹ thuật nghề nghiệp đã xây dựng có tính tổ chức, phù hợp mới mục tiêu và quy định của Bộ được gọi là trường sở. Nói chung, trường sở có cấu trúc, cách xây dựng và bài trí không gian sao cho phù hợp với yêu cầu của hoạt động và giao tiếp sư phạm. Mỗi một hoạt động giáo dục - đào tạo kỹ thuật nghề nghiệp cụ thể đều được tiến hành trong khoảng không gian sư phạm xác định với các điều kiện Khí hậu thuận lợi cũng như trang thiết bị phù hợp nhằm tạo cho việc thực hiện những nhiệm vụ của chúng đều đạt được hiệu quả cao. Khi phân tích cấu trúc của trường sở, giáo sinh phải chú ý đến các thành tố sau: 1) Khu dành riêng cho hoạt động dạy học ở trên lớp như giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, vườn trường; 2) Khu dùng cho việc giải quyết nhiệm vụ hướng nghiệp, thực hành sản xuất như xưởng trường, khu vực sản xuất, công trình VAC; 3) Khu dành cho các hoạt động chuyên biệt như thư viện, phòng truyền thống, nhà đa năng, sân bãi tập TĐTT, hội trường, phòng dành cho các hoạt động sáng tạo kỹ thuật của học sinh; 4) Khu làm việc của Ban giám hiệu cũng như các Phòng - Ban - Khoa - Bộ môn, phòng thường trực, văn phòng, phòng thiết bị, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng y tế, phòng hội học sinh; 5) Khu vực vệ sinh, nước sạch, ký túc xá, nhà ăn tập thể.

Giáo sinh phải chú ý phân tích xem những khối công trình này có được bố trí hợp lý, đảm bảo điều kiện vật chất thuận lợi cho việc thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đào tạo không? Chúng không được gây trở ngại, khó khăn cho sự hoạt động của nhau mà tương thích tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng trong sự phối thuộc lẫn nhau. Chúng phải thuận lợi cho sự di chuyển của giáo viên và học sinh sao cho ít tốn thời gian và công sức nhất. Các cấu trúc không gian sư phạm của nhà trường dạy nghề phải phù hợp với yêu cầu của quá trình đào tạo, phải tạo điều kiện tốt cho việc tối ưu hoạt động cũng như tổ chức một cách khoa học hoạt động đào tạo và phải đảm bảo an toàn Tuyệt đối cho hoạt động của giáo viên – học sinh cũng như tính văn hoá, vệ sinh, thẩm mỹ, tiết kiệm và tính sư phạm trong sử dụng.

Khi phân tích tính chất của thiết bị và phương tiện vật chất, kỹ thuật cho đào tạo, giáo sinh cần quan tâm tìm hiểu xem lớp học có đủ bàn, ghế, hệ thống chiếu sáng, bảng, bục giảng đúng quy cách không? Trong phòng không khí phải thoáng mát, có

mùi vị tích cực, không bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn cũng như bụi, đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hạ. Xác định xem phòng học bộ môn có được trang trí theo đúng quy định, có đủ máy móc, trang thiết bị kỹ thuật, đồ dùng dạy học như máy tính, máy chiếu đa năng, mô hình máy, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị, makét, phương tiện nghe nhìn, phần mềm dạy học, máy dạy học, phương tiện trực quan có phù hợp với nội dung dạy học không?. Giáo sinh tiến hành tìm hiểu ở thư viện mức độ đầy đủ của sách giáo khoa về các chuyên ngành kỹ thuật cũng như nghiệp vụ sư phạm, sách tham khảo, tạp chí kỹ thuật nghề nghiệp và tính chất của thư viện điện tử như thế nào? Giáo sinh tiến hành xác định rõ mức độ đầy đủ của các thiết bị thí nghiệm, thực hành kỹ thuật – nghề nghiệp, đồ dùng dạy học, các vật liệu công cụ mà học sinh dùng để tái tạo lại đối tượng học tập, thiết bị nghe nhìn, máy móc, mô hình, makét, mẫu vật, tranh ảnh, hoá chất, dụng cụ thể dục thể thao, nhạc cụ v.v.. Trong trường mà mình đến thực tập. Qua đó, giáo sinh phải biết suy nghĩ để xác định xem toàn bộ những thiết bị và phương tiện kỹ thuật đó có được cấu trúc, sắp xếp theo một hệ thống, tuân thủ nội dung dạy học, phù hợp với phương pháp dạy học, đặc điểm tâm lý - sinh lý của học sinh, với quy luật kinh tế học giáo dục, có đảm bảo tính thẩm mỹ, tính sư phạm, tính tiện lợi, an toàn trong sử dụng đến mức độ nào cũng như chúng đã có tác dụng kích thích tính tích cực tư duy, làm giá mang cụ thể cho việc tiếp thu tri thức trừu tượng và hình thành thành phần hình ảnh cho các hoạt động tư duy kỹ thuật chưa?

Toàn bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật, đồ dùng dạy học được tạo lập từ kinh phí của Nhà nước, sự trang bị của ngành, sự đóng góp về tài chính, lao động của cộng đồng cũng như của giáo viên, học sinh trong trường. Mọi nhận thức của học sinh trường nghề đều bắt nguồn từ hoạt động trực quan. Người giáo viên trường nghề phải biết tổ chức được các hành động trực quan của học sinh với các phương tiện kỹ thuật, trang thiết bị và đồ dùng dạy học thích hợp. Khi tìm hiểu cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang Thiết bị dạy học, giáo sinh phải biết xác định sự đầy đủ, hiện đại tuân thủ những quy định của Nhà nước và đáp ứng được yêu cầu đào tạo của nhà trường, kỹ năng sử dụng hợp lý chúng thật chu đáo, tránh hư hỏng, thất thoát của đội ngũ giáo viên trong trường như thế nào?

Các phương tiện kỹ thuật dạy học được bao gồm các máy dạy học và các phương tiện nghe nhìn. Phương tiện nghe nhìn bao gồm các giá mang thông tin như phần mềm dạy học, bản trong, phim, băng từ ghi âm - hình, đĩa CD - VCD, và các máy chiếu

phim, máy chiếu đa năng, radio - cassette, tivi, video cassette, camera, máy tính v.v... Các đồ dùng trực quan hay đồ dùng dạy học được bao gồm các mẫu vật như vật thật, vật thay thế, vật phân phát, các sản phẩm nhân tạo, các bộ sưu tập cùng các mô hình máy – maket, hình vẽ như bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ, bản đồ, tranh vẽ và ảnh. Trong khi giải quyết các nhiệm vụ thực tập, giáo sinh cần chăm chú quan sát xem giáo viên có biết cách chọn mẫu vật và sử dụng chúng một cách hợp lý khi truyền đạt các đơn vị kiến thức kỹ thuật, công nghệ học, tổ chức sản xuất không? Qua đó, rút ra bài học kinh nghiệm về việc lựa chọn mẫu vật có kích thước đủ lớn, đạt yêu cầu thẩm mỹ, sự phạm cũng như kỹ năng sử dụng hợp lý và khoa học chúng để giúp học sinh tiếp thu các đơn vị tri thức kỹ thuật – nghề nghiệp một cách trực quan, cụ thể, trực tiếp, cảm tính được điều khiển bằng tư duy sự phạm kỹ thuật. Trong khi dạy, giáo viên có thể đưa ra và sử dụng mẫu vật ở trên bàn học sinh cũng như thực hiện thao tác dạy theo phương pháp nghiên cứu. Mục đích của việc đưa trình và sử dụng mẫu vật trên bàn là để cho học sinh độc lập quan sát, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự nghiên cứu hình dạng bề ngoài của đối tượng cùng tính chất của chúng có thể tri giác trực tiếp bằng giác quan của các em. Vì vậy, khi dự giờ, giáo sinh phải chú ý xem giáo viên có yêu cầu học sinh tiến hành sử dụng nhiều giác quan để nhận thức đối tượng bằng chính hành động cảm tính và kết hợp việc dùng lời với việc trình bày mẫu vật theo phương pháp nghiên cứu – minh họa để làm phát triển năng lực quan sát, óc tưởng tượng và tư duy hình ảnh trực quan cho các em không? Giáo sinh phải quan sát xem giáo viên có biết các sử dụng mô hình động và mô hình tĩnh về máy và các máy móc, thiết bị kỹ thuật đã được phóng to, thu nhỏ theo yêu cầu của dạy học không? Chú ý phân tích kỹ năng sử dụng phối hợp sơ đồ hay tranh vẽ về đối tượng với mô hình hoạt động của máy, thiết bị kỹ thuật của giáo viên. Khi sử dụng mô hình hoặc sơ đồ các mô hình lắp ráp các điện trở, dây dẫn của bộ điện cũng như các yếu tố bánh xe, trục, chốt trục, gối đỡ trục, mô tơ, dây curoa, thanh truyền – trục khuỷu, bánh vít- trục vít v.v... của bộ cơ, giáo sinh cần phải chăm chú quan sát xem giáo viên có biết phân tích sự phù hợp của các bộ phận đó với các chức năng cùng nguyên tắc kỹ thuật của quy trình vận hành của chúng, có tiến hành so sánh đối chiếu chúng với các dụng cụ có cùng chức năng mà học sinh đã từng biết chưa và có biết sử dụng phối hợp các phương pháp trình bày trực quan chưa.

Ở trên lớp, những hình vẽ đẹp, nhanh và đúng về đối tượng do giáo viên vẽ ngay trong khi giảng bài có giá trị sự phạm đặc biệt. Giáo viên có thể dùng các hình vẽ có

sẵn ở trên giấy, bảng phụ khổ lớn cùng các sơ đồ, biểu đồ, đồ thị, bản vẽ, mô hình, bản đồ, đồ dùng dạy học. Sơ đồ giúp cho giáo viên làm rõ được cấu trúc, những dấu hiệu cơ bản của đối tượng kỹ thuật và quy trình công nghệ, có thể không cần trình bày những dấu hiệu, chi tiết không cần thiết. Tranh vẽ, tranh phân tích, ảnh chụp, mô hình, bản vẽ v.v... được giáo viên sử dụng trong khi dùng các phương pháp dạy học thực tiễn, dùng lời, độc lập quan sát, vấn đáp, trình bày trực quan v.v... Giáo sinh cần chú ý xem giáo viên đã chuẩn bị nội dung đối tượng qua in, viết, vẽ lên bản trong, tìm hiểu trình độ sử dụng bảng phấn – bảng phoóc, máy chiếu qua đầu, máy Dias và máy quay camera, khả năng chế tạo phim trắng đen - màu - di động, sưu tầm vật thật, chế tạo mô hình, tài liệu phát tay, tạo ngân hàng tranh - ảnh trong chương trình Photoshop, kỹ năng tạo các slide trong chương trình Powerpoint qua tạo thư mục - lập các trang tài liệu - chọn các phương án biểu diễn, khả năng xây dựng phần mềm dạy học cũng như kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học truyền thống và phương tiện dạy học kỹ thuật mới như thế nào. Qua đó, rút ra bài học kinh nghiệm thành công trong khi sử dụng phương tiện dạy học hai chiều, ba chiều, phương tiện nghe, phương tiện nhìn, phương tiện nghe - nhìn và các phương tiện máy tính – thiết bị kết nối trong dạy học kỹ thuật – nghề nghiệp của giáo viên.

1.2.2. Tìm hiểu nội dung cơ bản của các mặt giáo dục toàn diện

Trong quá trình giải quyết nhiệm vụ thực tập sư phạm, giáo sinh phải tiến hành tìm hiểu những nội dung cơ bản của các mặt giáo dục toàn diện nhân cách học sinh trong trường nghề mà mình đến thực tập. Theo kế hoạch thực tập, từng bước trưởng đoàn tổ chức cho giáo sinh tìm hiểu về nội dung, phương thức giáo dục đạo đức, mối quan hệ của nhà trường – gia đình – xã hội và các mặt giáo dục khác của nhà trường dạy nghề.

a) Tìm hiểu về giáo dục đạo đức

Giáo sinh tiến hành tìm hiểu các phẩm chất nhân cách, định hướng giá trị trong đạo đức học sinh học nghề cũng như nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức việc giáo dục đạo đức cho học sinh. Học sinh có độ tuổi từ 16 đến 20, phần lớn các em đã tốt nghiệp PTTH, một số ít đã tốt nghiệp PTCS có tham gia lao động ở các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội hoặc vừa hoàn thành nghĩa vụ quân sự để được vào học các trường dạy nghề. Do các điều kiện của cuộc sống, hoạt động, giao tiếp trong trường dạy nghề cũng như của nền kinh tế - văn hoá - xã hội quy định mà những phẩm

chất tâm lý của nhận thức, tình cảm, ý chí, xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực, kỹ năng, kỹ xảo, thao - động tác - cử động kỹ thuật - nghề nghiệp của học sinh đã được hình thành. Trong đời sống tâm lý của các em biểu hiện rõ nét sự tự ý thức, nhu cầu, động cơ, hứng thú, lý tưởng, niềm tin, ước mơ kỹ thuật và định hướng cho sự phát triển nhân cách của mình sao cho tương hợp với yêu cầu của hoạt động kỹ thuật – nghề nghiệp trong điều kiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các em có ý thức hướng nghiệp, hứng thú và động cơ chọn nghề. Khi học nghề, ở các em đã hình thành được ý thức, năng lực, lý tưởng nghề nghiệp, ý thức rèn luyện, tự rèn luyện nhân cách của mình thông qua các quá trình hoạt động và giao tiếp xã hội. Trong học tập, các em nhận cảm nhanh, nhạy và sâu sắc nhưng còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn; năng lực tư duy, tưởng tượng, chú ý, trí nhớ, ngôn ngữ kỹ thuật được phát triển với chất lượng mới; tình cảm cấp thấp đã mang tính xã hội, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ, tình cảm trí tuệ được phát triển, tình bạn cao cả và tình yêu đôi lứa đã biểu hiện. Trong nhà trường dạy nghề, các em sống sôi động, thẳng thắn trung thực, thích cái mới lạ, ưa hoạt động - quan hệ xã hội, sẵn sàng bảo vệ chân lý, sống có ý thức và lý tưởng, có phong cách ham hiểu biết, hiếu học, ý thức nghề nghiệp – công dân. Nhân cách của các em phát triển, đảm bảo cho nó biết làm chủ được bản thân, tự ý thức, thể giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng, năng lực phát triển với chất lượng mới để biểu hiện ra ngoài bằng lối sống, phong cách hoạt động - quan hệ thấu lý đạt tình đậm sắc thái đạo đức - pháp lý, mang đầy đủ tính dân tộc, tính hiện đại. Trong quá trình tìm hiểu các mặt giáo dục toàn diện, giáo sinh cần tập trung chú ý vào xác định nội dung của những vấn đề chính yếu như: 1) Toàn trường đã có ý thức hiểu biết, tôn trọng, giáo dục và bảo vệ học sinh như thế nào qua các hoạt động tập thể, cuộc sống, giao tiếp. Lãnh đạo nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và tổ chức đoàn đã tiến hành xây dựng tập thể lớp, đưa học sinh vào thực tiễn để được rèn luyện, trải nghiệm và họ đã biết vạch kế hoạch, phương thức, biện pháp cho việc rèn luyện nhân cách các em như thế nào? 2) Nhà trường đã biết tổ chức mọi hoạt động cũng như quan hệ xã hội lành mạnh, tạo lập môi trường sư phạm thuần khiết để cho học sinh sống, quan hệ và hành động như thế nào? 3) Lãnh đạo nhà trường đã biết tận dụng văn học nghệ thuật, truyền thông đại chúng, sách báo, tổ chức cuộc sống học đường cũng như phong trào thanh niên tình nguyện, sự mẫu mực về phong cách sư phạm của giáo viên và các phương tiện giáo dục khác

để giáo dục đạo đức, tư tưởng, chính trị, tác phong, lối sống, phong cách sống v.v.v. của người lao động mới phát triển toàn diện cho học sinh đến mức độ nào?

Quá trình giáo dục trong nhà trường dạy nghề được bao gồm phức hợp tác động của các yếu tố khách quan - chủ quan, có tính lâu dài, tính cá biệt, tính biện chứng. Vì vậy, khi phân tích nội dung tâm lý - giáo dục của quá trình đức dục, giáo sinh cần tìm hiểu xem nó có đảm bảo tính mục đích và tính tư tưởng, có gắn với cuộc sống, có diễn ra trong điều kiện tập thể, có biết tôn trọng nhân cách kết hợp với việc nêu đòi hỏi hợp lý với học sinh, có kết hợp được sự chủ đạo của giáo viên với việc phát huy tính chủ động - độc lập, sáng tạo của học sinh, có đảm bảo tính hệ thống – kế tiếp – liên tục trong giáo dục, có đảm bảo sự thống nhất về yêu cầu giữa nhà trường, gia đình với xã hội, có đảm bảo được tính vừa sức và tính cá biệt không?

Nội dung giáo dục được bao gồm một hệ thống tri thức, thái độ và hành vi đạo đức theo đúng như những quy định của các chuẩn mực xã hội. Trong đó, hệ thống tri thức về các chuẩn mực là cơ sở lý luận còn thái độ của chủ thể đối với các chuẩn giá trị đó là động lực và hành vi thể hiện đạo đức là cái cơ bản, cốt lõi trong đời sống đạo đức của họ. Vì vậy, khi phân tích nội dung đức dục, giáo sinh cần suy nghĩ sâu sắc để chỉ ra một cách rõ ràng những vấn đề sau: 1) Nội dung giáo dục đạo đức có phù hợp với mục tiêu đào tạo, có đảm bảo được tính hệ thống và liên tục của tri thức cũng như kỹ xảo và kỹ năng đạo đức không? 2) Nội dung đức dục có đảm bảo được các giá trị truyền thống và cái hiện đại, thời sự cũng như có phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và trình độ nhận thức của học sinh không? 3) Nội dung đức dục có đảm bảo tính đồng tâm và mở rộng của chương trình giáo dục không?

Khi phân tích nội dung đức dục, giáo sinh cần chú ý tìm hiểu thực chất các tác động giáo dục thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng, niềm tin, phong cách, lối sống, đường lối, chính sách pháp luật, lòng yêu nước - yêu quê hương - yêu thiên nhiên - yêu con người, lòng nhân ái, giá trị nhân văn - quốc tế, tinh thần năng động - tích cực - chủ động - sáng tạo - nghiêm túc trong hoạt động và giao tiếp, tính kỷ luật, ý thức pháp luật, những chuẩn mực trong mối quan hệ gia tộc - cộng đồng - quốc gia - quốc tế. Qua đó, giáo sinh cần phải suy nghĩ để xác định xem nội dung giáo dục đạo đức được xác định có căn cứ vào mục tiêu đào tạo, đặc điểm tâm sinh lý - sinh lý của học sinh, yêu cầu của nền kinh tế - văn hoá - xã hội, truyền thống đạo đức của dân tộc và tinh hoa của các giá trị học của thế giới cũng như đã cụ thể hoá trong các công tác đức dục, trí dục,

mỹ dục, giáo dục lao động, thể dục, giáo dục giá trị nhân văn - quốc tế, giáo dục môi trường, giáo dục chống AIDS - ma túy như thế nào?

Phương pháp giáo dục được coi là những phương thức tác động gắn bó với nhau giữa người giáo dục với học sinh nhằm giải quyết tốt những nhiệm vụ giáo dục. Đó là những tác động của nhà sư phạm và tập thể đến học sinh thông qua tổ chức hệ thống những hoạt động, giao tiếp, đời sống tập thể bằng chính các biện pháp, trên cơ sở các phương tiện - điều kiện - hình thức tổ chức giáo dục. Trong nhà trường dạy nghề, thường các nhà sư phạm dùng ba nhóm phương pháp giáo dục như: 1) Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động xã hội và tích lũy kinh nghiệm ứng xử cho học sinh gồm có nêu đòi hỏi sư phạm, tạo lập dư luận xã hội, luyện tập thói quen, rèn luyện, giao nhiệm vụ, tạo tình huống giáo dục; 2) Nhóm các phương pháp hình thành ý thức, khái niệm và niềm tin đạo đức cho học sinh được bao gồm đàm thoại, diễn giảng, tranh luận và nêu gương; 3) Nhóm những phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử của học sinh được bao gồm thi đua, khen thưởng và trách phạt. Qua phân tích thực tiễn, giáo sinh phải nhận ra được tác dụng của những phương pháp giáo dục trong việc thực hiện nội dung đức dục và tự rút ra bài học kinh nghiệm thành công trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh của giáo viên nhà trường mà mình đến thực tập.

Nội dung của giáo dục được thực hiện theo ba hình thức: 1) Giáo dục thông qua tất cả các môn học trong chương trình đào tạo của nhà trường; 2) Giáo dục thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp; 3) Giáo dục thông qua sinh hoạt tập thể, tổ chức cuộc sống – hoạt động – giao tiếp trong nhà trường. Vì vậy, khi giải quyết các nhiệm vụ thực tập, giáo sinh cần chăm chú mô tả các hình thức giáo dục mà tập thể sư phạm trường dạy nghề dùng để tác động đến nhân cách học sinh. Từ đó, suy nghĩ mà rút ra được các bài học thành công trong việc hình thành đạo đức cho các em.

b) Tìm hiểu mối quan hệ của nhà trường, gia đình và xã hội

Môi trường đạo đức có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành đạo đức. Đạo đức của học sinh trường nghề được phát triển bởi tổng thể các tác động của nhà trường, gia đình và xã hội. Nếu mối quan hệ đó tích cực sẽ tạo ra được sự thống nhất tác động đến đạo đức học sinh, ngược lại nó sẽ tạo ra sự “trống đánh xuôi – kèn thổi ngược” trong việc hình thành đạo đức cho các em. Vì vậy, qua nghe báo cáo, quan sát, điều tra, phân tích thực tiễn, giáo sinh phải mô tả, dựng lại thực trạng mà chỉ ra nội

dung, phương pháp thực hiện mối quan hệ giữa nhà trường dạy nghề với gia đình và xã hội để trên cơ sở đó mà tiến hành đánh giá mức độ cùng hiệu quả của chúng đối với việc giáo dục đạo đức cho học sinh.

c) Tìm hiểu các hoạt động phòng chống HIV- AIDS, văn hoá, thể dục thể thao

Khi phân tích thực trạng hoạt động phòng chống HIV – AIDS, văn hoá, thể dục thể thao trong trường dạy nghề, giáo sinh cần phải làm rõ mục tiêu của các hoạt động đó, mô tả nội dung cùng phương pháp tiến hành thực hiện các nhiệm vụ của chúng và các kết quả đạt được trên cơ sở đó, chỉ ra những định hướng lớn thúc đẩy chúng vận động như thế nào?

1.2.3. Tìm hiểu chương trình đào tạo

Trong quá trình thực tập sư phạm, trưởng đoàn cần tổ chức cho giáo sinh tiến hành nghiên cứu để tìm hiểu nội dung chương trình đào tạo. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm hiểu chương trình đào tạo, các đoàn cần có văn bản của chương trình đào tạo, in và phát tận tay cho từng giáo sinh, trên cơ sở đó, tổ chức giới thiệu nội dung, cho cá nhân tự nghiên cứu, tiến hành trao đổi nhóm và viết thu hoạch về nó sao cho khi giải quyết xong các nhiệm vụ tìm hiểu chương trình đào tạo, giáo sinh có được khả năng sau: 1) Xác định được quy trình xây dựng chương trình đào tạo của cơ sở thực tập, biết cách phân tích và giải thích các yếu tố của nội dung cũng như mối quan hệ giữa chúng trong một cấu trúc tổng thể, 2) Biết cách vận dụng linh hoạt nội dung của chương trình trong khi tiến hành thực hiện các bài dạy thực tập lý thuyết cũng như thực hành cho học sinh đúng theo yêu cầu của nó, 3) Biết tìm ra mối quan hệ logic giữa các đơn vị tri thức cơ sở, cơ bản, cốt lõi của chương trình để biết được đơn vị tri thức mà mình đang dạy thực tập có tiền đề lý luận ở các bài đã dạy trước ra sao cũng như nó sẽ làm cơ sở lý luận cho việc tiếp thu các đơn vị tri thức của các bài học ngay sau đó như thế nào. Trong quá trình tìm hiểu nội dung chương trình đào tạo, từng bước, trưởng đoàn thực tập cần có kế hoạch để chỉ đạo cho giáo sinh tiến hành giải quyết các nhiệm vụ phân tích chương trình khung đào tạo, chương trình đào tạo của nhóm nghề hay từng nghề, chương trình môn học mà mình được phân công giảng dạy trong quá trình thực tập sư phạm .

a) Chương trình khung đào tạo của nhà trường các cấp trình độ đào tạo: Sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề

Chương trình khung của các trường dạy nghề dùng cho việc đào tạo người công nhân lành nghề hay bán lành nghề có nội dung rất đa dạng theo hình thức đào tạo. Chúng được các nhà bác học sư phạm kỹ thuật xây dựng khi dựa trên những thành tựu kỹ thuật, công nghệ học, tổ chức sản xuất và yêu cầu của nền kinh tế - văn hoá - xã hội cũng như thực tiễn đào tạo người lao động mới của các trường dạy nghề. Thời gian đào tạo người lao động bán lành nghề thì ngắn còn thời gian đào tạo người lao động lành nghề được kéo dài hơn. Thông thường, các nhà bác học khoa học giáo dục kỹ thuật- nghề nghiệp tiến hành phân tích xem người lao động chuyên môn hoá cũng như bán chuyên, lành nghề hay bán lành nghề phải làm những công việc gì và phải thực thi những mối quan hệ nào để tiến hành mô hình hoá chúng dưới dạng mô hình nhân cách- mục tiêu đào tạo rồi thiết kế chương trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo. Căn cứ vào đó, các nhà quản lý phải tiến hành xây dựng kế hoạch còn giáo viên thì thiết kế lịch trình, giáo án, đề cương bài giảng cũng như thực thi các nhiệm vụ dạy học. Đi vào thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, nội dung chương trình khung đào tạo của nhà trường, giáo sinh cần chú ý tìm hiểu các vấn đề sau: 1) Những vấn đề chung về quan điểm xây dựng, mục đích, yêu cầu của chương trình, 2) Nội dung chương trình được bao gồm những bộ môn cơ sở, cơ bản và chuyên ngành nào cùng tỷ trọng của chúng, 3) Tổ chức thực hiện chương trình gồm có việc phân bố thời gian, phương thức thực hiện, tài liệu - nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện chương trình, hướng dẫn thực hiện chương trình cho các bộ môn qua các giờ học lý thuyết - thực hành cụ thể theo niên chế, tín chỉ hoặc học phần - học trình, MES và kết hợp học phần - học trình với dạy theo phương pháp môđun.

b) Chương trình đào tạo của nhóm nghề hoặc từng nghề

- Mục tiêu đào tạo của nhóm nghề, từng nghề

Mục tiêu đào tạo của nhóm nghề là biến học sinh thành những người lao động nào, làm được những việc gì, ở mức độ nào, họ phải có được những phẩm chất cũng như năng lực cụ thể gì để có thể thay đổi vị trí làm việc ở diện nghề xác định nào. Ví dụ như nhóm nghề cơ khí có các nghề chế tạo máy, động lực, cơ điện. Mục tiêu đào tạo của từng nghề là biến các em thành người lao động có phẩm chất, năng lực, sức khoẻ để có thể lao động được ở trên vị trí công việc của một nghề xác định. Mục tiêu nhân cách là biến thế hệ học sinh thành những nhân cách phát triển mà ở họ có được hệ thống kiến thức kỹ thuật chuyên ngành rộng và sâu cùng những kiến thức cơ sở, cơ

bản, cốt lõi, những kỹ năng hành nghề cũng như khả năng tự học suốt đời, có thái độ đúng đắn. Mục tiêu sử dụng là đào tạo các em để trở thành những người lao động có thể làm việc ở vị trí nào của nghề với tay nghề xác định. Thí dụ như khi phân tích mục tiêu đào tạo của nhóm nghề cơ khí chế tạo máy theo trình độ cao đẳng kỹ thuật cơ khí, chúng ta xác định được nội dung của nó theo sơ đồ sau: 1) Làm cho học sinh nắm vững được những kiến thức cơ bản của quá trình cắt gọt - gia công - chế biến kim loại cũng như tri thức chung về sự vận hành của máy công cụ, đồ gá, công nghệ chế tạo máy, cơ khí động lực và cơ điện, công nghệ tháo - lắp ráp các bộ phận - chi tiết và các máy cơ khí; 2) Làm cho học sinh có khả năng thiết kế được quy trình công nghệ gia công cơ khí với các chi tiết thông thường cũng như biết sửa chữa, phục hồi các chi tiết dạng càng, dạng trục, dạng hộp, ổ trục, các chi tiết truyền động trong các máy cơ khí và khả năng tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật theo các chuyên ngành được đào tạo, có khả năng tiếp thu và tiếp cận với công nghệ mới trên bình diện cơ khí chế tạo máy, cơ khí động lực và cơ điện; 3) Làm cho học sinh biết sử dụng hợp lý các dụng cụ đồ nghề, các thiết bị cơ khí, có trình độ tay nghề 4/7, làm được các công việc của thợ bậc 4/7 ngành cơ khí chế tạo máy, cơ khí động lực, cơ điện do Nhà nước ban hành và làm được các công việc của các nghề có liên quan ở bậc 2/7, có được những phẩm chất trí tuệ cần thiết để xác định rõ chiến lược cho sự phát triển ngành cơ khí chế tạo máy, cơ khí động lực và cơ điện cho phù hợp với xu hướng kỹ thuật của thế giới, khu vực cũng như nước ta. Khi phân tích mục tiêu của nghề cơ khí động lực ở trình độ cao đẳng kỹ thuật, chúng ta xác định được nội dung của nó theo sơ đồ sau: 1) Làm cho học sinh nắm vững được những nguyên lý, kết cấu các hệ thống trong ô tô, máy kéo đang được dùng cũng như sẽ có trong tương lai gần, các quy luật hao mòn và hư hỏng của các chi tiết trong ô tô- máy kéo nói chung ở thế giới- khu vực Đông Nam Á - Việt Nam; 2) Hình thành cho học sinh biết phương pháp sửa chữa, kiểm tra về kỹ thuật cho các chi tiết, của máy, toàn xe - máy, các thiết bị, biết lập các phương án sửa chữa chúng một cách hợp lý cho phù hợp với điều kiện kỹ thuật hiện có của cơ sở, có khả năng nghiên cứu khoa học kỹ thuật về cơ khí động lực cũng như tiếp thu và tiếp cận với những thành tựu cơ khí động lực mới; 3) Có kỹ năng sử dụng hợp lý các dụng cụ đồ nghề và các thiết bị phổ biến trong cơ khí động lực, biết tổ chức hợp lý nơi làm việc, biết đảm bảo an toàn lao động, biết cách làm các công việc của bậc thợ 4/7 ngành

cơ khí động lực và biết hướng dẫn các người lao động khác có bậc thợ thấp làm những việc theo quy định của ngành cơ khí động lực.

- Nội dung và thời gian đào tạo của nhóm nghề, nghề

Giáo sinh phải tiến hành xác định xem nội dung đào tạo theo cấp trình độ đào tạo là công nhân, cán bộ kỹ thuật hay kỹ sư, v.v.. với những đặc trưng xác định. Nhìn chung người ta cũng phải căn cứ vào những yêu cầu chung về trình độ của học sinh sau khi tốt nghiệp trường dạy nghề phải đạt được để tiến hành xây dựng chúng thành nội dung dạy học. Những yêu cầu đó có thể được phân tích theo nội dung của sơ đồ sau: 1) Về chính trị - xã hội thì các em phải nắm vững được những kiến thức, cơ sở lý luận của Chủ Nghĩa Mác-Lênin ở trình độ sơ cấp chính trị, những kiến thức và hiểu biết xã hội. Ở các em phải có lập trường chính trị vững vàng, nắm vững đường lối của Đảng - chính sách của Nhà nước - luật pháp mà Quốc hội đã thông qua về công tác dạy nghề cũng như lao động kỹ thuật, biết vận dụng đường lối chính sách, chủ trương đó vào thực tiễn lao động kỹ thuật- nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, tác phong - lối sống mẫu mực, lòng yêu người - yêu nghề - yêu lao động kỹ thuật sáng tạo, có khả năng tham gia các hoạt động xã hội và biết tổ chức quản lý các hoạt động xã hội theo mục tiêu đã hướng đích; 2) Về chuyên môn kỹ thuật và tay nghề thì các em phải nắm vững kiến thức chuyên môn kỹ thuật của nghề được đào tạo, đạt trình độ kỹ thuật viên công nghệ bậc cao. Ở các em phải có được thao - động tác lao động nghề nghiệp thuần thục, chuẩn xác; có tay nghề, thực hành nghề đạt tiêu chuẩn bậc 4/7 hoặc tương đương; có khả năng tiếp cận, cập nhật được những thành tựu mới - những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất tiên tiến, thiết bị kỹ thuật - phương tiện hiện đại để ứng dụng vào các quá trình lao động nhằm đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế xã hội; có hiểu biết về tổ chức lao động khoa học để có kỹ năng tổ chức, quản lý sản xuất ở mức độ một tổ sản xuất, biết sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật của nghề được đào tạo mà trực tiếp sản xuất để làm ra sản phẩm theo tiêu chuẩn bậc thợ quy định đạt năng suất - chất lượng - thẩm mỹ - an toàn; có hiểu biết sâu về doanh nghiệp, thị trường, có kiến thức cơ sở về tin học; 3) Về ngoại ngữ và sức khoẻ thì các em phải đạt được trình độ về ngoại ngữ thông dụng, có khả năng đọc, dịch các tài liệu chuyên môn kỹ thuật - nghề nghiệp có liên quan để phục vụ cho lao động của bản thân, có thân thể phát triển, khoẻ mạnh, không có bệnh để có thể đảm đương tất cả các nhiệm vụ lao động kỹ thuật - nghề nghiệp.

Giáo sinh tiến hành tìm hiểu xem thời gian đào tạo của khoá học là bao nhiêu, ngắn hạn hay dài hạn. Trường dạy nghề tổ chức đào tạo theo khoá học và năm học. Khoá học là thời gian được thiết kế để học sinh hoàn thành chương trình đào tạo của một ngành học theo chuyên môn xác định. Một khoá học, tùy theo mức độ và ngành đào tạo, có thời gian ngắn 3 - 6 - 9 tháng, 2 năm cho trung cấp, 3 năm cho cao đẳng, 4-5 năm cho đại học. Một năm học có 2 học kỳ chính mà mỗi kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính này ra, các trường nghề có thể tổ chức thêm kỳ hè để cho các học sinh không đạt ở các kỳ học chính được học lại và những học sinh giỏi có điều kiện mà tiến hành việc học vượt nhằm kết thúc sớm chương trình học tập. Mỗi học kỳ hè có thể có 7 - 8 tuần thực học và một tuần thi. Căn cứ vào khối lượng kiến thức tối thiểu cho các trình độ đào tạo, hiệu trưởng tiến hành phân bổ các đơn vị học trình cho năm học và học kỳ. Một đơn vị học trình lý thuyết là 15 tiết, mỗi đơn vị học trình và khoá luận là 45 giờ. Đầu khoá học, nhà trường thông báo cho học sinh biết về kế hoạch học tập, lịch trình, chương trình đào tạo toàn khoá của các ngành đào tạo, quy chế học tập, kiểm tra, thi, đánh giá, xếp loại học tập, công nhận tốt nghiệp và quyền lợi của các em. Đầu năm học, nhà trường thông báo cho các học sinh biết rõ lịch học trong từng học kỳ, đề cương chi tiết của các học phần, điều kiện để được học tiếp, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra các học trình và thi các học phần. Đầu năm học, học sinh phải đăng ký học các học phần tự chọn với phòng đào tạo. Khi phân tích chương trình đào tạo, giáo sinh cần chú ý tới khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Mỗi khối kiến thức đều có hai nhóm học phần bắt buộc mà mọi học sinh phải tích lũy và nhóm học phần tự chọn bao gồm những học phần chứa đựng những nội dung cần thiết nhưng học sinh được lựa chọn theo hướng dẫn của trường để tích lũy đủ số học phần theo quy định. Khi tiến hành phân tích nội dung chương trình đào tạo, giáo sinh cần chú ý đến sự cấu trúc hoá của các học phần và học trình.

- Khối lượng kiến thức

Khối kiến thức của chương trình bao gồm các đơn vị kiến thức chung, kiến thức văn hoá, kiến thức kỹ thuật cơ sở, kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề chung nhất cho nhóm nghề cũng như nghề. Khối lượng các đơn vị tri thức đem ra dạy học phải đảm bảo, sao cho, sau khi nắm vững chúng, trong nhân cách của học sinh sẽ có được những tri thức khái quát, kỹ năng chung và thái độ lao động kỹ thuật đúng đắn để có

thể giải quyết tốt những nhiệm vụ lao động kỹ thuật khi đã ra trường. Như vậy, hoạt động kỹ thuật nghề nghiệp hoàn toàn đẳng cấp với hoạt động học tập kỹ thuật nghề nghiệp và chúng được hiện thực hoá trong cấu trúc nhân cách của người học sinh đã tốt nghiệp trường nghề. Do vậy để hiểu nội dung chương trình đào tạo, giáo sinh phải nỗ lực tư duy mà tìm hiểu rõ ràng về cấu trúc của hoạt động kỹ thuật - nghề nghiệp trong thực tiễn và tích cực tưởng tượng sáng tạo mà hình dung ra mô hình nhân cách học sinh sau khi đã nắm vững được nội dung chương trình đó. Khi tìm hiểu nội dung đào tạo, giáo sinh cần phải chú ý đến thời lượng tương ứng dành cho việc dạy học các khối lượng đơn vị kiến thức được phân bố cho các học phần và học trình trong chương trình đã hợp lý chưa. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho học sinh tích lũy tín chỉ trong quá trình học tập. Mỗi học phần có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong mỗi học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ và được kết cấu theo từng môn học hoặc dưới dạng tổ hợp nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã riêng do nhà trường quy định. Căn cứ vào đặc điểm của ngành đào tạo, Hiệu trưởng quy định việc bố trí dạy học các học phần sao cho khoa học, hợp lý, hiệu quả và thuận tiện cho việc tiếp thu tri thức của học sinh. Học trình là đơn vị dùng để tính khối lượng học tập của học sinh. Một đơn vị học trình được quy định là 15 tiết lý thuyết, 30 đến 45 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận, 45 đến 90 tiết thực tập tại cơ sở, 45 đến 60 tiết làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Để tiếp thu được một đơn vị học trình, học sinh phải thực hiện được ít nhất 15 tiết tự học.

- Tỷ lệ giữa thời lượng học lý thuyết, thực hành và thực tập cho nhóm nghề, nghề

Khi phân tích nội dung chương trình, giáo sinh cần phải chú ý tìm hiểu xem thời lượng dành cho việc dạy học lý thuyết, thực hành các môn văn hoá, giáo dục chính trị, kỹ thuật cơ sở, kỹ thuật chuyên ngành, luyện kỹ năng hành nghề ra sao, trên cơ sở đó mà tiến hành đánh giá mức độ phù hợp. Dạy lý thuyết được thực hiện là nhằm cung cấp một cách có hệ thống những đơn vị tri thức lý luận khái quát nhất cho học sinh. Dạy lý thuyết phải tương ứng với dạy thực hành. Dạy thực hành được thực hiện là nhằm củng cố, mở rộng, khơi sâu thêm tri thức lý luận và hình thành kỹ năng, kỹ xảo, thao - động tác chung cho học sinh. Cụ thể như chương trình đào tạo các ngành kỹ thuật đã dành 48 đơn vị học trình cho việc dạy học khối kiến thức giáo dục đại cương, 124 đơn vị học trình cho việc dạy học khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và 46

đơn vị học trình dành cho việc rèn luyện kỹ năng nghề ở nhà xưởng. Nhìn chung, tỷ lệ dạy lý thuyết và thực hành kỹ thuật 1/1 là lý tưởng. Trong thực tế hiện nay, đơn vị tri thức đem ra dạy học thì lớn, thời gian đào tạo không được phép kéo dài, trong khi thông tin kỹ thuật luôn đổi mới và bùng nổ. Trong dạy kỹ thuật chuyên ngành có 124 đơn vị học trình là dành cho dạy học lý thuyết và 46 đơn vị học trình dành cho dạy học thực hành là có thể chấp nhận được, vì rằng khi dạy 124 đơn vị học trình lý thuyết, học sinh cũng đã phải bỏ ra lượng thời gian tương ứng đúng như vậy để tự học rồi.

- Các hoạt động giáo dục khác

Trong quá trình dạy học, bên cạnh hoạt động chính khoá dùng để hoàn thành các đơn vị học trình lý thuyết cũng như thực hành, chúng ta còn phải tổ chức các hoạt động ngoại khoá kỹ thuật như thảo luận, xêmina, tham quan sản xuất, hoạt động sáng tạo kỹ thuật, tự tìm hiểu những thành tựu kỹ thuật trong thực tế nghề nghiệp, tự tìm hiểu những lĩnh vực kỹ thuật để viết báo cáo – tổng kết về nó, tự tìm kiếm những thành tựu mới trên mạng Internet v.v.... Của học sinh. Vì vậy, trong quá trình thực tập, giáo sinh cần quan tâm tìm hiểu xem nhà trường dạy nghề đã tiến hành tổ chức các hoạt động ngoại khoá kỹ thuật như phong trào thi sáng tạo Robotcon, câu lạc bộ những nhà sáng tạo kỹ thuật, tham quan sản xuất, tự nghiên cứu - tìm hiểu thành tựu kỹ thuật mới qua sách báo – hội thảo khoa học – mạng máy tính, thảo luận – xêmina, báo cáo chuyên đề về kỹ thuật do các nhà kỹ thuật đầu ngành trình bày, phương hướng giảng dạy các bộ môn kỹ thuật chuyên ngành do các nhà khoa học giáo dục kỹ thuật – nghề nghiệp báo cáo v.v... Để hiểu sâu thêm cấu trúc chương trình đào tạo, trường đoàn thực tập cần hướng dẫn cho giáo sinh biết cách tiến hành tìm hiểu sâu về mối quan hệ logic với nhau giữa các môn học cũng như giữa các đơn vị tri thức được đem ra dạy học ở từng môn học cũng như về kế hoạch dạy học lý thuyết, thực hành và ngoại khoá kỹ thuật của nhà trường dạy nghề đang được thực tập. Ngoài ra, giáo sinh cần chú ý mô tả, phân tích nội dung của các mặt giáo dục khác trong nhà trường.

c) Chương trình môn học được phân công giảng dạy

Giáo sinh SPKT đi thực tập sư phạm tại các cơ sở thực tập như trường trung cấp chuyên nghiệp - dạy nghề, các trung tâm dạy nghề liên kết có thể đảm đương nhiệm vụ dạy các môn kỹ thuật cơ sở, chuyên ngành và luyện thực hành kỹ năng chuyên môn. Khi phân tích nội dung chương trình môn học được phân công giảng dạy trong thời gian thực tập sư phạm, giáo sinh phải chú ý đến tên môn học, nội dung tổng quát cùng

việc phân phối thời gian cho dạy học từng đơn vị tri thức của nó, nội dung chi tiết về phân phối chương trình và hướng dẫn thực hiện.

- Tên môn học phải nêu rõ mã số, vị trí, giới thiệu chung về môn học, mục tiêu về kiến thức cùng kỹ năng, điều kiện tiên quyết, thời lượng của môn học.

- Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Giáo sinh nêu rõ xem môn học được bao gồm những học phần nào, mỗi học phần được chia thành các đơn vị học trình nào và nội dung tổng quát của từng trình đó cùng phân phối thời gian dùng cho dạy lý thuyết, dạy thực hành, kiểm tra - đánh giá ra sao.

- Nội dung chi tiết

Giáo sinh tiến hành mô tả chi tiết nội dung chương trình môn học mà mình phải dạy cho từng học phần và học trình mà trong đó, mô tả đầy đủ toàn bộ những đề mục lớn, nhỏ cùng việc phân phối thời gian cho dạy lý thuyết, thực hành và đánh giá nó, các nguồn lực cần thiết.

- Hướng dẫn thực hiện

Giáo sinh chú ý tìm hiểu nội dung phân hướng dẫn việc thực hiện chương trình xem từng bài trong từng học trình và học phần phải quan tâm làm rõ, phân tích sâu, làm hình thành vững chắc những đơn vị tri thức cốt lõi, cơ bản, trọng tâm nào.

1.3. Viết thu hoạch về những nội dung trên

Trưởng đoàn thực tập yêu cầu giáo sinh căn cứ vào những cứ liệu được ghi chép trong sổ thực tập của mình để suy nghĩ làm đề cương, tiến hành trao đổi nhóm, sau đó viết thu hoạch về chúng theo nội dung chi tiết sau:

1.3.1. Tìm hiểu chương trình khung đào tạo của nhà trường nơi mà đoàn giáo sinh đến tiến hành thực tập sư phạm

a) Quan điểm xây dựng chương trình, mục đích, yêu cầu của chương trình

b) Nội dung chương trình bao gồm những môn cơ sở, cơ bản và chuyên ngành kỹ thuật với tổng số các đơn vị học trình của chúng

c) Phân bố thời lượng, phương thức thực hiện, nguồn lực cần thiết, hướng dẫn thực hiện chương trình

1.3.2. Tìm hiểu chương trình đào tạo của nhóm nghề, từng nghề.

a) Mục tiêu đào tạo của nhóm nghề và của từng nghề

b) Nội dung và thời gian đào tạo của nhóm nghề và từng nghề

c) Khối lượng kiến thức

d) Tỷ lệ giữa thời lượng dạy học lý thuyết với thực hành và thực tập cho nhóm nghề và từng nghề

e) Các hoạt động giáo dục khác

1.3.3. Tìm hiểu chương trình môn học được phân công giảng dạy.

a) Tên môn học, mã số, vị trí, giới thiệu chung, mục tiêu, điều kiện tiên quyết, thời lượng của môn học

b) Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

c) Nội dung chi tiết

d) Hướng dẫn thực hiện

1.4. Đánh giá kết quả thực hiện

Trưởng đoàn thực tập sư phạm phải căn cứ vào tinh thần, thái độ, ý thức tìm hiểu và kết quả bài viết thu hoạch này để đánh giá giáo sinh. Toàn bộ các bài viết này của giáo sinh các đoàn thực tập đều phải đảm bảo nội dung, hình thức trình bày và đều được nộp về Ban chỉ đạo thực tập sư phạm của trường CĐSPKT.

- Nhận xét chung của bản thân về hoạt động giáo dục và đào tạo của trường dạy nghề.

- Nhận xét về tinh thần, thái độ thực tập khi quan sát hoạt động dạy học và giáo dục toàn diện của bản thân.

- Đánh giá trình độ nhận thức của mình về thực trạng đào tạo và giáo dục của nhà trường dạy nghề.

Bài 2: DỰ GIỜ RÚT KINH NGHIỆM, TRAO ĐỔI, HỌC TẬP KINH NGHIỆM GIẢNG DẠY CỦA GIÁO VIÊN

2.1. Mục tiêu

Sau bài này giáo sinh có khả năng:

- Có hiểu biết chung về nội dung của các hoạt động chuẩn bị, dự giờ và kinh nghiệm sau khi dạy để nắm vững các yếu tố của bài học;

- Xác định được các yếu tố của bài học, phân tích được các bước lên lớp của giáo viên.

Trong khi giải quyết các nhiệm vụ thực tập sư phạm, việc dự giờ rút kinh nghiệm và tiến hành trao đổi, học tập kinh nghiệm giảng dạy của giáo viên, nhất là giáo viên hướng dẫn thực tập là có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quá trình phát triển của năng lực sư phạm ở giáo sinh. Vì vậy, trưởng các đoàn thực tập cần quan tâm đặc biệt đến việc tổ chức và chỉ đạo cho giáo sinh thực hiện tốt những nhiệm vụ này. Việc tổ

chức dự giờ, đúc rút những kinh nghiệm thành công, tiến hành trao đổi, học tập được kinh nghiệm quý trong giảng dạy của giáo viên trường thực tập cho giáo sinh là nhằm đạt các mục tiêu sau: 1) Làm cho giáo sinh có được những hiểu biết chung về nội dung của các hoạt động chuẩn bị bài, dự giờ, rút kinh nghiệm sau khi dạy, nắm vững các yếu tố của bài học như ổn định tổ chức lớp, kiểm tra bài cũ, dạy bài mới, hệ thống hoá kiến thức sau khi dạy, dặn dò về học bài, làm bài, chuẩn bị bài cho buổi học sau cũng như khả năng thiết kế thi công bài học, kỹ năng giao tiếp sư phạm và khả năng thực hiện thao tác sư phạm liên tục, có hiệu quả ngay từ phút đầu đến phút cuối trong tiết học của giáo viên; 2) Giúp cho giáo sinh có điều kiện thực tế mà trực tiếp quan sát giờ học để có được các tiền đề tâm lý thuận lợi đảm bảo cho việc tiến hành xác định đúng các yếu tố tâm lý của bài học, biết phân tích rõ các bước lên lớp, hiểu thấu sự kết hợp giữa thao tác dạy với thao tác học của từng học sinh cũng như tập thể lớp, thấy rõ khả năng sử dụng các phương tiện – trang thiết bị – kỹ thuật - đồ dùng dạy học để truyền đạt tri thức lý luận trừu tượng, tìm hiểu khả năng sử dụng các phương pháp dạy học bộ môn để thi công bài học, tìm ra khả năng bao quát, tổ chức bài học, giao tiếp và thuyết phục học sinh nghĩ, làm theo mình khi truyền đạt từng đơn vị kiến thức của giáo viên; 3) Làm cho giáo sinh hiểu rõ khả năng chuẩn bị tâm thế như sự sẵn sàng về trí tuệ, động cơ, đạo đức và ý chí cho hoạt động giảng dạy của giáo viên, thấy rõ sự diễn biến của thao tác dạy, thao tác học cũng như sự kết hợp các thao tác dạy học hướng vào giải quyết nhiệm vụ dạy học khi có các phương tiện - điều kiện dạy học tương ứng.

2.2. Nội dung thực hiện

2.2.1. Nghiên cứu bài dạy trước khi dự giờ

Trường đoàn thực tập chỉ đạo cho giáo viên hướng dẫn biết cách tổ chức cho giáo sinh tiến hành nghiên cứu nội dung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, lịch trình dạy học, giáo án và đề cương bài giảng về tất cả các bài học trước khi dự giờ. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu bài dạy trước khi dự giờ, toàn bộ những tài liệu trên phải được photocopy và phát tận tay cho giáo sinh.

a) Nghiên cứu mục tiêu của bài dạy

Giáo sinh phải chú ý phân tích rõ nội dung của mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà bài dạy phải đạt được do giáo viên xác định trong giáo án như thế nào. Tiến hành suy nghĩ xem việc xác định mục tiêu như vậy của bài giảng đã được tiến hành bằng cách nào. Trên cơ sở đó, giáo sinh phải nhận xét xem mục tiêu bài học đã xác

định có hợp lý, phù hợp với quy luật của hoạt động sư phạm không và đánh giá tính khả thi của mục tiêu đó khi bài học đã được thi công.

b) Nghiên cứu nội dung của bài dạy

Nội dung của bài dạy được đưa đến cho học sinh dưới dạng những việc làm một cách độc lập, tích cực. Hiện tại việc truyền tải nội dung bài dạy của giáo viên có thể được thực hiện trong sự tương tác với việc lĩnh hội một cách tự giác, chủ động, sáng tạo, hăng say của học sinh. Trong dạy học, phương thức thực hiện nội dung bài dạy được biểu hiện bằng công thức $A \rightarrow a$. Ở đây, phải chú ý đến việc xây dựng nội dung bài dạy sao cho đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, tính nghề nghiệp và tổ chức quy trình công nghệ dạy học sao cho hợp lý. Vì vậy, giáo viên phải chú ý xem nội dung của bài soạn có đảm bảo tính chính xác, cơ bản, hiện đại, khái quát được những thành tựu mới nhất của kỹ thuật cũng như công nghệ học và tổ chức sản xuất không. Mặt khác, giáo viên cũng phải xác định xem nội dung của những đơn vị tri thức được đem ra trình bày trong giáo án có phù hợp với quy luật nhận thức cũng như khả năng hành động của học sinh không, có phù hợp với thực tiễn kỹ thuật và nghề nghiệp không?

c) Tìm hiểu nội dung của việc dự kiến các bước lên lớp

Giáo viên tiến hành tìm hiểu nội dung giáo án, xem giáo viên đã dự kiến các bước lên lớp như thế nào. Thông thường, giáo viên phải nêu rõ câu hỏi, yêu cầu trả lời, dự kiến người được hỏi và nêu nhận xét, đánh giá học sinh cho bước kiểm tra bài cũ. Để có thể kiểm tra được bài cũ, giáo viên phải tiến hành ổn định tổ chức lớp. Bước giảng bài mới phải được soạn thảo một cách khoa học, chi tiết với đầy đủ các nội dung như thứ tự các việc phải làm, nội dung dạy học, thời gian dùng để thực hiện từng việc cũng như từng nội dung, phương pháp làm việc của giáo viên, phương pháp làm việc của học sinh với các phương tiện cụ thể. Ví dụ như phải cụ thể hoá vấn đề của nó theo sơ đồ sau:

STT các việc	Nội dung dạy học	Thời gian	Phương pháp dạy	Phương pháp học
	I. Cơ chế truyền động	4'		
1	1. Khái niệm	1'	- Đàm thoại	- Suy nghĩ trả lời
2	2. Vai trò	1'	- Trình bày trực	- Quan sát, ghi chép

			quan	
3	3. Đặc điểm	2'	- Giảng thuật	- Suy nghĩ, ghi chép
	II. Nguyên lý cấu tạo	4'		
4	1. Các thành tố	2'	- Giảng giải	- Nghe, suy nghĩ, ghi chép
5	2. Cấu tạo	1'	- Giảng diễn	- Tưởng tượng, suy nghĩ, ghi
6	3. Vận hành	1'	- Trực quan	- Quan sát, hành động
	III. Các loại truyền động	20'		
7	1. Đại truyền	5'	- Hướng dẫn quan sát	- Theo dõi, ghi chép
8	2. Ăn khớp	5'	- Sử dụng SGK - TLTK	- Đọc, phân tích, rút kết luận
9	3. Thanh truyền-trục khuỷu	5'	- Vấn đáp gợi mở	- Suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo, trả lời
10	4. Bánh vít – trục vít	5'	- Vấn đáp tổng kết	- Khái quát hoá nội dung vấn đề - xem và làm thử

Bước củng cố và hệ thống hoá bài học thường được diễn ra khoảng 3- 5'. Ở bước này, giáo viên thường dùng vấn đáp tổng kết để hướng dẫn học sinh tiến hành khái quát hoá toàn bộ nội dung đã dạy trong tiết học. Sau cùng, giáo viên dành 2-3' giao nhiệm vụ, hướng dẫn học sinh về cách học bài, làm bài thực hành và chuẩn bị cho bài ngày hôm sau.

d) Tìm hiểu nội dung của việc dự kiến các phương pháp và phương tiện dạy học

Giáo sinh tiến hành tìm hiểu xem việc xác định các phương pháp dạy học liệu có phù hợp với nội dung dạy học không, mức độ, hiệu quả của chúng như thế nào. Việc sử dụng phương pháp dạy học bộ môn kỹ thuật chuyên ngành phải hoàn toàn phù hợp với lý luận dạy học bộ môn. Thường thường, người giáo viên tiến hành sử dụng các phương pháp dạy học chuyên ngành theo một hệ thống các phương pháp hiện đại và các phương pháp kinh điển. Mặt khác, giáo sinh cũng cần chú ý tìm hiểu xem, khi

trình bày những đơn vị tri thức trong nội dung giáo án, giáo viên đã biết cách sử dụng các phương tiện dạy học trực quan như thế nào, cách thức sử dụng các máy dạy học, mô hình máy, phương tiện nghe - nhìn, phương tiện trực quan, máy tính cho có hiệu quả như thế nào?

e) Tìm hiểu về dự kiến khả năng diễn biến của các tình huống sư phạm

Việc giải quyết các tình huống sư phạm có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình dạy học. Việc tìm hiểu phương thức giải quyết các tình huống sư phạm của giáo viên có tác dụng góp phần làm phát triển năng lực sư phạm cho giáo sinh. Vì vậy, khi phân tích nội dung giáo án, giáo sinh cần phải chăm chú tìm hiểu xem việc kiểm tra và giải quyết các tình huống học sinh không chăm chú nghe giảng hoặc không hiểu bài, giải quyết những sự cố kỹ thuật do phương tiện, thiết bị dạy học trực trực - hỏng hóc cũng như kinh nghiệm xử lý thành công những tình huống gây cản trở giải quyết về các mối quan hệ trong dạy học đã được đặt ra qua các hoàn cảnh dự kiến như thế nào?

2.2.2. Tiến hành dự giờ

Việc tiến hành dự giờ dạy của giáo viên và của các bạn trong đợt thực tập sư phạm là rất cần thiết. Nó góp phần quan trọng vào việc giải quyết nhiệm vụ kiến - thực tập và làm phát triển năng lực sư phạm cho giáo sinh. Vì vậy, trưởng đoàn cần tập trung chú ý vào việc chỉ đạo cho các em tiến hành giải quyết các nhiệm vụ dự giờ.

a) Quan sát và ghi chép mọi diễn biến trong giờ dạy.

Vào dự giờ, giáo sinh phải ngồi phía dưới lớp để tập trung chú ý vào giờ dạy từ phút đầu đến phút cuối. Giáo sinh phải tiến hành quan sát mọi cử động của thao tác dạy cũng như thao tác học và sự kết hợp thao tác, quan hệ giữa giáo viên với học sinh, tập thể lớp để biết ghi chép mọi diễn biến vào sổ thực tập. Đặc biệt, giáo sinh phải chú ý xem giờ đang dạy dùng để thực hiện nhiệm vụ của loại bài nào và ghi chép những biểu hiện của mọi cử động dạy học từ vào lớp → Chào học sinh → ổn định tổ chức lớp → Kiểm tra bài cũ → Dạy bài mới → Hệ thống hoá kiến thức đã dạy → Dặn dò, hướng dẫn học sinh về học bài, làm bài, chuẩn bị cho tiết học sau → Chào học sinh khi kết thúc giờ dạy.

b) Trưởng đoàn thực tập tổ chức việc dự giờ của giáo sinh và yêu cầu các em tiến hành ghi chép giờ dạy theo mẫu

Để làm được việc đó, các văn bản mẫu phải được giáo sinh chuẩn bị chu đáo. Khi vào dự giờ, giáo sinh phải chú ý ghi chép những biểu hiện của thao tác dạy học và tính

chất của mối quan hệ giáo viên – học sinh – tập thể lớp diễn ra liên tục từ phút đầu đến cuối tiết học. Đặc biệt phần bài dạy lý thuyết hay thực hành, giáo sinh phải biết ghi chép những diễn biến theo nội dung của giáo án đã soạn. Giáo sinh tập trung chú ý để ghi chép những biểu hiện của việc thực hiện nội dung, phương pháp dạy, phương pháp học, thời gian cụ thể dùng cho từng việc, cách thức và hiệu quả của việc sử dụng đồ dùng trực quan, trang thiết bị, kỹ thuật dạy học

2.2.3. Tiến hành rút kinh nghiệm theo nhóm dự giờ

a) Những bước lên lớp

Giáo sinh phải căn cứ vào những ghi chép về giờ dạy mà tiến hành rút kinh nghiệm xem các bước lên lớp đã được thực hiện như thế nào, có ăn nhập với nhau không, có diễn ra liên tục, khái quát và có hiệu quả sư phạm đến mức độ nào. Việc trao đổi, rút kinh nghiệm này phải căn cứ vào từng loại bài cụ thể đã dạy là bài lý thuyết hay thực hành, bài hỗn hợp, dạy bài mới, bài ôn tập, bài luyện tập, bài kiểm tra v.v...

b) Những phương pháp dạy học, PTDH mà GV đã vận dụng

Giáo sinh tiến hành họp nhóm và rút kinh nghiệm về kỹ năng sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại, phương pháp truyền thống của giáo viên. Phân tích xem nghệ thuật sử dụng phương pháp dạy học của giáo viên như thế nào và phương pháp trình bày đã có sự phù hợp với nội dung dạy học ra sao để kích thích tính tích cực, độc lập suy nghĩ của học sinh? Đặc biệt, khi dự giờ của bạn, giáo sinh phải thấy hết được những cố gắng của nhau và rút ra bài học kinh nghiệm sao cho sâu sắc, đảm bảo mối quan hệ tích cực với mọi người và chủ yếu tìm ra bài học quý cho mình xem phải dạy nội dung ấy theo phương thức nào là hợp lý nhất?

c) Đánh giá khả năng nhận thức của học sinh trong và sau bài dạy

Trong khi dự giờ, giáo sinh cần chăm chú quan sát và ghi chép lại những biểu hiện về khả năng nhận thức của học sinh. Sau buổi học, giáo sinh có thể dùng test, phiếu in sẵn để kiểm tra trình độ nắm vững tri thức đã học trong giờ của học sinh trong khoảng 5 phút. Sau đó, giáo sinh tiến hành phân tích, xử lý kết quả để có được dữ liệu sát thực về khả năng nhận thức của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo sinh tiến hành đánh giá mức độ nhận thức của học sinh đối với nội dung bài giảng như thế nào. Cần lưu ý rằng giáo sinh khi đánh giá sao cho đảm bảo được tính khách quan, trung thực và mang tính giáo dục.

d) Những bài học kinh nghiệm đối với bản thân khi quan sát hoạt động dạy học

Trong khi trao đổi nhóm, giáo sinh cần chú ý rút ra bài học kinh nghiệm cho mình khi quan sát hoạt động dạy học. Hoạt động dạy học được bao gồm hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học và sự kết hợp thao tác giữa dạy với học cùng tập thể lớp. Giáo sinh phải nỗ lực tư duy, tích cực tưởng tượng sáng tạo để đặt mình vào trạng thái của bài học mà rút ra những bài học kinh nghiệm về sự phân phối thời gian, về kỹ thuật sử dụng các phương pháp để trình bày nội dung bài giảng, về nghệ thuật sử dụng đồ dùng - trang thiết bị - kỹ thuật dạy học, về kỹ năng tiến hành thao tác sư phạm liên tục từ phút đầu đến phút cuối và khả năng tạo ra sự thiện cảm, không khí học tập tích cực - hăng say trong tập thể lớp.

2.3. Báo cáo kết quả thực hiện

- Giáo sinh báo cáo kết quả trước nhóm;
- Nộp báo cáo kết quả thực hiện cho trưởng đoàn TTSP;
- Đoàn nộp báo cáo kết quả thực hiện về Ban chỉ đạo TTSP trường.

2.4. Đánh giá kết quả thực hiện

Căn cứ vào biên bản dự giờ và kết quả thảo luận, rút kinh nghiệm, giáo sinh tiến hành cho điểm và xếp loại giờ dạy. Việc tiến hành cho điểm và xếp loại giờ dạy có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ thực tập sư phạm và có khả năng làm hình thành được kỹ năng đánh giá bài học cho giáo sinh. Vì vậy, trưởng đoàn thực tập cần hướng dẫn việc thực hiện và tổ chức cho giáo sinh tiến hành cho điểm và xếp loại giờ dạy của bạn mình theo mẫu một cách hợp lý, khoa học, đảm bảo tính giáo dục, tính sư phạm. Việc cho điểm và xếp loại giờ dạy được thực hiện theo đúng nội dung của các văn bản thực tập sư phạm.

Bài 3: GIẢNG TẬP BÀI HỌC LÝ THUYẾT NGHỀ

3.1. Mục tiêu

Sau bài học, giáo sinh soạn được giáo án lý thuyết nghề, bước đầu giảng tập bài lý thuyết nghề, biết chuẩn bị phương tiện dạy học, sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học, phân bố thời gian phù hợp, thực hiện tốt các bước lý luận dạy học của bài học. Biết cách trình bày bảng, bao quát lớp, tổ chức giờ giảng có hiệu quả.

3.2. Nội dung thực hiện

3.2.1. Soạn giáo án, đề cương

- Giáo án lý thuyết nghề (Theo mẫu đã được học)

- Soạn đề cương bài giảng phù hợp với giáo án đã xây dựng, muốn vậy cần phải đọc kỹ giáo trình, có đủ tài liệu tham khảo, có những ví dụ liên hệ với thực tiễn.

3.2.2. Chuẩn bị các phương tiện, điều kiện

- Chế tạo đồ dùng dạy học;
- Chuẩn bị các phương tiện dạy học;
- Chuẩn bị các điều kiện dạy học.

3.2.3. Giảng tập theo nhóm

- Từng cá nhân tập giảng các bài mà mình đã chuẩn bị;
- Toàn nhóm dự, ghi chép, trao đổi về nội dung và kết quả giảng tập.

3.2.4. Tập cho điểm, xếp loại giờ dạy

- Dựa vào mẫu đánh giá giờ giảng mọi người cho điểm;
- Nhóm trao đổi, cho điểm, xếp loại giờ dạy.

3.3. Rút kinh nghiệm

3.3.1. Về sự chuẩn bị

- Chuẩn bị nội dung giáo án, đề cương, phân chia thời gian cho từng nội dung;
- Chuẩn bị về phương tiện;
- Chuẩn bị về tâm thế.

3.3.2. Quá trình thực hiện

- Thực hiện các bước lên lớp;
- Phương pháp trình bày bài giảng;
- Khả năng giao tiếp sư phạm và tổ chức lớp;
- Trình bày bảng;
- Khả năng bao quát lớp;
- Tác phong;
- Học sinh ghi chép bài.

3.3.3. Năng lực sư phạm

- Năng lực giảng dạy bao gồm năng lực quan sát, sử dụng ngôn ngữ, di chuyển và phân phối chú ý, năng lực ghi nhớ và tái hiện;
- Năng lực giáo dục bao gồm năng lực hiểu học sinh, khả năng tác động;
- Năng lực GTSP và tổ chức - quản lý giờ học.

Bài 4: GIẢNG TẬP BÀI HỌC THỰC HÀNH NGHỀ, MÔĐUN

4.1. Mục tiêu

Sau bài học, giáo sinh soạn được giáo án thực hành nghề, giáo án theo kết cấu môđun, bước đầu giảng tập bài thực hành nghề và bài học theo môđun kỹ năng hành nghề biết chuẩn bị phương tiện dạy học, sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học, phân bố thời gian phù hợp, thực hiện tốt các bước lý luận dạy học của bài học.

Biết cách trình bày bảng, bao quát lớp, tổ chức giờ giảng có hiệu quả.

4.2. Nội dung thực hiện

4.2.1. Soạn giáo án

- Soạn giáo án thực hành theo mẫu khi soạn cần chú ý xác định rõ tên bài thực hành, mục tiêu học tập phải phù hợp với đối tượng, xác định đúng qui trình thực hiện (Các bước, nội dung) thực hiện thao tác, các dạng sai lầm hư hỏng;

- Phiếu hướng dẫn.

4.2.2. Chuẩn bị các phương tiện, điều kiện

- Chuẩn bị tâm thế cho bài dạy thực hành như trí tuệ, đạo đức, động cơ và ý chí;

- Chuẩn bị máy và phương tiện, thiết bị, phôi liệu;

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho dạy thực hành.

4.2.3. Giảng tập theo nhóm

- Từng giáo sinh thực hiện giảng tập bài học mà mình đã soạn;

- Toàn nhóm dự, theo dõi tiến trình bài giảng, ghi chép;

- Toàn nhóm trao đổi về nội dung và phương pháp sư phạm của bài giảng, nhận xét, đánh giá, góp ý kiến toàn diện cho việc thực hiện nhiệm vụ bài dạy.

4.2.4. Tập cho điểm, xếp loại giờ dạy

- Căn cứ vào biểu mẫu, giáo sinh tập cho điểm và xếp loại giờ dạy;

- Toàn nhóm trao đổi những nội dung trên và thống nhất đánh giá.

4.3. Rút kinh nghiệm

- Sự chuẩn bị cho bài dạy;

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ của bài dạy thực hành;

- Năng lực sư phạm, những điểm mạnh và yếu kém cần khắc phục.

Bài 5: NGHIÊN CỨU VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM

5.1. Nghiên cứu tình hình hoạt động của một lớp học sinh

5.1.1. Nghiên cứu hoạt động quản lý lớp học của GVCN

Lớp học được bao gồm một số lượng nhất định học sinh ở cùng một độ tuổi và có trình độ tương đối đồng đều nhau. Công tác dạy học cũng như giáo dục ở đó được thực hiện bởi một tập thể các giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm lớp. Ở các tập thể này, toàn thể các giáo viên bộ môn sẽ có trách nhiệm tổ chức mọi hoạt động dạy và học các môn mà mình phụ trách. Qua đó, họ có đóng góp một phần xác định vào việc giáo dục những cơ sở ban đầu của thế giới khoa học, nhân sinh quan và đạo đức cho học sinh. Giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm tiến hành phối hợp các tác động sư phạm của mọi giáo viên bộ môn thành một thể thống nhất và tiến hành xây dựng tập thể lớp vững mạnh dùng để làm phương tiện điều kiện, tâm lý - xã hội cần thiết cho việc giáo dục toàn diện nhân cách cho từng học sinh. Lớp học được coi như là một tế bào - đơn vị hữu cơ của tập thể sư phạm mà mọi sự phát triển của nó đều phải gắn chặt với sự trưởng thành toàn diện của nhà trường. Do vậy, sự thành công hay thất bại trong hoạt động giáo dục của một tập thể lớp cũng đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động chung của nhà trường. Vấn đề cần phải được các nhà sư phạm đặc biệt quan tâm là bằng mọi cách phải tiến hành xây dựng cho tập thể trở thành đơn vị vững mạnh. Người đảm đương nhiệm vụ quan trọng này là giáo viên chủ nhiệm lớp.

Có thể coi giáo viên chủ nhiệm lớp như là người thay mặt cho hiệu trưởng để tiến hành công tác quản lý và giáo dục học sinh ở một lớp nhất định. Đó là những giáo viên có nhiều kinh nghiệm giáo dục học sinh được hiệu trưởng tín nhiệm và giao cho trọng trách này. Người giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện chức năng quản lý và giáo dục học sinh. Đây là hai mặt của một quá trình thống nhất trong công tác chủ nhiệm lớp. Thực tế hoạt động sư phạm ở trường TCCN - DN đã khẳng định rằng để giáo dục tốt phải tiến hành quản lý tốt học sinh và khi quản lý tốt sẽ tạo ra được những điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục tư tưởng - chính trị - đạo đức. Việc đảm bảo được sự thống nhất giữa chức năng quản lý và giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp mang lại những hiệu quả thiết thực cho công tác giáo dục nhân cách ở từng học sinh cũng như cả tập thể lớp học. Để thực hiện tốt chức năng quản lý học sinh, người giáo viên chủ nhiệm lớp phải nắm vững thông tin về từng cá nhân cũng như tập thể lớp để từ đó lên kế hoạch cho

công tác tiến hành tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra kết quả giáo dục. Nhìn chung, mọi người giáo viên chủ nhiệm đều phải biết cách quan tâm đến sự phát triển toàn diện của mọi học sinh trong lớp, biết tiến hành những tác động điều tra để nắm vững những đặc điểm chung của lớp và từng cá nhân, biết xây dựng nên các mục tiêu cùng nội dung và hình thức giáo dục, biết thực hiện những tác động giáo dục đạt hiệu quả, có kỹ năng giáo dục cá biệt hóa và đánh giá chính xác kết quả học tập - rèn luyện của từng em. Từ đó, hoạch định được chiến lược hoạt động cho tập thể lớp một cách khoa học nhằm mục đích xây dựng tập thể và phát triển đạo đức cho từng học sinh.

Lớp học được coi là một đơn vị cơ sở của trường học. Người giáo viên chủ nhiệm lớp phải biết cách tổ chức và quản lý mọi hoạt động của tập thể lớp mà mình phụ trách. Để có thể đảm đương được trọng trách của mình, người giáo viên chủ nhiệm lớp phải thực hiện tốt những việc làm như sau:

- Thiết kế được kế hoạch xây dựng và phát triển tập thể học sinh một cách khoa học;

- Xây dựng được bộ máy cán bộ lớp có đủ uy tín cũng như năng lực để điều hành mọi hoạt động chung và phát huy được ý thức tự quản của học sinh, làm tốt vai trò cố vấn cho bộ máy cán bộ lớp hoạt động, bồi dưỡng một cách có kế hoạch những kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ lớp cùng các phần tử tích cực, biết cách tổ chức mọi hoạt động chung của tập thể theo kế hoạch để đạt bằng được các mục tiêu đã định;

- Thường xuyên tổ chức, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động của tập thể lớp cũng như từng học sinh để có biện pháp tác động phù hợp và tiến hành báo cáo - thỉnh thị với hiệu trưởng về tình hình mọi mặt của lớp học mà mình phụ trách theo quy định. Tổ chức tốt việc tập hợp và khai thác sức mạnh tổng hợp của các lực lượng giáo dục ở trong ngoài nhà trường để tham gia giáo dục nhân cách cho học sinh. Biết huy động sức mạnh cộng đồng để tham gia giáo dục, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng của những tác động giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

5.1.2. Nghiên cứu các nội dung quản lý lớp của GVCN

Để có được những điều kiện tâm lý cần thiết cho việc tiến hành các tác động giáo dục, người giáo viên chủ nhiệm lớp phải hiểu biết thấu đáo về học sinh. Muốn vậy, họ phải tìm hiểu và nắm được những cá tính, tâm tư nguyện vọng, năng lực nhận thức, sức khỏe, tư tưởng, chính trị, đạo đức, hoàn cảnh sống, phương thức ứng xử của học

sinh từ đó, họ có thể thấy rõ được những mặt mạnh cùng phẩm chất cơ bản của tập thể và từng học sinh.

Người giáo viên chủ nhiệm phải có được một hình ảnh thật đầy đủ, chính xác về quá trình phát triển nhân cách học sinh cũng như xây dựng tập thể lớp với những nhân tố mới và mầm mống tích cực. Những phương thức cơ bản mà người giáo viên chủ nhiệm có thể vận dụng và tìm hiểu để nắm vững tâm lý của học sinh được xác định theo nội dung các vấn đề sau:

- Nghiên cứu hồ sơ qua phân tích nội dung của học bạ, y bạ, sơ yếu lý lịch, bản tự đánh giá - nhận xét về mình, biên bản các cuộc họp có liên quan đến lớp, sổ ghi tên - ghi điểm, sản phẩm của hoạt động, quan hệ của học sinh;

- Quan sát những biểu hiện của hoạt động, quan hệ của học sinh ở trong cũng như ngoài trường - lớp, tiến hành trao đổi với cá nhân - tập thể lớp cùng các giáo viên bộ môn - cán bộ phụ trách đoàn TNCS để có những thông tin cần thiết về các em, thăm gia đình và trò chuyện với các bậc cha mẹ học sinh;

- Tiến hành nghiên cứu thực nghiệm về tâm lý của học sinh trong dạy học. Dùng thực nghiệm sư phạm để nghiên cứu những biểu hiện tâm lý của học sinh cũng như thực hiện được những tác động sư phạm để hình thành nên những phẩm chất nhân cách cần thiết theo mục tiêu giáo dục. Qua đó tiến hành đo nghiệm kết quả để xác định tính chất và mức độ của các phẩm chất nhân cách mới được hình thành.

Nhờ có những thông tin cụ thể, phong phú và có độ tin cậy cao, người giáo viên chủ nhiệm mới có được tiền đề tâm lý cần thiết cho việc nắm chắc quá trình phát triển nhân cách của từng học sinh cũng như tập thể lớp để có những tác động giáo dục phù hợp. Trong giáo dục, chúng ta cần chú ý dùng thêm biện pháp ghi nhật ký về những biểu hiện đặc trưng của nhân cách học sinh để tìm hiểu rõ xu hướng của các em, tránh những tác động tùy tiện, chủ quan, hời hợt.

Việc tiến hành xây dựng tập thể học sinh vững mạnh là một điều kiện và phương tiện quan trọng để giáo dục từng nhân cách. Tập thể được coi là một cơ thể xã hội sinh động mang sức mạnh tổng hợp trong khi thực thi các tác động giáo dục đến từng thành viên. Người giáo viên chủ nhiệm cần xác định rõ mục tiêu cho những nội dung hoạt động của tập thể, biết đề ra những yêu cầu hợp lý, nhất quán và vừa sức đối với đặc điểm giới tính, lứa tuổi của từng học sinh cũng như biết cách giải thích cho các em biết rõ nội dung của các quy định chung và chấp hành chúng. Từ đó, làm nảy sinh ở các em

những mâu thuẫn giữa yêu cầu cần phải đạt được với trình độ hiện có của mình và những khát vọng - nhu cầu - ước muốn tích cực giải quyết chúng. Việc tạo lập và xây dựng được một bộ máy cán bộ lớp đủ mạnh cùng đội ngũ những phần tử luôn tích cực, tự giác, quyết tâm thực hiện tốt những yêu cầu cho giáo viên chủ nhiệm đề ra là rất cần thiết. Vì vậy, chúng ta cần quan tâm đến việc lựa chọn một cách tế nhị, chính xác những phần tử tích cực được tập thể yêu mến, tin nhiệm để bồi dưỡng cho các em trở thành hạt nhân đoàn kết, làm nòng cốt cho hoạt động của bộ máy tự quản của lớp. Để làm được việc đó, người giáo viên chủ nhiệm phải quan tâm giải quyết tốt những vấn đề cơ bản sau:

- Cần làm cho đội ngũ cốt cán ý thức được rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ của mình trong tập thể. Biết cách giúp cho các em đó nắm vững được nội dung, phương pháp công tác với tập thể lớp, trên cơ sở của sự thống nhất giữa tính tích cực, sáng tạo của họ với tính chỉ đạo của mình;

- Tổ chức cho các em đó biết cách tiến hành phân tích, đánh giá, hệ thống hóa và khái quát hóa các kinh nghiệm lãnh đạo tập thể, từng bước hình thành được kỹ năng, tâm thế và năng lực quản lý cho các em. Biết cách giữ vững uy tín cho đội ngũ cốt cán trước tập thể lớp và làm cho tất cả các em đó có nhu cầu hoàn thiện tính gương mẫu, tự khẳng định mình;

- Biết cách kiểm tra, đánh giá hiệu quả chỉ đạo của đội ngũ cán bộ lớp. Thường xuyên giúp đỡ các em đó biết cách khắc phục khó khăn trong quản lý và ra sức động viên tính tích cực hoạt động vì tập thể của họ.

Dựa vào vai trò nòng cốt của đội ngũ cán bộ lớp và các phần tử tích cực, người giáo viên chủ nhiệm lớp phải tiến hành tổ chức tốt các loại hoạt động đa dạng để thu hút được toàn thể học sinh trong lớp tham gia. Bằng mọi cách phải đảm bảo sao cho tất cả các em cùng được tiến hành những hoạt động chung và cương quyết không để cho em nào được phép tách khỏi tập thể mà liên kết lại với nhau thành một nhóm tự phát để có những việc làm không trong sáng. Phải lưu ý tổ chức tốt các đợt thi đua theo chủ điểm với các hình thức hấp dẫn nhằm giáo dục nhân cách cho từng em và xây dựng tập thể vững mạnh. Cần lưu tâm đến những em được coi là cá biệt kém để giáo dục; cải tạo cho trở thành người tốt. Tránh có những biểu hiện làm hẫng hụt, cô lập để đẩy chúng xa rời hoặc đối lập với tập thể. Quan tâm giáo dục những cơ sở của thế giới quan khoa học và những phẩm chất đạo đức theo nội dung của nhân cách nghề. Bằng

việc phối hợp tác động của các giáo viên bộ môn với tất cả các lực lượng giáo dục khác đặc biệt là Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, làm cho học sinh có ý thức tự giác, hiểu được những yêu cầu về tư tưởng, chính trị, đạo đức, biến những yêu cầu của xã hội thành hành vi, thói quen, lối sống của mình. Trên cơ sở đó, biết cách tổ chức tốt việc kết hợp giữa sự đánh giá và tự đánh giá về kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh. Khi đánh giá, người giáo viên chủ nhiệm phải tham khảo ý kiến của giáo viên bộ môn cũng như các tổ chức đoàn thể và tập thể lớp để có kết luận mang tính hệ thống, toàn diện, khách quan về phẩm hạnh của từng học sinh. Chống mọi biểu hiện của sự đánh giá cảm tính, thành kiến hoặc thiên vị đối với bất kỳ học sinh nào. Qua đánh giá, chúng ta phải biết cách động viên, kích thích các em tích cực thực hiện các nhiệm vụ của hoạt động - quan hệ để phát huy ưu điểm và khắc phục nhược điểm trong đời sống đạo đức của mình.

Việc tìm mọi biện pháp tích cực để nâng cao thành tích học tập của học sinh được coi là một nội dung quan trọng của hoạt động chủ nhiệm lớp. Thành tích học tập được biểu hiện tập trung ở kết quả nắm vững tri thức - kỹ năng - kỹ xảo cũng như ở năng lực hoạt động trí tuệ - tư duy sáng tạo và thái độ, động cơ học tập một cách độc lập - tự giác - tích cực - chủ động của học sinh. Để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ này, người giáo viên phải đề ra những yêu cầu cụ thể đối với việc học tập cho mọi học sinh và xây dựng dư luận lành mạnh trong tập thể lớp, làm cho các em ý thức được đầy đủ về nghĩa vụ học tập của mình để từ đó biết xác định động cơ - thái độ học tập đúng đắn, trung thực, tích cực cũng như biết tìm kiếm phương pháp học tập thông minh - sáng tạo nhằm đạt kết quả cao nhất. Đồng thời, họ còn phải biết cách tổ chức hợp lý các hình thức học tập nhóm, sinh hoạt ngoại khóa, trao đổi kinh nghiệm tự học, thảo luận những vấn đề chung của môn học nhằm giúp cho học sinh có đủ điều kiện tâm lý để mở rộng, khai sâu, củng cố tri thức đã học và vận dụng chúng vào thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, người giáo viên chủ nhiệm cũng cần phải tìm hiểu một cách chính xác về những nguyên nhân dẫn đến sự sa sút và yếu kém trong học tập ở học sinh để có biện pháp tác động phù hợp nhằm từng bước bồi dưỡng mục đích động cơ, thái độ và phương pháp học tập đúng đắn cho các em. Giáo viên chủ nhiệm còn phải phối hợp công tác và giúp đỡ các tổ chức Đoàn TNCS, trong việc tiến hành tổ chức sinh hoạt vui chơi, giải trí, rèn luyện thể lực, bảo vệ sức khỏe và giáo dục lao động cho học sinh.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo của lớp học sẽ phụ thuộc phần lớn vào phẩm chất, năng lực sư phạm của đội ngũ giáo viên đang giảng dạy ở đó. Giáo viên chủ nhiệm phải tạo ra được sự phối hợp đồng bộ giữa các tác động sư phạm của mọi giáo viên bộ môn. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, trước hết giáo viên chủ nhiệm phải thống nhất với giáo viên bộ môn về những yêu cầu chung của giáo dục. Sự thống nhất này có tác dụng xác lập được những cơ sở định hướng chung cho các tác động sư phạm của giáo viên nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp khi thực hiện mục tiêu giáo dục. Nếu không có sự thống nhất này, mọi tác động sư phạm của giáo viên có thể bị rời rạc, tùy tiện, vô hiệu hóa lẫn nhau. Do vậy, mọi giáo viên phải biết cách tiến hành phối hợp hoạt động với nhau theo yêu cầu của giáo viên chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm tiến hành theo dõi các sổ sách của lớp, dự giờ cùng các sinh hoạt ngoài giờ lên lớp, thăm dò nguyện vọng, phát hiện những khó khăn trong học tập, trao đổi và nêu ra khuyến nghị với giáo viên bộ môn trong việc thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập cho từng cá nhân cũng như tập thể lớp.

Các giáo viên bộ môn phải dựa vào những thông tin ngược do bản thân thu được cũng như giáo viên chủ nhiệm cung cấp để tiến hành cải tiến nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp với thực tiễn. Trong đó, họ phải tổ chức các sinh hoạt nội khóa - ngoại khóa, giúp đỡ những cá biệt khá - kém và đảm bảo sự kết hợp tốt giữa giảng dạy và giáo dục. Ngoài dạy học, dưới sự chủ trì của giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên bộ môn phải tích cực tham gia các hoạt động lao động, sinh hoạt tập thể của lớp và góp phần tìm hiểu sâu về học sinh để tiến hành giáo dục. Khi đánh giá kết quả học tập, rèn luyện toàn diện của học sinh, giáo viên chủ nhiệm cần phải tham khảo ý kiến của giáo viên bộ môn.

Gia đình được coi là môi trường đầu tiên để tiến hành xã hội hóa cho mọi trẻ em. Cha mẹ có ảnh hưởng giáo dục rất lớn đối với trẻ em. Giáo dục của gia đình đã trở thành một bộ phận hữu cơ của công tác huấn luyện - đào tạo thế hệ trẻ cho nền kinh tế - văn hóa - xã hội. Người giáo viên chủ nhiệm lớp giữ vai trò chủ đạo trong sự kết hợp thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường với gia đình. Chúng ta cần phải tổ chức trao đổi để làm cho các bậc cha mẹ nắm được mục tiêu đào tạo của giáo dục tiểu học cũng như tiến hành giới thiệu cho họ biết khái quát về những đặc điểm, kế hoạch và nội dung của hoạt động sư phạm trong trường - lớp. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ nhiệm và các bậc cha mẹ học sinh thống nhất với nhau về nội dung của những yêu cầu

giáo dục cũng như cùng phối hợp hoạt động nhằm góp phần tích cực vào việc nâng cao trình độ tư tưởng, chính trị, đạo đức và chất lượng hoạt động học tập, lao động rèn luyện thể lực... của học sinh. Đồng thời động viên họ tích cực tham gia xây dựng các điều kiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và trực tiếp tham gia vào các quá trình sư phạm ở mức độ có thể để tiến hành giáo dục toàn diện học sinh.

Trong năm học, người giáo viên chủ nhiệm cần có kế hoạch để thông báo theo định kỳ cho gia đình học sinh biết kết quả về các mặt tu dưỡng, rèn luyện, học tập, lao động và hoạt động ngoài giờ qua sổ liên lạc. Ở trong sổ này, cần ghi rõ địa chỉ - thời gian cho sự gặp gỡ, điểm số của các môn học, kết quả xếp loại về các mặt kèm theo sự đánh giá ưu - nhược điểm chính và những ý kiến đề nghị toàn diện với gia đình. Nội dung của những nhận xét đánh giá ngày phải thật cụ thể, khách quan và khái quát, tránh ghi chung chung, hời hợt. Sau khi nghiên cứu nội dung những vấn đề đã nêu trong sổ liên lạc, các bậc cha mẹ học sinh cần ghi rõ ý kiến của mình về các kết quả phấn đấu của con cái cũng như thái độ của mình trước những đánh giá, nhận xét, kiến nghị của giáo viên chủ nhiệm. Đồng thời, các bậc cha mẹ học sinh có thể thông báo thêm những điểm cần lưu ý về tình hình tu dưỡng, học tập, lao động, sinh hoạt của con cái ở nhà và nêu ra những kiến nghị cần thiết của mình với nhà trường. Nhờ có sự trao đổi, thông báo qua lại đó mà cả nhà trường và gia đình đều sẽ thu được những tư liệu, thông tin cần thiết về học sinh để từ đó có kế hoạch hoàn thiện, hiệu chỉnh các tác động phối hợp giáo dục.

5.1.3. Nội dung nghiên cứu hoạt động của lớp

- Nghiên cứu về ý thức, thái độ tham gia các hoạt động của học sinh trong lớp.
- Nghiên cứu kế hoạch hoạt động của lớp và nội dung công việc đã thực hiện thông qua học tập, giáo dục toàn diện, thực tập - thực hành công nghệ, lao động sản xuất, văn thể, văn hóa - xã hội, tự phục vụ, sinh hoạt tập thể, v.vv... của toàn thể học sinh trong lớp chủ nhiệm.
- Nghiên cứu chất lượng và hiệu quả của các hoạt động của lớp chủ nhiệm để từ đó, rút ra những điểm mạnh và điểm cần khắc phục.
- Giáo sinh trực tiếp tham gia các hoạt động của lớp để quan sát, ghi chép thông tin và thực hiện những tác động điều tra về tâm thế cũng như năng lực thực hiện hoạt động của cán bộ và toàn thể thành viên của lớp mà mình tiến hành giải quyết nhiệm vụ thực tập chủ nhiệm.

5.2. Xây dựng kế hoạch cho công tác chủ nhiệm lớp

5.2.1. Nghiên cứu những vấn đề chung kế hoạch chủ nhiệm

Kế hoạch là con đường để đưa hệ thống vận động từ hiện tại tới mục tiêu đã định. Kế hoạch là sự định trước những công việc cần phải làm theo một chương trình hành động nhất định nhằm đạt đến những mục tiêu đã định với những phương tiện, điều kiện và thời gian thực hiện cụ thể. Nó là sản phẩm đầu tiên và quan trọng nhất của hoạt động tư duy quản lí, có tác dụng làm cơ sở cho các quyết định. Nó được diễn ra theo ba khâu xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá, tái kế hoạch hóa. Nhờ có kế hoạch mà chúng ta có thể hạn chế được sự vận động không ổn định của các phần tử trong hệ thống trước những thay đổi của môi trường cũng như tạo ra những khả năng để thực hiện công việc một cách kinh tế hơn, làm cho người quản lí có cơ sở để tiến hành kiểm tra - đánh giá hiệu quả hoạt động của mọi nhân viên và tập trung toàn bộ sự nỗ lực hành động của họ vào giải quyết nhiệm vụ nhằm đạt các mục tiêu đã định. Khi xây dựng kế hoạch, chúng ta cần phải đảm bảo tính tập trung - dân chủ, tính khoa học - thực tiễn - cụ thể, tính liên tục - thừa kế - cân đối - có trọng tâm, tính pháp chế - linh hoạt để phục vụ nhiệm vụ chính trị. Có các loại hình kế hoạch ngắn - trung - dài hạn và kế hoạch cho từng dạng hoạt động - quan hệ cụ thể của quản lí.

5.2.2. Nghiên cứu quy trình xây dựng và nội dung của kế hoạch chủ nhiệm

Người giáo viên chủ nhiệm phải thực hiện nhiệm vụ quản lí của mình theo kế hoạch. Kế hoạch này được coi là sản phẩm của hoạt động tư duy sáng tạo của giáo viên chủ nhiệm. Nó phản ánh rõ trình độ của năng lực thiết kế và óc chần đoán của chủ thể. Quy trình xây dựng kế hoạch chủ nhiệm là định hướng bao gồm công việc chuẩn bị, tập hợp thông tin, xác định mục tiêu cùng các điều kiện cho kế hoạch; xây dựng phương án đến soạn thảo sơ bộ và hoàn chỉnh văn bản của kế hoạch. Để có thể xây dựng được nội dung của kế hoạch chủ nhiệm từng học kỳ và toàn năm học cho hợp lý, chúng ta phải nắm chắc cũng như biết tiến hành xử lý tốt hàng loạt thông tin về các mặt chủ yếu sau:

- Các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch công tác của toàn trường cùng các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của các tổ chức Đoàn TNCSHCM;

- Những đặc điểm tâm - sinh lí hiện có của học sinh cũng như truyền thống tốt đẹp, những khó khăn, hạn chế của lớp, đặc điểm của gia đình học sinh và trình độ tác động giáo dục của các bậc cha mẹ;

- Những đặc điểm chung về kinh tế - văn hóa xã hội của địa phương - đất nước và tính chất tác động xã hội hóa của cộng đồng đến học sinh. Từ nội dung của hệ thống thông tin đã xử lý đó, người giáo viên chủ nhiệm tiến hành suy nghĩ để dự đoán được khả năng phát triển chung cũng như về từng mặt của tập thể lớp và của từng học sinh. Sự phát triển của tập thể và của từng cá nhân đều có mối quan hệ qua lại với nhau. Qua đó, giáo viên chủ nhiệm phải hình dung một cách rõ ràng toàn bộ những mặt mạnh của lớp cũng như ở từng em như thế nào để phát huy, những khó khăn, tồn tại và phương hướng khắc phục chúng ra sao theo thời gian nhằm đảm bảo cho mọi hoạt động đều được thực hiện hướng về mục tiêu đã định.

Nội dung của bản kế hoạch chủ nhiệm lớp có thể được bao gồm những vấn đề cơ bản sau:

- Những đặc điểm chung của năm học, học kì của trường và của lớp;
- Những nhiệm vụ chung và mục tiêu phấn đấu của lớp cũng như mục tiêu - nhiệm vụ cụ thể phải đạt được bằng những chỉ số cụ thể;
- Những biện pháp, phương tiện - điều kiện cần thiết về vật chất, kĩ thuật, tài chính, nhân lực đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ cũng như thời gian thực hiện - hoàn thành, phân công người phụ trách từng mặt hoạt động giáo dục như học tập, lao động, văn thể, vệ sinh vui chơi, công ích xã hội, công tác lớp và các tổ chức Đoàn TNCS, Hội học sinh - sinh viên.

Trong văn bản kế hoạch chủ nhiệm, chúng ta cần xác định rõ chiến lược xây dựng lớp trong toàn năm học cũng như từng học kì, những đặc điểm cá biệt, danh sách và địa chỉ của học sinh, dự kiến những điều chỉnh về tổ chức, những thay đổi về nội dung hoạt động trước những biến động của hoàn cảnh để đảm bảo được những chỉ tiêu phấn đấu đã định. Người giáo viên chủ nhiệm phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trước phong trào của lớp mình, tăng cường rèn luyện để phát triển năng lực tổ chức, quản lí, giáo dục của mình, đảm bảo hoàn thành tốt nhất các yêu cầu của kế hoạch đã định nhằm đưa lớp mà mình phụ trách trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc trong toàn trường. Điều cơ bản mà chúng ta quan tâm là người giáo viên chủ nhiệm phải có được ảnh hưởng quyết định đối với sự phát triển của tập thể lớp. Tập thể lớp vững mạnh là một điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của từng học sinh. Năng lực tư duy quản lí của người giáo viên chủ nhiệm giữ vai trò quyết định đối với chất lượng và hiệu quả của

việc giải quyết những nhiệm vụ chủ nhiệm lớp, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo ở lớp mình.

5.2.3. Tiến hành xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm

a) Đặc điểm tình hình của lớp

- Đặc điểm giới tính, lứa tuổi và đặc điểm cá biệt.

- Tình hình hoạt động của lớp trong học tập, sinh hoạt, giáo dục toàn diện trong thời gian qua.

- Tình hình tổ chức, quản lí các hoạt động của lớp.

- Nhiệm vụ tổ chức hoạt động trong thời gian thực tập chủ nhiệm.

b) Nội dung hoạt động, chỉ tiêu phải đạt và phương hướng thực hiện theo thời gian xác định

- Nội dung chỉ đạo hoạt động học, chỉ tiêu phải đạt và phương hướng quản lí, thời gian thực hiện.

- Nội dung quản lí hoạt động giáo dục toàn diện, chỉ tiêu phải đạt và phương hướng chỉ đạo, thời gian thực hiện.

- Nội dung sinh hoạt lớp, chỉ tiêu phải đạt và phương hướng chỉ đạo, thời gian thực hiện.

c) Điều kiện đảm bảo

- Xây dựng tập thể, tổ chức hoạt động - quan hệ, tạo lập quan hệ với giáo viên, tổ chức Đoàn - Hội học sinh, đơn vị sản xuất và phụ huynh.

- Huy động nhân lực, vật lực, trí lực và tài lực cho hoạt động chủ nhiệm lớp.

- Tổ chức bộ máy cán bộ lớp - đoàn - hội và bồi dưỡng năng quản lí lớp cho các em.

HỌC PHẦN: THỰC TẬP SỰ PHẠM II

Bài 6: THỰC TẬP DẠY HỌC LÝ THUYẾT NGHỀ

6.1. Mục tiêu

Việc dạy học các bộ môn lý thuyết về kỹ thuật - nghề nghiệp có nhiệm vụ làm hình thành nên hệ thống tri thức cho học sinh. Tri thức kỹ thuật - nghề nghiệp được coi là tổng số các hiểu biết của loài người về kỹ thuật và nghề nghiệp. Tri thức được hiểu là sự tích hợp của các kiến thức lý luận và kỹ năng. Những tri thức này được tồn tại trong hệ thống các khái niệm mà chủ thể học tập sẽ phải lĩnh hội để giải quyết nhiệm vụ của các quá trình sự phạm kỹ thuật. Việc học tập tri thức lý luận về kỹ thuật - nghề nghiệp được coi là quá trình lĩnh hội hệ thống khái niệm cũng như kỹ năng mới của chủ thể. Sự hình thành nên bất kỳ một khái niệm kỹ thuật - nghề nghiệp mới nào ở chủ thể cũng phải được thực hiện khi dựa vào hoạt động tâm lý với hệ thống biểu tượng, khái niệm và thực hành của họ. Vì vậy, trình tự thực hiện nhiệm vụ dạy học các bộ môn kỹ thuật cũng như trật tự dạy học các chương, mục trong một môn học nhất định của quá trình đào tạo cũng sẽ được coi là nhân tố khách quan, quy định chất lượng và hiệu quả của việc lĩnh hội khái niệm của học sinh.

Trong học tập, việc nắm vững khái niệm của học sinh thường được biểu hiện ở các dấu hiệu cụ thể như sau: 1) Hiểu được các thuộc tính bản chất, các mối liên hệ có tính quy luật của đối tượng. Biết cách định nghĩa, giải thích và diễn đạt lại khái niệm bằng ngôn ngữ bản thân, khi thấu hiểu nội hàm và ngoại diên của nó. 2) Biết dùng khái niệm mới được lĩnh hội vào hệ thống khái niệm của môn học cũng như biết vận dụng nó một cách có hiệu quả để giải quyết các bài toán thực tiễn. Vì vậy, khi hình thành khái niệm kỹ thuật - nghề nghiệp, người giáo viên phải biết cách làm tốt nhưng công việc chuyên môn - sự phạm theo những yêu cầu tâm lý học sự phạm như sau: 1) Phải biết cách lựa chọn đối tượng học tập sao cho thật điển hình, phản ánh được đúng nội dung của chương trình đào tạo và sách giáo khoa kỹ thuật khi nêu ví dụ, chọn đồ dùng dạy học và có thí nghiệm sát hợp. Biết cách dùng lời giảng để hình thành các thành phần của khái niệm, biết dùng cách tổ chức các hành động tự nghiên cứu, thể nghiệm, độc lập làm thí nghiệm, quan sát, ứng dụng, luyện tập nhằm làm phát triển vững chắc thành phần thực hành cho học sinh; 2) Phải nắm vững được trình độ tư duy cũng như khả năng thực hiện các hành động và quan hệ của từng em, từng nhóm học sinh để dẫn dắt chúng biết cách tiến hành lĩnh hội khái niệm. Phải thấu hiểu được trình độ của tri

thức và khả năng hiện có của học sinh để hướng dẫn cho các em biết cách sử dụng vốn kinh nghiệm đã có vào việc nắm vững khái niệm mới theo đúng quy trình của các hành động định hướng, hành động vật chất - vật chất hóa, hành động đối tượng với lời nói to, hành động với lời nói thầm, hành động trí óc và hành động kiểm tra - đánh giá - hiệu chỉnh; 3) Phải biết cách chọn lọc các bài luyện tập cũng như biết cách tổ chức, chỉ đạo học sinh tiến hành giải quyết các nhiệm vụ vận dụng khái niệm vào thực tiễn kỹ thuật - nghề nghiệp cho phù hợp với yêu cầu của từng thời kỳ học tập và trình độ của các em nhằm làm cho chúng hiểu sâu, nhớ lâu và biết cách thực hiện đúng thao tác. Phải biết cách dùng phương pháp dạy học nêu vấn đề để phát triển năng lực tư duy sáng tạo cũng như dạy học chương trình hóa mà làm hình thành nên khả năng hành động và ôn tập - củng cố nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của trí nhớ kỹ thuật ở các em. Trong dạy học kỹ thuật - nghề nghiệp, giáo viên cần phải biết cách quan tâm bồi dưỡng động cơ, hứng thú, tâm thế ghi nhớ tài liệu học tập, tổ chức cho học sinh tiếp xúc với đối tượng - công cụ - quá trình kỹ thuật bằng tất cả mọi giác quan với sự chăm chú cũng như tích cực tư duy cao độ, chỉ đạo cho các em tiến hành ôn tập một cách hợp lý, theo các phương cách cụ thể như ôn có đề cương, ôn tích cực, kịp thời, tự giác, hăng say bằng tất cả các thao tác đối tượng cảm tính, thao tác trí óc, ôn xen kẽ chứ không tập trung và ôn luyện trong mọi thời gian - không gian của hoạt động, cuộc sống, quan hệ của mình. Trong các quá trình sư phạm kỹ thuật, người giáo viên phải dựa vào lý luận dạy học để đổi mới hoạt động tư duy sư phạm của mình nhằm xác định được đúng nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học, tạo tiền đề tâm lý cần thiết cho việc hình thành khái niệm kỹ thuật, tiến hành dạy không biết mỏi cũng như làm cho học sinh học không biết chán.

Trong các quá trình sư phạm kỹ thuật nghề nghiệp, việc xác định nội dung dạy học và cách thức tổ chức truyền đạt nó được coi là nhân tố khách quan, quy định nội dung của hứng thú học tập của học sinh. Những nội dung học tập mới, đảm bảo tính khái quát, hiện đại và khoa học cũng như phương pháp học tập được thực hiện tuân thủ đúng các yêu cầu tâm lý - giáo dục có khả năng tạo ra hứng thú học tập ở học sinh. Vì vậy, người giáo viên cần phải quan tâm đến việc đổi mới hoạt động tư duy sư phạm kỹ thuật khi xác định nội dung cũng như phương pháp dạy học và tiến hành chuẩn bị chu đáo về tâm thế, phương tiện kỹ thuật - đồ dùng trực quan cho việc thực hiện nhiệm vụ dạy. Sau khi đã xác định rõ nội dung dạy học, người giáo viên phải biết nỗ lực tư duy

để tìm kiếm cho bằng được các phương pháp cho phù hợp. Mỗi một nội dung được đem ra dạy học đều có phương pháp tương ứng. Phương pháp được coi như là sự vận động của nội dung. Bằng trí tuệ, tình cảm, ý chí và nhân cách của mình, người giáo viên phải nỗ lực tư duy để xác định cho bằng được các phương pháp mà mình phải dùng khi trình bày mỗi một đơn vị tri thức kỹ thuật - nghề nghiệp. Trong khi thực hiện các nhiệm vụ dạy học, người ta thường sử dụng hệ các phương pháp có tính chất truyền thống và phương pháp hiện đại để truyền đạt tri thức kỹ thuật, công nghệ học, tổ chức sản xuất theo phương thức thầy thiết kế - trò thi công bài học.

Thời gian trong dạy học có liên quan đến hoạt động tâm lý của học sinh và ảnh hưởng đến kết quả lĩnh hội của nó. Cùng một nội dung dạy học, những học sinh khác nhau cần phải có thời gian học khác nhau. Trong thực tế, ta thấy có những biểu hiện sau: 1) Có những học sinh tiếp thu nội dung bài nhanh nhưng mau quên, ngược lại, có những em tuy tiếp thu kiến thức chậm mà lại ghi nhớ tốt, dễ tái hiện được những đơn vị kiến thức đã học; 2) Có những em cần ít thời gian học bài mà lại cần nhiều thời gian cho việc giải bài tập; 3) Có những em cần nhiều thời gian cho việc thực hành, luyện tập sản xuất ở xưởng. Ngược lại, có em lại cần nhiều thời gian để học lý thuyết, nghiên cứu tại thư viện và trao đổi - thảo luận - tự ôn tập .v.v... Vì vậy, trong khi thực thi nhiệm vụ dạy học, chúng ta cần chú ý đến sự khác biệt này mà bố trí thời gian cho hợp lý, xây dựng thời khóa biểu cho khoa học, tổ chức các hoạt động học lý thuyết - thực hành, luyện tập, ôn tập, thảo luận, tự nghiên cứu, tham quan sản xuất, một cách hợp lý, có hiệu quả và được điều khiển theo mục tiêu của dạy học.

Sau bài học giáo sinh cần đạt được:

- Soạn được giáo án lý thuyết nghề;
- Biết chuẩn bị phương tiện dạy học phù hợp với nội dung;
- Sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học;
- Dự kiến thời gian hợp lý cho từng nội dung;
- Thực hiện tốt các bước lý luận dạy học của bài học;
- Biết cách trình bày bảng, bao quát lớp, tổ chức giờ giảng có hiệu quả.

Bằng nhận thức, tình cảm, ý chí và nhân cách của mình giáo sinh tiến hành thiết kế bài giảng lý thuyết. Một giáo án lý thuyết phải đảm bảo được hình thức của nó như tên bài học, ngày soạn - ngày dạy, mục tiêu về kiến thức - kỹ năng - thái độ - tư tưởng - tình cảm, sự chuẩn bị của thầy - trò cho bài học, các bước lên lớp như ổn định tổ

chức - kiểm tra bài cũ - giảng bài mới - hệ thống hóa kiến thức toàn bài - củng cố - dặn dò - hướng dẫn học sinh về học bài, làm bài và rút kinh nghiệm sau khi dạy. Bằng tư duy khoa học kỹ thuật và tư duy sư phạm kỹ thuật, người giáo sinh phải biết căn cứ vào nội dung chương trình, sách giáo khoa - tài liệu tham khảo, tư tưởng chỉ đạo chuyên môn của lãnh đạo, đặc điểm của cơ sở vật chất - máy móc - thiết bị hiện có, nhu cầu đào tạo của thị trường lao động, thực tế của nền sản xuất kỹ thuật - nghề nghiệp, đặc điểm tâm - sinh lý của học sinh mà tiến hành xác định rõ nội dung dạy, phương pháp dạy của thầy - phương pháp học của trò, thời gian dạy và thiết bị - phương tiện dùng để dạy cho từng đơn vị kiến thức kỹ thuật.

6.2. Nội dung thực hiện

6.2.1. Soạn giáo án

a) Nhận bài, nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo

Sau khi được giáo viên hướng dẫn giao bài, người giáo sinh phải nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu kinh nghiệm giảng dạy. Nghiên cứu giáo trình môn học và các tài liệu như tài liệu tham khảo về chuyên môn kỹ thuật về những vấn đề mới xuất hiện thông qua các báo chí, các tạp chí, truy cập trên mạng máy tính và qua thông tin đại chúng nói chung. Nghiên cứu những kinh nghiệm được rút ra từ thực tế giảng dạy. Việc nghiên cứu các tài liệu đó giúp cho giáo sinh nắm được hệ thống những kiến thức quy định trong chương trình môn học và những kiến thức mới cùng những kinh nghiệm cần thiết, trên cơ sở đó tiến hành soạn ra được đề cương bài giảng.

b) Soạn giáo án và viết đề cương bài giảng

1) Quy trình soạn giáo án

Việc xác định mục tiêu học tập nên đi theo các bước nhỏ sau đây: 1) Nghiên cứu chương trình và kế hoạch của chương; Xem xét lại một lần nữa mục tiêu và nội dung của chương và vị trí của tiết học trong chương; Tìm ý nghĩa của tiết học đối với các phần sau của chương trình; 2) Phân tích tình trạng của lớp học sinh. Cần đánh giá một cách khách quan, nghiêm túc tình trạng phát triển hiện tại của kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và tư tưởng - hành vi của học sinh trong lớp sẽ dạy, so sánh trình độ của học sinh về các mặt đó với mục tiêu của chương trình, của tiết học, chú ý đến tính vừa sức để soạn giảng cho hợp lý; 3) Xác định khối lượng chuyên môn. Chương trình, kế hoạch của chương và sách giáo khoa đã quy định rõ khối lượng các đơn vị tri thức chuyên môn của bài học trên những nét chung. Cần căn cứ vào tình trạng của lớp học sinh mà

xem xét lại, xác định dứt khoát lần cuối cùng khối lượng kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo chuyên môn, kể cả những kiến thức cơ bản đã học mà trong bài học này phải tái hiện để hiểu bài mới - kiến thức điểm tựa; 4) Phát biểu cụ thể và chi tiết mục tiêu của bài học.

Có ba mặt phải quy định rõ là phạm vi kiến thức, trình độ kỹ năng và thái độ phải đạt được sau khi dạy học. Về kiến thức phải nêu các sự kiện, khái niệm, định luật, học thuyết, cách ứng dụng, các phương pháp khoa học, các phương pháp và thủ thuật hoạt động trí tuệ khi lĩnh hội tài liệu giáo khoa, tài liệu tham khảo về chuyên môn. Về kỹ năng phải nêu rõ sự tiếp thu, mô tả, gia công, ghi nhớ, vận dụng những kiến thức khoa học, sự sử dụng tự giác, thành thạo những thủ thuật của công tác thực nghiệm kể cả những kỹ năng - kỹ xảo về bài tập. Về thái độ nêu ra những yêu cầu cụ thể về những phẩm chất của tư tưởng và hành vi để góp phần vào việc hình thành hành vi đúng đắn của thế giới quan và nhân sinh quan Mác – Lênin.

Việc xác định nội dung dạy học là một vấn đề rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với nội dung của giáo án. Vấn đề này được thực hiện thông qua năm việc sau: 1) Nghiên cứu tài liệu chuyên môn. Cần xem xét lại và làm mới mẽ những kiến thức chuyên môn của bản thân nhờ việc đọc các tài liệu chuyên khảo mới nhất có liên quan đến nội dung bài học; 2) Nghiên cứu sách giáo khoa. Giáo sinh tiến hành tìm hiểu sâu nội dung của sách giáo khoa, chuẩn bị sử dụng nó một cách sáng tạo như một phương tiện dạy học quan trọng; 3) Nghiên cứu các tài liệu tham khảo khác như sách hướng dẫn giảng dạy, các tạp chí về lý luận dạy học bộ môn, các sách tổng kết kinh nghiệm giảng dạy v.v... Ở đây, giáo sinh có thể tìm thấy những gợi ý, những chỉ dẫn kích thích cho sự suy nghĩ của mình về mặt tổ chức - phương pháp dạy học; 4) Phân chia tài liệu giảng dạy. Tài liệu giảng dạy cần phải được chia thành những tổ hợp kiến thức tức ra đơn vị hoặc vùng kiến thức. Trong bản chương trình bộ môn đôi khi cũng có ghi những đầu đề của các đơn vị kiến thức nhưng cũng có khi những đoạn này còn quá lớn mà trong một bài học, ta còn phải chia nhỏ hơn nữa. Những tổ hợp kiến thức này có tác dụng làm nền tảng cho việc xây dựng cấu trúc của bài như tình huống dạy học, bước cơ bản, các bước hỗ trợ của bài học, trình tự sắp xếp các bước lên lớp. Mục tiêu dạy học chung của tiết cũng sẽ được chia thành những mục tiêu bộ phận, ứng với từng bước của lý luận dạy học; 5) Tiến hành các biện pháp bảo đảm được những điều kiện - vật chất cho sự dạy học. Ngay khi nghiên cứu nội dung dạy học, phải nghĩ ngay tới các

biện pháp bảo đảm các phương tiện dạy học quan trọng mà nhất là để tiến hành thí nghiệm phải kiểm tra phải làm thử các thí nghiệm sẽ đưa vào tiết học.

Việc lựa chọn PPDH để trình bày cho từng đơn vị kiến thức là rất quan trọng. Phải căn cứ vào nội dung, trình độ tâm lý của học sinh và phương tiện mà lựa chọn PPDH. Muốn dự kiến đúng các phương pháp và phương tiện dạy học phải căn cứ vào Đặc tính nội dung, khả năng lĩnh hội của học sinh và cơ sở vật chất của dạy học. Nói chung, ở đây cũng không thể có một công thức chung nào có thể hướng dẫn việc tiến hành chọn phương pháp và phương tiện dạy học cho người giáo viên nhưng họ phải chú ý rằng việc lựa chọn phương pháp và phương tiện nào cũng phải làm cho học sinh có sự vận động tích cực ở bên trong để tự chiếm lĩnh lấy kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo. Mỗi một nội dung giảng dạy thường được dự kiến bằng một vài phương pháp và phương tiện đóng vai trò hỗ trợ, nhờ đó mà thể hiện phương pháp để minh họa. Để giảng dạy những nội dung mang tính chất trừu tượng thì người ta hay dùng phương pháp giảng diễn làm chủ đạo còn các phương pháp khác để hỗ trợ như giải thích, phân tích, so sánh, trực quan, minh họa. Khi giảng dạy những nội dung có tính chất cụ thể, trực quan, người ta dùng phương pháp giải thuật kết hợp với các phương pháp, phương tiện khác hỗ trợ. Sau khi xác định mục tiêu, nội dung dạy học và lựa chọn phương pháp, chủ thể tiến hành viết giáo án theo mẫu.

Về hình thức của sự chuẩn bị một kế hoạch bài học - giáo án này cho đến nay cũng không có một mẫu nào quy định cụ thể. Cấu trúc và hình thức của một mẫu giáo án lý thuyết khác với cấu trúc và mẫu giáo án thực hành. Nó cũng có thể thay đổi hình thức và cấu trúc theo các loại hình trường và nhóm nghề. Do đặc tính của nghề, người ta biên soạn giáo án có sự khác nhau về hình thức thể hiện.

2) Viết đề cương bài giảng

Đề cương bài giảng thể hiện rõ những nội dung của những đơn vị kiến thức cơ bản nhất của môn học do người giáo viên được phân công giảng dạy môn học đó biên soạn khi dựa vào những nội dung cơ bản nhất của chương trình môn học. Đề cương bài giảng được người giáo viên biên soạn là nhằm mục đích trình bày hết những nội dung cơ bản nhất của chương trình môn học cho người học và biên soạn nội dung dạy cho thích ứng với từng đối tượng dạy học. Khi biên soạn đề cương bài giảng, người giáo viên phải nỗ lực tư duy để gia công cách viết về kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cho tuân theo những nguyên tắc lý luận dạy học đảm bảo hiệu quả cao về nhận thức cho người đọc.

6.2.2. Chuẩn bị phương tiện dạy học

a) *Tìm hiểu về cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật và đồ dùng dạy học của nhà trường*

Để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học, người giáo viên cần phải chuẩn bị và tìm hiểu kỹ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật và đồ dùng dạy học xem mức độ đầy đủ, chất lượng ra sao? Tiến hành nghiên cứu xem xét các phòng học, tìm hiểu thực chất số lượng cũng như chất lượng của các trang thiết bị phục vụ dạy học như máy chiếu, video, thiết bị thực nghiệm, bảng biểu, mô hình máy, dụng cụ nghe – nhìn, tranh ảnh, bản vẽ; xác định diện tích phòng, việc bố trí bàn ghế. Phương tiện dạy học là một trong những nhân tố của quá trình dạy học (QTDH) có tác dụng quyết định tới kết quả của hoạt động dạy học. Yếu tố phương tiện được chúng ta quan tâm ở góc độ cách thức làm như thế nào và làm bằng gì? Với ý nghĩa đó, PTDH là các vật mang tin được sử dụng trong dạy học nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình này. PTDH là công cụ để thực hiện nhiệm vụ của hoạt động dạy và học, giúp cho người dạy và người học tác động đến đối tượng nghiên cứu nhằm nhận thức được bản chất của nó để tạo nên sự phát triển những phẩm chất nhân cách của người học.

PTDH bao gồm một tập hợp đối tượng vật chất mà được giáo viên sử dụng với tư cách là phương tiện điều khiển hoạt động nhận thức của người học còn đối với học sinh nó là nguồn cung cấp tri thức cần lĩnh hội, thứ để tạo ra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và phục vụ mục đích giáo dục. Phương tiện kỹ thuật dạy học được hiểu là những phương tiện kỹ thuật khác nhau giúp cho học viên lĩnh hội được thông tin học tập một cách sâu sắc hơn, giúp họ phát triển kỹ năng, kỹ xảo đồng thời chúng là các phương tiện kỹ thuật. PTKTDH là tập hợp các khách thể đã được vật chất hóa, mô hình hóa nội dung của đối tượng dạy học bởi công nghệ mới đóng vai trò phụ trợ để thực hiện mục đích, nhiệm vụ và nội dung của quá trình dạy học.

Các loại thông tin có thể có được từ PTDH như: 1) Cấu tạo của sự vật hiện tượng như hình dáng, kích thước (qua vật thật, mô hình cắt bỏ, hình vẽ sơ đồ...); 2) Mối liên hệ của các yếu tố, bộ phận của sự vật, hiện tượng (qua mô phỏng về các quá trình vận động của sự vật, hiện tượng); 3) Phản ánh sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng (qua phim ảnh, video). Nhìn chung, các PTDH có tác dụng cung cấp một khối lượng lớn các thông tin từ cụ thể đến trừu tượng cho phép sự nhận thức diễn ra hiệu quả phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ dạy học. Các kênh tạo biểu tượng cơ bản trong nhận

thức là: Kênh tiếng, kênh hình, loại kênh hỗn hợp (qua cảm giác xúc giác, cảm nắm). PTDH phải phát huy hiệu quả các kênh này, phải làm cho quá trình dạy học Diễn ra thuận lợi , hiệu quả hơn, gây được ở học sinh hứng thú khi nhìn thấy hoặc trực tiếp tiếp xúc với PTDH. Các cảm xúc, ấn tượng được hình thành trong học sinh do tác động của PTDH sẽ tăng cường độ tin cậy các thông tin cần lĩnh hội. Nhờ các PTDH mà các thời kỳ nhận thức từ cảm giác, tri giác tới tư duy, tưởng tượng được rút ngắn. Trực quan là nhân tố quan trọng phải được coi như nguyên tắc vàng trong nhận thức như Comenski-Nhà giáo dục Tiệp Khắc đã khẳng định: Cái gì nghe được thì cho nghe, cái gì nhìn được thì cho nhìn. PTDH góp phần tích cực giải phóng sức lao động của thầy và trò, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học. PTDH cung cấp cho học sinh các kiến thức chính xác và chắc chắn về các quá trình diễn biến phức tạp và trừu tượng của hiện thực mà bình thường chỉ với ngôn ngữ, giáo viên khó có thể nào diễn tả cho học sinh hiểu được. PTDH đã kích thích và tích cực hóa các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp..., làm cho năng lực tư duy trừu tượng được phát triển mạnh mẽ hơn. Khi sử dụng PTDH, lao động của người giáo viên được giảm nhẹ, tạo điều kiện cho giáo viên có thời gian tiến hành phân tích các vấn đề đặt ra trong bài dạy và huy động được sự tham gia trực tiếp của học sinh vào việc phát hiện và lĩnh hội các tri thức mới. Đối với học sinh, được thao tác với PTDH là cơ sở tiện lợi làm giảm thiểu sự đầu tư về sức lực và thời gian khi tiếp cận, lĩnh hội các tri thức mới.

Với một số PTDH mới - PTKTDH còn có tác dụng làm thỏa mãn nhu cầu hiểu biết và say mê học tập của học sinh. Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật cũng như công nghệ thông tin có rất nhiều PTKTDH học mới như máy vi tính và sự kết nối máy tính, máy chiếu qua đầu, máy chiếu đa năng, máy chiếu phim dương bản, máy chiếu giấy thường, bảng điện tử, video, truyền hình dạy học vv... Do đặc điểm của PTDH này thể hiện ở tính chất kỹ thuật, tính năng sử dụng rộng rãi, tính mới mẻ và khi sử dụng phải tuân thủ các nguyên tắc kỹ thuật nhất định nên dễ hấp dẫn sự chú ý, sự tò mò ham hiểu biết của học sinh. PTDH này phản ánh được các vấn đề trừu tượng nên gây được sự hấp dẫn của dạy học hiện nay. Dùng truyền hình dạy học và Internet cho phép mở rộng qui mô đào tạo nhằm đáp ứng được nhu cầu học tập của cộng đồng. Sự tiến bộ của kỹ thuật và chất lượng giáo viên đã nâng lên cho phép hoạt động dạy và học tiếp cận được với các PTDH loại này. Bản thân yêu cầu phát triển của dạy học (về nội dung và nhiệm vụ) cũng luôn đòi hỏi giáo viên phải biết vận dụng tích

cực và có hiệu quả các PTKTDH này. PTDH mới phản ánh được tính đa dạng, phức tạp của sự vật, hiện tượng đã giúp cho người học có nhiều cơ hội phát triển được khả năng nhận thức và thỏa mãn nhu cầu hiểu biết, sự say mê học tập. PTDH mới có tác dụng kích thích hoạt động tự học, làm cơ sở trực quan cho việc biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Ưu thế này khó có được từ các phương tiện dạy học truyền thống.

PTDH được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật của hoạt động dạy mà nhờ vào đó, người giáo viên có thể cung cấp cho học sinh một lượng thông tin phong phú đa dạng về nội dung dạy học, đồng thời nó góp phần thực hiện các yêu cầu sư phạm như phát triển được các năng lực nhận thức, khả năng hoạt động thực tiễn và giáo dục những phẩm chất nhân cách cần thiết. PTDH giúp cho giáo viên có thể truyền đạt được lượng thông tin lớn trong thời gian ngắn. Nhờ các PTDH mà sức lao động của giáo viên được giảm nhẹ. Nhờ các PTDH, giáo viên có được nhiều điều kiện vật chất kỹ thuật cần thiết để vận dụng tích cực và hiệu quả các PPDH tiên tiến.

PTDH được coi là công cụ của hoạt động học. Dựa trên sự quan sát và sử dụng các PTDH, học sinh mới nhận được các thông tin khoa học cần thiết ở giai đoạn cảm tính và lý tính trong quá trình nhận thức. PTDH tạo ra điều kiện vật chất kỹ thuật cần thiết giúp cho học sinh chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo một cách dễ dàng. PTDH không chỉ có tác dụng xây dựng biểu tượng, phương thức hành động mà PTDH còn tham gia vào việc kiểm tra, kiểm soát, đánh giá quá trình và kết quả hành động vì thế người học có thể điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp với kế hoạch và chương trình hoạt động đã định trước. Nhờ PTDH mà hoạt động học trở nên đa dạng và hấp dẫn hơn, tạo nên sự say mê, hứng thú học tập của học sinh. PTDH có tác dụng giúp cho học sinh nhớ lâu các kiến thức đã học. Các ấn tượng được tạo lập về thông tin của các sự vật, hiện tượng trong hiện thực thông qua PTDH được khắc sâu trong trí nhớ người học.

b) Lên kế hoạch chế tạo và sử dụng PTDH

Việc chế tạo PTDH cần thiết cho bài giảng là một vấn đề quan trọng, góp phần quy định chất lượng và hiệu quả của bài học. Để lĩnh hội và truyền đạt nội dung tri thức về những hiện tượng, quá trình của thực tế, những phương thức hành động với chúng, người ta chọn con đường biểu diễn - bắt chước hay làm mẫu - bắt chước. Dạng cụ thể của con đường đó mà ta thường gặp trong thực tiễn dạy học là phương pháp biểu diễn

bởi giáo viên khi dùng các phương tiện dạy học. Phương tiện dạy học bao gồm mọi thiết bị kỹ thuật đơn giản đến phức tạp được dùng trong quá trình dạy học để làm tăng tính cụ thể cho sự truyền đạt và sự lĩnh hội các đơn vị kiến.

- Các PTDH dạy học hai chiều

+ Bảng

• Bảng dạy học: Bảng dạy học là phương tiện hỗ trợ cho giáo viên trong quá trình truyền tin cho học sinh. Bảng dạy học được sử dụng để trình bày nội dung sơ lược hoặc cơ bản bài giảng bằng ngôn ngữ viết và hình vẽ. Bảng dạy học là PT đặc biệt cần thiết để dạy ngôn ngữ, khoa học cơ bản, kỹ thuật cũng như các đề tài khác. Ngày nay khi giáo viên có thể sử dụng nhiều loại PTDH khác nhau như máy chiếu qua đầu, máy tính, tivi, phim slide... thì bảng dạy học vẫn được sử dụng rộng rãi trong lớp học, phòng diễn thuyết và các phòng thí nghiệm.

Sử dụng bảng dạy học có nhiều ưu điểm. Bảng dạy học tạo điều kiện cho giáo viên trình bày nội dung, vẽ hình biểu diễn và nêu trọng tâm của bài giảng cũng như nhấn mạnh đến các đặc điểm cần ghi nhớ của vấn đề trình bày mà các PT khác không đáp ứng được. Giáo viên biết sử dụng bảng dạy học một cách nghệ thuật sẽ làm cho bài giảng sinh động và giúp cho học sinh dễ tiếp thu nội dung.

Các loại bảng sử dụng trong dạy học

1) Bảng viết phấn truyền thống là loại bảng được làm bằng gỗ hay ván ép. Màu sơn theo truyền thống là màu đen không bóng. Để tránh gây cảm giác nặng nề, ngày nay người ta đã dùng nhiều màu sắc khác nhau.

2) Bảng kính là loại bảng có bề mặt viết phấn là một lớp kính trong suốt. Phía dưới lớp kính là lớp vải nỉ đệm, màu sắc của tấm vải nỉ đệm được chọn tùy thuộc vào yêu cầu của lớp học. Ngày nay, người ta sử dụng bảng từ cùng với bảng kính ở các trường học. Bảng từ dễ viết đẹp, có thể kẻ những đường kẻ mờ làm điểm tựa cho giáo viên tập viết bảng đồng thời có thể treo bản in dễ dàng.

3) Bảng viết bút dạ là loại bảng được làm bằng Plastic hoặc bằng Formica. Do viết bằng bút dạ mực nước nên chữ viết và hình vẽ trên bảng có màu sắc tươi và rõ nét tạo cho học sinh quan sát dễ dàng. Tuy nhiên cũng đòi hỏi người giáo viên phải viết cẩn thận và rèn chữ viết của mình rất nhiều.

4) Bảng gấp là loại bảng được cấu tạo gồm ba tấm: Tấm lớn cố định và hai tấm gấp có kích thước bằng nửa tấm cố định. Với bảng gấp, giáo viên có nhiều diện tích để trình bày những vấn đề phức tạp

5) Bảng gấp di động lên xuống là loại bảng được thiết kế để có thể di động ngang tầm tay viết mà giáo viên không phải với cũng như không phải cúi. Khi cần có thể dịch chuyển bảng để chiếu phim slide hay phim trong nếu bảng gấp được thiết kế kèm thêm màn ảnh.

6) Bảng cuộn được kết cấu bằng một băng vòng rộng theo chiều rộng của bảng và được lồng căng vào 2 Puly để di chuyển. Bề mặt viết của bảng phủ một lớp nhựa mịn. Bảng được viết bằng bút dạ.

7) Bảng điện tử là loại bảng được thiết kế như bảng cuộn và dùng bút dạ để viết nhưng có thêm chức năng in ấn. Khi giáo viên cần cung cấp cho học sinh những thông tin được ghi trên bảng như bảng biểu, sơ đồ thì một bộ phận sẽ thực hiện yêu cầu đó.

Một số qui tắc sử dụng bảng

Không nên viết quá nhiều vấn đề trên bảng, chỉ nên trình bày những điểm quan trọng để làm rõ các nội dung cốt lõi của bài giảng. Giáo viên cần có dự định về nội dung, vị trí các vấn đề ghi trên bảng. Bố cục nội dung trên bảng phải phù hợp với giáo án. Khi sử dụng bảng cần kiểm tra điều kiện ánh sáng, tránh ánh sáng dội vào bảng gây lóa mắt. Ngôn ngữ viết trên bảng phải là ngôn ngữ ngắn gọn, dễ hiểu, giàu hình tượng và phản ánh chính xác đối tượng. Chữ viết trên bảng đảm bảo đủ độ lớn để học sinh ngồi cuối lớp học vẫn nhìn được rõ. Khi viết và vẽ trên bảng phải tính đến việc sử dụng các dụng cụ viết vẽ cho phù hợp như phấn màu, thước, compa..., sao cho thời gian viết vẽ ít nhất mà vẫn đảm bảo tính chính xác của đối tượng. Các nội dung không liên quan đến cấu trúc logic của giáo án bảng thì khi viết vẽ và giảng giải xong phải xóa đi để tránh gây phân tán chú ý của học sinh. Trong lúc viết và vẽ, lời nói của giáo viên luôn giữ đúng nhịp với sự xuất hiện của nó trên bảng.

Xu hướng trong sử dụng bảng dạy học hiện nay

Trong dạy học ngày nay, loại bảng được sử dụng nhiều là loại bảng ít gây bụi, dễ sử dụng và đảm bảo tính đa năng như các loại bảng Plastic, Formica, bảng kính, bảng gấp vv.. Bảng dùng phấn nền kết hợp với máy chiếu được sử dụng ngày càng rộng rãi hơn. Bảng màu sáng với cấu trúc gọn nhẹ, an toàn sẽ được sử dụng ngày càng nhiều.

Bảng dùng chất liệu chế biến công nghiệp sẽ thay thế dần loại bảng dùng với chất liệu gỗ viết phấn.

+ Tranh - ảnh, sơ đồ và bản vẽ kỹ thuật

• Tranh - ảnh dạy học

Tranh - ảnh dạy học là sự thể hiện trực quan với màu sắc phong phú các đối tượng nghiên cứu. Tranh ảnh dạy học gồm những hình ảnh về đối tượng được vẽ lại, chụp lại để làm PTDH. Các đối tượng này được sử dụng phổ biến ở nhiều loại trường khác nhau với số lượng lớn. Lượng tin bằng hình ảnh, đồ họa, sơ đồ hoặc từng phần bài giảng được truyền đạt qua tranh ảnh dạy học. Tranh ảnh trong dạy học dùng để tra cứu, hướng dẫn công nghệ. Với những tranh ảnh đóng thành từng bộ có thuyết minh tỉ mỉ cho từng tranh có thể tổ chức cho học sinh tự học các vấn đề lý thuyết và thực hành ngoài giờ giảng của giáo viên. Màu sắc có ý nghĩa lớn đối với việc truyền đạt nội dung. Nhờ màu sắc mà giáo viên có thể nhấn mạnh đặc trưng của vật thể hoặc sự tương phản giữa các yếu tố riêng rẽ của hình ảnh. Tranh ảnh dạy học tạo điều kiện cho việc tổ chức việc thảo luận tập thể; cho phép cả lớp trao đổi nội dung bài học dưới dạng tình huống nêu vấn đề. Tranh ảnh dạy học cho phép giáo viên tiết kiệm thời gian trên lớp nhờ đó mà giáo viên có thể truyền đạt nhanh nội dung dạy học. Nhờ có tranh ảnh dạy học mà giáo viên có thể truyền đạt lượng tin về những đối tượng hoặc quá trình khó quan sát trực tiếp. Kích thước của tranh ảnh dạy học thường không lớn quá khổ A₀. Tranh ảnh dạy học có thể treo khi giảng bài hoặc có thể treo cố định trong lớp học. Lựa chọn nội dung tài liệu để thể hiện bằng tranh ảnh. Tranh ảnh dạy học có thể có nhiều đường nét phức tạp chứa đựng nhiều nội dung có liên quan mật thiết với nhau. Không dùng tranh ảnh khi có thể dùng hình vẽ trên bảng. Lựa chọn màu sắc thích hợp và nêu bật được các đặc trưng hay bộ phận cần nhấn mạnh. Đáp ứng yêu cầu về tâm sinh lý của người sử dụng và của học sinh.

• Sơ đồ

Sơ đồ biểu diễn những bộ phận, yếu tố của một đối tượng hoặc quá trình bằng các ký hiệu quy ước. Sơ đồ là sự biểu hiện khái quát đối tượng nên có khả năng phát triển tư duy của học sinh khi lĩnh hội tri thức. Trong dạy học kỹ thuật người ta thường sử dụng sơ đồ cấu tạo, sơ đồ nguyên lý, sơ đồ động.

• Bản vẽ kỹ thuật

Được thực hiện bằng các phương pháp biểu diễn chính xác. Nó thể hiện một cách đúng đắn hình dạng và kích thước đối tượng theo những quy tắc đã được quy định thống nhất bằng những tiêu chuẩn của bản vẽ kỹ thuật.

- Phiếu hướng dẫn và phiếu công nghệ

Phiếu hướng dẫn là bản hướng dẫn học sinh thực hiện các bài tập một cách độc lập. Phiếu công nghệ là bản hướng dẫn học sinh thực hiện độc lập các bước công nghệ khi vận hành một dây chuyền công nghệ hoặc gia công một sản phẩm nhất định. Là PTDH có tính sư phạm cao, các phiếu hướng dẫn và phiếu công nghệ có tác dụng tạo điều kiện cho học sinh phát huy năng lực cá nhân đồng thời giúp cho giáo viên quản lý được chất lượng và đánh giá học sinh một cách nhanh chóng. Loại phiếu này được sử dụng ở giai đoạn cuối của quá trình thực tập nâng cao tại các xưởng trường hay xí nghiệp và phù hợp với điều kiện một lớp thực tập nhiều sản phẩm khác nhau. Trong quá trình đào tạo nghề, loại phiếu này được sử dụng trong dạy thực hành.

Yêu cầu khi sử dụng: 1) Tùy theo nội dung bài dạy thực hành mà xác định nên sử dụng phiếu hướng dẫn hay phiếu công nghệ; 2) Khi lập phiếu phải xét đến các điều kiện, các yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động cho người, thiết bị kỹ thuật và tuân theo các chế độ công nghệ; 3) Khi lập phiếu phải đảm bảo cho học sinh có khả năng tự kiểm tra, uốn nắn hành động, kiểm tra nhận thức và chất lượng công việc; 4) Các hình vẽ sơ đồ trong phiếu phải theo quy ước và khả năng định hướng hành động cho học sinh

- Sách giáo khoa, tuyển tập các bài tập, sách tra cứu và sách khoa học. Các loại tài liệu này được sử dụng trong quá trình dạy học cho giáo viên và cho quá trình lĩnh hội tri thức của học sinh.

- Phương tiện ba chiều

- + Vật thật

Vật thật bao gồm những máy móc, bộ phận chi tiết thật có thể làm việc trong thực tế sản xuất. Nó được coi là phương tiện thông tin có khả năng thực hiện một cách dễ hiểu hơn trong bước chuyển tiếp từ hình ảnh cụ thể tới tư duy trừu tượng. Có thể liệt kê vào loại PTDH này các thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị của xưởng trường, vật liệu mẫu các chi tiết riêng biệt, bộ sưu tập khoáng sản, quặng mỏ, bộ mẫu thực vật.... Các vật thật có thể được giữ nguyên hoặc cắt bỏ tùy theo yêu cầu của nội dung dạy học. Đặc trưng cơ bản của loại PTDH này là xác thực và nguyên bản. Nó đem đến cho

học sinh biểu tượng đúng đắn và sinh động về đối tượng học tập, tạo cho học sinh niềm say mê và hứng thú trong học tập. Tuy nhiên cũng có nhược điểm là: Khó bảo quản và đòi hỏi kinh phí bảo quản lớn. Với đối tượng không phù hợp ngưỡng quan sát (Quá to hoặc quá nhỏ) thì không dùng vật thật được. Vật thật cũng chỉ giới hạn được hiểu biết bên ngoài mà không phản ánh được dấu hiệu và các mối liên hệ bên trong của sự vật, hiện tượng.

Vật thật được sử dụng vào trong quá trình dạy học với danh nghĩa là các PT chung hoặc cá biệt tùy theo công dụng của chúng: 1) Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, các vật thật chỉ được sử dụng khi không thể truyền đạt bằng các loại PTDH khác. Ví dụ muốn cho học sinh nhận biết độ bóng gia công bề mặt chi tiết mà không cho học sinh quan sát vật thật thì không thể có biểu tượng cụ thể về nó được; 2) Với vật thật có kích thước và khối lượng quá lớn nên thực hiện hình thức tham quan và ngược lại với những vật có kích thước quá nhỏ thì phải dùng mô hình hoặc tranh ảnh hoặc hình thức khác để giảng dạy; 3) Trong dạy thực hành, vật thật được sử dụng như là vật định hướng cho hoạt động luyện tập của học sinh và giúp giáo viên điều chỉnh hoạt động luyện tập của học sinh; 4) Trong dạy nghề, vật thật là phương tiện cơ bản trong việc định hướng quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo, giúp học sinh luyện tập và đánh giá được kết quả luyện tập đó của mình; 5) Vật thật có thể sử dụng với danh nghĩa là nguồn thông tin không chỉ trong quá trình diễn giải tài liệu mà cả trong việc kiểm tra kiến thức, khiếu thẩm mỹ và thế giới quan của học sinh; 6) Để giúp học sinh quan sát được đối tượng học tập một cách tốt nhất, trong quá trình dạy học, vật thật còn được cất bỏ theo nội dung và chương trình giảng dạy. Để làm PTDH loại này người ta không chỉ cất bỏ các thiết bị máy móc cũ mà còn thực hiện trên cả các thiết bị máy móc tiên tiến; 7) Các vật thật có thể được bố trí theo một trình tự nhất định theo trên mặt phẳng. Thuộc loại này có thể là mẫu của các chi tiết riêng bố trí theo trình tự công việc, mẫu vật giải thích trình tự gia công ...

Yêu cầu khi sử dụng: 1) Vật thật được lựa chọn sử dụng phải thật điển hình, đặc trưng cho nội dung giảng dạy cả lý thuyết cũng như thực hành. Vật thật bao gồm các sản phẩm từ khâu sơ chế đến thành phẩm. Ví dụ trong dạy các nghề thuộc lĩnh vực cơ khí bao gồm: Phôi => Gia công thô ==> Gia công tinh; 2) Các vật thật được cất bỏ phải tôn trọng màu sắc của nguyên mẫu, chỉ nên sơn ở các mặt cắt hoặc các bộ phận, chi tiết mà học sinh phải chú trọng trong quá trình lĩnh hội tri thức. Các giá đỡ hoặc

các bộ phận phụ kèm theo nên có màu sắc mờ nhạt làm nền cho vật thật nổi bật nhằm tập trung chú ý của học sinh; 3) Vật thật nên được lựa chọn từ các sản phẩm tiên tiến từ các cơ sở sản xuất; 4) Danh mục các vật thật được sử dụng trong hệ thống đào tạo nghề là rất lớn và chúng là phương tiện cơ bản để hình thành kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp của học sinh. Việc dạy học bằng các vật thật có giá trị ở chỗ nó giúp cho việc đào tạo học sinh bước vào công việc sản xuất thực tế dễ dàng và làm việc sớm thành thạo.

+ Mô hình

Mô hình là PTDH hình khối phản ánh tính chất, cấu tạo cơ bản, chức năng hóa mối quan hệ mật thiết với vật thật, thường thay đổi về tỷ lệ và chế tạo từ các vật liệu khác với vật thật. Giá trị của mô hình là ở chỗ nó có khả năng truyền đạt lượng thông tin về mức độ phân bố và các tác động tương hỗ giữa các bộ phận của nó. Các loại mô hình tĩnh, mô hình động. Loại mô hình động phản ánh được hoạt động của đối tượng và trong quá trình dạy học, giáo viên và học sinh có thể tác động vào mô hình để làm bộc lộ những đặc điểm hay tính chất của đối tượng nghiên cứu. Do sử dụng các chất liệu khác nhau để chế tạo, mô hình đáp ứng cho nhiều người học trong cùng một lúc. Ngày nay với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật rất nhiều loại mô hình hiện đại được sản xuất và có nhiều loại được kết nối với máy tính. Học sinh được thao tác trên máy tính để tìm ra được nguyên lý hoạt động của đối tượng nghiên cứu. Việc sử dụng mô hình trong quá trình dạy học sẽ nâng cao hứng thú học tập của học sinh, làm cho học sinh chú ý tới lượng tin do giáo viên truyền đạt. Học sinh có thể quan sát mô hình bao lâu tùy ý và có thể xem xét sự thay đổi vị trí của các chi tiết trong quá trình quan sát mô hình. Trong giảng dạy, mô hình đem lại hiệu quả biểu tượng như vật thật. Các mô hình thường được sử dụng với danh nghĩa là nguồn thông tin để diễn giải tài liệu và kiểm tra kiến thức. Nhờ có mô hình mà học sinh có khả năng nghiên cứu tốt hơn các vật thật hoạt động và có thể nắm được những kỹ năng, kỹ xảo nhất định. Vì chế tạo mô hình phức tạp và đắt tiền, người ta chỉ sử dụng mô hình trong dạy học khi không có thể truyền tin từ phương tiện khác. Mô hình cần phản ánh được những đặc điểm cơ bản của vật thật cần nghiên cứu. Mô hình biểu diễn được hoạt động của đối tượng nghiên cứu nhưng phải đảm bảo tính đơn giản và vững chắc. Chỉ chế tạo mô hình khi vật thật khó kiếm, quá đắt hay không diễn tả được hoạt động của đối tượng, không

đảm bảo yêu cầu về sự phạm. Vật liệu dùng để chế tạo mô hình là loại vật liệu có giá thành thấp, có độ bền cao và không gây độc hại cho con người.

+ Máy luyện tập

Máy luyện tập là các thiết bị được sử dụng để hình thành và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp theo chương trình đã ấn định trước. Học sinh có thể rèn luyện các thao tác, các nguyên công, tăng dần nhịp độ thao tác phù hợp với trình độ tiến bộ của từng cá nhân. Các loại máy luyện tập: Ca bin điện tử dùng trong đào tạo nghề lái xe, Buồng lái dành cho đào tạo thuyền trưởng, ...vv. Máy luyện tập được sử dụng rộng rãi vì: 1) Việc áp dụng máy luyện tập cho phép học sinh tiếp cận với sản xuất và thuận lợi trong việc đào tạo học sinh làm việc trên các thiết bị công nghiệp; 2) Máy luyện tập giúp ghi lại sai sót của học sinh để giáo viên có thể theo dõi sự luyện tập của nhiều học sinh cùng một lúc; Những thiết bị ghi báo lỗi còn giúp cho học sinh biết tự điều chỉnh được thao tác và giúp cho giáo viên uốn nắn những thao tác sai của học sinh; 3) Đối với đào tạo nghề, máy luyện tập sử dụng sẽ kinh tế hơn so với các thiết bị khác nhất là với các nghề có thời gian luyện tập nhiều trên máy, máy móc và thiết bị đắt tiền hoặc dễ gây nguy hiểm đối với học sinh.

- Các phương tiện nghe nhìn

+ Phương tiện nghe

Phương tiện nghe là các PT truyền đạt thông tin dưới dạng âm thanh gồm các phương tiện truyền thanh, ghi âm được sử dụng vào quá trình dạy học. PT truyền thanh như Radio được sử dụng để hình thành trí tưởng tượng, tư duy trừu tượng của học sinh. Truyền thanh mang tính chất học tập được tiến hành vào thời gian ngoài lớp học, nhờ thế mà người học mở rộng tầm nhìn và hoàn thiện được kiến thức của mình. Với môn học ngoại ngữ và âm nhạc, truyền thanh là PT quan trọng giúp cho học sinh luyện tập và tự học tốt. PT ghi âm: Là các PT lưu trữ thông tin để sử dụng lâu dài và cho nhiều người học tập. Ngày nay ghi âm được tiến hành cùng với việc lưu giữ các hình ảnh về đối tượng đó.

+ Phương tiện nhìn

Máy chiếu Overhead là loại máy chiếu được thiết kế theo nguyên tắc phản chiếu ánh sáng qua gương và có khả năng phóng to hay thu nhỏ hình ảnh trên phông cũng như khả năng điều chỉnh độ nét của ảnh. Hình ảnh qua máy chiếu Overhead phản ánh trung thực màu sắc và các chi tiết trên phim trong nên rất thích hợp cho việc sử dụng

các sơ đồ, đồ thị, hay bảng biểu hoặc tranh ảnh trong các bài dạy. Hiện nay máy chiếu Overhead được sử dụng rộng rãi trong dạy học vì những lý do sau đây:

Máy chiếu giấy thường là loại máy chiếu sử dụng trực tiếp giấy thường để phóng to lên màn ảnh. Giáo viên có thể sử dụng các bản vẽ, sơ đồ trong các album đi kèm tài liệu học tập hay trong chính tài liệu học tập hoặc tự vẽ trên giấy thường vào trong các bài giảng nhờ sử dụng loại máy chiếu này. Sử dụng máy chiếu giấy thường, giáo viên không cần mất công nhiều trong việc chế tạo phim chiếu, đỡ tốn kém hơn so với các loại máy chiếu trên và cũng dễ sử dụng. Tuy nhiên, nếu giáo viên không chịu đầu tư công sức thì tài liệu chiếu ít có tính sư phạm

Máy chiếu vật thể Trong lĩnh vực dạy kỹ thuật nghề nghiệp, các nhà sư phạm cho rằng muốn cho học sinh hiểu biết chính xác và hình thành được kỹ năng thì cần cho học sinh quan sát được mẫu vật, các chi tiết hay bộ phận của máy móc. Máy chiếu vật thể đáp ứng được yêu cầu đào tạo đó. Thay vì phải sử dụng phim trong, phim dương bản thì giáo viên chỉ cần sử dụng vật thể đặt vào buồng chiếu là thu được hình ảnh như mong muốn. Thông qua việc quan sát, nghiên cứu đối tượng qua hình ảnh được phóng trên máy chiếu vật thể, học sinh tin tưởng hơn vào kiến thức mà họ lĩnh hội được cũng như có niềm say mê, hứng thú học tập hơn.

+ Máy tính và các thiết bị kết nối máy tính

Công nghệ thông tin đã thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của giáo dục đào tạo, làm thay đổi cách thức sống, học tập, làm việc và giao tiếp với nhau. Sự tác động của nó được thể hiện qua những nội dung sau: 1) Đem đến cho giáo dục, đào tạo những thiết bị kỹ thuật mới như máy tính, các thiết bị kết nối máy tính. Các thiết bị này có hiệu quả cao trong việc phát huy tính tích cực của học sinh. 2) Làm thay đổi cách thức giảng dạy và học tập thông qua các phần mềm phục vụ dạy học và các phần mềm dạy học. Với máy tính, giáo viên có nhiều khả năng điều khiển được quá trình dạy học: Kiểm tra được kiến thức học sinh một cách chính xác, thu nhận được thông tin phản hồi từ phía học sinh và cá biệt hóa được quá trình học tập của từng học sinh. 3) Máy tính là thiết bị xử lý thông tin một cách nhất quán, ổn định, chính xác một cách nhanh nhất.

Máy tính đem lại cho dạy học những khả năng sau: 1) Nhiều phần mềm chạy trên máy tính có thể phục vụ tốt nhất công việc giảng dạy và học tập như những phần mềm soạn thảo, phần mềm đồ họa, phần mềm thiết kế; 2) Trình diễn các bài giảng ngay trên

máy tính một cách hoàn hảo nhất. Ngày càng có nhiều phần mềm dạy học cho phép giáo viên và học sinh có thể giảng dạy và học tập thông qua máy tính; 3) Mô phỏng một cách sinh động những hiện tượng, quá trình xảy ra trong sản xuất và trong công nghệ mà các phương tiện khác khó thể hiện được. Đảm bảo được tính trực quan của quá trình dạy học, học sinh sẽ được quan sát không phải chỉ mỗi hình ảnh mà còn âm thanh của đối tượng học tập; 4) Kiểm tra, đánh giá học sinh một cách chính xác để từ đó mà điều khiển được quá trình dạy học; 5) Dễ dàng chuyển quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, mở rộng qui mô đào tạo, phát triển giáo dục từ xa nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực ngày càng tăng của xã hội. Máy tính chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi giáo viên có trình độ hiểu biết tin học cơ bản và mạnh dạn ứng dụng nó vào quá trình dạy học

Thiết bị kết nối máy tính

Máy chiếu đa năng (Projector) là thiết bị dạy học cung cấp cho học sinh hình ảnh và âm thanh từ đầu vào là máy tính, video, camera số và tương tự. Hình ảnh thu được qua máy chiếu đa năng có độ nét cao, có thể phóng to thu nhỏ toàn bộ hoặc chi tiết nên rất thích hợp cho dạy kỹ thuật. Học sinh có thể qua sát diễn biến của quá trình gia công một chi tiết nhất định, sự hoạt động của một động cơ nhất định. Với tính năng đa dạng như vậy nên đòi hỏi người sử dụng cần am hiểu không chỉ máy chiếu mà còn có được những kiến thức tin học cơ bản.

+ Phương tiện nghe nhìn

Phương tiện nghe nhìn là PTDH mô tả đối tượng nghiên cứu bằng hình ảnh và âm thanh. Với PT này, thông tin về đối tượng nghiên cứu sinh động hơn, trong cùng một lúc học sinh có thể huy động nhiều giác quan vào quá trình tri giác đối tượng nghiên cứu. PTDH này có khả năng mô tả được các hiện tượng xảy ra trong thực tế mà trong điều kiện bình thường không thể quan sát được. Ví dụ như quá trình sinh trưởng của cây cối, các hiện tượng xảy ra quá nhanh, quá chậm trong tự nhiên... Video được sử dụng để minh họa hay thể hiện một số nội dung nhất định. Loại PT này thể hiện được mọi ưu điểm của máy chiếu phim nhưng lại dễ sử dụng hơn. Kỹ thuật thu quay Camera cũng dễ dàng thực hiện. Nhờ có các PT kỹ thuật khác mà nội dung băng Video có thể thay đổi theo yêu cầu của mục tiêu dạy học.

Truyền hình dạy học: Cùng với sự phát triển của ngành truyền hình, người ta đã sử dụng ngày càng rộng rãi truyền hình trong dạy học. PT truyền hình được dùng như

một phương tiện có hiệu quả vì những ưu điểm sau: Nó phát huy được ưu điểm của phim dạy học, khai thác được các hình ảnh sống động mà trong điều kiện nhà trường không thể có được. Nội dung thông tin được cung cấp có thể là sản phẩm lao động khoa học công phu của các nhà khoa học nên chất Lượng thông tin rất cao; Làm băng ghi hình rẻ và dễ dàng hơn phim nhựa và dễ dàng bổ sung các tư liệu mới vào băng ghi hình. Việc tổ chức điều khiển lớp học có sử dụng truyền hình đơn giản, không cần phòng tối và có thể điều khiển từ xa. Truyền hình dạy học được sử dụng theo hai cách: Truyền hình dạy học không có sự điều khiển trực tiếp của giáo viên; Truyền hình dạy học tại lớp theo sự điều khiển trực tiếp của giáo viên. Với PT truyền hình, dạy học từ xa, hội thảo từ xa đã được phát triển và đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng nhiều và càng cao của cộng đồng.

Các PT nghe nhìn ngày càng được sử dụng nhiều trong quá trình dạy học và tác động lớn đến sự lĩnh hội nhận thức của học sinh. Theo các nhà lý luận giáo dục thì PT nghe nhìn có những vai trò sau: 1) Các quá trình công nghệ không tới gần được, các loại vật liệu, sự kiện, đồ vật thay đổi theo thời gian và không gian đều có thể đưa đến lớp học nhờ các PT nghe nhìn. PT nghe nhìn giúp cho giáo viên truyền đạt tốt các nguồn tin trong nhiều trường hợp khó khăn, học sinh có thể quan sát được các sự vật nhỏ, phức tạp. PT nghe nhìn cung cấp cho học sinh thông tin bằng nhiều con đường khác nhau và tạo cho học sinh khả năng tham gia trực tiếp vào quá trình truyền đạt thông tin; 2) PT nghe nhìn giúp cho việc giảng dạy các kiến thức thực tế tốt hơn và học sinh nhớ lâu các kiến thức đã học. PT nghe nhìn không chỉ giúp cho học sinh nắm bắt được các thao tác công nghệ mà còn mở rộng vốn từ ngữ cho mình; 3) Dùng PT nghe nhìn trong lớp học có thể cung cấp nguồn tin thay thế có hiệu quả việc tiếp xúc trực tiếp của học sinh với môi trường vật lý và xã hội. Bằng PT nghe nhìn, giáo viên có thể giới thiệu và cho học sinh quan sát các hình ảnh, sự kiện xảy ra ở một nơi xa xôi nào đó; Nó có thể giúp cho học sinh hiểu các vấn đề đã xảy ra trong quá khứ một cách cụ thể hơn; 4) Các PT nghe nhìn có thể thể hiện các thông tin trừu tượng bằng các hình ảnh cụ thể và bằng các hình thức khác nhau giúp cho học sinh có được biểu tượng rõ ràng về đối tượng học tập. Vì vậy PT nghe nhìn giúp cho việc nhận thức dễ dàng khi chuyển từ cụ thể tới trừu tượng và ngược lại; 5) Một số PT nghe nhìn mới khi được chương trình hóa có thể hỗ trợ cho cả người dạy và người học không chỉ ở khâu truyền thụ và lĩnh hội tri thức mà cả khâu kiểm tra kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo; 6) PT nghe

nhìn thúc đẩy sự năng động sự hứng thú học tập của học sinh. PT nghe nhìn có thể phát triển sự nhận biết các loại tin và mở ra khả năng khai thác, trình bày đầy đủ ý nghĩa ban đầu của nguồn tin và định hướng đi cho các hoạt động mới; 7) PT nghe nhìn được dùng có lợi cho mọi lứa tuổi đặc biệt trong đào tạo nghề.

6.2.3. Duyệt giáo án

a) Nộp giáo án và trao đổi với giáo viên hướng dẫn

Để đảm bảo hiệu quả TTSP, mọi giáo án của giáo sinh đều được duyệt trước khi giảng tập. Giáo sinh phải soạn giáo án, nộp và trao đổi nội dung với giáo viên hướng dẫn một cách chi tiết về mục tiêu bài học, nội dung câu hỏi kiểm tra bài cũ, các ý của phần đặt vấn đề vào bài mới, tính chất của phương tiện để phục vụ giảng dạy, tính chính xác của nội dung bài học, đặc điểm của việc sử dụng các phương pháp giảng dạy v.v.. Giáo viên phân tích kỹ nội dung của giáo án, nêu rõ những ưu, nhược điểm, tồn tại cần phải sửa chữa.

b) Ghi nhận và sửa chữa

Giáo sinh phải tập trung suy nghĩ, tiếp thu để sửa chữa tích cực. Sau khi có ý kiến đóng góp của giáo viên hướng dẫn, giáo sinh phải chăm chú ghi đầy đủ và sửa lại từng phần và viết lại toàn bộ giáo án theo gợi ý của giáo viên hướng dẫn. Nếu phải sửa lại mục tiêu bài học thì cần phân tích kỹ nội dung giáo án xem đã phù hợp chưa. Sau khi giáo sinh đã sửa lại xong giáo án cần đề xuất tất cả các vấn đề với giáo viên hướng dẫn để họ xem lại một lần nữa nếu đồng ý thì ký duyệt vào văn bản giáo án đó.

6.2.4. Giảng tập theo nhóm

Sau khi đã hoàn thiện lại nội dung văn bản giáo án, trưởng đoàn TTSP tổ chức cho giáo sinh giảng tập. Việc giảng tập phải được thực hiện một cách nghiêm túc và đạt hiệu quả.

a) Giảng tập trong nhóm

Mỗi nhóm gồm có từ 3 - 5 giáo sinh cùng suy nghĩ để giải quyết những nhiệm vụ nhận thức, cùng tập giảng và trao đổi nhằm tìm ra cách thức thực hiện bài giảng hay nhất. Nhóm trưởng phải tìm mọi cách để kích thích được tính tích cực của các thành viên trong quá trình giảng tập. Tất cả mọi giáo sinh phải coi việc giảng tập là việc làm có tính sáng tạo trong khi trình bày và thận trọng góp ý cho nhau. Tuy nhiên, do kinh nghiệm và trình độ có hạn cho nên việc đóng góp cho nhau trong khi giảng tập của giáo sinh cũng còn hạn chế. Vì vậy, việc giảng tập theo nhóm phải được tổ chức và

thực hiện như giảng thật vậy. Tất cả mọi giáo sinh phải biết chuẩn bị chu đáo cho việc giảng tập.

b) Giảng tập có giáo viên hướng dẫn thực tập dự

Hình thức tập có giáo viên hướng dẫn thực tập dự là có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện nhiệm vụ giảng tập. Giáo viên góp ý cho giáo sinh tương đối đầy đủ về mặt nội dung kiến thức đã đưa vào bài giảng, phương pháp trình bày và tác phong sư phạm. Sau khi giáo sinh đã giảng tập, giáo viên hướng dẫn nhận xét, đánh giá một cách cụ thể và toàn diện tất cả những vấn đề của bài giảng trước nhóm. Giáo sinh chăm chú nghe để rút kinh nghiệm mà hoàn thiện sự chuẩn bị tiếp của mình cho bài dạy.

c) Rút kinh nghiệm giảng tập

Sau khi giáo sinh tiến hành giảng tập, trưởng đoàn TTSP tổ chức cho các nhóm họp để rút kinh nghiệm về tinh thần chuẩn bị, tính chất của sự tiến hành giảng và kết quả của việc giảng tập. Đây là một việc làm cần thiết để chuẩn bị tâm thế cho giảng thật trong khi thực hiện các nhiệm vụ có ý thức tập trung vào đúc rút kinh nghiệm về sự chuẩn bị nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức bài học và tác phong giao tiếp sư phạm trong giảng tập. Trên cơ sở đó, từng em một suy nghĩ để tìm ra chiến lược hợp lý cho việc thực hiện các bài lên lớp chính thức của mình.

6.2.5. Lên lớp

Việc tổ chức lên lớp để thực hiện theo giáo án toàn bộ nhưng tác động sư phạm là một vấn đề quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện nhiệm vụ TTSP cho giáo sinh. Khi lên lớp, giáo sinh phải thực hiện việc thi công bài học theo đúng các bước lên lớp.

Bước I: Tổ chức lớp. Theo lý luận dạy học thì ở bước ổn định tổ chức lớp, giáo viên phải tiến hành các tác động chuẩn bị tâm thế và định hướng cho học sinh bước vào bài học. Nội dung hoạt động của giáo viên trong bước ổn định tổ chức lớp là thực hiện thao tác định hướng. Chào, kiểm điểm học sinh vắng mặt, kiểm tra sự sẵn sàng về mặt tâm lý để bước vào bài học của học sinh, rà soát lại việc chuẩn bị các đồ dùng trực quan, bảng, phấn, v.v..., nêu rõ cho các em biết mục đích chung của bài học. Điều kiện bảo đảm kết quả cho việc thực hiện thao tác sư phạm trong bước ổn định tổ chức lớp là tính yêu cầu cao, tác phong nghiêm túc sư phạm nhưng có thiện chí của giáo viên, ngôn ngữ nói đảm bảo sự ngắn gọn, khúc chiết, không nhiều lời, làm nổi bật ý

chí của nhà giáo dục. Chỉ số dùng để đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ trong bước ổn định tổ chức lớp là tính ngắn gọn của giai đoạn tổ chức; biết nhanh chóng lôi cuốn cả lớp vào nhịp độ làm việc, cả lớp và các phương tiện phục vụ cho bài học đều hoàn toàn sẵn sàng cho hoạt động dạy học.

Bước II: Kiểm tra kiến thức cũ. Mục đích của kiểm tra là xem tất cả hoặc đa số học sinh đã hoàn thành bài làm ở nhà một cách đúng đắn và tự giác chưa, phát hiện ra những thiếu sót để có tác động tiếp nhằm hoàn thiện kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của các em. Qua kiểm tra, giáo viên sẽ phát hiện ra tình trạng thực sự của trình độ nắm vững kiến thức của học sinh thông qua các bài làm giao cho về nhà, xác định những mức độ kiến thức của học sinh và nguyên nhân để tìm ra phương hướng khắc phục chúng. Giáo viên phải xác định thật rõ nét mục đích của kiểm tra. Điều này sẽ giúp cho giáo viên có cứ liệu thực tiễn để bao quát được lớp và ứng xử kịp thời, nhanh chóng với các tình huống. Chúng ta cần áp dụng hệ thống những biện pháp cho phép kiểm tra được việc làm ở nhà của càng nhiều học sinh càng tốt mà đòi hỏi rất ít thời gian như dùng test chẳng hạn. Với thời gian ngắn, giáo viên khi kiểm tra phải biết cách phát hiện nhanh và chính xác tình trạng kiến thức của học sinh như trình độ nắm vững cái cơ bản, thiếu sót điển hình, tinh thần trách nhiệm khi hoàn thành bài làm. Giáo viên cần phải chú ý tính phát triển của bước kiểm tra.

Bước III: Chuẩn bị hoạt động nhận thức - học tập tích cực (bước cơ bản). Bước này được thực hiện nhằm chuẩn bị tinh thần cho học sinh sẵn sàng bước vào hoạt động nhận thức - học tập tích cực ở khâu cơ bản của bài học, hình thành động cơ học tập, tạo điều kiện tâm lý để tái hiện những kiến thức và kỹ năng làm điểm tựa cho việc nghiên cứu tài liệu mới. Trong bước này, giáo viên cần tiến hành nêu lên mục đích của bài học; tổ chức cho học sinh tiếp nhận mục đích đó. Để đạt được điều này, giáo viên phải có kỹ năng nêu vấn đề, biết xác định chính xác cách nêu những mục tiêu của bài học; biết cách tổ chức cho học sinh hoạt động để tiếp nhận mục đích đó. Giáo viên tiến hành các tác động hình thành được mục đích của bài học bằng cách tổ chức cho học sinh hoạt động tích cực.

Bước IV: Lĩnh hội kiến thức, kỹ năng mới: Bước này được thực hiện nhằm hình thành những biểu tượng cụ thể về đối tượng Nghiên cứu, bản chất các mối liên hệ của nó; nêu bật những đơn vị tri thức cơ bản, chính yếu của bài, tiến hành cùng với học sinh khái quát hóa, trên cơ sở lĩnh hội kiến thức mà hình thành kỹ năng cho học sinh.

Nhiệm vụ dạy học của bước này được thực hiện bằng cách giáo viên truyền đạt tài liệu mới (hay tổ chức công tác tự lực của học sinh), các em lĩnh hội tài liệu đó thông qua các quá trình tri giác, thông hiểu, khái quát hóa, hệ thống hóa, cụ thể hóa và các hành động tự lực. Trong quá trình tổ chức việc lĩnh hội này, giáo viên phải biết dựa vào kinh nghiệm sống của học sinh mà thực hiện các tác động tiếp cận cá biệt có giúp đỡ tùy trường hợp, tổ chức cho các em tập vận dụng điều đã học vào giải quyết các tình huống mới. Kết quả của các tác động của bước này có tác dụng quy định mức độ học sinh được thu hút vào hoạt động nhận thức - học tập tích cực và chất lượng các câu trả lời ở giai đoạn sau tiếp theo.

Bước V: Kiểm tra sơ bộ sự thông hiểu tài liệu mới của học sinh: Bước này được thực hiện là nhằm đánh giá xem học sinh đã thông hiểu tài liệu mới ở trình độ nào, lĩnh hội được các mối liên hệ và quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng, quá trình, phát hiện những lỗ hổng trong kiến thức và trên cơ sở đó sẽ quyết định xem liệu có thể chuyển sang bước sau được chưa. Để làm được việc đó, giáo viên phải tiến hành kiểm tra xem học sinh đã hiểu nội dung cơ bản của bài học chưa, đánh giá mức độ đầy đủ và chiều sâu của những kiến thức mới vừa được lĩnh hội. Giáo viên phải biết soạn hệ thống câu hỏi, bài tập thích hợp buộc học sinh phải có hoạt động trí não và phát huy tính tích cực, đòi hỏi những thao tác thực hành hoặc vận dụng kinh nghiệm thực tiễn luôn luôn hướng vào cả lớp, phát hiện ra thiếu sót cũng như sự tiến bộ của các em trong quá trình kiểm tra sơ bộ. Giáo viên biết căn cứ vào câu trả lời, bài làm của học sinh khá và kém mà đánh giá trình độ thông hiểu nội dung cơ bản các tài liệu mới, hiểu mức độ tham gia của lớp vào việc bổ sung và đánh giá câu trả lời của bạn, mức độ khắc phục các lỗ hổng, phát hiện những mong đợi, giải đáp những khúc mắc ở các phần sau của bài học.

Bước VI: củng cố kiến thức: Trong khi giải quyết nhiệm vụ dạy học, giáo viên phải biết tổ chức cho học sinh ứng dụng kiến thức đã học vào giải thích những quá trình khác nhau và vào việc giải các bài toán lý thuyết lẫn thực hành. Để tiến hành củng cố kiến thức đã dạy, giáo viên phải biết tổ chức hoạt động tái hiện, nêu các dấu hiệu bản chất, cụ thể hóa những nội dung trừu tượng và huy động học sinh vào các hoạt động vừa tái hiện vừa vận dụng, liên hệ kiến thức mới với kiến thức đã lĩnh hội trước đó. Bằng mọi cách phải hình thành được kỹ năng nhận biết và tái hiện nội dung

mới; vận dụng nguyên lý kỹ thuật vào việc giải thích các hiện tượng, giải các bài toán, phát hiện và khắc phục những thiếu sót trong kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh.

Bước VII: Khái quát hóa và hệ thống hóa kiến thức: Để lĩnh hội hệ thống kiến thức của môn học và những kiến thức liên môn, người giáo viên phải biết tổ chức cho học sinh chuyển những kiến thức riêng rẽ thành một hệ thống hoàn chỉnh trong nội bộ môn học cũng như gắn với các môn kế cận. Đối với kỹ năng và kỹ xảo cũng vậy. Để làm được việc này giáo viên có kỹ năng đặt câu hỏi, ra bài làm hướng vào mục đích khái quát hóa và hệ thống hóa toàn bộ tri thức kỹ thuật, công nghệ học, tổ chức sản xuất đã học. Mức độ liên kết các sự kiện, qui tắc, hiện tượng, quá trình với các quy luật, học thuyết trong sự nhận thức của học sinh, mức độ hình thành bức tranh toàn vẹn về thế giới kỹ thuật nghề nghiệp hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực tổ chức cho các em tiến hành khái quát hóa, hệ thống hóa kiến thức đã học.

Bước VIII: Kiểm tra và tự kiểm tra kiến thức: Tiến hành kiểm tra sâu và toàn diện một số học sinh về kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo để phát hiện thiếu sót và nguyên nhân của chúng mà thực hiện các tác động động viên học sinh tự trau dồi kiến thức. Ở bước này, giáo viên phải tiến hành kiểm tra sự đầy đủ, trình độ thông hiểu, độ bền vững, tính hiệu quả của kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, kiểm tra kỹ năng chung, phương pháp chung của tự học, phát hiện ra chỗ mạnh và chỗ yếu trong kiến thức, hướng dẫn học sinh tự học hoặc nhờ bạn giúp đỡ khắc phục lỗ hổng hay thiếu sót trong kiến thức. Để thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giáo viên phải biết cách soạn những câu hỏi phụ, có phân hóa để kiểm tra và phân loại trình độ học sinh, biết chọn lọc những tình huống khác với mẫu để giao cho học sinh vận dụng, biết tổ chức cho học sinh phản biện lẫn nhau khi trả lời các câu hỏi hay giải bài tập, v.v.. Giáo viên cần tập trung chú ý vào mức độ toàn diện của việc kiểm tra kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, việc phê phán câu trả lời bài làm của học sinh có nêu rõ ưu và khuyết điểm, tính cụ thể trong việc hướng dẫn cách thức khắc phục thiếu sót, kích thích được hứng thú của các em đối với môn học.

Bước IX: Tổng kết bài học: Trong bước này, giáo viên cần chú ý phân tích sâu sắc sự tiến bộ trong việc nắm vững nội dung trí dục và trong cách thức hoạt động nhận thức - học tập, chỉ rõ những thiếu sót điển hình, nguyên nhân của chúng. Biết nêu lên đặc điểm chung của công việc của cả lớp, phân tích sự tiến bộ trong việc lĩnh hội nội dung của bài học, vạch ra những thiếu sót và nguyên nhân của chúng, qua đó, chỉ ra con đường để khắc phục chúng. Giáo viên phải có kỹ năng nắm bắt được nhanh chóng

những nét điển hình của sự tiến bộ của học sinh trong lĩnh hội cũng như những thiếu sót, kỹ năng đánh giá được khả năng hiện thực về học tập của lớp cũng như của từng em. Giáo viên phải biết cách phân tích ngắn gọn, xúc tích, nêu bật điển hình tốt và kém để phân loại được học sinh về trình độ nhận thức- học tập, phát hiện ra xem ai sẽ gặp khó khăn trong những bài sau.

Bước X: Giao bài làm ở nhà và hướng dẫn cách thực hiện: Việc tiến hành giao bài làm về nhà có tính đến kết quả lĩnh hội tài liệu mới trong bài học mà giáo viên vừa tổng kết ở bước trên là nhằm giúp cho học sinh tiếp tục phát triển kiến thức đồng thời giúp chuẩn bị để tiếp thu các bài sau. Giáo viên tiến hành thông báo bài làm về nhà, hướng dẫn học sinh cách thực hiện. Giáo viên phải có kỹ năng đưa ra những chỉ dẫn, lời khuyên về việc thực hiện những bài làm ở nhà. Trình độ thực hiện nội dung của các bài làm ở nhà phụ thuộc vào sự hướng dẫn, cách trình bày, ghi chép và lưu ý của giáo viên. Tất cả các bước của bài học được nêu ở trên, về cơ bản, có thể bao quát toàn bộ logic của hoạt động nhận thức - học tập của học sinh khi lĩnh hội kiến thức. Bất cứ bài học nào cũng là một hệ thống trọn vẹn do giáo viên tạo nên khi dựa vào một mục tiêu cụ thể. Vì vậy, giáo viên phải suy nghĩ để thực hiện thao tác sư phạm sao cho khái quát, liên tục, hợp lý theo đúng các bước như trên. Khi tiến hành dạy, phải biết làm chủ các tình huống dự kiến cũng như phát sinh, đòi hỏi giáo viên phải có kỹ năng giao tiếp sư phạm để biết giải quyết thành công các tình huống sư phạm.

6.2.6. Rút kinh nghiệm

Sau khi giảng tập, giáo viên tiến hành đúc rút kinh nghiệm về tất cả các mặt, phải tự suy nghĩ về thời gian dạy xem phần nào nhanh, phần nào chậm mà điều chỉnh cho vừa. Phải xác định xem nội dung dạy đã phù hợp với đối tượng chưa. Đặc biệt, giáo viên phải suy nghĩ về phương pháp dạy học đảm bảo cho học sinh dễ hiểu bài không. Đồng thời phải xác định xem phương tiện dạy học có phù hợp không, việc sử dụng phương tiện có đúng nguyên tắc không. Người giáo viên còn phải đúc rút kinh nghiệm về sự tổ chức bài học, thái độ, tác phong giảng dạy và tài khéo léo đảm bảo thao tác liên tục của bản thân trong giờ học như thế nào để từ đó đề ra phương hướng hành động cho bài dạy sau.

Tổ chức cho cả nhóm trao đổi và rút kinh nghiệm toàn diện những vấn đề của bài giảng tập. Giáo viên hướng dẫn tổng kết những mặt mạnh, yếu cơ bản của bài dạy và kinh nghiệm được rút ra.

6.3. Báo cáo kết quả thực hiện

- Dựa vào thang điểm, giáo sinh tập cho điểm và xếp loại giờ dạy của bạn;
- Thảo luận cả nhóm về cho điểm và xếp loại giờ dạy đó một cách dân chủ và báo cáo kết quả thực hiện với giáo viên hướng dẫn;
- Giáo viên hướng dẫn phân tích, rút ra kết luận về giờ tập giảng.

6.4. Đánh giá kết quả thực hiện

- Sự chuẩn bị;
- Quá trình thực hiện;
- Năng lực sư phạm;
- Những điểm mạnh và những yếu kém cần khắc phục.

Bài 7: THỰC TẬP DẠY HỌC THỰC HÀNH NGHỀ, MÔĐUN

7.1. Mục tiêu

Sau bài học, giáo sinh soạn được giáo án thực hành nghề, giáo án theo kết cấu môđun, bước đầu giảng tập bài thực hành nghề, bài học theo môđun kỹ năng hành nghề làm cơ sở cho việc phát triển của kỹ năng sư phạm.

Rèn luyện khả năng bao quát, xây dựng qui trình thực hiện, chọn vị trí thao tác mẫu và thao tác thuần thục không có động tác thừa, nêu được những dạng sai lầm hư hỏng, phân công vị trí luyện tập, tổ chức tốt ca thực tập.

Trong trường dạy nghề, học sinh phải có được những kỹ năng đơn giản - phức tạp, kỹ năng chung - riêng cho từng loại hình kỹ thuật - nghề nghiệp. Để có thể giải được các bài toán kỹ thuật, ở học sinh phải có đầy đủ các phẩm chất tâm lý của kỹ năng định hướng cũng như xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra - đánh giá. Quy trình hình thành kỹ năng kỹ thuật - nghề nghiệp đó được diễn ra theo trật tự tuyến tính các hành động như sơ đồ sau: Hình thành kỹ năng sơ bộ → Tập vận dụng tri thức, kỹ xảo, kỹ năng đã có vào thực hiện những hành động chưa khéo → Hình thành kỹ năng đơn lẻ, chung cho mọi hoạt động trong phạm vi hẹp → Kỹ năng được phát triển cao → Tay nghề cao. Ở giai đoạn tay nghề cao này, trong hoạt động tâm lý của chủ thể, ngoài các phẩm chất của tri thức và kỹ năng kỹ thuật - nghề nghiệp ra, họ còn phải có được sự thuần thục của kỹ năng nghề nghiệp. Quá trình luyện thành kỹ năng không chỉ phụ thuộc vào số lần lặp đi - lặp lại mà còn phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác như sự giám sát về chất lượng của nguyên liệu, phương tiện, công cụ lao động, sự ảnh hưởng của những người lạ, sự mệt mỏi, những cảm xúc âm tính

.V.v... của chủ thể. Giáo viên phải nghiên cứu để nắm chắc nội dung của công việc nghề nghiệp cần luyện trong thực tế để xác định rõ các yêu cầu về hành động, thao - động tác và toàn bộ hoạt động của thao tác viên phải nắm vững; Tiến hành mô hình hóa hành động theo một trật tự logic của thao tác, thích ứng với các tình huống khác nhau của công việc; Tiến hành xây dựng mô hình về máy luyện tập nhằm mô tả toàn bộ các thao tác của công việc, làm phương tiện cho việc luyện tập của học sinh.

Người giáo viên phải biết huy động toàn bộ tri thức, kinh nghiệm hoạt động và nhân cách của mình để tiến hành thiết kế và chỉ đạo việc thi công bài học thực hành. Khi soạn giáo án thực hành, người giáo viên phải đảm bảo tính hình thức của nó như tên bài, ngày soạn, ngày giảng, phần hướng dẫn mở đầu xác định rõ mục tiêu, đồ dùng, nội dung dạy qua các bước ổn định tổ chức, kiểm tra, dạy thực hành, tổng kết, nêu câu hỏi về nhà, thông qua bộ môn và rút kinh nghiệm sau khi dạy. Hướng dẫn mở đầu diễn ra từ 30 - 45 phút, hướng dẫn thường xuyên được thực hiện theo ca và hướng dẫn kết thúc được tiến hành trong thời gian khoảng 20 phút. Tất cả các nhiệm vụ thực tập dạy học thực hành đều phải được mọi giáo sinh thực hiện một cách đầy đủ, cụ thể, trực tiếp, cảm tính, hiện thực và được điều khiển bằng hoạt động tư duy sự phạm kỹ thuật của người giáo viên.

7.2. Nội dung thực hiện

7.2.1. Soạn giáo án thực hành và viết đề cương bài giảng

a) Nhận bài, nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo

Sau khi được giáo viên hướng dẫn giao bài, giáo sinh phải biết chuẩn bị kỹ nội dung dạy các đề mục, trong đó, quy định rõ khối lượng kiến thức chuyên môn và kỹ năng, kỹ xảo cần phải truyền đạt. Để làm được việc đó, họ phải tham khảo những tài liệu kỹ thuật mới, những phương pháp gia công tiên tiến ở trong trường, ngoài xí nghiệp ở trong và ngoài nước. Làm được việc đó chẳng những giáo sinh sẽ có được sự am hiểu những nội dung kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo theo chương trình thực tập quy định như trong danh mục thực tập mà còn đáp ứng những đòi hỏi của học sinh, gắn liền dạy học với lao động sản xuất, thực hiện nguyên lý nhà trường gắn liền với xã hội. Sau khi nghiên cứu tổng thể những nội dung công việc thực tập, giáo viên phải soạn thảo được hệ thống các bài học thực hành để chuẩn bị cho giảng dạy.

b) Soạn giáo án thực hành và viết đề cương bài giảng

Cũng như giáo án lý thuyết, giáo án thực hành cũng không có một mẫu nào quy định sẵn cho tất cả các loại bài giảng cũng như cho tất cả các nghề được đào tạo. Tuy nhiên cũng có những nội dung thống nhất như được nghiên cứu trong giáo án mẫu.

Soạn được giáo án giáo sinh phải sử dụng giáo trình và các tài liệu tham khảo để soạn đề cương bài giảng cho phù hợp sinh động.

7.2.2 Chuẩn bị PTDH, thiết bị, vật tư, dụng cụ

a) Tìm hiểu về cơ sở vật chất của nhà trường

Để có thể dạy tốt bài thực hành, giáo sinh phải chuẩn bị tâm thế để xem xét toàn bộ các vấn đề sau: 1) Xem xét được nơi làm việc của giáo viên và học sinh; 2) Xem xét trước các yếu tố ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung, chống nóng, lạnh; 3) Chuẩn bị những trang thiết bị phục vụ bàn giấy; 4) Nghiên cứu yếu tố an toàn, vệ sinh công nghiệp; 5) Chuẩn bị tốt nhiên liệu, phôi liệu phục vụ bài giảng. Trên cơ sở đó có thông tin toàn diện về thiết bị, vật tư dụng cụ, phương tiện mà xây dựng kế hoạch sử dụng.

b) Lên kế hoạch sử dụng PTDH, thiết bị, vật tư và dụng cụ

Đối với xưởng thực hành, giáo viên dạy thực hành phải nỗ lực ý chí, tập trung chú ý để chuẩn bị đầy đủ những trang thiết bị máy móc, phương tiện, dụng cụ luyện tập cho từng đề mục. Căn cứ vào thực tế, yêu cầu của bài thực hành, giáo viên phải bố trí, xem xét hợp lý hóa nơi làm việc của giáo viên và học sinh. Giáo viên phải biết cách thực hiện các mối quan hệ với phòng sản xuất - kế hoạch kỹ thuật để chuẩn bị các nguyên, nhiên, phôi liệu và các vật liệu khác. Một vấn đề quan trọng nữa là xem xét đến các đơn đặt hàng để chuẩn bị cho việc kết hợp thực tập với lao động sản xuất trong các bài luyện tập cụ thể. Giáo viên quan tâm tới việc nghiên cứu các yếu tố tâm lý lao động, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp. Tất cả các yếu tố đó nếu được nghiên cứu, chuẩn bị tốt, được đảm bảo sẽ có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng giảng dạy và học tập.

7.2.3. Duyệt giáo án

a) Nộp giáo án và trao đổi với giáo viên hướng dẫn

Giáo sinh soạn, nộp giáo án thực hành cho giáo viên hướng dẫn và trao đổi toàn diện với nhau về các nội dung như tên đề mục, mục tiêu học tập của ca thực hành, sản phẩm, phôi liệu, công cụ, phương pháp, quy trình thực hiện.

b) Ghi nhận và sửa chữa

Sau khi giáo viên hướng dẫn đã xem xét và đóng góp ý kiến toàn diện cho tất cả các vấn đề của giáo án, giáo sinh sửa lại theo chỉ dẫn cho phù hợp với mục tiêu học tập. Nếu sửa lại mục tiêu thì giáo sinh phải sửa lại nội dung bài học cho thật cẩn thận. Tiếp theo là tiến hành sửa những nội dung cụ thể theo gợi ý của giáo viên hướng dẫn như phân phối thời gian, xác định phương tiện, phương pháp, quy trình thực hiện việc dạy cho từng nội dung của bài học.

c) Chế tạo hoặc đề xuất mượn phương tiện dạy học, thiết bị, vật tư và dụng cụ

Để thực hiện được nhiệm vụ dạy thực hành, giáo sinh có thể liên hệ với phòng thực tập sản xuất để có thể chuẩn bị nguyên liệu hoặc phiêu cho bài dạy.

Giáo sinh phải tiến hành liên hệ với giáo viên hướng dẫn để xin ý kiến chỉ đạo về sự chuẩn bị phương tiện, dụng cụ phục vụ cho bài dạy.

Nếu yêu cầu phải chế tạo ra phương tiện hoặc dụng cụ phục vụ cho bài dạy thì cần phải lên kế hoạch, chuẩn bị thời gian và hỏi ý kiến của giáo viên hướng dẫn.

7.2.4. Giảng tập

a) Giảng tập trong nhóm

Mỗi nhóm giảng tập có thể có từ 10 - 15 sinh viên. Căn cứ vào giáo án thực hành đã soạn, từng em một lên tập giảng và các thành viên khác trong nhóm ngồi nghe để đóng góp ý kiến về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ của bài. Trong nhóm giảng tập, trưởng đoàn TTSP nên chú ý phân có những em học khá, giỏi để có thể giúp nhau nhận thức, đóng góp những ý kiến phù hợp về việc xây dựng nội dung bài giảng cũng như cách xác định phương pháp sư phạm và việc sử dụng phương tiện cho việc thực hiện nhiệm vụ dạy học của từng người như thế nào cho hợp lý.

Giảng tập có giáo viên hướng dẫn dự: Sau khi tất cả giáo sinh đã giảng tập trong nhóm tương đối hoàn chỉnh sẽ tổ chức giảng tập theo nhóm có giáo viên hướng dẫn dự giảng. Giáo viên hướng dẫn sẽ chăm chú quan sát, suy nghĩ và chỉ bảo đầy đủ cho giáo sinh về các mặt của việc thực hiện nhiệm vụ dạy bài thực hành như nội dung bài, phương pháp truyền đạt, uốn nắn việc sử dụng phương tiện, các thao tác, phân tích làm rõ quy trình thực hiện, nêu những dạng sai lầm hay gặp, phát huy tính tích cực của học sinh. Khi được sự quan tâm chỉ bảo của giáo viên hướng dẫn, giáo sinh phải tỏ ra thực sự Cầu thị, có ý thức nghe, nghĩ để thấu hiểu những vấn đề cần thiết. Trên cơ sở đó, thiết kế lại quy trình thao tác cho việc thực hiện bài dạy thực hành và chuẩn bị tâm thế sẵn sàng lên lớp.

b) Rút kinh nghiệm giảng tập

Cả nhóm cần rút kinh nghiệm về cách thức tổ chức giờ dạy, sản phẩm của ca thực tập, phương pháp truyền đạt, chuẩn bị thiết bị, phương tiện, vật tư thực tập, phiếu hướng dẫn, phân công nhóm luyện tập, phổ biến các dạng sai lầm hư hỏng, giới thiệu các tài liệu tham khảo.

7.2.5. Lên lớp

Khi lên lớp để thực hiện theo nội dung của giáo án, giáo sinh phải thực hiện nhiệm vụ bài dạy thực hành qua các tác động hướng dẫn mở đầu, hướng dẫn thường xuyên, hướng dẫn kết thúc đồng thời cũng phải biết làm chủ các tình huống như dự kiến hoặc mới phát sinh, đảm bảo an toàn lao động. Phần hướng dẫn này giúp cho học sinh ý thức được mục đích, nhiệm vụ thực hành, làm hình thành biểu tượng về nội dung, nảy sinh nhu cầu, động cơ, thái độ của mình khi luyện tập. Hướng dẫn mở đầu thực hiện ba nhiệm vụ như: 1) Khêu gọi tính tích cực và độc lập hóa việc luyện tập của học sinh trong việc nắm tri thức kỹ năng, kỹ xảo, thái độ lao động; 2) Định hướng công việc luyện tập của học sinh; 3) Giải thích, làm mẫu các hoạt động lao động một cách cụ thể, trực quan. Để thực hiện những nhiệm vụ nói trên trong khi dạy hướng dẫn mở đầu, giáo sinh phải biết cách tạo cơ hội cho việc vận dụng tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cũ, tăng mức độ hấp dẫn của bài luyện tập mới, biết định hướng mục tiêu học - luyện tập, biết chỉ dẫn, giải thích các hoạt động, làm mẫu thao - động tác rõ ràng, cụ thể. Hướng dẫn mở đầu được bao gồm những công việc cụ thể như giới thiệu và giải thích đề mục, tiết mục, bài tập ứng dụng; Thông báo mục tiêu của bài luyện tập; Liên hệ kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cũ với bài luyện tập qua kiểm tra nhắc nhở; Giới thiệu cho học sinh tham khảo tài liệu kỹ thuật; Giới thiệu cho học sinh quy trình công nghệ; Giới thiệu phương thức kiểm tra, tự kiểm tra; Giới thiệu dụng cụ máy móc; Kiểm tra học sinh thu nhận biểu tượng và quá trình làm mẫu đến mức độ nào; Phân công vị trí và công việc thực tập. Nêu nguyên nhân của sự cố, hỏng hóc, sai lầm thường gặp và cách khắc phục. Hướng dẫn mở đầu thường được tiến hành trong khoảng 30 - 45 phút. Sau khi kết thúc giai đoạn hướng dẫn mở đầu sẽ thực hiện hướng dẫn thường xuyên.

Hướng dẫn thường xuyên là thành phần chủ yếu của bài dạy học thực hành bởi toàn bộ các phẩm chất của kỹ năng, kỹ xảo của học sinh đều được hình thành chủ yếu ở giai đoạn này. Trong khi thực hiện các thao tác hướng dẫn thực hành thường xuyên, giáo viên có thể sử dụng một số phương pháp như giải thích kết hợp với giảng thuật,

đàm thoại, làm mẫu, sử dụng phiếu hướng dẫn. Hướng dẫn thường xuyên nếu được cá biệt hóa trên cơ sở có sự theo dõi, quan sát học sinh sẽ ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển kỹ năng, kỹ xảo, thao - động tác và cử động lao động của các em. Giáo viên thực hành cần phải nỗ lực tư duy để định trước được những thành phần của công việc, cách thức, nguyên công mà mình sẽ tiến hành kiểm tra sự nắm vững công việc này của mọi học sinh trong khoảng thời gian luyện tập. Vì vậy, giáo viên cần chăm chú học tập để thể hiện những thao tác này khi thực hiện những nhiệm vụ của hướng dẫn thường xuyên. Khi lập kế hoạch, giáo viên thực hành cần chú ý định ra nội dung hướng dẫn thế nào cho bao hàm cả những nội dung đã học ở các chương, phần khác của chương trình mà trong ca thực tập này có những thành phần đó. Khi thực hiện nhiệm vụ của hướng dẫn thường xuyên, giáo viên cần phải chú ý toàn diện đến mọi hoạt động của mọi người và sự vận hành của mọi phương tiện. Tùy theo yêu cầu quan sát, giáo viên hướng dẫn có thể đứng từ chỗ làm việc của mình nhìn bao quát cả lớp đang làm việc để nhắc nhở, có kế hoạch đi lần lượt đến chỗ học sinh làm việc, khi cần thiết phải đi thẳng tới chỗ làm việc của học sinh nếu phát hiện thấy có những vấn đề cần uốn nắn, cho học sinh tới chỗ hướng dẫn để hỏi và nghe hướng dẫn. Khi hướng dẫn, giáo viên phải biết xử lý kịp thời và vạch ra phương pháp đúng để giải quyết khó khăn, sự cố, hỏng hóc, tìm nguyên nhân, biện pháp khắc phục, hình thành kỹ năng tự kiểm tra cho mọi học sinh khi thao tác. Khi phân tích tính chất của những sai lầm, giáo viên cần suy nghĩ để xác định xem nội dung, tính chất của sai lầm. Có sai lầm ngẫu nhiên, sai lầm theo chu kỳ và sai lầm vững chắc thường được xảy ra trong thực hành kỹ thuật. Từ đó, tìm kiếm biện pháp khắc phục, đòi hỏi có sự nỗ lực ý chí cao, sự kiểm tra thường xuyên, xây dựng thói quen. Giáo viên phải xác định trước xem phải kiểm tra học sinh nào, kiểm tra cái gì, nội dung kiểm tra, phương pháp và hình thức kiểm tra như thế nào vì học sinh quá đông.

Trong khi quan sát, giáo viên cần phải có sự ghi chép. Nội dung ghi chép có thể là những thông tin về mức độ làm đúng sai, các thao - động tác, nguyên công, các bước lao động diễn ra thế nào, mức độ biết lập kế hoạch, tổ chức lao động và tổ chức hợp lý nơi làm việc, chất lượng công việc, năng suất lao động, sự tuân thủ quy trình, quy phạm kỹ thuật, tinh thần thái độ luyện tập. Như vậy, cũng cần căn cứ vào mức độ sai lầm, hỏng hóc, sự cố mà học sinh gặp phải trong thực hành, giáo viên tiến hành phân tích để tìm ra nguyên nhân cùng tìm biện pháp khắc phục, hình thành năng lực tự

kiểm tra. Giáo viên chỉ tiến hành can thiệp khi có sai lầm nghiêm trọng còn lại thì nhắc nhở chung cho cả nhóm.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ của hướng dẫn kết thúc, giáo viên tiến hành phân tích các nhược điểm, trả lời các câu hỏi thắc mắc, nêu câu hỏi, giao bài tập về nhà. Quá trình thực hiện nhiệm vụ dạy học thực hành một ca thực tập bao gồm ba loại hướng dẫn mở đầu, thường xuyên, kết thúc luôn có mối quan hệ hỗ trợ, bổ sung cho nhau mà mỗi đơn vị lại hướng vào để đạt một mục đích lý luận dạy học thực hành riêng của nó. Người giáo viên phải biết làm chủ các tình huống dự kiến cũng như phát sinh, nắm chắc hoàn cảnh để dự đoán hết những sự cố có thể xảy ra đối với máy móc cũng như những sai lầm gặp phải của học sinh, những trường hợp khác có thể xảy ra và đảm bảo các biện pháp an toàn lao động, cháy nổ.

7.2.6. Rút kinh nghiệm

Sau khi dạy bài học thực hành, giáo viên phải tiến hành đúc rút kinh nghiệm về hình thức tổ chức hướng dẫn, phương pháp hướng dẫn, sản phẩm ứng dụng, tinh thần thái độ, sự chuẩn bị cho bài luyện tập sau.

7.3. Báo cáo kết quả thực hiện

- Dựa vào biểu mẫu, giáo sinh tập cho điểm và xếp loại giờ dạy của bạn;
- Tổ chức trao đổi nhóm về nội dung trên và báo cáo kết quả với giáo viên hướng dẫn;
- GVHD nêu nhận xét tổng quát, cho điểm, xếp loại giờ thực tập dạy học thực hành của giáo sinh, trao đổi thống nhất ý kiến và báo cáo về ban chỉ đạo thực tập trường.

7.4. Đánh giá kết quả thực hiện

- Sự chuẩn bị;
- Quá trình thực hiện;
- Năng lực sư phạm;
- Những điểm mạnh và những điểm yếu kém cần khắc phục.

Bài 8: CÔNG TÁC GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

8.1 Mục tiêu

Sau bài này, giáo sinh có khả năng sau:

- Phân tích được thực tế những nội dung, yêu cầu của công tác chủ nhiệm lớp;
- Xác định được đặc điểm tâm lý của học sinh lớp chủ nhiệm, biết đề ra và thực hiện được kế hoạch chủ nhiệm theo đúng nguyên tắc, phương pháp giáo dục;
- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học và thực hiện công tác chủ nhiệm lớp.

8.2. Nội dung thực hiện

8.2.1. Dự giờ sinh hoạt

Người giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện chức năng giáo dục, giáo dưỡng và quản lý học sinh. Giáo viên chủ nhiệm lớp giữ vai trò chính trong việc giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức và có quan hệ gần gũi đối với học sinh. Họ trực tiếp tổ chức các hoạt động - giao tiếp sư phạm và quản lý toàn diện học sinh. Lớp học là đơn vị cơ sở để tập thể sư phạm mà tác động giáo dục - đào tạo sự phát triển của nó lại gắn chặt với sự trưởng thành của nhà trường. Sự thành công hay thất bại trong giáo dục của mỗi đơn vị lớp học cũng đều có những ảnh hưởng nhất định đến các mặt hoạt động của toàn trường. Giáo viên chủ nhiệm phải đảm nhận nhiệm vụ xây dựng lớp thành tập thể vững mạnh. Giáo viên chủ nhiệm là người thay mặt cho hiệu trưởng để tiến hành công tác quản lý và giáo dục toàn diện đối với học sinh lớp của mình khi được phân công. Giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện chức năng quản lý và giáo dục học sinh. Để tiến hành giáo dục, họ phải quản lý và khi thực hiện việc quản lý thì nó mới tạo ra được các điều kiện tâm lý - xã hội thuận lợi cho việc giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức đến học sinh. Để làm được việc đó, giáo viên chủ nhiệm phải nắm vững thông tin cần thiết về học sinh và tập thể lớp từ đó, xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, tiến hành tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra - đánh giá kết quả giáo dục. Người giáo viên chủ nhiệm phải biết cách quan tâm đến sự phát triển toàn diện của mọi học sinh, biết tiến hành những tác động điều tra để nắm vững những đặc điểm chung của lớp cũng như từng cá nhân, biết xây dựng mục tiêu, nội dung, hình thức giáo dục, biết thực hiện những tác động giáo dục cho đạt hiệu quả, có kỹ năng giáo dục cá biệt, biết đánh giá chính xác kết quả học tập rèn luyện của từng em để từ đó, xây dựng chiến lược hoạt động - quan hệ cho tập thể lớp một cách khoa học nhằm mục đích xây dựng lớp học thành đơn vị tiên tiến xuất sắc và phát triển nhân cách cho từng thành viên.

Để có được những điều kiện tâm lý - xã hội cần thiết cho việc tiến hành các tác động giáo dục, người giáo viên chủ nhiệm lớp phải hiểu biết thấu đáo về học sinh. Muốn vậy, họ phải tìm hiểu và nắm được những nét cá tính, tâm tư, nguyện vọng, năng lực nhận thức, sức khỏe, tư tưởng, chính trị, đạo đức, hoàn cảnh sống, phương thức ứng xử để thiết lập nên các mối quan hệ tốt với mọi người xung quanh. Từ đó, họ phải suy nghĩ để thấy rõ được những mặt mạnh cùng phẩm chất cơ bản của tập thể và từng học sinh. Trong tư duy của người giáo viên chủ nhiệm, phải có được một hình ảnh thật đầy đủ, chính xác về quá trình phát triển nhân cách cũng như xây dựng tập thể với những nhân tố mới và mầm mống tích cực. Những phương thức cơ bản mà người giáo viên chủ nhiệm có thể vận dụng và tìm hiểu để nắm vững tâm lý của học sinh được xác định theo nội dung của các vấn đề sau: 1) Nghiên cứu hồ sơ qua phân tích nội dung của học bạ, y bạ, sơ yếu lý lịch, bản tự đánh giá - nhận xét về mình, biên bản các cuộc họp có liên quan đến lớp, sổ ghi tên - ghi điểm, sản phẩm của hoạt động - quan hệ của học sinh; 2) Quan sát những biểu hiện của hoạt động - quan hệ của học sinh ở trong cũng như ngoài trường - lớp, tiến hành trao đổi với cá nhân - tập thể lớp cùng các giáo viên bộ môn - cán bộ phụ trách Đoàn, Hội học sinh - sinh viên để có những thông tin cần thiết về các em, thăm gia đình và trò chuyện với các bậc cha mẹ nếu có thể; 3) Tiến hành nghiên cứu thực nghiệm về tâm lý của học sinh trong dạy học. Dùng thực nghiệm sư phạm để nghiên cứu những biểu hiện tâm lý của học sinh cũng như thực hiện những tác động sư phạm để làm hình thành nên những phẩm chất nhân cách cần thiết và cải tạo những phẩm chất xấu theo mục tiêu của giáo dục.

Một trong những hoạt động của giáo viên chủ nhiệm là ngoài việc giảng dạy, tham gia nghiên cứu khoa học còn phải dự giờ của lớp mình chủ nhiệm để tiến hành thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ngoài giờ lên lớp. Nó được bao gồm nhiều nội dung và hình thức hoạt động phong phú như hoạt động xã hội, hoạt động văn hóa văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao, hoạt động khoa học, hoạt động lao động. Người giáo viên chủ nhiệm lớp thay mặt hiệu trưởng mà thực hiện chức năng quản lý và giáo dục học sinh. Giáo viên chủ nhiệm lớp phải xây dựng tập thể lớp, tiến hành giáo dục cá biệt, liên hệ với giáo viên bộ môn, các đoàn thể xã hội và gia đình để giáo dục học sinh. Giáo viên chủ nhiệm phải nắm vững thông tin quản lý, làm kế hoạch chủ nhiệm, tổ chức lớp, chỉ đạo thực hiện kế hoạch và kiểm tra. Để một buổi dự giờ sinh hoạt được tốt, người giáo viên chủ nhiệm cần tiến hành công việc theo quy trình bốn bước là

chuẩn bị, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá: 1) Ở bước một thì giáo viên chủ nhiệm tiến hành chuẩn bị toàn diện cho việc sinh hoạt lớp với các nội dung cụ thể. Xác định tên buổi sinh hoạt, dự kiến nội dung, xác định yêu cầu, dự kiến người thực hiện, thời gian tiến hành, địa điểm và phương tiện sinh hoạt; 2) Bước hai chỉ đạo cho tập thể học sinh tiến hành lập kế hoạch và chuẩn bị thực hiện nội dung của nó dưới sự cố vấn của giáo viên chủ nhiệm. Ở bước này, tập thể lớp tiến hành phân công những công việc cho tổ, nhóm, từng thành viên, xác định thời gian, địa điểm họp, xây dựng chương trình hành động chung; 3) Bước ba tiến hành thực hiện kế hoạch hoạt động. Khi thực hiện kế hoạch cần chú ý những điểm cụ thể như thực hiện theo đúng chương trình, dự đoán trước những diễn biến mới có thể nảy sinh những tình huống ngoài dự kiến và giáo viên cần theo dõi để kịp thời điều chỉnh; 4) Bước bốn là tiến hành rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả. Ở đây giáo viên chủ nhiệm cùng với cán bộ lớp tiến hành rút kinh nghiệm chỉ đạo để lần sau làm cho tốt hơn. Khi đánh giá cần chú ý nêu cả ưu, khuyết điểm và đảm bảo tính giáo dục.

8.2.2. Tìm hiểu học sinh

a) Nội dung tìm hiểu

Người giáo viên chủ nhiệm phải tiến hành tìm hiểu toàn diện, nhất là về hoàn cảnh sống, đặc điểm tính cách, hành vi đạo đức, đặc điểm nhận thức để tác động giáo dục cho phù hợp. Mỗi học sinh được sinh ra và lớn lên trong một hoàn cảnh gia đình khác nhau. Tìm hiểu học sinh là phải chú ý đến đặc điểm tuổi tác, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, phẩm chất, đạo đức của bố mẹ, gia đình đông con hay ít con, sự quan tâm giáo dục, phương pháp giáo dục con cái của bố mẹ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, điều kiện sinh hoạt văn hóa, tinh thần, tình cảm gia đình đầy đủ, ấm cúng hay thiếu thốn, tẻ nhạt, căng thẳng, quan hệ của gia đình tốt hay không tốt đối với hàng xóm láng giềng; tình hình an ninh, trật tự của địa phương, quan hệ bạn bè tốt hay xấu .v.v... Tất cả những yếu tố trên đều có khả năng ảnh hưởng nhất định đến nhân cách của con trẻ. Bởi vậy, việc tìm hiểu, nắm vững tình hình gia phong, gia cảnh, hoàn cảnh sống nói chung của từng học sinh là việc làm hết sức quan trọng. Nó giúp cho người GVCN biết được hết những nguyên nhân, yếu tố tích cực hoặc tiêu cực, những thuận lợi hay khó khăn đang tác động đến học sinh. Đồng thời, khi đã biết được phương pháp giáo dục của gia đình là tốt hay chưa tốt, giáo viên chủ nhiệm có

thể tham mưu, tư vấn và phối hợp với gia đình trong việc lựa chọn phương pháp tác động phù hợp.

Khi tìm hiểu nhân cách học sinh, GVCN lớp phải chú ý đến đặc điểm tính cách và hành vi đạo đức của nó. Phải căn cứ vào quan sát, phân tích hoạt động, giao tiếp để xác định xem em đó chăm học hay lười học, khiêm tốn hay ba hoa, trung thực hay giả dối, mạnh dạn hay nhút nhát, nhân hậu, vị tha hay ích kỷ với bạn bè và mọi người, có Tính tự lập hay ỷ lại, dựa dẫm vào người khác, biết tự trọng, có ý thức xây dựng, bảo vệ danh dự bản thân và tập thể hay là vô tổ chức - kỷ luật, biết kính trọng trên, nhường dưới, tôn trọng mọi người, tôn trọng pháp luật, tôn trọng bản thân hay lối sống buông thả, tùy tiện, vô văn hóa, đặc biệt phải quan tâm tới thái độ, cách ứng xử của học sinh đối với các thành viên trong gia đình, đối với thầy cô giáo và bạn bè đúng hay chưa đúng chuẩn mực xã hội, ở mỗi em có những năng khiếu sở thích gì trong “môn học nào, hoạt động nào” văn nghệ hay thể thao, có năng lực tổ chức, điều khiển hoạt động tập thể hay không , v.v.. Tóm lại, việc tìm hiểu, nắm vững những đặc điểm về hoàn cảnh sống nhất là gia cảnh, gia phong, những đặc điểm về thể chất, đạo đức, những năng khiếu, sở thích .v.v... của từng học sinh như đã nêu ở trên là hết sức quan trọng và cần thiết. Việc nắm vững những đặc điểm này, giúp cho giáo viên chủ nhiệm lớp biết cách lựa chọn những biện pháp tác động sư phạm cho phù hợp nhằm khơi dạy và phát huy được mặt mạnh sẵn có ở mỗi em đồng thời làm hình thành, phát triển những phẩm chất cần thiết. Thông qua tác động chủ nhiệm, phải xây dựng cho từng em có cuộc sống tâm hồn, tình cảm phong phú, trong sáng, cao cả và nhân hậu, có năng lực, sức khỏe dồi dào, thích ứng được với cuộc sống tự lập của bản thân, đáp ứng mọi yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cần lưu ý rằng, ở tuổi học sinh phổ thông trung học nói chung, đặc biệt là học sinh phổ thông trung học cơ sở nói riêng, cuộc sống nội tâm của các em có nhiều mặt dễ có những biến đổi do các quá trình tâm lý chưa ổn định và sự tác động của môi trường xã hội, của hoàn cảnh sống. Bởi vậy người GVCN phải thường xuyên biết cách quan tâm đến sự thay đổi của từng học sinh để giúp cho em đó có được sự định hướng đúng và tự điều chỉnh kịp thời bản thân. Nói cách khác, GVCN phải tìm hiểu, nắm vững đối tượng, giáo dục thường xuyên, liên tục, trong suốt khóa học. Tuy nhiên, nội dung cụ thể của việc tìm hiểu có khác nhau ở từng thời điểm cụ thể. Vào đầu năm học, GVCN lớp bắt đầu tiếp cận với học sinh. Công việc tìm hiểu ở giai đoạn đầu tiên này

phải giúp cho GVCN nắm được sơ bộ những nét cơ bản về tình hình của học sinh và cả lớp nói chung về mọi mặt. Trên cơ sở đó, có được cứ liệu để phân loại học sinh, dự kiến kế hoạch tổ chức, tiến hành những tác động giáo dục tập thể và từng cá nhân, từng nhóm học sinh. Ở những tháng tiếp theo của năm học, việc tìm hiểu học sinh được thực hiện là nhằm giúp cho GVCN kiểm tra lại độ chính xác của các thông tin thu được lúc ban đầu, kịp thời bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, tìm kiếm biện pháp tác động sư phạm cho phù hợp với từng học sinh và từng nhóm học sinh. Gần cuối học kỳ hoặc cuối năm học, GVCN tiếp tục tìm hiểu học sinh để nắm chắc được tình hình và kết quả giáo dục, kịp thời bổ sung, điều chỉnh biện pháp tác động làm cho kết quả giáo dục cao hơn.

Tìm hiểu đặc điểm nhận thức là xác định khả năng nhận thức, tư duy ở mỗi em xem nó thông minh, nhanh nhẹn hay bình thường hoặc chậm trong học tập, lao động vui chơi, giao tiếp. Ngoài ra, phải tìm hiểu tác phong hoạt bát hay chậm chạp, đặc điểm của hứng thú lao động, sở thích, nhu cầu giao tiếp và tình cảm của mỗi em như thích giao tiếp, cởi mở hay lầm lì, ưu tư v.v..., tính cẩn thận, chín chắn trong học tập, sinh hoạt hay cầu thả, bông bột, tính hiền dịu hay nóng nảy. Việc nắm vững những đặc điểm tâm lý của mỗi học sinh giúp cho người GVCN biết cách lựa chọn, sử dụng phương pháp giáo dục cá biệt cho có kết quả tốt hơn.

b) Phương pháp tìm hiểu

Để tìm hiểu tâm lý, nhân cách học sinh, người GVCN có thể tiến hành với nhiều biện pháp khác nhau trong một tổng thể của hoạt động nghiên cứu để xác định những thông tin khoa học.

- Tiến hành nghiên cứu lý lịch học sinh như tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, anh chị em, số lượng con trong gia đình, tình hình thu nhập của gia đình, tình trạng sức khỏe .V.v...

- Nghiên cứu hồ sơ của học sinh như xem học bạ, các biên bản họp nhóm, tổ, lớp, các bản tự kiểm, bản nhận xét, các sản phẩm do chính học sinh làm ra...

- Trao đổi trực tiếp với học sinh để nắm bắt tâm tư nguyện vọng, xu hướng, sở thích, thái độ trong quan hệ ở tập thể lớp để xét tâm tính của nó là thờ ơ hay hăng hái, nhanh nhẹn, tháo vát hay chậm chạp.

- Trao đổi với GVCN, các giáo viên bộ môn của năm học trước về tình hình chung của lớp cũng như tình hình học tập và rèn luyện của học sinh.

- Trao đổi với người phụ trách các tổ chức đoàn thể, các lực lượng giáo dục khác nếu cần như Ban giám hiệu, Ban chấp hành đoàn, chi hội cha mẹ học sinh, hội học sinh - sinh viên ...

- Thông qua việc tham gia hoạt động cùng học sinh để tìm hiểu rõ hơn về tinh thần tập thể, ý thức hợp tác trong công việc chung, với những cá nhân học sinh mà GVCN có ý định từ trước.

- Trao đổi với phụ huynh học sinh, quần chúng và lãnh đạo địa phương để có thêm những thông tin về đối tượng mà mình định nghiên cứu.

Như vậy, tìm hiểu tâm lý học sinh là một việc làm liên tục, thường xuyên, vừa có tính cấp bách trong những khoảng thời gian nhất định lại vừa có tính giai đoạn. Do vậy, GVCN cần phải có kế hoạch thực hiện việc tìm hiểu tâm lý học sinh. Kế hoạch đó thể hiện ở việc xác định mục tiêu, nội dung, biện pháp, thời gian tiến hành tìm hiểu học sinh. Có như vậy, việc tìm hiểu tâm lý học sinh mới liên tục, đảm bảo cho người GVCN thu được những thông tin quan trọng, phong phú, cụ thể, có độ tin cậy về thực trạng và diễn biến tâm lý, hoàn cảnh của học sinh lớp mình. Cho nên, có thể nói rằng việc tìm hiểu học sinh được coi là một quá trình diễn ra liên tục suốt năm học. Tuy nhiên, không phải thời điểm nào của năm học cũng tiến hành những biện pháp tìm hiểu học sinh như đã nêu ở trên. Điều quan trọng là phải biết phân chia ra được từng thời kỳ thích ứng với biện pháp nào để thu được những thông tin về học sinh đủ nhất, nhanh nhất, rõ ràng nhất, giúp cho GVCN nhanh chóng đề ra được những tác động sư phạm có hiệu quả.

8.2.3. Đề ra kế hoạch chủ nhiệm và duyệt kế hoạch chủ nhiệm

a) Kế hoạch chủ nhiệm

Kế hoạch công tác chủ nhiệm được coi là chương trình hoạt động của giáo viên chủ nhiệm đối với việc chỉ đạo hoạt động của lớp chủ nhiệm nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục học sinh đối với một lớp. Hiệu quả giáo dục học sinh của lớp phụ thuộc phần lớn vào tính khoa học của kế hoạch giáo dục học sinh của GVCN. Kế hoạch chủ nhiệm lớp nêu rõ cơ cấu tổ chức lớp, các mục tiêu phần đầu và các hoạt động trong đợt thực tập sư phạm. Để có kế hoạch chủ nhiệm sát với thực tế, giáo viên cần tìm hiểu rõ về mục tiêu và nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục chung của trường. Về cơ cấu tổ chức của lớp, giáo viên phải ghi danh sách đội ngũ tự quản như cán bộ lớp, chi đoàn, hội học sinh, danh sách các tổ học sinh, các nhóm chuyên môn:

Như đội kịch, đội bóng, đội toán - lý - hóa - kỹ thuật .v.v... Nêu rõ các mục tiêu phấn đấu nhằm đạt các chỉ tiêu nào và bằng những biện pháp cụ thể. Về học tập nêu chỉ tiêu cần đạt, kế hoạch bồi dưỡng học sinh khá - giỏi, phụ đạo học sinh kém, về nội dung công tác văn thể, lao động, xây dựng tập thể lớp, các hoạt động giáo dục. Các hoạt động trong đợt TTSP thì giáo sinh cần xác định nội dung các tác động giáo dục ý thức cho học sinh và tập thể học sinh, tham gia các hoạt động Đoàn, Đội, tham gia các phong trào văn nghệ, thể thao theo kế hoạch như trên.

b) Duyệt kế hoạch chủ nhiệm

Sau khi kế hoạch chủ nhiệm đã được xây dựng, giáo sinh phải trình bày nội dung của nó với GVHD và GVCN đương nhiệm để được duyệt về nội dung các công việc, duyệt thời gian thực hiện, cùng các điều kiện đảm bảo.

8.2.4. Thực hiện kế hoạch chủ nhiệm

a) Mỗi giáo sinh tham gia một nội dung công tác chủ nhiệm khi trực tiếp chỉ đạo một tổ với nội dung toàn diện.

Khi nhận nhiệm vụ cụ thể, giáo sinh tiến hành phân loại đối tượng giáo dục để bước đầu có thể đề xuất (dự kiến) những tác động sư phạm cần thiết với tập thể lớp. Qua thực tế công tác của GVCN thì giáo sinh có thể phân học sinh của lớp thành ba nhóm như nhóm một bao gồm những học sinh tích cực, ủng hộ các giải pháp của nhà giáo dục, nhóm hai bao gồm những học sinh không có biểu hiện gì xấu nhưng không thể hiện rõ tính tích cực của mình trong tập thể lớp và nhóm ba nêu những học sinh có nhiều biểu hiện yếu kém về học tập, tư cách đạo đức cần phải được quan tâm nhiều nhất bằng các tác động giáo dục đặc biệt.

b) Tham gia chỉ đạo hoạt động của tập thể học sinh

Việc tham gia chỉ đạo hoạt động của học sinh phải tuân thủ những yêu cầu của việc xây dựng tập thể học sinh tự quản. Giáo sinh phải quan tâm tới việc xây dựng được một tập thể học sinh tự quản mà nòng cốt của nó là đội ngũ cán bộ lớp, cán bộ đoàn, hội học sinh có khả năng tự điều hành các hoạt động của tập thể mình. Trong khi giải quyết nhiệm vụ chủ nhiệm, giáo sinh phải tạo ra được bầu không khí tâm lý tích cực cho sự tự rèn luyện, mạnh dạn, ý thức làm chủ ở mỗi học sinh. Phải hình thành ở học sinh những kỹ năng tổ chức cơ bản và năng lực quản lý, xây dựng tập thể. Về cách thức tiến hành công tác chủ nhiệm, giáo sinh lưu ý chọn cán bộ và hình thành năng lực quản lý cho đội ngũ đó. Việc lựa chọn một đội ngũ cán bộ lớp đủ uy tín và có năng lực

điều khiển tập thể lớp là vấn đề rất quan trọng. GVCN tự lựa chọn một đội ngũ cán bộ lớp trên cơ sở của việc tìm hiểu học sinh. Tổ chức cho tập thể lớp tự lựa chọn, bầu ra đội ngũ cán bộ lớp thông qua hình thức bỏ phiếu kín. Tốt nhất, GVCN cần định hướng cho tập thể tiến hành lựa chọn, biến ý định của mình thành quyết định dân chủ của tập thể học sinh bằng việc xác định những tiêu chuẩn lựa chọn, mục tiêu, nội dung hoạt động của lớp để chọn được người xứng đáng mà gánh vác công việc của tập thể. Khi lựa chọn những học sinh có đủ tiêu chuẩn vào đội ngũ cán bộ lớp, GVCN có thể dùng phiếu thăm dò ý kiến học sinh rồi sau đó quyết định chính thức. Nếu để tập thể học sinh tự lựa chọn thì phải tổ chức cho các em bỏ phiếu tín nhiệm những bạn xứng đáng nhất vào cán sự lớp. Việc bỏ phiếu phải được diễn ra công khai, đúng nguyên tắc, bảo đảm tính dân chủ, không áp đặt học sinh.

Sau khi lựa chọn, tổ chức huấn luyện đội ngũ cán bộ lớp. Việc huấn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lớp được diễn ra ngay sau khi tập thể lớp đã lựa chọn. Trình tự các bước huấn luyện được diễn ra từ việc tập hợp đội ngũ cán bộ lớp, tổ đề huấn luyện nhằm bồi dưỡng hiểu biết cho các em về ý nghĩa và tác dụng của việc xây dựng tập thể lớp vững mạnh, về vai trò và nhiệm vụ của cán bộ lớp trong việc xây dựng tập thể lớp, về mối quan hệ công tác giữa các cán bộ lớp với nhau. Giáo sinh tiến hành giao nhiệm vụ cụ thể cho từng loại cán bộ lớp, cán bộ chức năng. Yêu cầu các em hãy ghi nhiệm vụ của mình vào sổ công tác để ghi nhớ và thực hiện theo. Giáo sinh tổ chức cho các em thảo luận, bàn bạc tìm biện pháp thực hiện bản kế hoạch công tác của lớp, định hướng vào công việc của từng loại cán bộ lớp nếu cần, có thể tổ chức huấn luyện riêng cho từng loại cán bộ lớp theo một chương trình huấn luyện do GVCN biên soạn. Chương trình huấn luyện này phải giúp học sinh biết cách xác định rõ mục đích, nội dung, phương pháp tiến hành và những điều kiện cần thiết để thực hiện, sau đó, giáo sinh tiến hành tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho toàn lớp về những nội dung xây dựng tập thể lớp tự quản. Việc làm này có thể được tiến hành trong suốt năm học, song người GVCN nên tập trung vào một vài thời điểm cần thiết như vào đầu năm học, cuối học kỳ I, sang đầu học kỳ II, giữa học kỳ. Giáo sinh phải quan tâm đến việc tổ chức các hoạt động thực tế để học sinh được rèn luyện các kỹ năng tự quản. Đây là bước quan trọng mà trong đó mọi thành viên của lớp đều được tham gia vào việc xây dựng tập thể lớp tự quản. Các hoạt động tự quản được tổ chức theo phương châm “thầy lui dần về hậu trường” để “trò tự quản lý và điều khiển” lấy mọi hoạt động của mình. Ban

đầu, GVCN có thể tham gia trực tiếp vào việc xây dựng kế hoạch hoạt động, hướng dẫn học sinh chuẩn bị hoạt động, điều khiển, các em tham gia hoạt động và đánh giá kết quả cuối cùng. Sau đó, họ giao dần quyền lãnh đạo cho đội ngũ cán bộ lớp đứng ra tự tổ chức và điều khiển các hoạt động của lớp. Họ luôn đứng bên cạnh để giúp đỡ học sinh với tư cách là người cố vấn, điều chỉnh đúng hướng cho các em tiến hành các thao tác chỉ đạo - lãnh đạo hoạt động của lớp

8.3. Báo cáo kết quả thực hiện

- Giáo sinh báo cáo kết quả trước nhóm
- Nhóm trao đổi, tranh luận về kết quả
- Nộp báo cáo kết quả cho GVHD và trưởng đoàn thực tập.

8.4. Đánh giá kết quả thực hiện

Giáo sinh phải biết cách tổ chức cho học sinh tự đánh giá về kết quả hoạt động của tập thể lớp. Qua đánh giá, các em rút ra được bài học kinh nghiệm để cho những hoạt động tiếp theo có thể đạt hiệu quả cao hơn. Mỗi lần như vậy sẽ là một dịp để tập thể học sinh trưởng thành. Căn cứ vào kết quả, giáo viên chủ nhiệm nhận xét, đánh giá giáo sinh theo mẫu về ý thức thái độ, nội dung công việc đã thực hiện, chất lượng và hiệu quả, những điểm mạnh cũng như điểm yếu cần khắc phục. Trưởng đoàn TTSP tập hợp phiếu đánh giá, phân tích, xử lý, viết báo cáo và nộp văn bản về ban chỉ đạo TTSP trường.

Bài 9: THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

9.1. Mục tiêu

Sau bài này giáo sinh có khả năng:

- Hiểu biết về vai trò, cách thức tổ chức các hoạt động toàn diện của trường thực tập;
- Tổ chức được các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền, giáo dục phòng chống HIV, hoạt động thể dục, thể thao.

9.2. Nội dung thực hiện

9.2.1. Xây dựng kế hoạch tham gia các hoạt động toàn diện

a) Mục tiêu các hoạt động

Khác với giáo viên bộ môn, GVCN phải tổ chức, quản lý, giáo dục học sinh trong tiết sinh hoạt lớp hàng tuần, chỉ đạo các buổi lao động hàng tháng, tham gia hoạt động chung của toàn trường như chào cờ đầu tuần, kỷ niệm các ngày lễ hàng tháng. Nói

đúng hơn, GVCN phải là người cố vấn, giúp đội ngũ cán bộ tự quản của lớp tổ chức, điều khiển, quản lý các hoạt động này nhằm giáo dục đạo đức, nhân cách học sinh. Cần nhớ rằng chỉ có thông qua các hoạt động mới rèn luyện, làm hình thành và phát triển được các kỹ năng tổ chức, điều khiển, quản lý, kỹ năng giao tiếp, tính năng động, sáng tạo cho đội ngũ cán bộ và các thành viên, mới thiết lập ra các mối quan hệ lành mạnh trong tập thể, mới tạo ra ở các em tình cảm bạn bè, tình thầy trò, lòng nhân ái, tình yêu thiên nhiên, ý thức dân tộc đúng đắn, ý thức công dân sâu sắc. Việc GVCN chăm lo xây dựng bầu không khí tâm lý đoàn kết nhất trí của tập thể lớp chủ nhiệm là có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc giáo dục đạo đức học sinh. Đó là tiền đề tâm lý - xã hội thuận lợi để thực hiện các nội dung giáo dục khác, góp phần quyết định vào việc nâng cao kết quả học tập văn hóa, giáo dục lao động và hướng nghiệp, giáo dục thẩm mỹ, vui chơi giải trí và phòng chống các tệ nạn xã hội trong tập thể lớp.

b) Nội dung và phương pháp tổ chức các hoạt động

Yêu cầu giáo sinh thường xuyên trao đổi thông tin với giáo viên chủ nhiệm, nhiệt tình, sẵn sàng cộng tác với giáo viên chủ nhiệm tham gia các hoạt động như bảo vệ môi trường, lao động dọn vệ sinh, văn hóa, thể thao, phòng chống HIV/ AIDS cũng như các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, nghiện hút, v.v... Điều quan trọng khi tham gia là giáo sinh phải là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo, phải tận tụy trong lao động và công tác, nhân ái, vị tha và văn minh trong quan hệ ứng xử, có tác dụng truyền cảm mạnh mẽ, tích cực trong việc hình thành nhân cách của học sinh. Khi tham gia hoạt động, giáo sinh cần phải nắm rõ đối tượng học sinh, điều kiện khi thực hiện, thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia và cách thức tổ chức khoa học.

a) Các bước tổ chức hoạt động

Các bước tổ chức bao gồm lập kế hoạch, thực hiện và rút kinh nghiệm. Muốn thực hiện tốt được hoạt động thì cần phải có kế hoạch cụ thể rõ ràng. Khi lập kế hoạch thì giáo sinh cần phải phân tích các yếu tố như mục đích, cơ sở vật chất để tổ chức được các hoạt động, dự kiến, lường trước những khó khăn, thời gian bắt đầu, kết thúc. Khi lập kế hoạch phải đảm bảo yêu cầu thực tiễn, toàn diện, linh động và biết học hỏi kinh nghiệm. Dựa vào kế hoạch đã vạch ra, giáo sinh tiến hành tổ chức thực hiện theo đúng dự kiến tuy nhiên cũng có thể có những tình huống mới phát sinh ra cần phải xử lý ngay và điều chỉnh kịp thời. Sau khi tiến hành thực hiện, giáo sinh cần rút kinh nghiệm

về các mặt tinh thần thái độ, kết quả hoạt động, cách thức tiến hành, thời gian tổ chức hoạt động, địa điểm để nêu ra bài học kinh nghiệm quản lý.

9.2.2. Thực hiện việc tham gia các hoạt động của nhà trường

a) Hoạt động văn hoá, văn nghệ

Tham gia các hoạt động vui chơi giải trí, văn nghệ là yêu cầu tất yếu của tuổi trẻ. Bởi vậy, bên cạnh các hoạt động học tập, lao động của lớp, GVCN cần quan tâm đến việc làm cổ vũ cho cán bộ lớp tổ chức cho cả lớp vui chơi như các trò chơi, văn nghệ, thăm quan - du lịch, cắm trại, xem triển lãm, xem phim tập thể, thi thanh lịch, thi hiểu biết về văn hoá - xã hội, lễ hội truyền thống văn hoá của trường, của địa phương, các hoạt động giao lưu văn hoá giữa các trường, giữa các địa phương trong nước. Các hoạt động này khi được tổ chức giúp các em có sự sáng khoái về tinh thần, mở mang thêm trí tuệ, phát triển thể chất, tăng cường sức khoẻ, hình thành các phẩm chất nhân cách cơ bản như lòng yêu nước, yêu quê hương, tình cảm thầy trò, tinh thần tập thể, hợp tác cộng đồng quốc tế, tình nhân ái, thái độ đúng đắn với lao động; ý thức tôn trọng pháp luật... đồng thời, nó cũng có tác dụng hình thành các phẩm chất của ý thức cá nhân như tính trung thực, kỷ luật, khiêm tốn, tự trọng, kiên trì, dũng cảm, lễ phép, lịch sự, tế nhị, biết tự kiểm chế. Nó tạo thành những điều kiện thuận lợi để học sinh giao tiếp, hình thành ý thức, năng lực hoà nhập vào cộng đồng xã hội sau này.

b) Hoạt động tuyên truyền, giáo dục phòng chống HIV/AIDS, phòng chống ma tuý và các tệ nạn xã hội

GVCN cần quan tâm tổ chức các hoạt động y tế học đường, giúp học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, bảo vệ sức khoẻ, phòng chống bệnh tật nhất là các bệnh cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh đường hô hấp, hiểm hoạ AIDS, tệ nạn nghiện hút ma tuý, mại dâm; tích cực bảo vệ môi trường và giữ gìn sự cân bằng sinh thái.

c) Hoạt động thể dục, thể thao

Thể dục, thể thao được coi là quá trình tổ chức các hoạt động văn hoá thể chất của học sinh hướng vào việc hoàn thiện cơ thể con người về mặt hình thái học có chức năng cung cấp những hiểu biết và hình thành các kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản, quan trọng trong đời sống của từng chủ thể. Hoạt động thể dục thể thao được tổ chức là nhằm phát triển thể chất và rèn luyện sức khoẻ, phát triển các phẩm chất vận động, hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo vận động, vì vậy giáo sinh cần biết cách gây cho học sinh

hứng thú và nhu cầu luyện tập thể dục thể thao một cách thường xuyên, có hệ thống trong thời gian tham gia công tác chủ nhiệm lớp.

d) Tìm hiểu thành tích hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và công nghệ của từng trường

- Tìm hiểu việc nghiên cứu khoa học công nghệ của giáo viên, học sinh

Khoa học được coi là hệ thống những tri thức về mọi loại quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy, về những biện pháp tác động đến thế giới xung quanh, đến sự nhận thức và làm biến đổi thế giới đó phục vụ cho lợi ích của con người. Khoa học bao giờ cũng có những đặc trưng nhất định như: 1) Có đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu là bản thân sự vật, hiện tượng được đặt trong phạm vi quan tâm của bộ môn khoa học; 2) Có một hệ thống lý thuyết. Lý thuyết là hệ thống tri thức khoa học bao gồm những khái niệm, phạm trù, quy luật, định luật, định lý, quy tắc... Hệ thống lý thuyết của một bộ môn khoa học thường gồm hai bộ phận là phần riêng có đặc trưng cho bộ môn khoa học đó và bộ phận kế thừa từ các khoa học khác; 3) Có một hệ thống phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Phương pháp luận của một khoa học bao gồm hai bộ phận là phương pháp luận riêng và phương pháp luận thâm nhập từ các bộ môn khoa học khác nhau vào nó; 4) Có mục đích ứng dụng và phục vụ một mặt nhất định của thực tiễn. Do khoảng cách giữa khoa học và đời sống ngày càng rút ngắn mà người ta dành nhiều mối quan tâm tới mục đích ứng dụng. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, người nghiên cứu chưa biết trước được mục đích ứng dụng. Chẳng hạn như khi nghiên cứu chưa biết trước được mục đích ứng dụng. Vì vậy, không nên vận dụng một cách máy móc tiêu chí này.

Công nghệ có một ý nghĩa tổng hợp và bao hàm một trong những hiện tượng mang đặc trưng xã hội về các lĩnh vực kỹ thuật ứng dụng tri thức, tổ chức, phân công lao động, quản lý .v.v... Vì vậy, khi nói đến công nghệ là nói đến phạm trù xã hội, một phạm trù phi vật chất. Theo quan điểm của ESCAP trong dự án mang tên Technology Atlas Project cho rằng, công nghệ gồm bốn phần như kỹ thuật - techno ware, thông tin - info ware, con người - human ware, tổ chức - orgaware. Các nhà xã hội học xem xét công nghệ như một thiết chế xã hội quy định sự phân công lao động xã hội, cơ cấu công nghệ và công nghiệp. Có thể đưa ra so sánh về mặt ý nghĩa giữa khoa học và công nghệ. Công nghệ được xác nhận qua thử nghiệm đã kiểm chứng là không còn rủi ro về mặt

kỹ thuật thực hiện nghĩa là nó đã qua giai đoạn nghiên cứu để bước vào giai đoạn vận hành ổn định, đủ điều kiện khả thi về mặt kỹ thuật để chuyển giao cho người sử dụng.

Bảng 1: So sánh các đặc điểm của khoa học và công nghệ

TT	Khoa học	Công nghệ
1	Lao động linh hoạt và tính sáng tạo cao	Lao động bị định khuôn theo quy định
2	Hoạt động khoa học luôn đổi mới, không lặp lại	Hoạt động công nghệ được lặp lại theo chu kỳ
3	Nghiên cứu khoa học mang tính xác suất	Điều hành công nghệ mang tính xác định
4	Có thể mang mục đích tự thân.	Có thể không mang tính tự thân
5	Phát minh khoa học tồn tại mãi mãi với thời gian.	Sáng chế công nghệ tồn tại nhất thời và bị tiêu vong theo lịch sử tiến bộ kỹ thuật
6	Sản phẩm khó được định hình trước	Sản phẩm được định hình theo thiết kế
7	Sản phẩm mang đặc trưng thông tin	Đặc trưng của sản phẩm tùy thuộc vào đầu vào

Cũng cần nhấn mạnh thêm rằng khoa học luôn hướng tới việc tìm tòi, phát minh ra tri thức mới còn công nghệ hướng tới tìm tòi ra quy trình kỹ thuật tối ưu.

Từ sự phân biệt khái niệm trên, chúng ta có thể liệt kê xem có bao nhiêu đề tài khoa học, công nghệ của giáo viên và học sinh, mức độ ứng dụng của các đề tài đó mang lại hiệu quả giáo dục đào tạo, tổ chức quản lý, kinh tế, .v.v... của nhà trường như thế nào?

- Tìm hiểu việc nghiên cứu khoa học giáo dục của giáo viên, học sinh

Khoa học giáo dục phân ra bốn loại gồm các đề tài điều tra, phát hiện tình hình, loại đề tài thực nghiệm, đề tài giải quyết nguyên nhân, rút ra kết luận mới, cơ chế mới, loại đề tài cả lý thuyết và thực nghiệm, đề tài tổng hợp và tổng kết kinh nghiệm tiên tiến, đề tài cải tiến kinh nghiệm hay lý luận cũ và sáng tạo ra cái mới trong lĩnh vực giáo dục ví dụ như xác định nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo... Các đề tài nghiên cứu khoa học khác nhau kể cả những đề tài của luận văn, luận án đều tạo ra giá trị mới về tri thức và công nghệ.

Từ sự phân biệt trên, chúng ta liệt kê xem có bao nhiêu đề tài thuộc bốn loại trên qua đó, xác định rõ mức độ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn và hiệu quả của các đề tài đó.

- Thực hiện việc nhận xét, đánh giá công tác nghiên cứu khoa học

Khi nhận xét, đánh giá công tác nghiên cứu khoa học, giáo sinh phải tìm hiểu tính chất của đề tài như tính thực tiễn của đề tài có phù hợp với thực tế và đem lại hiệu quả cao không, tính tiên tiến như cập nhật, mới mẻ, phù hợp với xu thế của sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, tính xác định về mức độ, giới hạn và phạm vi đề tài. Sau đó phải xác định loại hình nghiên cứu là nghiên cứu cơ bản, được chia thành nghiên cứu cơ bản thuần túy, nghiên cứu cơ bản định hướng, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai, nghiên cứu thăm dò. Khi xác định mục tiêu nghiên cứu, giáo sinh phải tìm hiểu mục tiêu nhận thức là để phát triển ngày càng sâu, rộng nhận thức của con người về thế giới, phát hiện các quy luật của thế giới, phát triển kho tàng tri thức nhân loại. Mục tiêu sáng tạo là nhằm tạo ra công nghệ mới trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội, nâng cao trình độ văn minh, tăng năng suất trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Mục đích kinh tế là nghiên cứu khoa học phải dẫn tới hiệu quả kinh tế, góp phần làm tăng trưởng kinh tế - xã hội. Mục tiêu văn hóa và văn minh là mở mang dân trí, nâng cao trình độ văn hóa, từng bước hoàn thiện con người, đưa xã hội ngày một phát triển.

e) Hoạt động của đoàn TNCS Hồ Chí Minh

- Tổ chức cho giáo sinh tìm hiểu nội dung của kế hoạch hoạt động của Đoàn trường cũng như của liên chi và chi đoàn.

- Tổ chức cho giáo sinh tham gia các hoạt động của Đoàn như phong trào TNTN, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động công ích xã hội, văn hoá - văn nghệ - thể dục thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội, du lịch, lễ hội, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, ... ở cơ sở thực tập sư phạm.

- Tổ chức cho giáo sinh tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động của chi đoàn học sinh của lớp chủ nhiệm trên cơ sở đã có ý kiến chỉ đạo của bí thư Đoàn trường và GVCN lớp. Thực hiện những tác động làm cố vấn cho ban chấp hành chi đoàn trong việc xây dựng nội dung sinh hoạt cũng như hình thành kỹ năng tổ chức, điều hành hoạt động của chi đoàn và trực tiếp tham gia sinh hoạt với chi đoàn lớp chủ nhiệm. Tích lũy

những thông tin về hoạt động chỉ đạo công tác đoàn để viết báo cáo chỉ đạo công tác đoàn theo mẫu.

9.3. Báo cáo kết quả thực hiện

- Giáo sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tham gia các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường theo mẫu trước nhóm TTSP.

- Tổ chức cho nhóm TTSP trao đổi để nhận xét và đánh giá về kết quả thực hiện của từng cá nhân và xin ý kiến của giáo viên hướng dẫn.

- Nộp báo cáo cho trưởng đoàn TTSP.

9.4. Đánh giá kết quả thực hiện

- Đánh giá thái độ, ý thức tham gia của GVCN.

- Đánh giá kết quả các công việc thực hiện được.

- Đánh giá chất lượng và hiệu quả công tác giáo viên chủ nhiệm.

- Nêu rõ những điểm mạnh và điểm cần khắc phục khi tham gia công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp.

Mục tiêu của rút kinh nghiệm và viết báo cáo tổng kết về việc tham gia các hoạt động giáo dục là phân tích đầy đủ và toàn diện về hoạt động dạy học, giáo dục của giáo viên dạy nghề, hoàn thiện được báo cáo theo mẫu. Nội dung của báo cáo tổng kết là nêu nhận thức, đánh giá mình và đề xuất. Theo nội dung của những vấn đề sau:

9.4.1. Nhận thức về nghề nghiệp có thể ghi vắn tắt nhận thức của mình về các ý sau:

- Vị trí, vai trò của dạy nghề;

- Chức trách, nhiệm vụ của người GVĐN;

- Lý tưởng nghề nghiệp;

- Nhận thức chung về hoạt động dạy nghề, về đào tạo nghề tại cơ sở TTSP.

9.4.2. Đánh giá về công tác giảng dạy có thể tự đánh giá khái quát về mình theo các mục sau:

- Sự chuẩn bị;

- Quá trình thực hiện;

- Năng lực sư phạm;

- Những điểm mạnh và những yếu kém cần khắc phục.

9.4.3. Đánh giá về công tác chủ nhiệm có thể tự đánh giá khái quát về mình theo các tiêu chí cụ thể sau:

- Ý thức thái độ;
- Nội dung công việc đã thực hiện;
- Chất lượng và hiệu quả;
- Những điểm mạnh và điểm cần khắc phục.

9.4.4. Phương hướng học tập và rèn luyện nhân cách sư phạm của bản thân, giáo sinh nêu khái quát một số tính chất định hướng vào các vấn đề như:

- Rèn luyện về năng lực dạy học lý thuyết và thực hành nghề;
- Rèn luyện năng lực làm công tác chủ nhiệm;
- Rèn luyện năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện;
- Phần đầu rèn luyện về phẩm chất, tư tưởng, chính trị, đạo đức, lý tưởng nghề nghiệp, lương tâm nghề nghiệp.

9.4.5. Những kiến nghị, đề xuất thì giáo sinh được tự do nêu ra những ý tưởng khái quát, chi tiết của mình về đánh giá, kiến nghị, đề ra giải pháp thực hiện

- Về chương trình TTSP;
- Về thời gian TTSP;
- Về địa điểm TTSP;
- Về cơ sở vật chất dùng cho TTSP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Chính (1991), *Thực tập sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Trần Khánh Đức (2002), *Sư phạm kỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Quang Huỳnh (2004), *Một số vấn đề lý luận giáo dục chuyên nghiệp và đổi mới phương pháp dạy – học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Trần Bá Hoàn (2006), *Vấn đề giáo viên - những nghiên cứu lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. *Luật Giáo dục* (2005), NXB Chính trị Quốc gia.
7. *Luật Dạy nghề* (2007), NXB Lao động – Xã hội.
8. Nguyễn Thế Mạnh, Nguyễn Văn Hùng, Hà Mạnh Hợp, Phạm Ngọc Uyển (2005), *Giáo dục học nghề nghiệp*, TCDN, Hà Nội.
9. Lưu Xuân Mới (2000), *Lý luận dạy học đại học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
10. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
11. Phan Văn Nhân (2009), *Giáo dục nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
12. Phạm Trung Thanh, Nguyễn Thị Lý (2005), *Rèn luyện NVSP thường xuyên*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
13. Phạm Trung Thanh (2004), *Thực tập sư phạm (Năm thứ II)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
14. Phạm Trung Thanh (2003), *Rèn luyện NVSP thường xuyên*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
15. *Từ điển giáo dục học* (2001), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
16. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.